

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

TỪ XUÂN - HÈ NĂM 1972 ĐẾN “ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG”

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**TỪ XUÂN - HÈ
NĂM 1972 ĐẾN
“ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRÊN KHÔNG”**

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN



L U U T R U U V N

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

**TỪ XUÂN - HÈ
NĂM 1972 ĐẾN
“ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRÊN KHÔNG”**

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN
(Sách tham khảo)

L U U T R U V N

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2012

Chỉ đạo công bố:

TS. VŨ THỊ MINH HƯƠNG

Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

Chỉ đạo biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI

Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Ban biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI (chủ biên)

TS. PHẠM THỊ HUỆ

HÀ KIM PHƯƠNG

ThS. NGUYỄN THỊ VUI

LÊ VỊ

Cố vấn khoa học:

PGS. TS. HÀ MINH HỒNG

ĐẠI TÁ, PGS. TS. HỒ SƠN ĐÀI

Bản quyền thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn, để cứu vãn tình thế, Mỹ đã quyết định thay đổi chiến lược tiến hành Chiến lược chiến tranh cục bộ, gấp rút đưa quân viễn chinh vào chiến trường miền Nam Việt Nam, sử dụng không quân và hải quân điên cuồng đánh phá miền Bắc. Tuy nhiên, sau cuộc tấn công Mậu Thân năm 1968, Chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ bị phá sản; Mỹ buộc phải thực hiện Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với nhiều mưu mô, thủ đoạn mới. Đến năm 1972, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản đã bước vào giai đoạn quyết định. Ở miền Nam Việt Nam, bằng cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972, quân và dân ta đã giành thắng lợi lớn, tạo khí thế và tiếng vang lớn trong nước và trên thế giới, đã cơ bản giải phóng tỉnh Quảng Trị... đẩy Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ đến bờ vực sụp đổ hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, Tổng thống Mỹ R. Níchxơn huy động lực lượng lớn không quân và hải quân Mỹ ở khu vực Đông Nam Á tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc với quy mô lớn hơn, tính chất ác liệt, tàn bạo hơn nhiều so với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và tăng cường yểm trợ cho quân nguy Sài Gòn (thực chất Mỹ hóa trở lại chiến tranh).

Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của quân và dân ta có ý nghĩa hết sức to lớn, đã làm chuyển biến thế và lực trên chiến trường miền Nam Việt Nam; đánh dấu sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, mặt khác đã tạo ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giáng một đòn mạnh mẽ vào nguy quân (công cụ chủ yếu của Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh) và quốc sách bình định (xương sống của Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh). Thắng lợi vang dội trên Chiến dịch tấn công Chiến lược Xuân - Hè năm 1972 tại miền Nam và chiến thắng vẻ vang của quân và dân miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng trong trận Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không cuối năm 1972 đã buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari vào đầu năm 1973 tạo ra thế và lực mới của cách mạng, góp phần làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975.

Để giúp bạn đọc có thêm một nguồn thông tin trong việc nghiên cứu, tìm hiểu về ý nghĩa to lớn của cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Trung tâm Lưu trữ quốc gia II - Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước xuất bản cuốn sách *Từ Xuân - Hè năm 1972 đến "Điện Biên Phủ trên không" qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn* (sách tham khảo).

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời Nhà xuất bản	5
- Lời giới thiệu	9
- Lời nói đầu	13
Bảng chữ viết tắt	16
<i>Phần một</i>	
CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH	17
1. Kế hoạch và mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn	17
2. Chương trình bình định nông thôn miền Nam Việt Nam	52
3. Mở rộng và leo thang chiến tranh ra toàn Đông Dương	81
<i>Phần hai</i>	
CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM VIỆT NAM XUÂN - HÈ NĂM 1972	123
1. Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam	123
1.1. Mặt trận Trị - Thiên	150
1.2. Mặt trận Bắc Tây Nguyên	181
1.3. Mặt trận miền Đông Nam bộ	194

2. Phản ứng của chính quyền Sài Gòn	209
3. Chiến cuộc Xuân - Hè năm 1972 với chính trường Hoa Kỳ	260

Phần ba

TẠI SAO 12 NGÀY ĐÊM	308
1. Sách lược chuẩn bị “ngừng bắn” của Hoa Kỳ	308
2. Chiến dịch Linebacker II	385

LỜI GIỚI THIỆU

Thực ra cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đến sau cuộc tấn công Mậu Thân năm 1968 đã ngã ngũ rồi; thắng - bại của chiến tranh đã phân định, chỉ còn kết thúc như thế nào cho có lợi mà thôi. Vì thực tế đó, Mỹ cần đến một chiến lược chiến tranh - chiến lược Việt Nam hóa, để chuyển cuộc chiến của thực binh Mỹ sang cho quân đội và chính quyền Sài Gòn. Cũng chính vì thực tế đó, Hội đàm Pari phải trải qua nhiều giai đoạn đấu tranh, phối hợp đàm với đánh, chiến trường với bàn hội nghị, để danh dự một nước lớn khi ra khỏi chiến tranh không bị tổn hại quá nhiều. Nhưng tình trạng ấy cũng không thể kéo dài mãi được; khi quyền lợi của nước Mỹ gắn liền với từng nhiệm kỳ Tổng thống, thì năm 1972 trở thành năm quyết định cho cả một quá trình nỗ lực cần phải đi đến sự kết thúc, bất kể hậu quả như thế nào.

Bắt đầu từ cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam khiến Mỹ buộc phải "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh. Tiếp đó là những đòn tiến công trên bàn đàm phán khiến cả nước Mỹ phải chọn vấn đề kết thúc chiến tranh Việt Nam làm đề tài số 1 trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Kết thúc khi phái hiếu chiến thắng cử trong

cuộc bầu chọn khiến đế quốc Mỹ lần đầu tiên sử dụng “Thân tượng không lực” để mưu tính một đòn cân não với đối phương, nhưng họ lại phải chịu một trận “phản đòn” không thể chịu đựng nổi.

Với ba diễn biến quan trọng ấy của năm 1972, các nhà nghiên cứu lịch sử quân sự dễ thống nhất coi đây là năm bản lề của chiến tranh Việt Nam. Mỹ và chính quyền Sài Gòn lúc đó hy vọng cho đến năm 1972 biện pháp bình định nông thôn sẽ là chìa khóa thắng lợi của Việt Nam hóa chiến tranh, năm 1972 là năm then chốt của toàn cuộc chiến. Nhưng thực tế, cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều bất ngờ với quy mô và hệ quả của những diễn biến trong năm then chốt của họ.

Cuốn sách *Từ Xuân - Hè năm 1972 đến "Điện Biên Phủ trên không" qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn* (Sách tham khảo), đã lần đầu tiên công bố những tài liệu của các phong lưu trữ về chính quyền Sài Gòn thời kỳ chiến tranh 1954-1975. Sách có ba phần chính: Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh; Chiến trường miền Nam Việt Nam Xuân - Hè năm 1972; Tại sao 12 ngày đêm. Qua ba phần của cuốn sách này, sẽ thấy hiện lên một thực tế là: Mỹ không thể dùng chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh để thay màu da trên xác chết; không thể dùng sức mạnh quân sự tàn bạo để rút lui trong danh dự được; chính Mỹ là bên không thể chịu đựng nổi tổn thất, phải dùng cuộc đối đầu và ký Hiệp định Pari, chứ không phải quân dân Việt Nam may mắn “chỉ có” 12 ngày đêm; chính quyền và quân đội Sài Gòn không thể đeo bám mãi chính sách thực dân mới của Mỹ, không thể chống lại nhân dân và quân đội cách mạng đang thực hiện cuộc kháng chiến cứu nước tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Không thể đưa ra hết hàng trăm mét tài liệu của chính quyền Sài Gòn hiện đang lưu giữ trong Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn những tài liệu tiêu biểu và rõ ràng nhất liên quan đến những sự kiện lịch sử giai đoạn quan trọng này là một việc làm cần thiết và rất có ý nghĩa, góp phần sáng tỏ thêm sự thật: Tham vọng về sức mạnh quân sự của Mỹ thời Tổng thống Níchxon, cùng với bản chất phản dân hại nước của chính quyền Sài Gòn do Nguyễn Văn Thiệu cầm đầu, là những nguyên nhân chính của việc kéo dài chiến tranh.

Trong số những tài liệu của chính quyền Sài Gòn, có cả những tài liệu thu được trong chiến tranh từ đối phương (tài liệu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam). Chính quyền Sài Gòn đã sử dụng những tài liệu ấy để lên tiếng và chống đối; vì thế, khi công bố trong cuốn sách này, càng thấy rõ thực tế khách quan cuộc đấu tranh giữa một bên chính quyền tay sai phản động, hiếu chiến, với một bên chính quyền cách mạng kháng chiến chính nghĩa.

Lại thấy trong dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không (1972-2012) có nhiều sách, ấn phẩm, tài liệu phong phú về thắng lợi có một không hai trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, cũng là thắng lợi hiếm có trong lịch sử chiến tranh của thế giới hiện đại. Nhưng vẫn thấy cuốn sách này là tập tài liệu có hệ thống về những gì ngày ấy bên kia chiến tuyến đã diễn ra. Các tác giả đã làm một công việc thiết

thực để chào mừng một sự kiện lịch sử, nhưng quan trọng hơn là với khoảng cách 40 năm đã giúp cho những thế hệ “Lớp cha trước, lớp con sau; đã thành đồng chí chung câu quân hành” xưa và nay, càng nhìn sáng rõ hơn, toàn diện hơn cái hào hùng của lịch sử dân tộc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách quý cùng bạn đọc !

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2012

PGS.TS. Hà Minh Hồng

L U U T R U V N

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1972 - năm bản lề của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (hay cuộc chiến tranh Việt Nam theo cách gọi của các học giả phương Tây), thời điểm cả hai bên trong cuộc chiến tung ra quyết tâm chiến lược làm thay đổi căn bản cục diện chiến tranh.

Về phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn coi năm 1972 là năm then chốt, quyết định sự thành bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, nên đã huy động sức mạnh quân sự vào mục tiêu tiêu diệt lực lượng cách mạng, củng cố chương trình bình định nông thôn để đi đến kết thúc chiến tranh trên thế mạnh.

Đối với cách mạng, xác định năm 1972 là thời cơ chín muồi để thực hiện cuộc tiến công chiến lược đánh bại quân đội Sài Gòn, tạo thế cho cách mạng miền Nam ở nông thôn, bẻ gãy hai chân kiềng của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Với quyết tâm chiến lược, quân và dân Việt Nam đã làm nên cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972, đập tan ý chí xâm lược và buộc Hoa Kỳ phải đi vào đàm phán nghiêm chỉnh, đưa đến sự ra đời bản dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhưng vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm chiếm miền Nam Việt Nam, 12 ngày đêm cuối năm 1972, Hoa Kỳ tập trung nỗ lực cao nhất của bộ máy chiến tranh vào "trận chiến cuối cùng" của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam, để rồi thất bại cay đắng.

Điều đó đã chứng minh, sức mạnh hùng hậu của bộ máy chiến tranh Hoa Kỳ đã không thể khuất phục được ý chí kiên cường và sự thông minh sáng tạo của một dân tộc nhỏ bé đang chiến đấu với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Bốn mươi năm đã qua, hàng nghìn công trình, bài viết cùng nhiều cuộc hội thảo trong nước và quốc tế về những diễn tiến lịch sử của năm 1972 trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã diễn ra. Tưởng như, mọi khía cạnh của vấn đề đã được lý giải cặn kẽ. Nhưng ở đâu đó, vẫn diễn ra các cuộc tranh luận, vẫn còn những giả thuyết cho rằng: Quân dân Việt Nam giành thắng lợi về quân sự trong năm 1972 là do Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ, do không lực Hoa Kỳ đã không hỗ trợ đầy đủ cho quân đội của chính quyền Sài Gòn; hay quân dân Việt Nam sẽ không thể làm nên một "Điện Biên Phủ trên không" nếu Hoa Kỳ tiếp tục duy trì cuộc ném bom hủy diệt miền Bắc thêm vài ngày nữa(?);...

Vì vậy, nhân kỷ niệm 40 năm "Điện Biên Phủ trên không", 40 năm ngày ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam (27-01-1973 – 27-01-2013), với mong muốn cung cấp nguồn sử liệu - một hướng tiếp cận khác, được sự chỉ đạo của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II biên soạn cuốn *Từ Xuân - Hè năm 1972 đến "Điện Biên Phủ trên không" qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn (sách tham khảo)*, giới thiệu đến độc giả hàng ngàn trang tài liệu của các cơ quan trung ương chính quyền Sài Gòn và các cơ quan của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam trước năm 1972 về những diễn tiến chính trị, quân sự của năm 1972 trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Về bố cục, cuốn sách gồm 3 phần:

Phần một - Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, giới thiệu đến bạn đọc các trang tài liệu về mục tiêu, kế hoạch và các hoạt

động nhằm thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ở hai nội dung chính là bình định nông thôn và tăng cường, mở rộng chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

Phần hai - Chiến trường miền Nam Việt Nam Xuân - Hè năm 1972, với nội dung các tài liệu liên quan đến cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam; sách lược và hoạt động đối phó của chính quyền Sài Gòn và tác động của cục diện chiến trường miền Nam Việt Nam Xuân - Hè năm 1972 đến chính trường Hoa Kỳ.

Phần ba - *Tại sao 12 ngày đêm*, giới thiệu các tài liệu về âm mưu, sách lược của Hoa Kỳ trước khi ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam. Nhất là hành động ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam của Hoa Kỳ trong 12 ngày cuối cùng năm 1972.

Mặc dù cố gắng sắp xếp các sự kiện phù hợp và phản ánh trung thực, khách quan diễn trình lịch sử đã diễn ra, nhưng được biên soạn chủ yếu từ tài liệu lưu trữ được hình thành trong quá trình hoạt động của chính quyền Sài Gòn - chỉ là một phía trong cuộc chiến tranh, nên cuốn sách không thể phục dựng lại toàn cảnh diễn tiến lịch sử của năm 1972 trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, Ban Biên soạn rất mong nhận được sự bổ khuyết về mặt tư liệu, tài liệu, cũng như ý kiến đóng góp của bạn đọc, các nhân chứng lịch sử và nhà khoa học cho những thiếu sót không thể tránh khỏi của cuốn sách, để lần tái bản sau được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Trong quá trình biên soạn, Ban Biên soạn luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước; các nhà khoa học, nhân chứng lịch sử và đồng nghiệp. Nhân đây xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất tới quý vị.

Ban biên soạn

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BB:	Bộ binh
BCH:	Bộ chỉ huy
BĐQ:	Biệt động quân (một sắc lính của quân đội chính quyền Sài Gòn)
CK:	Chi khu của chính quyền Sài Gòn
CS:	Cộng sản (chỉ lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo)
ĐPQ:	Địa phương quân (một sắc lính của chính quyền Sài Gòn)
NQ:	Nghĩa quân (một sắc lính của chính quyền Sài Gòn)
QLVNCH:	Cái gọi là “quân lực Việt Nam cộng hòa” - quân đội của chính quyền Sài Gòn
SĐ:	Sư đoàn
TK:	Tiểu khu
TRĐ:	Trung đoàn
VC:	“Việt cộng” chỉ lực lượng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam
VNCH:	Cái gọi là “Việt Nam cộng hòa” - chính quyền Sài Gòn

Phần một

CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH

1. Kế hoạch và mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn

Ngày 06-11-1968, chỉ với lời hứa chấm dứt chiến tranh Việt Nam sau 6 tháng, Risorót Níchxon (R. Nixon)* đắc cử Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ. Ngày 20-01-1969, Níchxon chính thức bước vào Nhà Trắng, đảm nhiệm chức vụ Tổng thống với thực trạng

* **Risorót Níchxon (Richard Milhous Nixon: 1913-1994)** là Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ: Ông đắc cử tổng thống nhiệm kỳ đầu vào năm 1968 và nhiệm kỳ hai năm 1972 nhưng phải từ chức chỉ sau 17 tháng cầm quyền (09-8-1974) vì liên quan tới vụ năm nhân viên thuộc Ủy ban tái cử Tổng thống có hành vi đột nhập Trụ sở quốc gia Đảng Dân chủ, tại khách sạn "Oatơ ghết" (Watergate) ở Oasinhton; Vụ "Oatoghết" được coi là bê bối (scandal) chính trị tồi tệ nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, và lần đầu tiên và duy nhất buộc một vị Tổng thống Mỹ đương nhiệm từ chức. Trong Chiến tranh Việt Nam, Níchxon là người đưa ra Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và ra lệnh tiến hành cuộc ném bom tàn bạo bằng máy bay chiến lược B.52 Mỹ vào Hà Nội trong chiến dịch ném bom 12 ngày đêm cuối năm 1972 nhưng thất bại, buộc phải ký Hiệp định Pari (BT).

Hoa Kỳ bị chia rẽ sâu sắc bởi cuộc chiến tranh Việt Nam. Đặc biệt, sau 6 tháng cầm quyền - thời hạn Níchxon thực hiện lời hứa chấm dứt chiến tranh Việt Nam với cử tri Hoa Kỳ đã hết, nhưng chưa có chỉ dấu nào báo hiệu sự trở về của đạo quân viễn chinh Hoa Kỳ. Dư luận Hoa Kỳ thẳng thắn chỉ trích sự "bội ước" của Níchxon. Theo cuộc điều tra của Viện Gallup cho thấy mức độ ủng hộ của nhân dân Hoa Kỳ đối với việc tham chiến của quân viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam vào tháng 02-1969 là 39%, đến tháng 10-1969 còn 32% (giảm gần 46% so với tháng 3-1966)¹.

Trước thực trạng đó, Níchxon đề ra "Học thuyết Níchxon" và chiến lược quân sự toàn cầu "rắn đe thực tế" thay cho chiến lược "phản ứng linh hoạt" thời kỳ Giônxon (Johnson)*.

Đối với Việt Nam, tâm điểm gây ra sự chia rẽ của Hoa Kỳ, trong những tháng đầu cầm quyền, Níchxon bắt đầu thực hiện

1. W. Lurch - P. Sperlich (1979), *The Western Political Quarterly*.

* **Lindon Giônxon (Lyndon Baines Johnson: 1908-1973)**, thường được gọi tắt là "**LBJ**", là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 36, giữ chức từ năm 1963 đến 1969. Sau khi làm nghị sỹ lâu năm tại Quốc hội Hoa Kỳ, ông **Giônxon** được bầu làm Phó Tổng thống Mỹ thứ 37; năm 1963 ông nhận chức tổng thống sau khi Tổng thống Hoa Kỳ thứ 35 là Giôn Kennơđi (John F. Kennedy) bị ám sát. Ông là một nhà lãnh đạo quan trọng của Đảng Dân chủ. Trong chiến tranh Việt Nam, Giônxon là người phát động Chiến lược chiến tranh cục bộ, đưa hàng chục vạn quân viễn chinh Mỹ và chur hầu vào tham chiến tại miền Nam Việt Nam, dựng sự kiện vịnh Bắc bộ năm 1964 làm cơ để thực hiện chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ ra miền Bắc Việt Nam từ 1964 đến 1968 hòng cứu vãn chế độ tay sai ở miền Nam Việt Nam (BT).

các bước thực nghiệm cho chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam. Theo đó, thay vì các cuộc hành quân “tìm - diệt”, nhân lực, vật lực của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn được đổ vào chương trình bình định nông thôn*, tiêu diệt cơ sở hạ tầng của Quân Giải phóng.

Kết quả bước đầu cho phép Níchxon triển khai chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam. Ngày 08-6-1969, Tổng thống Mỹ Níchxon triệu tập Nguyễn Văn Thiệu đến đảo Mítuây (Midway), tổng kết các chương trình đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm 1969 và đề ra kế hoạch cho các bước kế tiếp. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 1969, chính quyền Sài Gòn tập trung thực hiện cuộc chiến tranh giành dân bằng các biện pháp: bình định nông thôn, cải tổ bộ máy trung ương, tăng cường bộ máy kiểm soát ở cấp cơ sở và thực hiện chính sách “cải cách điền địa”. Trong giai đoạn kế tiếp, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn thống nhất tiếp tục thực hiện chương trình bình định, đồng thời vạch ra chương trình hiện đại hóa quân đội chính quyền Sài Gòn và rút quân viễn chinh Hoa Kỳ về nước. Nội dung cơ bản

* *Chương trình bình định nông thôn ở miền Nam Việt Nam*: Chương trình do Mỹ và chính quyền Sài Gòn đề ra và tiến hành ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 do tướng Mỹ Ô. Đanien (O. Daniel), Trưởng Phái đoàn “Đào tạo huấn luyện Mỹ” ở miền Nam Việt Nam đề ra. Mục tiêu của Chương trình này là: 1) Tiêu diệt lực lượng cách mạng ở cơ sở; 2) Dùng các chương trình lợi ích công cộng để tranh thủ, lôi kéo nhân dân về phía Mỹ - nguy chống lại cách mạng; 3) Ổn định và giữ vững vị trí của Mỹ thông qua việc củng cố vị trí của chính quyền Sài Gòn. Trên cơ sở này, trong từng thời kỳ Mỹ - nguy đã đưa ra từng kế hoạch cụ thể để tiến hành chống phá cách mạng (BT).

của cuộc gặp được công bố qua bản Thông cáo chung Hoa Kỳ - chính quyền Sài Gòn gồm các điểm:

"1. Tổng thống VNCH* Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Hoa Kỳ Richard M. Nixon đã hội kiến tại đảo Midway ngày 08-6-1969 thể theo lời mời của Tổng thống Richard M. Nixon.

2. Mục đích chính của cuộc hội kiến này là để hai vị Tổng thống này có dịp cùng duyệt xét những vấn đề liên quan tới quyền lợi chung của hai quốc gia. Những vấn đề này bao gồm những tiến triển tại Việt Nam về kinh tế, chính trị và quân sự, cũng như cuộc hòa đàm Ba Lê và tình hình tổng quát tại Đông Nam Á. Cuộc thảo luận trong ngày tuy phần lớn là cuộc thảo luận giữa hai vị Tổng thống, nhưng hai nhà lãnh đạo vẫn được sự trợ giúp và góp ý kiến của những viên chức cao cấp của hai chính phủ, nhưng Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Richard M. Nixon đã có dịp này để siết chặt lại tình thân hữu đã có từ năm 1965.

3. Hai vị Tổng thống cứu xét một cách kỹ lưỡng tình hình quân sự ở Việt Nam do các vị Tư lệnh quân sự Việt - Mỹ thuyết trình. Hai vị đồng quan điểm rằng sự thất bại của địch trong việc đặt mục tiêu của họ phải làm cho họ thấy rõ rằng không thể nào chiến thắng bằng quân sự được. Hai vị hy vọng phe bên kia sẽ nhận thấy được rằng những nỗ lực của họ là vô ích và nguy hiểm....

* Trong cuốn sách này "Việt Nam cộng hòa" (VNCH) là chính quyền Sài Gòn - Chế độ tay sai của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam (BT).

4. ...Hai vị đã xác nhận lại sự quyết tâm bác bỏ những âm mưu buộc VNCH nhận bất cứ một thể chế nào hay một chương trình nào hay một hình thức chính phủ nào, như chính phủ liên hiệp chẳng hạn....

5. Hai vị Tổng thống đồng ý rằng bầu cử tự do phải có bảo đảm và được bảo vệ. Trong bản thỏa hiệp về chính trị có thể ghi những điều khoản trừ liệu một sự giám sát quốc tế.

6. Hai vị Tổng thống đã duyệt xét với sự chú tâm đặc biệt những biện pháp đang được áp dụng để hiện đại hoá và phát triển quân lực VNCH. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã nhắc lại nguyên tắc thay thế quân đội Hoa Kỳ bằng quân đội Việt Nam mà Tổng thống đã đề ra trong Thông điệp trước quốc dân ngày 31-12-1968 và Tổng thống hoan hỷ báo cho Tổng thống Richard M. Nixon biết rằng quân lực VNCH nay đã sẵn sàng đảm nhận lấy trách nhiệm lớn hơn trong cuộc chiến đấu chung.

7. Tổng thống Richard M. Nixon đã hoan nghinh tiến triển này. Ông và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu sau đó đã loan báo một chương trình thay thế quân đội Hoa Kỳ bằng quân đội VNCH. Cả hai vị Tổng thống đã đồng ý rằng chương trình thay thế cần phải được thực hiện tùy theo tình hình an ninh mỗi lúc.

8. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu giải thích những kế hoạch của ông nhằm tăng cường các lực lượng an ninh lãnh thổ và yêu cầu được trợ giúp thêm trong chương trình này. Tổng thống Richard M. Nixon hứa sẽ lưu tâm vấn đề này với nhiều thiện ý.

9. Sau đó hai vị Tổng thống đã thảo luận đến cuộc hội đàm đang diễn tiến tại Ba Lê. Hai vị đã duyệt xét kỹ lưỡng lập trường mà hai vị đã đưa ra gần đây... Hai vị Tổng thống tin chắc rằng những đề nghị mà hai ông đưa ra căn bản hợp lý để tiến đến hòa bình. Đối với đề nghị 10 điểm do phía bên kia đưa ra ngày 08 tháng 5 tại Ba Lê, hai vị Tổng thống nhận định rằng tuy có một vài điều khoản không thể chấp nhận được, nhưng cũng có một vài điểm không quá xa với lập trường của chính phủ Việt Nam (chính quyền Sài Gòn -TG) và Hoa Kỳ.

10. Hai vị Tổng thống bày tỏ ý định tìm kiếm một giải pháp công chính cho chiến cuộc, trong tinh thần kiên nhẫn và thiện chí. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu xác nhận lại lần nữa rằng chính phủ VNCH sẵn sàng nói chuyện trực tiếp với Mặt trận Giải phóng miền Nam (Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - TG) để tiến tới một giải pháp hòa bình.

11. Hai vị Tổng thống đã duyệt xét và xác định lại lập trường đã được các quốc gia đồng minh đồng thanh quyết định tại Hội nghị các Tổng trưởng của 7 quốc gia nhóm họp gần đây tại Vọng Các (Băng Cốc - Thái Lan - TG). Hai vị đã đặc biệt nhắc lại lập trường của đồng minh liên quan tới việc rút quân song phương của các lực lượng không thuộc miền Nam Việt Nam. Hai vị đồng ý rằng việc rút quân có thể khởi sự cùng một lúc và diễn tiến một cách nhanh chóng trên căn bản một thời khoá biểu được hai bên đồng chấp thuận. Hai vị đồng ý rằng lực lượng từ bên ngoài đưa vào sẽ không những phải rút lui khỏi miền Nam Việt Nam mà còn phải rút lui khỏi

Ai Lao (Lào - TG) và Cam Bốt (Campuchia - TG) nữa, và việc đưa thêm các lực lượng vào những quốc gia này phải bị cấm hẳn. Hai vị đồng ý rằng yếu tố căn bản cho bất cứ một thỏa hiệp nào về vấn đề rút lui các lực lượng không thuộc miền Nam Việt Nam đều phải có sự bảo đảm thích đáng và sự cam kết theo đúng những điều khoản của thỏa hiệp.

12. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cho Tổng thống Richard M. Nixon biết rằng chính phủ VNCH chủ trương công bằng xã hội và chính trị cho nhân dân miền Nam. Chính sách hòa giải dân tộc đã được đề xướng trên nguyên tắc đó. Đề nghị của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thương thuyết trực tiếp và không điều kiện tiên quyết với “Mặt trận Giải phóng miền Nam” cũng dựa trên nguyên tắc ấy. Nếu phe bên kia quả thật lưu tâm đến việc mưu tìm hòa bình, nguyên tắc này có thể tạo tại miền Nam Việt Nam một khung cảnh thuận lợi trong đó mọi người dân miền Nam có thể tham gia vào đời sống của một quốc gia tự do, vững mạnh và thịnh vượng.

13. Hai vị Tổng thống đã thảo luận những tiến bộ thu hoạch được trong sự phát triển kinh tế, chính trị tại Việt Nam (chỉ vùng đất tại miền Nam Việt Nam do quân đội Hoa Kỳ - chính quyền Sài Gòn tạm thời kiểm soát - BT), dù trong hoàn cảnh chiến cuộc hiện tại, như việc thành lập Tối cao Pháp viện và Viện Hiến pháp do Hiến pháp trừu tượng, việc tổ chức rộng rãi các cuộc bầu cử tại xã, ấp và việc nới rộng an ninh tại nông thôn. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã vạch ra những kế hoạch của chính phủ Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) về việc tổ chức thêm các cuộc bầu cử tại xã, ấp và

ông đã đặc biệt nhấn mạnh về việc xúc tiến mạnh mẽ chương trình cải cách điền địa. Chương trình này nhằm cấp ruộng đất cho người cày. Tổng thống Richard M. Nixon hoan nghênh những tiến bộ này và chú ý đặc biệt tới những quan niệm mới về việc cấp phát ruộng đất do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đề ra, và ông hứa Hoa Kỳ sẵn sàng cộng tác với VNCH để thực hiện chương trình này.

14. Sau hết, hai vị Tổng thống duyệt xét lại những kế hoạch hiện đang được chính phủ VNCH dự trù để phát triển Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) thời hậu chiến. Hai vị bày tỏ sự hài lòng về các kế hoạch đang tiến triển khả quan mặc dù chiến cuộc vẫn tiếp diễn. Với rất nhiều tài nguyên thiên nhiên và nhân lực sẵn có, VNCH có nhiều triển vọng rất tốt đẹp để chuyển qua một nền kinh tế thời bình, để thêm công ăn việc làm, tăng gia sản xuất về nông nghiệp và kỹ nghệ cũng như tăng gia xuất cảng. Tổng thống Richard M. Nixon cam kết Hoa Kỳ sẽ viện trợ cho công cuộc này. Một nền kinh tế tự túc có thể thực hiện được trong vòng 10 năm hòa bình. Hai vị Tổng thống hy vọng rằng, sau khi chiến cuộc chấm dứt, Đông Nam Á sẽ bước vào một kỷ nguyên hòa bình, khuyếch trương kinh tế và phát triển quốc gia.

15. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nhờ Tổng thống Richard M. Nixon chuyển tới nhân dân Hoa Kỳ lòng biết ơn sâu xa... về những hy sinh mà nhân dân Hoa Kỳ đã chịu đựng và sự trợ giúp mà nhân dân Hoa Kỳ đã dành cho VNCH trong cuộc chiến... Tổng thống Richard M. Nixon cam kết với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu rằng nhân dân Hoa Kỳ cương quyết trợ giúp đồng minh Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) thực hiện những mục tiêu căn bản của hai quốc gia. Tổng

thông Richard M. Nixon ghi nhận sự tin tưởng mà (chính quyền Sài Gòn - TG) đặt nơi nhân dân Hoa Kỳ và hứa rằng sẽ không phụ lòng tin đó...”²

Ngày 09-6-1969, trở về từ Mítuây (Midway), với giọng điệu “đắc thắng” và hiếu chiến, Nguyễn Văn Thiệu có bài phát biểu dài trước báo giới về những nội dung cụ thể của cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Hoa Kỳ - Sài Gòn. Ông ta nói:

“Cùng tất cả anh chị em báo chí trong và ngoài nước, trước khi tôi xuống gặp anh chị em báo chí, tôi đã có tường trình về kết quả và nội dung của cuộc hội kiến giữa tôi và Tổng thống Hoa Kỳ tại Midway trong ngày hôm nay với hai vị Chủ tịch Luống viện Quốc hội với sự hiện diện của vị Chủ tịch Tối cao Pháp viện, Chủ tịch Giám sát viện và đầy đủ nhân viên chánh phủ.

Cuộc họp báo này gồm hai phần, trước hết, tôi chắc rằng các vị đại diện báo chí trong và ngoài nước đã được nghe tuyên đọc bản Thông cáo chung bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cho nên tiếp sau đây tôi sẽ dành nhiều thì giờ, thứ nhất là để tóm lược và giải thích những điểm quan trọng và ý nghĩa của những quyết định đó, thứ nhì sẽ dành cho báo chí Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - BT) 6 câu hỏi, và báo chí nước ngoài 6 câu hỏi.

Công việc thứ nhất mà tôi với Tổng thống Níchxon đã làm trong ngày nay là duyệt xét và nhận định tình hình chung ở

2. Bản tuyên bố của Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Hoa Kỳ tại đảo Mítuây ngày 08-6-1969. Hồ sơ 601, Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hoà.

Việt Nam, tại hội đàm Ba Lê (Pari - BT) và tình hình có liên hệ đến hai quốc gia Việt (chính quyền Sài Gòn - BT) - Mỹ và có liên hệ đến an ninh và hòa bình của vùng Đông Nam Á.

Về tình hình Việt Nam, chúng tôi đồng ghi nhận những sự tiến triển về quân sự, về bình định xây dựng, về kinh tế, về chánh trị. Chúng tôi thảo luận đến những cố gắng trong những ngày sắp tới chánh phủ VNCH phải làm trong 4 lãnh vực mà tôi đã nói trước đây: Tăng cường và tối tân hoá quân lực VNCH, phát triển bình định xây dựng bằng một chương trình mạnh mẽ kể từ đầu tháng 7 trở đi để đạt được mục tiêu là kiểm soát được 100% dân chúng vào cuối năm 1969. Kiện toàn hệ thống hành chánh xã ấp và thực thi chính sách mới cách mạng về cải cách điền địa.

Về hòa đàm Ba Lê, tôi và Tổng thống Nixon đều nhận định rằng lập trường 6 quan điểm của VNCH và kế hoạch 8 điểm của Tổng thống Nixon đã tạo nên một căn bản hợp lý để có thể đi đến một giải pháp vãn hồi hòa bình cho Việt Nam... Chúng tôi cũng nhận định rằng trong 10 điểm do phía bên kia đưa ra có một vài điểm không thể chấp nhận được, tôi lấy ví dụ như một chánh phủ liên hiệp, tôi lấy ví dụ như một thể chế trung lập, là những điểm không chấp nhận được. Tuy nhiên, cũng có một vài điểm không quá xa với lập trường của chánh phủ VNCH và Hoa Kỳ...

Công việc thứ nhì mà tôi và Tổng thống Nixon ngày nay đã làm là cùng nhau lấy một quyết định do sự đề nghị của tôi là thay thế 25.000 quân Mỹ kể từ tháng 7 cho đến cuối tháng 8. Tôi đề nghị như vậy là vì tôi nhận định rằng quân

lực VNCH đã trưởng thành và có đủ khả năng nhận lãnh thêm trách nhiệm. Tôi đề nghị như vậy là bởi vì tình hình quân sự cũng như tình hình bình định xây dựng đã tiến triển đến một cái mức độ mà một số quân Mỹ có thể được thay thế. Tôi đề nghị như vậy là bởi vì tôi muốn giữ lời cam kết của chính phủ VNCH mà tôi đã nói trước đây một năm là lúc nào có thể được thì quân lực VNCH sẽ dần thay thế quân đội Mỹ để đỡ bớt cái gánh nặng và sự hy sinh của nhân dân Mỹ tại miền Nam này. Quyết định của tôi, tôi tin tưởng rằng nhân dân Hoa Kỳ rất hài lòng. Quyết định của tôi còn được xem là một sự hãnh diện của chính phủ và của quân đội VNCH đã tỏ ra mình có đủ khả năng, đã tỏ ra mình tiến triển, đã tỏ ra mình có đầy đủ thiện chí để làm những việc mình hứa. Tôi xin nhấn mạnh quý vị đừng có dùng lộn hai cái danh từ: một bên là quân đội VNCH thay thế dần dần quân đội Mỹ vì tình hình cho phép, vì sự phát triển của quân đội Việt Nam (quân đội của chính quyền Sài Gòn - TG) cho phép. Còn một mặt khác là một cái danh từ chủ bại, một cái danh từ xuyên tạc, một cái tinh thần làm mất tinh thần nhân dân Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG), làm mất tinh thần quân đội và gây lũng đoạn trong hàng ngũ quốc gia, đó là cái danh từ quân đội Mỹ rút lui.

Và sẵn dịp này, tôi xin lỗi báo chí, thà mất lòng trước hơn được lòng sau, tôi đã nhiều lần kêu gọi sự cộng tác của báo chí vào cái sự xây đắp tinh thần vào công cuộc chiến đấu và trong cái lĩnh vực này, trên cái phương diện mà thay thế và rút lui đó. Nếu như quý vị không có thiện chí đóng góp vào cái việc làm đáng để

cao của quân đội (quân đội của chính quyền Sài Gòn - BT) mà lại xử dụng những cái danh từ đó di hại đến công cuộc chiến đấu và quân đội thì lúc đó buộc lòng chúng tôi và chính phủ phải có biện pháp có thể làm mất lòng quý vị rất nhiều.

Cũng về cái vấn đề dân dân thay thế quân đội Mỹ, tôi với Tổng thống Nixon đồng ý rằng: sau khi thay thế 25.000 quân vào cái đợt đầu này, sẽ có thể còn thay thế dân thêm nữa nếu 3 cái điều kiện sau đây sau khi cứu xét đã được thuận lợi:

Thứ nhất là sự tiến triển trong công cuộc phát triển và tối tân hoá QLVNCH;

Thứ nhì là sự tiến triển của hội đàm Ba Lê...;

Thứ ba là mức độ hoạt động về quân sự của CS (chỉ các lực lượng giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam - BT) tại miền Nam này.

Trên cái căn bản của 3 cái điều đó, khi chúng tôi thấy thuận tiện thì tôi với Tổng thống Nixon sẽ cùng nhau hội ý và lấy thêm một cái quyết định mới để có thể quân đội Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) thay thế một đợt mới nữa quân đội Mỹ.

Cũng đáp lại cái hành động của tôi, Tổng thống Nixon đã có tuyên bố là ông muốn nhấn mạnh về hai nguyên tắc căn bản: thứ nhất người Mỹ sẽ không làm một hành động nào mà di hại đến sự an toàn của quân lực Huê Kỳ (Hoa Kỳ - TG) và quân lực của đồng minh chúng ta; thứ hai là người Mỹ sẽ không làm một hành động nào có thể nguy hại đến mục tiêu mà chúng ta phải đạt được ở miền Nam này...

Công việc thứ ba mà tôi với Tổng thống Nixon làm trong ngày nay là xác nhận lập trường chung Việt (chính quyền Sài Gòn - BT) - Mỹ... Tôi và Tổng thống Nixon không khi nào chấp nhận một cái chánh phủ liên hiệp do CS chủ trương hay là bất cứ một hình thức chánh phủ nào hay là một đường lối chính trị nào do CS chủ trương mà nếu muốn cho chúng tôi phải chấp nhận...

Sẵn đây, tôi cũng nhờ báo chí giúp chánh phủ một lần, đăng lên cái titre (tiêu đề) thiệt lớn, kể từ giờ phút này ai nói lên cái chữ chánh phủ liên hiệp, ai tung ra cái tin sẽ có chánh phủ liên hiệp dù người đó ở trong địa vị nào, hành pháp, lập pháp, chánh trị gia bất cứ trong giới nào, chúng tôi sẽ kết án người đó tiếp tay cho giặc, chúng tôi sẽ trừng trị người đó nhân danh của Hiến pháp VNCH...

Tôi cũng muốn thêm rằng, sau khi tôi đi công du Đài Loan và Đại Hàn về thì những cái tin đồn một chánh phủ liên hiệp mà nói rõ hơn là tôi đi Midway để nhận bị chấp nhận một chánh phủ liên hiệp đã được tung ra trong cái thành phố này, đã làm một số người dân nhẹ dạ thiếu ý thức đâm ra hoang mang bán nhà, bán cửa, đâm ra vàng lên giá chẳng hạn. Nhưng mấy hôm rày tôi nín thinh, tôi để cho cái kết quả cuộc hội nghị Midway này về tôi xác nhận long trọng trước quốc dân rồi. Lúc đó tôi sẽ có biện pháp, mà cái biện pháp tôi sẽ lấy không phải đối với những cái ông, những cái người dân ở trong một cái trình độ trí thức kém, nói xin lỗi cái người dân, chỉ nghe đồn đại mua một hai lượng vàng tích trữ cho vợ con, hay là cái người nhẹ dạ bán một cái nhà năm bảy trăm ngàn.

Mà có lẽ cái biện pháp mà tôi trị, tôi dành cho những người gọi là có trí thức, gọi là có căn bản chánh trị, gọi là làm chánh trị, gọi là có một cái địa vị, nhờ cái hiến pháp này bảo vệ, nhờ cái chế độ này bảo vệ...

Hôm nay, tôi cũng xin loan báo trước quốc dân đồng bào rằng, sẽ không có chánh phủ liên hiệp, sẽ không có nội các hòa bình, sẽ không có chánh phủ lâm thời cũng không có cái gọi là chánh phủ hòa giải...

Với cá nhân của Tổng thống (chính quyền Sài Gòn - BT) Nguyễn Văn Thiệu có thể ngày mai thay đổi nếu như dân muốn, nhưng mà cái sự mất còn của VNCH này cũng phải do một người Tổng thống khác duy trì nếu như không thì không có người nào được ngồi vững ở cái địa vị này...

Cái công việc thứ tư mà tôi với Tổng thống Nixon làm trong ngày nay, Tổng thống Nixon và chánh phủ Huê Kỳ cam kết giúp đỡ, hỗ trợ cho các kế hoạch mà chánh phủ VNCH và tôi quyết tâm làm trong tương lai. Đó là phát triển và tối tân hoá quân lực VNCH. Đó là khởi sự phát triển kinh tế, kế hoạch kinh tế hậu chiến. Đó là thực thi đúng mức cái chương trình cải cách điền địa...

Cái điểm thứ năm mà tôi với ông Nixon đã đồng ý là để tránh những xuyên tạc nói lên giữa ông Nixon và ông Thiệu có cái sự bất đồng ý kiến,... về chiến tranh và hòa bình. Tôi với Tổng thống Nixon đã đặt ra một cái căn bản là sẽ thường gặp nhau để duyệt xét những tiến triển trong mọi lĩnh vực của công việc chung...

Nói tóm lại, tôi gặp ông Nixon không phải là để đánh tan những sự khác biệt mà một số báo chí đã đăng mấy ngày trước vì một cái lý do rất dễ hiểu là bởi vì không có sự khác biệt, không có sự dị đồng thì cái mục đích cuộc gặp gỡ không phải là để đánh tan cái sự dị đồng nào hết mà mục đích cái cuộc gặp gỡ là để tạo thêm cái sự hợp tác chặt chẽ giữa hai Tổng thống và để có một lập trường chung của hai quốc gia đồng minh đang chiến đấu trên một trận tuyến...”³.

Sau đó, tháng 10-1969, Tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ (Henry A. Kissinger)* - Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, đứng đầu một nhóm gồm “Roger Norris, Anthony Lake, Peter Rodman, William Safir, Bà Myriam C. Camps và William I. Cargo, người này là Giám đốc hoạch định chính sách và phối hợp ở Bộ Ngoại giao”⁴ bắt tay soạn thảo bản phúc trình lên Quốc hội Hoa Kỳ tựa đề “Chính sách ngoại giao Hoa Kỳ trong những năm 1970 - Một chiến lược hòa bình

3. Cuộc họp báo của Tổng thống chính quyền Sài Gòn sau khi dự hội nghị Mítuây trở về ngày 09-6-1969. Hồ sơ 601, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

* **Henri Kítxinhgiơ (Henry Alfred Kissinger, tên khai sinh: Heinz Alfred Kissinger; sinh năm 1923)** là một nhà ngoại giao người Mỹ gốc Đức và Đức gốc Do Thái. Ông từng giữ chức cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ và sau đó kiêm luôn chức Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Ríxót Níchxon (Richard Nixon). Kítxinhgiơ là người đã thoát khỏi vụ bê bối “Oatoghét” (Watergate) và sau đó vẫn bảo đảm được vị trí quyền lực của mình khi Giêrôn Pho (Gerald Ford) trở thành Tổng thống Hoa Kỳ thứ 38 sau khi Ríxót Níchxon buộc phải từ chức (BT).

4. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

mới" (*United States Foreign Policy for the 1970's - A New Strategy for Peace*)"⁵.

Ngày 18-02-1970, Níchxon đọc bản phúc trình dài 43.000 chữ trước Quốc hội Hoa Kỳ, chính thức công bố "*Nixon Doctrine*" (Học thuyết Níchxon - TG). "Học thuyết Níchxon" là một chiến lược toàn cầu được xây dựng cho hai nhiệm kỳ Tổng thống Hoa Kỳ và áp dụng trên 4 châu lục (châu Âu, châu Mỹ, châu Á và châu Phi) trong mọi lĩnh vực. Học thuyết Níchxon (Nixon) đề ra 3 nguyên tắc cơ bản trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ: "*Chung phán (Partnership); Sức mạnh (Strength); Sẵn sàng thương thuyết (Willingness to negotiate)*"⁶. Theo nguyên tắc thứ nhất, Hoa Kỳ sẽ đóng vai trò lãnh đạo "thế giới tự do" nhưng giao bớt trách nhiệm cho các nước đồng minh. Đồng thời, Hoa Kỳ sẽ chỉ cam kết vì lợi ích quốc gia Hoa Kỳ, thay vì dính líu trực tiếp và chấp nhận mọi phí tổn như thời kỳ Giôn Ph. Kennođi (J. Kennedy)* với khẩu hiệu "*pay any price, bear any*

5. "*Bản phúc trình trước kia dự định lấy tên Một chiến lược hòa bình mới, nhưng sợ trùng tên với một tập diễn văn của John F. Kennedy, nên được chọn tên là "Chính sách Ngoại giao Hoa Kỳ trong những năm 1970 - Một chiến lược hòa bình mới". Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.*

6. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

* **Giôn Ph. Kennođi (John Fitzgerald Kennedy: 1917–1963)**, thường được gọi là Giếch Kennođi (Jack Kennedy) hay "**JFK**", là Tổng thống thứ 35 của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ, tại nhiệm từ năm 1961 đến năm 1963. Giôn Ph. Kennođi bị ám sát vào ngày 22 tháng 11 năm 1963. Sự kiện này là một

burden, meet any hardship, support any friend, oppose any foe to assure the survival and the success of liberty"⁷. Nguyên tắc này được Níchxon (Nixon) thể hiện tại trang 6 và 7 của bản phúc trình như sau:

"This is the message of the doctrine I announced at Guam - the "Nixon Doctrine". Its central thesis is that the United States will participate in the defense and development of allies and friends, but that America cannot - and will not - conceive all the plans, design all the programs, execute all the decisions and undertake all the defense of the free nations of the world...

We will view new commitments in our national interests and those of other countries, of the specific threats to those interests, and of our capacity to counter those threats at an acceptable risk and cost"⁸.

bước ngoặt trong dòng lịch sử Hoa Kỳ vào thập niên 1960. Giôn Ph. Kennodi là chính khách trẻ tuổi nhất từng đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ và cũng là Tổng thống Hoa Kỳ trẻ tuổi nhất đã qua đời (BT).

7. Lược dịch: *"Trả bất cứ giá nào, chịu bất cứ gánh nặng, đáp ứng bất kỳ khó khăn, hỗ trợ bất kỳ người bạn nào, phản đối bất kỳ kẻ thù nào để bảo đảm sự tồn tại và thành công của tự do"*. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

8. Lược dịch: *"Đây là thông điệp trong học thuyết tôi đã công bố tại Guam - "Học thuyết Níchxon". Luận điểm chính của nó là Hoa Kỳ sẽ tham gia vào việc phòng thủ và phát triển của các nước đồng minh. Nhưng Hoa Kỳ không thể - và sẽ không - vạch ra tất cả các kế hoạch, xây dựng tất cả các chương trình, thực hiện các quyết định và đảm nhận tất cả sự phòng thủ của các quốc gia trên thế giới..."*

Nguyên tắc thứ hai đề ra việc xây dựng sức mạnh của Hoa Kỳ sẽ căn cứ vào sự thay đổi của tình hình thế giới tác động đến nhu cầu lãnh đạo đồng minh và khả năng quốc phòng. Nguyên tắc thứ ba là Hoa Kỳ sẵn sàng mở ra khả năng thương thuyết với khối các nước xã hội chủ nghĩa về tất cả các vấn đề.

Thực hiện chiến lược này, Níchxon tiến hành cải tổ lại lực lượng quân đội Hoa Kỳ, đồng thời thiết lập lại "Hội đồng An ninh Quốc gia (*National Security Council, NSC*)" và lập ra các cơ quan sưu tầm, nghiên cứu và hoạch định chính sách: *Verification Panel* - để thu thập mọi dữ kiện cần thiết về quốc phòng; *Vietnam Special Studies Group (VSSG)* để thu thập dữ kiện bình định nông thôn Việt Nam; *Washington Special Actions Group (WSAG)* để làm kế hoạch khi có chuyển biến bất ngờ"⁹.

Đối với Việt Nam, một trong những vấn đề trọng tâm của xã hội Hoa Kỳ đương đại, Níchxon dành hơn 1/3 bản phúc trình (khoảng 15.000 chữ) để trình bày về chiến lược mới. Với mục tiêu cơ bản là tiếp tục chính sách chiến tranh ở Việt Nam nhưng giảm bớt gánh nặng của Hoa Kỳ nhằm làm cho "xã hội và nền tảng chính quyền ở Hoa Kỳ khỏi bị lung lay và đổ vỡ"¹⁰. Vì vậy, ông ta đề ra "hai đường lối riêng biệt nhưng hậu thuẫn lẫn

Chúng tôi sẽ xem các cam kết mới trong lợi ích quốc gia và của các nước khác, của những mối đe dọa đến những lợi ích đó và khả năng của chúng tôi để chống lại những mối đe dọa với chi phí chấp nhận được". Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

9, 10. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

nhau: thương thuyết và chương trình “Việt Nam hóa”¹¹. Ông ta cao giọng rằng:

“Nhân dân Việt Nam, Bắc cũng như Nam, đã chứng tỏ lòng dũng cảm đủ để tồn tại trong một thế kỷ (nhân dân Việt Nam đã đứng lên giành độc lập trong gần một thế kỷ chống thực dân Pháp xâm lược - TG). Và tôi nói theo nhận xét riêng. Tôi đã có mặt tại Bắc Việt, tại Hà Nội, vào năm 1953, và tại khắp miền Nam Việt Nam. Tôi đã thấy nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam. Nhân dân Việt Nam - Bắc và Nam - đã chịu đựng thống khổ không thể tả xiết. Họ đáng được một tương lai tốt đẹp hơn.

Một nền hòa bình công chính ở Việt Nam đã và vẫn là mục tiêu của chúng ta. Vấn đề thực ra là bản chất của hòa bình đó và làm cách nào thực hiện được. Khi nêu ra các vấn đề đó lúc mới nhậm chức, tôi đã phải cứu xét những hậu quả của các quyết định của chúng ta.

Tôi đã nói đến hậu quả một cuộc triệt thoái đột ngột trong bài diễn văn ngày 14-5 (năm 1969) của tôi như sau:

Khi chúng ta đảm nhận trách nhiệm giúp bảo vệ miền Nam Việt Nam, hàng triệu người Nam Việt Nam già cũng như trẻ đều đặt tin tưởng vào ta. Bây giờ bỏ rơi họ thì có thể sẽ có một cuộc tàn sát gây xúc động và kinh hãi cho tất cả những ai trên thế giới coi mạng người là trọng.

11. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1003: Chính sách của Tổng thống Níchxon về Việt Nam ngày 18-2-1970.

Bỏ rơi nhân dân Nam Việt Nam không phải chỉ gây thiệt hại cho nhân mạng ở Nam Việt Nam mà thôi. Việc đó sẽ đe dọa cả những hy vọng dài hạn của ta về hòa bình trên thế giới. Một cường quốc không thể chối bỏ những lời cam kết của mình. Một cường quốc phải tỏ ra xứng đáng với lòng tin cậy của các quốc gia.

Khi cần phải duy trì hòa bình thì tiếng "uy tín" không phải là một tiếng suông. Tôi không muốn nói đến sự tự phụ hão hay khoe trương những danh từ đó không có chỗ đứng trong chính sách của chúng ta. Tôi chỉ muốn nói đến sự tôn trọng mà một quốc gia phải tỏ ra đối với sự toàn vẹn của quốc gia khác trong việc bảo vệ nguyên tắc và làm trọn nhiệm vụ của mình.

Nếu chúng ta giản dị từ bỏ nỗ lực của chúng ta ở Việt Nam, hòa bình có thể không còn tồn tại được với những thiệt hại gây cho sự tin tưởng của các quốc gia khác vào khả năng tin cậy được của ta.

Một lý do khác khiến chúng ta không thể triệt thoái đơn phương được là hiện thời trong thế giới CS đang có sự tranh luận giữa những người tán thành chính sách ngăn chặn tức là đương đầu với Hoa Kỳ và những người chống đối chính sách đó. Nếu Hà Nội thành công trong việc thôn tính miền Nam Việt Nam bằng võ lực sau khi Hoa Kỳ đã đem sức mạnh nhập cuộc thì điều này sẽ làm mạnh thêm những lãnh tụ đã phá hoại thương thuyết, chủ trương xâm lăng, và coi thường hiểm họa của một cuộc đụng độ với Hoa Kỳ. Điều này sẽ đem lại hòa bình trong lúc này, nhưng sẽ tăng gia rất nhiều hiểm họa một cuộc chiến tranh lớn hơn sau này.

Chuyến công du của tôi tại Á châu mùa hè năm ngoái (năm 1969 - TG) đã làm cho tôi nhận thấy rõ sự kiện này hơn bao giờ hết. Tôi không gặp một vị lãnh đạo Á châu nào yêu cầu Hoa Kỳ triệt thoái gấp rút. Quốc gia nào càng gần chiến trường bao nhiêu thì lại càng quan tâm nhiều hơn tới việc Hoa Kỳ hoàn tất trách nhiệm của mình ở Việt Nam.

Người ta đã không chú ý nhiều tới ảnh hưởng quan trọng khác ngay tại Hoa Kỳ của các quyết định của chúng tôi. Khi chính phủ này nhậm chức thì Việt Nam đã đưa tới một cuộc tranh luận sâu rộng trên toàn quốc. Khi cứu xét các mục tiêu của chúng ta tại đây tôi chỉ có thể kết luận rằng hòa bình không nên làm tăng thêm những lời chỉ trích chua cay và những sự chia rẽ mà cuộc chiến này đã gây ra cho xã hội Hoa Kỳ. Nếu chúng ta phải trả giá hòa bình ở Việt Nam với sự đau khổ lớn lao hơn sau đó, chắc hẳn là nhân dân Hoa Kỳ sẽ mất tin tưởng nơi các nhà lãnh đạo của họ - không phải chỉ đối với Tổng thống hoặc một chính đảng, mà là toàn thể cơ cấu lãnh đạo Hoa Kỳ.

Vì tất cả lý do này, tôi quyết định mưu tìm một nền hòa bình mà tất cả người Mỹ đều ủng hộ, một nền hòa bình trong đó các phe trong cuộc chiến sẽ đều có lợi. Tôi cũng quyết định hoàn toàn thành thật đối với nhân dân và Quốc hội Hoa Kỳ trong việc trình bày các chính sách của chúng ta, trừ một vài chi tiết về các vấn đề tế nhị.

Tôi quyết định trình bày cả về những thoái bộ cũng như những thành quả, những bất trắc cũng như các dấu hiệu hy vọng.

Để mưu tìm một nền hòa bình công chính, chúng ta theo đuổi hai đường lối riêng biệt nhưng hậu thuẫn lẫn nhau: thương thuyết và chương trình Việt Nam hóa.

Chúng ta muốn đạt được một giải pháp sớm, sáng sủa và công bằng thương thuyết. Nhưng nếu phe bên kia khước từ, chúng ta sẽ xúc tiến việc tăng cường các lực lượng VNCH. Điều này sẽ cho chúng ta thay thế quân đội của chúng ta theo một khóa biểu tuần tự. Chúng ta hy vọng rằng trong khi chương trình Việt Nam hóa tiến hành, Chính phủ Bắc Việt (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - BT) sẽ nhận thức rằng họ có nhiều lợi trong việc thương thuyết hơn là tiếp tục chiến trận.

Chúng ta không cho rằng các mục tiêu của chúng ta tại Việt Nam đã hoàn tất, hay con đường ở trước mắt sẽ dễ dàng.

Tại Nam Việt Nam, chúng ta đã giúp (chính quyền Sài Gòn - TG) tăng khả năng tự vệ của họ, và chúng ta đã giảm thiểu số lượng binh sĩ và số tổn thất của Hoa Kỳ. Tuy vậy, chương trình Việt Nam hóa vẫn còn là một tiến trình đang khai diễn...

Tại bàn hội nghị (Hội nghị Pari về Việt Nam - TG), chúng ta đã đưa ra những đề nghị rộng rãi và hợp lý cho một giải pháp...

Mặc dầu những bất trắc này, tôi tin rằng chúng ta đang theo đúng đường lối và rằng chúng ta đang tiến tới các mục tiêu của chúng ta.

Thương thuyết

Trong khi mưu tìm một giải pháp cho chiến cuộc, chúng ta không coi thường khó khăn trước mắt.

Chúng ta biết rằng những vấn đề căn bản đem ra thảo luận

tại cuộc thương thuyết - đặc biệt việc giải quyết quyền chính trong một cuộc chiến tranh như vậy - rất là phức tạp. Không thể nào có một công thức cứng rắn hay một nghị trình xác định...

Chúng ta đã biết rằng đôi phương đã hy sinh rất nhiều, họ dẻo dai... và rõ ràng có ý không tin tưởng thương thuyết là một biện pháp giải quyết các tranh chấp. Như tôi đã viết cho Cố Chủ tịch Hồ Chí Minh hồi tháng bảy năm ngoái... "thật khó mà liên lạc có ý nghĩa qua cái hố ngăn cách của bốn năm chiến tranh"....

Ngày 14 tháng 5, tôi đã đưa ra một số đề nghị rộng rãi cho một sự dàn xếp. Các đề nghị đó gồm có một cuộc triệt thoái song hành tất cả các lực lượng không phải Nam Việt Nam ra khỏi Nam Việt Nam và một cuộc bầu cử tự do có quốc tế giám sát.

Tôi cũng nói rằng chúng ta không mưu tìm một căn cứ nào ở Việt Nam và một ràng buộc quân sự nào, và chúng ta sẵn sàng đồng ý để cho Việt Nam trung lập hay thống nhất của Việt Nam nếu đó là điều nhân dân Nam Việt Nam chọn lựa...

Các đề nghị tôi đã đưa ra ngày 14-5 hiện vẫn còn hiệu lực. Các đề nghị đó đưa lại cho tất cả các phe cơ hội chấm dứt chiến cuộc nhanh chóng và trên một căn bản công bằng.

Cũng trong tinh thần đó, Tổng thống Thiệu của VNCH đã đề nghị ngày 11 tháng 7 một loạt đề nghị rộng rãi.

Những điều đó gồm có cuộc tuyển cử tự do trong đó tất cả dân chúng và đảng phái tại Nam Việt Nam có thể tham dự, kể cả Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam và đoàn viên của họ, và một Ủy ban tuyển cử hỗn hợp trong đó tất cả các phe đều có thể có đại diện. Chúng ta đã ủng hộ đề nghị đó.

Tại đảo Midway, vào đầu tháng 6, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và tôi, cả hai đều đã công khai cam kết chấp nhận bất cứ kết quả nào của cuộc tuyển cử tự do, bất chấp những sự thay đổi do cuộc tuyển cử đó đem lại....

Chương trình Việt Nam hóa

Đường lối hành động kia mà chúng ta đang theo đuổi - Việt Nam hóa là một chương trình tăng cường khả năng tự vệ của VNCH. Chương trình này nhấn mạnh vào tiến bộ trong việc đem lại an ninh vật chất và bành trướng uy quyền của chính phủ VNCH ra khắp nông thôn.

Chương trình Việt Nam hóa không phải là một thứ thay thế các cuộc thương thuyết, nhưng là một sự thúc đẩy các cuộc thương thuyết. Trong khi tăng cường khả năng tự vệ của VNCH, chúng ta tạo cho Hà Nội một lý do thực sự thúc đẩy họ thương thuyết vào lúc này...

Chương trình Việt Nam hóa có hai yếu tố chính. Thứ nhất là việc tăng cường quân lực VNCH về số lượng trang bị, khả năng lãnh đạo và chiến đấu, và khả năng toàn diện. Yếu tố thứ hai là phát triển chương trình bình định tại Nam Việt Nam.

Nhiều tiến bộ cụ thể đã được thực hiện trong việc thực hiện tăng cường quân lực VNCH. Quân số của họ đã gia tăng, đặc biệt các lực lượng địa phương và hậu bị. Chẳng hạn, quân số của lực lượng địa phương quân và nghĩa quân - những thành phần quan trọng việc chống lại các cuộc tấn công du kích - đã gia tăng hơn 75.000 người trong năm ngoái. Hiệu năng của các lực lượng này đang cải tiến ở đại đa số địa hạt. Ngoài ra,

khoảng 400.000 vũ khí đã được cung cấp cho những người tại Nam Việt Nam đã gia nhập lực lượng nhân dân tự vệ.

Theo chương trình Việt Nam hóa, chúng ta đã đảo ngược chiều hướng tham gia quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam và quân đội VNCH đã đảm trách một vai trò lớn hơn trong các cuộc hành quân tác chiến. Chúng ta đã giảm bớt mức quân số Hoa Kỳ được chấp nhận là 115.500 người vào ngày 15-4-1970. Các lực lượng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục được triệu hồi thể theo một lịch trình tuân tự dựa trên ba tiêu chuẩn: mức độ hoạt động của đối phương; tiến bộ tại cuộc thương thuyết; và khả năng đang gia tăng của VNCH tự đảm trách công cuộc tự vệ của chính họ.

Trong tiến trình này, chúng ta đã tham khảo ý kiến chặt chẽ với các quốc gia đồng minh - Úc, Đại Hàn, Tân Tây Lan, và Thái Lan - các quốc gia mà cùng góp quân đội để trợ giúp nhân dân Việt Nam. Các lực lượng của các quốc gia này tiếp tục đảm lãnh một phần đáng kể trong cuộc chiến đấu chung này.

Trong khi chánh phủ Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) gánh chịu tổn phí gia tăng của các lực lượng được tăng cường này, và trong khi số chi phí quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam được giảm bớt với sự tiếp tục giảm thiểu của sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ tại đây, sẽ là áp lực đôi với nền kinh tế VHCN. VNCH sẽ cần tới sự viện trợ để đối phó với các vấn đề kinh tế này. Tuy rằng, số chi tiêu chúng ta cho các mục tiêu thuần túy quân sự tại Việt Nam có thể sẽ giảm đáng kể trong tiến trình Việt Nam hóa sẽ cần tới một vài sự gia tăng trong số chi tiêu của chúng ta cho các mục tiêu kinh tế.

Chương trình Việt Nam hóa còn bao hàm cả việc mở rộng chương trình bình định. Sự hiểu biết của chúng ta về chương trình bình định và tiêu chuẩn để đo lường kết quả của chương trình này cần được cải tiến. Do đó, tôi ra chỉ thị thực hiện một cuộc nghiên cứu tổng quát về tình trạng nông thôn do một ủy ban có nhiệm vụ phân tích những thống kê của Việt Nam và thường xuyên duyệt xét lại tình hình.

Cuộc nghiên cứu đã kết luận rằng tiêu chuẩn có ý nghĩa nhất cho sự thành công của chánh phủ VNCH tại nông thôn là việc thiết lập tại mỗi ấp: (1) Một nền phòng thủ thích đáng; (2) Chính quyền (chính quyền Sài Gòn - TG) có hiệu lực hoàn toàn ở ngay tại ấp 24 giờ mỗi ngày. Nếu chánh phủ (chính quyền Sài Gòn - TG) có thể thực hiện được hai mục tiêu này, chánh phủ có thể ngăn cản đôi phương gây rối hay động viên dân chúng cho các mục tiêu của đôi phương. Đôi phương chỉ có thể tới gần dân chúng một cách lén lút và giới hạn, sẽ gặp phải những sự chống đối hay một sự thờ ơ gia tăng khi họ tìm hậu thuẫn mà họ được hưởng trước đây. Các lực lượng đôi phương sẽ bị cô lập và bắt buộc phải chiến đấu như một lực lượng viễn chinh thông thường, bị lệ thuộc vào các nguồn tài nguyên từ bên ngoài về tiếp tế và bổ sung.

Điều này rất quan trọng, các hoạt động của các đơn vị chủ lực đôi phương trong quá khứ đã trông cậy vào sự hậu thuẫn tích cực của dân chúng ở nông thôn cho công tác tình báo, thực phẩm, tiền bạc và nhân công. Điều này đã giúp đôi phương sử dụng nông thôn làm bàn đạp để từ đó mở cuộc tấn công vào các thị thành và các căn cứ quan trọng. Nếu họ bị buộc phải chiến

đấu như một đạo quân quy ước, với sự yểm trợ do các nguồn lực riêng của họ chứ không phải của dân chúng cung cấp, đôi phương sẽ mất sức xung kích khi họ tiến quân vì các đường tiếp tế của họ sẽ dài thêm và họ sẽ vấp phải sức chống lại gia tăng.

Tới nay, công cuộc bình định đang thành công.

Lực lượng đôi phương đã phải chịu nhiều tổn thất nặng nề, rất nhiều trong các cuộc tấn công của chính họ năm 1968 và đầu 1969. Các cuộc hành quân của binh sĩ Hoa Kỳ và Nam Việt Nam (lính ngựỵ Sài Gòn - BT) đã ngăn cản không cho các đơn vị chủ lực của đôi phương đi lại tự do trong những khu vực đông dân cư và đã buộc họ ngày càng phải rút vào các mật khu tại các vùng xa xôi hẻo lánh và dọc các biên giới Nam Việt Nam.

Từ năm 1967 đến nay, sự phân bố về dân chúng nông thôn sống trong các vùng được bảo vệ cao và có một chính quyền địa phương hoạt động triệt để - hai tiêu chuẩn về thành công của chính phủ đã nêu trên - đã tăng hơn gấp hai lần. Cũng theo tiêu chuẩn tương tự như vậy, số dân chúng nông thôn do Cộng quân (lực lượng quân đội cách mạng - BT) kiểm soát đã sụt giảm rất nhiều, còn không đầy 10%.

Đôi phương đang gặp khó khăn lớn lao hơn về tuyển mộ và tiếp tế. Lính Bắc Việt (chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam - BT) bổ sung đã được tăng cường cho các đơn vị chủ lực và địa phương của Cộng quân. Thực lực Cộng quân hình như đang giảm sút tại đại đa số các vùng. Đôi phương đã dùng phần lớn thời giờ vào việc tăng cường lực lượng để mở các cuộc tấn công mới càng ngày càng kém hiệu lực.

Người ta thường rêu rao có tiến bộ ở Việt Nam suốt thời kỳ

chúng ta dính líu tới bên đó - và nhiều khi đã tỏ ra khá lạc quan. Dù kế hoạch của chúng ta có chu đáo đến đâu, và dù chúng ta nuôi hy vọng đến mấy về tiến bộ của các chương trình này, chúng ta cũng ý thức được hai sự kiện căn bản này.

- Chúng ta không thể cố gắng đánh lừa đôi phương, đôi phương biết rõ những gì thực sự đang xảy ra.

- Chúng ta cũng không nên tự dối mình. Nhân dân Hoa Kỳ cần phải rõ tất cả sự thật. Chúng ta không thể mất tín nhiệm vào sự phán đoán và vào sự lãnh đạo của chúng ta.

Vì các viễn cảnh và sự tiến bộ của kế hoạch Việt Nam hóa đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ càng và sự phân tích tỉ mỉ - do chính chúng ta cũng như do những người chỉ trích chúng ta - chúng ta đã thực hiện những nỗ lực quan trọng để xác định các sự kiện.

Theo lời yêu cầu của tôi, ông Bộ trưởng Laird và ông Chủ tịch Tham mưu trường liên quân, Tướng Wheeler, đã vừa thăm Việt Nam để xem xét tình hình tại đó. Mùa thu năm ngoái, tôi đã yêu cầu ông Robert Thompson, một chuyên viên Anh quốc khách quan có nhiều kinh nghiệm tại khu vực đó, cho tôi biết sự nhận định thành thật, vô tư của riêng ông.

Chúng ta đã thành lập một ban chuyên nghiên cứu về Việt Nam. Thành phần gồm có vị Phụ tá An ninh Quốc gia sự vụ của tôi làm Chủ tịch, Thứ trưởng Ngoại giao, Thứ trưởng Quốc phòng, Giám đốc cơ quan Tình báo Trung ương và Chủ tịch Tham mưu trường liên quân. Tôi đã chỉ thị ban này:

- Bảo trợ và điều khiển những cuộc phân tích liên tục có hệ thống của các chương trình và hoạt động của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

- Thực hiện những cuộc nghiên cứu và phân tích đặc biệt tùy theo sự ưu tiên để yểm trợ các quyết định về chính sách rộng rãi về những chương trình liên hệ.

Cung cấp diễn đàn và khuyến khích các cuộc phân tích liên hệ về hoạt động của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Xét căn bản thì mục tiêu của nhóm này là điều khiển các cuộc nghiên cứu về tình hình xác thực tại Việt Nam. Những cuộc nghiên cứu này do những nhà phân tích và những cá nhân có kinh nghiệm về Việt Nam chọn lựa trong các cơ quan chính phủ. Những điều tìm ra được trình bày trước ban nghiên cứu đặc biệt về Việt Nam và trước Hội đồng An ninh Quốc gia.

Như sẽ mô tả dưới đây, nhóm này đã giúp chúng ta nhận định nhiều vấn đề cho tương lai. Họ đã nêu ra những thách thức cần tìm hiểu cũng như họ đã đánh giá được mức độ tiến bộ mà chúng ta đã đạt được...

Nhiệm vụ trong tương lai

Chính phủ này đang thực hiện một kế hoạch cụ thể và phối hợp cho hòa bình tại Việt Nam. Nhưng hãy còn các nhiệm vụ sau đây:

Việt Nam hóa. Một vấn đề to tát phải đối phó là liệu kế hoạch Việt Nam hóa có thành công hay không? Đối phương rất cương quyết và có khả năng. Họ sẽ tiếp tục chiến đấu trừ phi ta thuyết phục được họ rằng thương thuyết là giải pháp hay nhất. Sự thành công của Việt Nam hóa là một yếu tố căn bản trong việc Hà Nội (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - BT) ước định chính sách của họ, cũng như trong việc ước định chính sách của chúng ta.

Chúng ta hiện đang cố gắng xác định chiều sâu và sự bền bỉ của tiến bộ đã đạt được tại Việt Nam. Chúng ta đang nghiên cứu mức độ lệ thuộc của tiến bộ đó vào sự hiện diện của các lực lượng tác chiến và yểm trợ của Hoa Kỳ cũng như vào quân đội và các lực lượng hậu bị của Nam Việt Nam đã bành trướng và cải thiện. Chúng ta đang nêu lên những câu hỏi gay go:

Khả năng đối phương mở các chiến dịch dai dẳng ra sao? Liệu họ có phá nổi các thắng lợi của chúng ta không?

Mức độ cải thiện về khả năng của đồng minh (chính quyền Sài Gòn - TG) ta thực sự ra sao? Nói riêng, liệu người Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) có phát triển lãnh đạo, khả năng tiếp vận, kiến thức chiến thuật và thấu hiểu các nhu cầu của nhân dân họ rất cần thiết cho sự thành công liên tục không?

Đối phương sẽ chọn lựa chiến lược nào trước sự thành công liên tiếp của đồng minh (chính quyền Sài Gòn - TG)? Nếu họ chọn con đường theo đuổi một cuộc chiến tranh trường kỳ với một cường độ thấp, có phải họ chỉ nhờ các cuộc triệu binh của Hoa Kỳ hoàn tất để rồi hồi phục sức lực, chiếm lại thế chủ động và đánh bại các lực lượng Nam Việt Nam chăng?

Điều tôi quan trọng là thái độ của nhân dân Việt Nam ra sao, khi mà quyền tự do lựa chọn của họ, chúng ta đang chiến đấu để bảo vệ? Phải chăng họ thực sự chán ghét VC (Việt Cộng - chỉ các lực lượng yêu nước, giải phóng miền Nam Việt Nam - BT), hay họ thờ ơ với cả hai bên? Thái độ của họ có nghĩa gì đối với sự tồn tại của những thắng lợi của công cuộc bình định.

Những cuộc nghiên cứu này đang tiếp tục cũng như các cuộc nghiên cứu của chúng ta về tình hình và ý định của đôi phương. Tôi đã nói rõ ràng rằng tôi muốn ban nghiên cứu đặc biệt về Việt Nam và những cơ quan khác thuộc chính phủ Hoa Kỳ cố gắng trình bày hết sức đầy đủ các sự kiện, bất kể những hậu quả của chính sách đó.

Công cuộc của chúng ta là tiếp tục xúc tiến một cách thận trọng chính sách Việt Nam hóa, và tìm kiếm phương pháp nào để trợ lực một cách hữu hiệu nhất cho mục tiêu của chúng ta nhằm giúp nhân dân Nam Việt Nam tự lực, tự cường.

Ngay khi chiến cuộc còn đang tiếp tục tại Việt Nam, chúng ta phải dự trù cuộc chuyển tiếp từ chiến tranh tới hòa bình. Rất nhiều nỗ lực đã thực hiện để cứu trợ những dân chúng đau khổ, tái thiết những khu vực bị tàn phá và đẩy mạnh công cuộc phục hồi kinh tế. Chúng ta đã tán trợ những nỗ lực đó. Chúng ta sẽ tiếp tục tán trợ và trông cậy vào sự giúp đỡ của những quốc gia khác nữa.

Tôi đang mong đợi ngày mà tôi không còn phải đề cập những vấn đề chấm dứt một cuộc chiến phức tạp mà chỉ nói về những cơ hội do một nền hòa bình vững vàng đem lại, khi mà những con người và những quốc gia đã từng chiến đấu lâu dài và gay go sẽ hòa giải với nhau.

Tôi đã bày tỏ niềm hy vọng về tương lai Việt Nam khi tôi phát biểu trước Liên hợp quốc vào ngày 18-9.

“Khi chiến cuộc kết liễu, Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng giúp đỡ toàn thể nhân dân Việt Nam trong các công tác phục hưng và tái

thiết. Và khi cuối cùng hòa bình tới Việt Nam, hòa bình có thể thực sự tới đem theo sự hàn gắn"¹².

Như vậy, nội dung cơ bản của chiến lược "Việt Nam hóa" gồm hai điểm chính: một là, "tăng cường quân lực VNCH"; hai là, "bình định nông thôn. Nông thôn phải có tổ chức tự vệ hoàn bị và có mặt chính quyền 24 giờ một ngày". Để theo dõi sự tiến triển của chương trình Việt Nam hóa, Níchxon (Nixon) cho thành lập tại Oasinhton (Washington) "Vietnam Special Studies Group (VSSG)" với thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng An ninh quốc gia, Thứ trưởng Ngoại giao, Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng, Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA), Chủ tịch Ủy ban Tham mưu Liên quân. Tại miền Nam Việt Nam, Chương trình "Việt Nam hóa" được đặt dưới sự điều hành của Cơ quan Điều phối dân sự vụ và Phát triển Nông thôn (Civil Operations and Rural Development Support - CORDS) trực thuộc Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (The US Military Assistance Command, Vietnam - MACV).

Về mục tiêu, kế hoạch cụ thể, Hoa Kỳ - chính quyền Sài Gòn vạch ra chương trình 3 giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là, từng bước chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân đội Sài Gòn, rút dần quân viễn chinh Mỹ ra khỏi Nam Việt Nam; giai đoạn thứ hai, trang bị cho quân đội Sài Gòn đủ sức đương đầu với Lực lượng Quân Giải phóng, "giữ vững" được Nam Việt

12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1003: Chính sách của Tổng thống Níchxon về Việt Nam ngày 18-02-1970.

Nam và Đông Dương trong quỹ đạo của Hoa Kỳ; giai đoạn thứ ba, đi đến kết thúc chiến tranh với việc hình thành ở Việt Nam hai quốc gia riêng biệt.

Trong đó, giai đoạn thứ nhất dự kiến thực hiện từ năm 1969 đến giữa năm 1972 là giai đoạn quan trọng nhất bao gồm các nội dung cơ bản là:

Thực hiện bình định nông thôn - được coi là xương sống của "Việt Nam hóa chiến tranh", bằng chương trình tổng thể với tên gọi "*Bình định và phát triển*" nhằm kiểm soát tối đa dân chúng, tách cách mạng khỏi nhân dân và triệt hạ cơ sở cách mạng tại nông thôn. Biện pháp tiến hành bao gồm: càn quét, gom dân vào các ấp Tân sinh; củng cố bộ máy chính quyền kìm kẹp ở nông thôn bằng việc tổ chức bầu cử đội ngũ công chức ngụ quyền tại xã, ấp; tăng cường kiểm soát an ninh nông thôn thông qua việc củng cố, phát triển lực lượng "dân vệ" về số lượng và chất lượng, thực hiện trang bị vũ khí cho lực lượng "dân vệ"; tiêu diệt cơ sở hạ tầng cách mạng bằng chiến dịch "Phượng Hoàng" - "*một kế hoạch đặc biệt nhằm tập trung và phối hợp tất cả những nỗ lực của các cơ quan quân sự cũng như dân sự nhằm... tiêu diệt hết các tổ chức hạ tầng cơ sở của CS như cán bộ đảng viên, tổ chức hoặc cơ sở yểm trợ*"¹³.

Tăng cường củng cố và phát triển quân đội Sài Gòn theo

13. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17250: Công văn số 4898/BTT/CTTL/HT ngày 28-12-1970 của Bộ Thông tin chính quyền Sài Gòn về tài liệu học tập chiến dịch Phượng Hoàng.

mô hình quân đội Hoa Kỳ gồm cả ba lực lượng hải - lục - không quân, nhưng ưu tiên củng cố và phát triển mạnh cho lục quân, với quân số tăng hằng năm từ 50 ngàn đến 100 ngàn quân, được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại. Để quân đội Sài Gòn có đủ sức đảm nhận toàn bộ trách nhiệm về an ninh thay thế dần quân viễn chinh Hoa Kỳ. Trong giai đoạn thứ nhất của chương trình "Việt Nam hóa", quân đội Sài Gòn sẽ nắm giữ vai trò chính yếu trong các cuộc hành quân nhắm vào khu căn cứ, hệ thống chi viện và lực lượng chủ lực của Quân Giải phóng ở miền Nam Việt Nam, cũng như tại Lào và Campuchia.

Đồng thời, tiến hành chiến tranh chống phá miền Bắc Việt Nam bằng hải quân và không quân nhằm tiêu diệt hậu phương lớn của cách mạng.

Mặt khác, Hoa Kỳ tích cực, thâm độ triển khai "mặt trận ngoại giao", âm mưu cô lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cắt nguồn chi viện quốc tế đối với công cuộc cách mạng của Việt Nam.

Bằng chương trình tổng thể trên ba lĩnh vực chính trị - quân sự - ngoại giao, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lạc quan "đã tìm thấy phương pháp chống "chiến tranh nhân dân"¹⁴. Và kết hợp với cuộc thương thuyết tại Pari để có thể rút được quân viễn chinh Hoa Kỳ về nước và đi đến kết thúc chiến tranh trên thế mạnh. Như vậy, chiến lược "Việt Nam hóa chiến

14. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

tranh" là bước "thụt lùi" của Hoa Kỳ trong chính sách chiến tranh ở Việt Nam. Nó được hoạch định để giải quyết sự mâu thuẫn nội tại của Hoa Kỳ với mục tiêu cơ bản là tìm kiếm giải pháp chấm dứt sự dính líu của Hoa Kỳ ở Việt Nam, nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi của Hoa Kỳ tại khu vực Đông Nam Á, với cái giá có thể chấp nhận được. Mà như chính quyền Sài Gòn đã thừa nhận trong thời điểm chương trình Việt Nam hóa đang diễn ra:

"Căn cứ theo chủ thuyết Nixon, Hoa Kỳ không bán đứng (sell out) VNCH như nhiều người lo ngại. Tình trạng nội bộ Hoa Kỳ và thế giới hiện tại và tính cách đặc biệt của chiến tranh Việt Nam đã bắt đầu buộc VNCH phải chọn đường lối chiến thắng trường kỳ... Có nghĩa là Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) sẽ phải chịu nhiều năm chiến đấu nữa, hao tổn sinh và vật lực. Hiện nay, VNCH vẫn chịu 50% mọi phí tổn bình định nông thôn, và theo kế hoạch của Hoa Kỳ, Việt Nam sẽ phải gánh nhiều hơn nữa. Thêm vào đó là khó khăn kinh tế... có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không chiến đấu cho đến lúc mọi người CS ở VNCH phải bị tận diệt hay trở ra miền Bắc. Nếu VNCH không thắng nổi những nhược điểm hiện tại về lãnh đạo, đồng tâm tận lực và tài nguyên, thì có thể sau này sẽ phải theo một chế độ trung lập cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại. Tình trạng có xảy ra như vậy thì cũng không đi ngược với quyền lợi sau này của Hoa Kỳ"¹⁵.

15. Chủ thuyết Níchxon năm 1970, hồ sơ 1067, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa.

2. Chương trình bình định nông thôn miền Nam Việt Nam

Cuối năm 1968, sau cuộc tiến công và nổi dậy của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, bộ máy chính quyền xã, ấp của chế độ Sài Gòn ở nhiều nơi đứng trước nguy cơ tan rã. Theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, trong tổng số 17.476.851 dân, chế độ Thiệu chỉ kiểm soát được 69,8% dân số¹⁶. Vì vậy, ngày 01-11-1968, Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống chính quyền Sài Gòn, ra lệnh phát động chiến dịch "Tấn công Bình định" đặc biệt ở vùng nông thôn. Sau ba tháng phát động, bằng hàng loạt các cuộc hành quân quét giữ quy mô lớn nhỏ và hoạt động tình báo lòng sục khắp nông thôn miền Nam Việt Nam, tính đến ngày 31-01-1969, theo báo cáo của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương của chính quyền Sài Gòn thì họ rêu rao rằng: đã đẩy lùi Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam và tái thiết lập lại hệ thống kìm kẹp ở nông thôn, cụ thể:

"Tiêu diệt và đẩy lùi được địch (Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam - TG) ra khỏi các vùng đông dân cư, bình định được 1.367 ấp D E (ấp trong diện tranh chấp giữa chính quyền Sài Gòn và Quân Giải phóng - TG) trong toàn quốc, so với con số dự trù là 1.000 ấp và bảo đảm an ninh thêm cho 1.317.288 dân chúng.

Loại trừ được 7.467 hạ tầng cơ sở VC, so với con số dự trù là 9.000...

16. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

Tổ chức được 1.106.853 đoàn viên nhân dân tự vệ trong số có 364.239 đã được vũ trang (số vũ khí đã cấp phát là 170.313 khẩu) so với con số dự trù là 1.000.000 đoàn viên và 200.000 vũ khí trang bị...

Về mặt hành chính xã ấp... đã tổ chức và củng cố lại được 572 xã chia ra: 340 xã bầu cử và 232 xã chỉ định.

Về ấp, đã tổ chức và củng cố được 1.271 ấp chia ra: 595 ấp đã tổ chức bầu cử và 676 ấp được chỉ định, còn 96 ấp đã chiếm xong nhưng chưa tổ chức ban trị sự.

... đã kiểm soát 79,2% dân số¹⁷.

BẢNG TỶ LỆ KIỂM SOÁT DÂN SỐ TẠI CÁC VÙNG CHIẾN THUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN THÁNG 02-1969¹⁸

Vùng chiến thuật	Dân chúng toàn vùng	Dân chúng ở nông thôn
I	73,7%	66,5%
II	82,4%	76,2%
III	93,0%	83,0%
IV	67,9%	62,3%

17, 18. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

BẢNG TỶ LỆ KIỂM SOÁT DÂN SỐ TẠI CÁC TỈNH CỦA
CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN THÁNG 02-1969¹⁹

Stt	10 tỉnh khá nhất	Tỷ lệ (%)	10 tỉnh kém nhất	Tỷ lệ (%)
1	An Giang	100	An Xuyên	36,2
2	Khánh Hòa	98	Chương Thiện	42,1
3	Biên Hòa	96,9	Vĩnh Bình	51,1
4	Bình Tuy	96,1	Long An	56,6
5	Long Khánh	96,0	Bạc Liêu	57,2
6	Tây Ninh	95,7	Quảng Tín	57,2
7	Gia Định	93,6	Định Tường	57,2
8	Quảng Đức	92,9	Kiến Hòa	59,5
9	Phước Long	91,6	Quảng Nam	60,4
10	Phước Tuy	92,0	Phong Dinh	65,0

Trên cơ sở kết quả đạt được, tháng 02-1969, chính quyền Sài Gòn vạch ra chương trình "bình định nông thôn" làm bước đầu thử nghiệm cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Theo đó, trong năm 1969, chính quyền Sài Gòn đẩy

19. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

mạnh thực hiện bình định nông thôn bằng chương trình tổng thể với tên gọi “Kế hoạch Bình định xây dựng”. Nội dung cơ bản là tăng cường hệ thống kìm kẹp ở cơ sở với việc tổ chức đào tạo đội ngũ công chức và tiến hành bầu cử chính quyền xã, ấp; tăng cường quân số và trang bị vũ khí cho đội ngũ dân vệ, kết hợp với hoạt động hành quân càn quét của lực lượng chủ lực và địa phương quân nhằm bảo đảm kiểm soát xã, ấp 24 giờ/ngày; thực hiện cuộc chiến tranh giành dân bằng chương trình nông thôn hóa và chương trình cải cách điền địa.

Chương trình “Bình định và xây dựng” được thực hiện theo nguyên tắc: “cộng đồng hợp tác: được thể hiện trong ba chiều: giữa dân với dân, giữa dân với chính quyền và giữa các cơ quan của chính phủ với nhau nhằm mục đích phối trí chặt chẽ, kết hợp nhịp nhàng mọi nỗ lực cần thiết của chính quyền trong quốc sách bình định và xây dựng”. Với 8 mục tiêu:

“1. Đem lại an ninh cho 90% dân chúng và thiết lập chính quyền quốc gia trên toàn lãnh thổ;

2. Loại 33.000 cán bộ hạ tầng cơ sở VC;

3. Tổ chức thêm cho đủ 2.000.000 đoàn viên nhân dân tự vệ và trang bị 400.000 vũ khí;

4. Thiết lập chính quyền địa phương trong tất cả các xã, ấp toàn quốc;

5. Chiêu hồi 20.000 người hồi chánh;

6. Giảm thiểu số người tỵ nạn xuống dưới 1.000.000 người và định cư thay hồi cư 300.000 người;

7. Gia tăng nỗ lực thông tin tuyên truyền;

8. Phát triển kinh tế nông thôn"²⁰.

Chương trình được thực hiện bằng kế hoạch hai giai đoạn: giai đoạn 1 thực hiện trong 5 tháng (từ tháng 02 đến cuối tháng 6-1969) và giai đoạn 2 (từ tháng 7 cho đến hết năm 1969). Mục tiêu cụ thể được hoạch định cho từng nội dung với các giai đoạn như sau:

Kiểm soát chính quyền ấp và dân số: "đến cuối tháng 6-1969 sẽ là: 1.835 ấp và 1.458.690 dân... Đến cuối tháng 9-1969 thêm: 1.306 ấp và 1.069.969 dân... lỗi 14% dân... cộng với 79,2% đã kiểm soát được... 93,2%".

Về "bầu cử" chính quyền Sài Gòn ở xã, ấp, "đến cuối năm (1969), sẽ có thêm 719 xã và 3.910 ấp có chính quyền bầu cử, cộng với số 1.652 xã và 8.018 ấp đã bầu cử từ trước, tổng cộng sẽ có 2.371 xã và 11.923 ấp có chính quyền bầu cử trên tổng số là 2.552 xã và 13.821 ấp.

Còn lại 181 xã và 1.898 ấp không dự trừ trong kế hoạch bầu cử vì không còn dân hoặc còn quá ít dân theo báo cáo của các tỉnh. Số này đang cho phiê kiểm lại để lâm thời có biện pháp thích nghi theo chỉ thị của Tổng thống, như sáp nhập vào các xã, ấp lân cận chẳng hạn...".

20, *, **. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

Kế hoạch Phụng Hoàng* “mục tiêu trung ương đề ra là tiêu diệt 33.000 hạ tầng cơ sở VC, ấn định cho từng vùng trong giai đoạn 1 là 20.580 người và giai đoạn 2 là 12.420”.

Hoạt động "chiêu hồi"*** “ấn định tối thiểu cho toàn niên là

* **Chiến dịch/Kế hoạch/Chương trình Phụng Hoàng/Phụng Hoàng** (tiếng Anh: *Phoenix Program*) (1968-1975) là chiến dịch tình báo, ám sát bí mật trong chiến tranh Việt Nam được tiến hành bởi Tình báo nguy quyền Sài Gòn với sự phối hợp của Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA). Chương trình này được hoạch định với mục đích phát hiện và "vô hiệu hóa" - bắt giam, chiêu hàng, giết, hoặc kiểm chế - các cán bộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam “nằm vùng”, những người tuyển dụng và đào tạo cơ sở của cách mạng ở các xã, ấp miền Nam Việt Nam, cũng đồng thời là những người hỗ trợ các nỗ lực hoạt động đấu tranh vũ trang. Đầu tiên, chương trình được chỉ đạo bởi các cố vấn Hoa Kỳ khét tiếng như: Ivin Gi. Pácco (Evan J. Parker), sau đó bởi Tét Sắckolây (Ted Shackley) cùng các cấp phó Thômát Colino (Thomas Clines), Đônan Gơréc (Donald Gregg) và Risót Xécốt (Richard Secord). Đây là một phần của chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ (BT).

** **“Chiêu hồi”**: là một chính sách do Mỹ-ngụy đề ra trong chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam với nhiều thủ đoạn tâm lý chiến thâm độc nhằm kích động, dụ dỗ, lôi kéo các cán bộ, chiến sĩ của các lực lượng yêu nước giải phóng miền Nam Việt Nam buông súng bỏ ngũ đầu hàng Mỹ-ngụy. Thủ đoạn “chiêu hồi” của Mỹ-ngụy thường là dụ dỗ, tuyên truyền làm lung lạc ý chí của một số phần tử ham sống sợ chết, yếu hèn, tha hóa trong hàng ngũ cách mạng đầu hàng chúng, chúng thường dùng truyền đơn thả bằng máy bay hoặc bắn kèm với đạn pháo, và nhiều đợt phát thanh vô tuyến, v.v.. Chính sách này được Mỹ-ngụy áp dụng ở miền Nam trên cơ sở kinh nghiệm đàn áp thành công chống quân du kích của chuyên gia khét tiếng người Anh Rôbót Thôm-xơn (Robert Thompson) thuộc quân đội Anh ở Malaixia ... (BT).

20.000 người, cũng chia ra 2 giai đoạn cho từng vùng theo chiết tính như trên, thành: 12.600 hồi chánh trong giai đoạn 1 và 7.400 trong giai đoạn 2”*

Tổ chức "nhân dân tự vệ" (lực lượng Dân vệ của chính quyền Sài Gòn - TG) “đến 31-01-1969 đã tổ chức được 1.106.853 đoàn viên và trang bị được 170.000 vũ khí, còn 30.000 vũ khí đã đưa đến địa phương nhưng chưa được cấp, các tỉnh đã nhận được lệnh bổ khuyết gấp sự chậm trễ này. Mục tiêu ấn định cho năm 1969 là tổ chức thêm 1.000.000 đoàn viên và trang bị thêm 200.000 vũ khí, chia ra hai giai đoạn...: giai đoạn I: 625.000 đoàn viên tổ chức và 125.000 vũ khí trang bị; giai đoạn II: 375.000 đoàn viên tổ chức và 75.000 vũ khí trang bị”**.

Canh nông và nông tén: “quan trọng nhất là mục tiêu tăng gia sản xuất lúa. Về lúa mùa, năm 1968-1969 đã đạt được 4.680.000 tấn lúa thường và 200.000 tấn lúa Thân nông. Mục tiêu mùa 1969 phải đạt được tối thiểu 6.000.000 tấn. Bộ Canh nông đã phát động chương trình tăng gia sản xuất lúa Thân nông, dựa theo kết quả đã thu thập được đã ấn định mức canh tác tối thiểu cho từng tỉnh tổng cộng được 200.000 đầu sẽ thu được lãi 800.000 tấn lúa. Như vậy, còn 5.200.000 tấn lúa thường, so với mùa trước tăng 520.000 tấn, hy vọng sẽ đạt được với việc tăng thêm diện tích canh

*, ** Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

tác nhờ chương trình bình định và thủy nông cải tiến kỹ thuật, thêm phân bón, thêm vốn,...”.

Cải cách điền địa: “có rất nhiều chương trình..., nhưng từ trước đến nay, chỉ chú trọng vào chương trình A là cấp phát ruộng truất hữu và ruộng Pháp kiều. Nguyên nhân là vì chương trình này dễ thực hiện nhất nếu làm chưa xong, nghĩ chi đến các chương trình khác... Đến nay (tháng 2-1969) mới cấp phát được: 261.000 mẫu ruộng truất hữu trên tổng số 452.000 mẫu; 44.000 mẫu ruộng Pháp kiều trên tổng số 229.000 mẫu. Trên số cấp phát này thì có tới 80% được cấp bằng khoán mà phần lớn chưa được phát ra.... Về năm 1969, Bộ Cải cách điền địa dự trù là sẽ cấp phát 92.000 mẫu còn lại có canh tác và cho là ở trong vùng an ninh.... Dựa vào con số trên, trung ương tạm ấn định mức tối thiểu về diện tích và số bằng khoán phải cấp phát xong trong 2 giai đoạn, thêm số bằng khoán của 24.000 mẫu đã cấp xong năm 1967 và 1968 nhưng chưa phát được cho dân.

Về chương trình B, có tất cả 304.808 mẫu công điền công thổ, hầu hết tại miền Trung đã quân cấp cho đồng dân thụ hưởng, lưu truyền đã nhiều năm. Nếu nay đem cấp bán cho một số làm tư hữu e có sự phản ứng (theo ý kiến của chánh quyền địa phương). Theo thiếu ý, số công điền công thổ quân cấp này không có đóng thuế cho xã, hơn nữa nếu có cấp bán

* Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

thì cũng cấp bán cho những người hiện đang chiếm canh, thiết tưởng sẽ không có phản ứng chi mà xã sẽ còn hưởng được tiền cấp bán, tiền thuế về sau, lại còn hợp thức hóa một tình trạng kéo dài từ lâu. Nếu cần, xã sẽ giữ lại một số vừa đủ để thu huê lợi chi phí hằng năm.

Còn lại lô 50.000 mẫu (phần lớn ở Nam phân) hiện cho phát canh mà không qua cuộc đấu giá như trước đây. Bộ dự trù sẽ cấp bán trong năm 1969 lô 30.000 mẫu cho nông dân hiện chiếm canh.

Về chương trình C, có tất cả 220 địa điểm dinh điền và trại định cư với một diện tích là 148.995 mẫu và 165.600 nông dân. Nhưng đa số các địa điểm này nằm trong vùng chưa bình định xong nên chỉ mới đo đạc được 60.740 mẫu và 9.846 nông dân được cấp 22.306 mẫu. Trong năm 1969, Bộ dự trù cấp phát thêm lô 30.000 mẫu đã đo đạc...

Về chương trình D, có tất cả 331.920 mẫu ruộng chiếm canh bất hợp pháp có kê khai, trong số chỉ có 3.449 mẫu đã được điều chỉnh. Trong năm 1969, Bộ dự trù điều chỉnh thêm lô 5.000 mẫu....

Về chương trình E, con số của 2 Bộ Cải cách điền địa và (Bộ) Phát triển Sắc tộc không phù hợp nhau. Bộ sau này ước lượng dân thiếu số kiểm soát được đến nay là 561.206 người trên tổng số 833.230 người tập trung tại các tỉnh Vùng II (Vùng II Chiến thuật của chính quyền Sài Gòn* - TG).

* **Vùng chiến thuật** của quân đội chính quyền Sài Gòn (quân khu): Về mặt quân sự, năm 1961 chính quyền Sài Gòn thành lập các vùng chiến thuật, đến tháng 7- 1970 đổi tên là quân khu. Lúc đầu có 3 vùng chiến thuật được

Trong năm 1969, Bộ này đề nghị kiến điền 350.000 mẫu cho 70.000 gia đình (350.000 người) tại 7 tỉnh Cao nguyên và Kontum, Pleiku, Phú Bổn, Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức và Lâm Đồng. Nhưng với phương tiện và tình hình hiện hữu, Bộ Cải cách điền địa chỉ dự trù kiến điền lối 10.000 mẫu cho đồng bào Thượng tại 12 tỉnh Cao nguyên và Trung nguyên Trung phần.

Về chương trình F, Bộ Cải cách điền địa ước lượng nếu chánh phủ thành công trong việc giải thích và khuyến khích cho 2 bên chủ tá (chủ điền và tá điền - TG) đồng ý sẽ có lối 800.000 mẫu ruộng được cấp bán thêm cho nông dân trong 3 năm, riêng trong năm 1969 có lối 250.000 mẫu.

Về chương trình G, nếu hạ suất lưu trí từ 100 mẫu xuống 30 mẫu, Bộ Cải cách điền địa ước lượng có lối 1.000.000 mẫu để cấp bán thêm cho nông dân. Nhưng chương trình này chỉ thực hiện nếu chương trình thuận mãi (chương trình thương lượng giữa chủ điền và tá điền - TG) gặp trở ngại hoặc thất bại.

Ngoài ra, còn có vấn đề cải tiến công tác kiến điền theo không ảnh chỉ mới bắt đầu thực hiện thí điểm tại An Giang nhưng chưa

đánh số 1, 2, 3, đến năm 1964 lập thêm Vùng chiến thuật 4. Mỗi vùng chiến thuật do 1 quân đoàn phụ trách. Dưới vùng chiến thuật là các khu chiến thuật do 1 sư đoàn phụ trách. Bộ tư lệnh quân đoàn đồng thời là Bộ tư lệnh vùng chiến thuật (trừ quân đoàn 2), còn Bộ tư lệnh sư đoàn đồng thời là Bộ tư lệnh khu chiến thuật. Quân ngũ Sài Gòn có các vùng chiến thuật sau: Vùng 1 chiến thuật, Bộ chỉ huy ở Đà Nẵng; Vùng 2 chiến thuật, Bộ tư lệnh vùng 2 chiến thuật ở Nha Trang, nhưng Bộ tư lệnh quân đoàn 2 ở Pleiku; Vùng 3 chiến thuật, Bộ chỉ huy ở Biên Hòa; Vùng 4 chiến thuật, Bộ chỉ huy ở Cần Thơ... (BT).

có kết quả và vấn đề thành lập Ngân hàng Phát triển điện địa hoặc Ngân hàng Nông thôn theo kiểu Rural Banks của Phi Luật Tân (Philippin - TG) cũng đang trong vòng nghiên cứu.

Tóm lại về mặt cải cách điện địa, kết quả thu hoạch được còn rất khiêm nhường và còn nhiều chương trình chỉ mới thành hình trên lý thuyết"²¹.

Để thực hiện mục tiêu này, chính quyền Sài Gòn huy động "lôi 2.927 trung đội, dù cho giai đoạn 1 là 1.935 ấp, theo tiêu chuẩn tối thiểu 1 trung đội cho 1 ấp mục tiêu"²² vào các cuộc hành quân yểm trợ bình định. Lực lượng này bao gồm:

Chủ lực quân: 31 tiểu đoàn và 1 đại đội;

Địa phương quân: 535 đại đội và 3 trung đội;

Nghĩa quân: 1.034 trung đội;

Dân sự chiến đấu: 1 đại đội²³.

"Dành cho giai đoạn 2, sẽ có thêm một số lực lượng rút bớt ở các ấp gần đã bình định xong, thêm 278 đại đội địa phương quân, tương đương 834 trung đội, tân tuyển và sử dụng được khoảng 70% vào thượng tuần tháng 7-1969 để yểm trợ cho 1.306 ấp mục tiêu giai đoạn 2"²⁴.

Đi vào thực hiện, trong năm 1969, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện 11.461 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên và 10.980 cuộc hành quân cấp đại đội để yểm trợ cho bình định nông

21, 22, 23, 24. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 92: Chương trình thuyết trình tại dinh Tổng thống ngày 27-02-1969 của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

thôn, tăng gấp 2 lần so với năm 1968 (8.654 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên và 2.399 cuộc hành quân cấp đại đội)²⁵. Việc tập trung tối đa tiềm lực quân sự vào yểm trợ chương trình bình định đã mang lại cho chính quyền Sài Gòn một số kết quả nhất định. Theo Báo cáo của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, tính đến 31-12-1969, chính quyền Sài Gòn khoe khoang là:

“Đã kiểm soát được tất cả 10.094 ấp trên tổng số 10.706 ấp kiểm kê (tức 94,3%), chỉ còn 612 ấp chưa kiểm soát (tức 5,7%). Về dân số, đã kiểm soát được 17.067.000 dân trên tổng số 17.551.416 (tức 97,2%) chỉ còn 483.622 chưa kiểm soát (tức 2,8%)”...²⁶

Năm 1969, nhằm thực hiện mục tiêu "tiêu diệt cơ sở hạ tầng cách mạng", chính quyền Sài Gòn công khai hóa Chiến dịch Phụng Hoàng, huy động bộ máy quân sự, tình báo, cảnh sát quốc gia,... vào thanh trừng, lùng sục ở nông thôn. Đến cuối năm 1969, theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, chúng rêu rao rằng, có tới 33.555 đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và quần chúng cách mạng bị vô hiệu hóa. Trong đó, 7.270 người bị bắt và 17.310 người bị sát hại²⁷.

Về bộ máy hành chính, năm 1969 được chính quyền Sài Gòn coi là năm bản lề của chương trình bình định về cải tổ bộ

25, 26, 27. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển (1968-1971) của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

máy hành chính các cấp. Tại trung ương, trong năm 1969, chính quyền Sài Gòn cho thành lập một loạt các cơ quan có chức năng giám sát hành pháp, nhằm rêu rao "tính chất dân chủ" của chế độ thực dân mới. Như: Hội đồng Văn hóa Giáo dục (theo Luật số 5/69 ngày 02-5-1969); Đặc biệt Pháp viện (theo Luật số 12/69 ngày 24-9-1969); Hội đồng Kinh tế Xã hội (Luật số 13/69 ngày 25-9-1969); Hội đồng các Sắc tộc (Luật số 14/69 ngày 14-10-1969); Hội đồng An ninh quốc gia (Luật số 15/69 ngày 20-10-1969); Hội đồng Thẩm phán (Luật số 16/69 ngày 20-10-1969); Hội đồng Quân lực (Luật số 17/69 ngày 31-10-1969).

Thực hiện chính sách "tăng quyền hạn cho bộ máy cấp cơ sở, ngày 01-01-1969, chính quyền Thiệu ban hành Luật số 001/69 bãi bỏ Tòa Đại biểu chánh phủ, nhằm cắt giảm cấp trung gian. Sau đó, ngày 01-4-1969, chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 045/SL/NV để "tăng cường thành phần và quyền hạn" cho Ủy ban Hành chánh xã và Ban Trị sự ấp. Đồng thời, năm 1969, chính quyền Sài Gòn cơ bản hoàn thành tổ chức "bầu cử bộ máy chính quyền ở xã, ấp". Đến ngày 31-12-1969, chính quyền Sài Gòn đã hoàn thành bầu cử cho 2.033 xã và 9.850 ấp²⁸.

Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, kế hoạch bình định năm 1969 của chính quyền Sài Gòn tập trung vào cái gọi là

28. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển (1968-1971) của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

chương trình “người cày có ruộng”, chính sách “cơ giới hóa nông nghiệp và tăng gia sản xuất”. Đối với cái gọi là chương trình “người cày có ruộng” năm 1969, chính quyền Sài Gòn đã “cấp phát” 92.369 mẫu²⁹. Trong sản xuất nông nghiệp, cùng với cơ giới hóa, chính quyền Sài Gòn gia tăng chương trình sản xuất lúa “Thần Nông”. Đến cuối năm 1969, diện tích sản xuất lúa “Thần Nông” của chính quyền Sài Gòn lên tới 203.582 mẫu³⁰.

Năm 1970, chính quyền Sài Gòn thực hiện bước thứ 2 chương trình “Bình định nông thôn” bằng kế hoạch “*Bình định và phát triển*”. Ngoài việc tiếp tục hoàn thành các mục tiêu nhằm kìm kẹp nhân dân miền Nam Việt Nam trong các vùng tạm chiếm bằng tăng cường bộ máy kiểm soát xã, ấp, tổ chức dân vệ,... như kế hoạch bình định năm 1969, ở bước 2, chính quyền Sài Gòn tập trung vào các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; tiến hành cải tổ bộ máy hành chính thông qua tổ chức bầu cử chính quyền tỉnh, bầu cử tổng thống nhiệm kỳ II. Chương trình này cũng được thực hiện trong hai giai đoạn (giai đoạn I từ ngày 01-01-1970 đến ngày 30-6-1970; giai đoạn II từ tháng 7 đến tháng 12-1970) với 8 mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu 1 - “An ninh lãnh thổ”;

Mục tiêu 2 - “Triệt hạ cơ sở hạ tầng VC”;

29, 30. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển (1968-1971) của Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương, Phủ Thủ tướng VNCH.

Mục tiêu 3 - "Nhân dân tự vệ";

Mục tiêu 4 - "Hành chính địa phương";

Mục tiêu 5 - "Đại đoàn kết dân tộc";

Mục tiêu 6 - "Cải tiến đời sống nạn nhân chiến cuộc";

Mục tiêu 7 - "Thông tin đại chúng";

Mục tiêu 8 - "Thịnh vượng chung".

Để cho phù hợp với tên gọi của kế hoạch, Hội đồng Bình định và Xây dựng Trung ương của chính quyền Sài Gòn cũng được đổi tên thành Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương.

Thực hiện kế hoạch, trong ba tháng đầu năm 1970 dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã huy động đến mức tối đa các lực lượng quân sự, an ninh cảnh sát vào các cuộc hành quân càn quét và lùng sục bắt bớ. Cụ thể, đến tháng 3-1970, chính quyền Thiệu đã thiết lập tại các xã 1.689 phân chi Cảnh sát quốc gia với 7.894 người³¹. Đối với lực lượng dân vệ, bằng việc cưỡng ép các em từ 7 tuổi trở lên vào cái gọi là "Thiếu nhi Tự vệ", chính quyền Sài Gòn đã tổ chức 3.389.577 trên số dự trừ 3.700.000 dân vệ và cấp phát 409.924 trên số dự trừ 460.000 vũ khí (với các loại súng trung liên và Carbine M2 - Carbine liên thanh)³². Ngoài ra, còn có sự hỗ trợ của quân đội với 7.204 cuộc hành quân³³.

31, 32, 33. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

TỔ CHỨC DÂN VỆ CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN
(tính đến ngày 31-3-1970)³⁴

VÙNG CHIẾN THUẬT	CHIẾN ĐẤU		HỖ TRỢ		TỔNG SỐ	
	Ấn định ³⁵	Thực hiện	Ấn định	Thực hiện	Ấn định	Thực hiện
I	237.200	192.472	397.800	386.121	635.000	578.539
II	236.000	221.340	409.000	294.674	645.000	516.014
III	482.000	477.225	628.000	494.069	1.110.000	971.290
IV	444.800	458.500	865.200	865.100	1.310.000	1.323.610

34. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

35. Dự trừ thực hiện trong giai đoạn 1 đến hết ngày 30-6-1970.

HOẠT ĐỘNG HÀNH QUÂN YẾM TRỢ BÌNH ĐỊNH NÔNG THÔN CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

(3 tháng đầu năm 1970)³⁶

VÙNG CHIẾN THUẬT	An ninh lãnh thổ			Mở rộng khu vực			Tổng cộng		
	CLQ ³⁷	ĐPQ	NQ	CLQ	ĐPQ	NQ	CLQ	ĐPQ	NQ
I	-	168	839	-	27	78	-	195	917
II	9	333	1.274	1	16	39	10	349	1.313
III	2	341	1.023	3	17	13	5	358	1.036
IV	-	375	2.218	3	135	290	3	510	2.508
Cộng	11	1.217	5.354	7	195	420	18	1.412	5.774

Ngày 24-4-1970, dưới sự chủ tọa của Nguyễn Văn Thiệu, Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương chính quyền Sài Gòn họp tổng kết kết quả bình định ba tháng đầu năm 1970. Thành phần tham dự gồm:

36. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

37. CLQ: Chủ lực quân; ĐPQ: Địa phương quân; NQ: Nghĩa quân.

Nội các Trần Thiện Khiêm - Thủ tướng chính quyền Sài Gòn (1969-1975): Thủ tướng, Phó Thủ tướng; các quốc vụ khanh: Đặc trách Văn hóa, Đặc trách Tái thiết và Phát triển, Nguyễn Tiến Hỷ, Phan Quang Đán; 16 tổng trưởng (Ngoại giao, Quốc phòng, Tư pháp, Kinh tế, Tài chính, Phát triển Nông thôn, Thông tin, Chiêu hồi, Cải cách Điền địa và phát triển Nông ngư nghiệp, Công chính, Giao thông và Bưu điện, Y tế, Xã hội, Cựu chiến binh, Lao động, Phát triển Sắc tộc), Bộ trưởng Phủ Thủ tướng và Thứ trưởng Nội vụ; An ninh quân sự có: Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH, Tư lệnh Địa phương quân và Nghĩa quân, Tổng Giám đốc Cảnh sát quốc gia, Tổng Giám đốc Thanh niên; Tài chính có: Tổng Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển nông nghiệp.

Uyliam Cônбай (William. E. Colby)* - người đứng đầu CIA Hoa Kỳ tại Sài Gòn và chịu trách nhiệm về chương trình Phụng Hoàng ở miền Nam Việt Nam, cùng các phụ tá Giacốpxon (Jacobson) và Mắcmauây (McManaway).

Tại phiên họp, theo báo cáo của Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương, ba tháng đầu năm 1970 (từ ngày 01-01-1970 đến ngày 31-3-1970), trên các mục tiêu cơ bản, chính quyền Sài Gòn đã đạt được một số công việc sau:

Mục tiêu 1 về an ninh lãnh thổ:

* Uyliam Cônбай: (William Egan Colby 1920-1996): Trùm CIA tại Sài Gòn từ năm 1959 đến năm 1962, sau trở thành chuyên gia hàng đầu của CIA về Việt Nam, chỉ đạo chương trình chống du kích ở miền Nam Việt Nam. Sau này là Giám đốc CIA trong chính quyền Níchxon và Pho.

"1. Tình trạng kiểm soát ấp và dân số:

a) Vùng hoàn toàn kiểm soát (ABC). Dân số: 15.900.000/17.723.600, tỷ lệ 89,7%. Ấp: 9.537/11.723, tỷ lệ 81,3%....

b) Vùng tranh chấp (DE). Dân số: 1.320.200, tỷ lệ 7,5%. Ấp: 1.361, tỷ lệ 11,6%....

c) Vùng Việt cộng kiểm soát (V). Dân số: 347.000, tỷ lệ 1,9%. Ấp: 646, tỷ lệ 5,5%.

d) Vùng không lượng giá được (N). Dân số: 156.400, tỷ lệ 0,9%. Ấp: 184, tỷ lệ 1,6%.

2. Mở rộng khu vực kiểm soát:

... Các VCT (Vùng chiến thuật - TG) còn mở rộng khu vực kiểm soát bằng cách bình định 442 ấp DEV để nâng lên C và kiểm soát 344.176 dân trong giai đoạn I (01-01-1970 đến 30-6-1970)"³⁸.

Mục tiêu 2 - triệt hạ cơ sở hạ tầng VC, chính quyền Sài Gòn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến dịch Phụng Hoàng với mục tiêu cụ thể là vô hiệu hóa 10.800 hạ tầng cơ sở cách mạng trong giai đoạn 1 năm 1970. Đến ngày 31-3-1970, theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, đã có 6.145 cán bộ hạ tầng cơ sở cách mạng bị vô hiệu hóa³⁹.

Mục tiêu thứ 4 - phát triển cộng đồng xã, ấp. Trong ba tháng đầu năm 1970, chính quyền Sài Gòn đã đưa 9/31⁴⁰ xã và

38, 39. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

40. Số dự trừ thực hiện trong cả giai đoạn I năm 1970.

35/234 ấp "lưu vong" về làm việc tại chỗ; thiết lập chính quyền lâm thời ở 8/9 xã và 1/247 ấp; tiến hành "bầu cử" 719/1.008 hội đồng xã và 993/3.867 trường ấp; bổ sung 17.690/18.109 nhân viên "Ủy ban hành chính" xã và 44.895/52.610 nhân viên ban trị sự ấp, cùng 909/2.987 nhân viên kỹ thuật cho xã, ấp và tổ chức huấn luyện cho 7.952/31.183 nhân viên xã, ấp⁴¹. Tổng kết đến ngày 31-3-1970:

"Số xã có chánh quyền bầu cử làm việc tại chỗ: 1.994.

Số xã có chánh quyền bầu cử lưu vong: 44.

Số xã có chánh quyền lâm thời làm việc tại chỗ: 61.

Số xã có chánh quyền lâm thời lưu vong: 39.

Số xã chưa có chánh quyền hành chánh: 13.

Số ấp có chánh quyền bầu cử làm việc tại chỗ: 9.743.

Số ấp có chánh quyền bầu cử lưu vong: 132.

Số ấp có chánh quyền lâm thời làm việc tại chỗ: 190.

Số ấp có chánh quyền lâm thời lưu vong: 191.

Số ấp chưa có chánh quyền hành chánh: 266"⁴².

Đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh, chính quyền Sài Gòn ban hành một loạt văn bản chuẩn bị cho cuộc "bầu cử" cho cái gọi là hội đồng đô thành, tỉnh và các thị xã dự trù vào ngày 28-6-1970.

Mục tiêu 8 - thịnh vượng chung, chính quyền Sài Gòn

41, 42. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

tập trung vào chương trình cải cách điền địa và tăng gia sản xuất nông ngư nghiệp. Đối với chương trình cải cách điền địa, âm mưu "là tranh thủ nông dân với địch (cách mạng), một mục tiêu nặng về chính trị và xã hội hơn là kinh tế"⁴³, chính quyền Sài Gòn thực hiện chậm chạp và nhỏ giọt. Theo báo cáo của Bộ Cải cách điền địa và Phát triển nông ngư nghiệp chính quyền Sài Gòn, ba tháng đầu năm 1970, chính quyền Sài Gòn chỉ thực hiện được 32% chỉ tiêu đề ra, tương đương với việc cấp phát 16.229ha trên số dự trù 51.224ha. Trong khi, với việc đổ tiền viện trợ ồ ạt vào nông thôn (chính quyền Sài Gòn dự trù cấp 4.630.894 đồng cho chương trình "người cày có ruộng" và tăng gia sản xuất ở nông thôn), về gia tăng sản xuất (như tăng diện tích lúa "Thần Nông", lúa "Miến", nhập giống heo từ Hoa Kỳ,...), chính quyền Sài Gòn đều đạt 100% chỉ tiêu đề ra⁴⁴. Nhưng do chạy theo phong trào, giá trị của các chương trình gia tăng sản xuất trên thực tế chỉ tập trung ở một số vùng và một số thành phần của xã hội, mà không mang lại giá trị thiết thực cho người nông dân như chính quyền Thiệu vẫn rêu rao. Báo cáo của Bộ Cải cách điền địa và Phát triển nông ngư nghiệp chính quyền Sài Gòn cho thấy, việc khan hiếm phân bón, thuốc sát trùng và phương tiện cho trồng trọt ở các Vùng I và II chiến thuật; còn việc cấp

43, 44. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 131: Tài liệu họp Hội đồng Bình định và Phát triển Trung ương VNCH ngày 24-4-1970.

phát nông tín (chương trình cho nông dân vay vốn) thì chưa được thực hiện đúng mức,...

Cũng vì phát triển mang tính phong trào, nên kết thúc 6 tháng đầu năm 1970, chương trình bình định của chính quyền Sài Gòn có dấu hiệu sa sút. Trước thực trạng đó, ngày 03-6-1970, Nguyễn Văn Thiệu ra chỉ thị thực hiện “kế hoạch đặc biệt” nhằm “lấy lại khí thế tích cực hăng say và chủ động đã bị sa sút từ đầu năm đến giờ (tháng 6-1970)”⁴⁵ cho giai đoạn II của chương trình bình định năm 1970. Thực hiện chỉ thị của Nguyễn Văn Thiệu, 6 tháng cuối năm 1970, quân đội Sài Gòn lại được huy động vào các cuộc hành quân yểm trợ bình định. Tính chung cả năm 1970, quân đội Sài Gòn thực hiện 32.201 cuộc hành quân, tăng hơn 43% so với năm 1969, gồm 8.418 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên và 23.783 cuộc hành quân cấp đại đội⁴⁶. Trong khi chiến dịch Phụng Hoàng vô hiệu hóa 22.019 cơ sở cách mạng (7.078 bị bắt, 7.946 bị sát hại)⁴⁷. Với sự gia tăng mạnh các cuộc hành quân càn quét và hoạt động lùng sục, cuối tháng 9-1970, báo cáo đánh giá tình hình các ấp ở miền Nam Việt Nam của cố vấn Hoa Kỳ - ký hiệu HES (Hamlet Evaluation Survey), đưa ra những số liệu “khả quan”:

45. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 130: Những chỉ thị của Tổng thống trong phiên họp Hội đồng Bình định phát triển Trung ương ngày 03-6-1970.

46, 47. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc Bình định phát triển trong 4 năm (1968-1971) của Phủ Thủ tướng VNCH.

"Dân số toàn quốc (miền Nam Việt Nam - TG) ghi nhận là 17.616.100 người phân chia như sau:

a) Vùng chánh phủ (chính quyền Sài Gòn - TG) kiểm soát (AB+C+E): 17.454.100 người tức 99,1% dân số toàn quốc..., gồm:

Vùng AB: 14.576.000 người, tỷ lệ 82,7%.

Vùng C: 1.937.100 người, tỷ lệ 11%.

Vùng DE: 941.000 người, tỷ lệ 5,4%.

b) Vùng chánh phủ chưa hoàn toàn kiểm soát (V): 126.500 người, tỷ lệ 0,7%.

c) Vùng N (không lượng giá vì thiếu yếu tố): 35.500 người, tỷ lệ 0,2%.

Số ấp khóm toàn quốc ghi nhận là 11.811, gồm 10.808 ấp lượng giá (ấp đã kiểm kê),... phân chia như sau:

a) Ấp khóm chánh phủ kiểm soát (AB+C+DE): 11.444, tức 96,9%..., gồm:

Ấp khóm AB: 8.251, tỷ lệ 69,9%.

Ấp khóm C: 2.136, tỷ lệ 18,1%.

Ấp DE: 1.057, tỷ lệ 8,9%.

b) Ấp chánh phủ chưa hoàn toàn kiểm soát (V): 277, tỷ lệ 2,3%.

c) Ấp loại N: 90, tỷ lệ 0,8%"⁴⁸.

Cuối năm 1970 (tính đến ngày 31-12-1970), chính quyền Sài Gòn báo cáo đã kiểm soát được 11.781 khóm ấp (tương đương

48. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 401: Phiếu đệ trình số 469/PTT/VoV/QSV/1 ngày 19-10-1970 của Võ phòng Phủ Tổng thống VNCH về tài liệu HES tháng 9-1970.

99,2% tổng số khóm ấp), 17.835.600 dân số (tương đương với 99,8% dân số miền Nam) và hoàn thành bầu cử ở 2.097 xã và 10.229 ấp⁴⁹.

Sang năm 1971, lạc quan với việc cơ bản hoàn thành kìm kẹp nhân dân miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn nâng chương trình bình định lên thành “Kế hoạch Cộng đồng tự vệ và Cộng đồng phát triển địa phương mà mục tiêu chính là tự phòng, tự quản và tự túc phát triển”⁵⁰. Theo đánh giá của ký giả Tad Szulc trên tờ “Thời báo Niu Oóc” (New York Times) ngày 8-4-1971, đây là kế hoạch đầy tham vọng với chi phí khổng lồ, mà riêng khoản chi của Hoa Kỳ ước tính lên tới 1 tỷ Đô la Mỹ.

“Washington - The most ambitious and costly pacification program yet planned for South Vietnam has been put into effect by Sai Gon and Washington.

Reportedly costing the United States considerable more than one billion and Sai Gon an undisclosed sum, the 1971 “Community Defense and Local Development Plan” would greatly expand pacification activities, which are aimed at destroying Communist subversive forces and widening self-government and development....

Administration officials were unable to provide cost figures to the United States for previous pacification programs, but they said that the current plan, financed almost entirely in its military, security and civilian aspects by the Defense

49, 50. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển trong 4 năm (1968-1971) của Phủ Thủ tướng VNCH.

Department and Central Intelligence Agency, was much more costly because of its increased scope"⁵¹.

Khác tên gọi nhưng về mục tiêu, nội dung và phương pháp thực hiện của chương trình bình định năm 1971 không có gì thay đổi so với chương trình trước đó. Mà để thực hiện, guồng máy an ninh, quân sự, tình báo của chính quyền Sài Gòn tiếp tục gia tăng mức độ vào các hoạt động tìm kẹp và lùng sục, bắt bớ ở nông thôn. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chính quyền Sài Gòn có sự phân nhiệm cụ thể. Quân đội Sài Gòn được tập trung vào các cuộc hành quân càn quét. Trong khi, trách nhiệm tìm kẹp nhân dân trong các khóm, ấp được giao lực lượng dân vệ và cảnh sát quốc gia.

Do đó, trong 6 tháng đầu năm 1971, trong khi hoạt động hành quân yểm trợ bình định của quân đội Sài Gòn có chiều hướng giảm xuống với 12.410 cuộc hành quân yểm trợ gồm 4.655 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên và 7.755 cuộc hành quân cấp đại đội⁵² (chỉ bằng 38% tổng số cuộc hành quân của năm 1970), thì số lượng "dân vệ" và "cảnh sát quốc gia" lại gia tăng chóng mặt. Tính đến ngày 31-7-1971, theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, số lượng "dân vệ" của chính quyền Sài Gòn đã lên tới gần 25% dân số miền Nam Việt Nam, với

51. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 151:U.S Press playbacks (reaction to Asian developments) April 8, 1971.

52. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển trong 4 năm (1968-1971) của Phủ Thủ tướng VNCH.

"4.405.133 đoàn viên, gồm: 1.387.670 đoàn viên chiến đấu trong đó có 635.231 đoàn viên nòng cốt; 3.017.463 đoàn viên hỗ trợ; huấn luyện quân sự cho: 1.297.672 đoàn viên chiến đấu, 2.274.546 đoàn viên hỗ trợ và trang bị cho 588.269 vũ khí cho đoàn viên chiến đấu"⁵³, tương đương 371 tên cho mỗi ấp. Đối với lực lượng cảnh sát quốc gia, đến ngày 31-7-1971, chính quyền Sài Gòn cho thiết lập 2.103 cuộc "cảnh sát quốc gia" xã trên tổng số 2.162 xã⁵⁴ và các phân chi tại mỗi ấp.

Đồng thời, tiếp tục duy trì chiến dịch Phụng Hoàng, trong 6 tháng đầu năm 1971 (tính đến ngày 15-7-1971), chính quyền Sài Gòn rêu rao trong báo cáo là đã vô hiệu hóa 7.472 cơ sở cách mạng trong đó 2.999 người bị sát hại. Với việc bắt bớ và sát hại vô tội vạ không cần xét xử của chính quyền Sài Gòn, sau 4 năm triển khai (1968-1971), chiến dịch Phụng hoàng đã bắt, tra tấn dã man 16.872 người và sát hại 40.994 người⁵⁵. Hành động của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn trong chiến dịch này đã bị dư luận trong và ngoài nước lên án mạnh mẽ. Vì vậy, để lừa bịp dư luận, năm 1971, chính quyền Sài Gòn đưa những người bị bắt ra kết án và giam cầm. Tính đến ngày 15-7-1971, ngoài hơn 16.000 người bị bắt (chưa xử án), chính quyền Sài Gòn đưa ra xét xử, kết án 2.388 người bị bắt trong năm 1971⁵⁶.

Bằng sự gia tăng tối đa tiềm lực của chế độ, đến giữa năm 1971, chính quyền Thiệu lạc quan đã cơ bản hoàn thành chương trình bình định với những con số "ấn tượng". "Số ấp chưa hoàn

53, 54, 55, 56. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển trong 4 năm (1968-1971) của Phủ Thủ tướng VNCH.

toàn kiểm soát chỉ còn 37; số dân chưa hoàn toàn kiểm soát chỉ còn 25.000 người; đến 15-7-1971 có 2.106 xã và 10.410 ấp bầu cử, nghĩa là 97 và 98% số xã, ấp"⁵⁷.

Tuy nhiên, trên tờ Thời báo Niu Oóc (New York Times) ngày 08-4-1971, ký giả Tad Szulc đã cho thấy có sự tranh cãi giữa các giới chức Hoa Kỳ về kế hoạch bình định của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đang thực hiện ở miền Nam Việt Nam. Trong đó không ít người đánh giá đây là kế hoạch "phi thực tế và giả tạo". Tad Szulc viết: "*Already in operation since March 1, and endorsed by the American command in Sai Gon, the new plan is reportedly the subject of wide controversy among Unites States officials, some of whom term it unrealistic and artificial*"⁵⁸.

Tiếp đó, ngày 25-5-1971, qua bài viết "*Erosion of Sai Gon control feared as pacification lags*" đăng trên báo "Baltimore Sun" (Mặt trời Bantimo), ký giả Maicon Pácko (Michael Parks), trên cơ sở nguồn tin từ các cố vấn Hoa Kỳ ở Sài Gòn, cho thấy những dấu hiệu "bất ổn" của chương trình bình định nông thôn. Bài báo nhận định:

"Sai Gon, May 26 - South Vietnam's high-priority pacification program is falling seriously short of its 1971 goals, undermining the government's longterm control of the countryside, according to American advisers...."

57. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 150: Kết quả công cuộc bình định phát triển trong 4 năm (1968-1971) của Phủ Thủ tướng VNCH.

58. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong "Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 151: U.S Press playbacks (reaction to Asian developments) April 8, 1971.

In addition, many American advisers report what one called "growing sense of accommodation or, at least, of wait-and-see". "The local officials feel there is no point in pushing a program the next president may not like or, for that matter, in antagonizing his Communist counterpart who may be running the district in another year or two", another American adviser said....

Advisers fear loss

These factors have led a growing number of American field and headquarters advisers to fear that the government will begin losing the countryside to the communists again unless the pacification program regains its momentum.

Top-ranking American officials, however, remain optimistic, noting that a growing proportion - now said to be 75 percent - of the country's 18 million people live in communities virtually free of Communist influence....

In the provinces around Sai Gon and in the Mekong Delta to the south, American advisers frankly acknowledge that little progress has been made since the 1971 pacification program went into effect March 1.

Phoenix Program

In the 3 1/2 year old Phoenix program, an average of more than 1900 suspected Vietcong agents are being killed, jailed or are defecting each month, according to official figures. This is far above the goal of 1200 a month and better than last year's average of about 1850 a month.

But less than per cent of these agents, estimated to total

63,000 nationwide, are eliminated because government forces indentified and tracked them down - the purpose of the Phoenix program.

In addition, only a third were known to be Communist agents or sympathizers before their elimination and only a fourth are actually members of the South Vietnamese Communist party....

Other priority pacification program also are lagging in the view of American advisers....

American advisers in the countryside also report serious delays in planning new community projects, such as additional classrooms for village schools, and in turning over more authority to elected local officials"⁵⁹.

Thực tế đúng như nhận định của báo giới, kết quả của chương trình "bình định nông thôn" ở miền Nam Việt Nam chỉ mang tính phong trào và giả tạo. Do đó, nó nhanh chóng bị sụp đổ bởi cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng. Từ kiểm soát trên 99% xã ấp và dân số, đến ngày 30-6-1972, chính quyền Sài Gòn báo cáo "việc kiểm soát ấp A về quân sự đã sút giảm từ 35,5% vào cuối tháng 2-1972 xuống 27,3% vào cuối tháng 4-1972,.... Số ấp V chỉ còn 7 ấp từ đầu kế hoạch đã gia tăng lên 1.009 ấp"⁶⁰.

59. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 151: Tờ trình ngày 22-6-1971 của Phụ tá Đặc biệt về Quân sự và An ninh Phủ Tổng thống VNCH về bài báo của Michael Parks.

60. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 170: Kết quả thực thi kế hoạch tứ niên Cộng đồng tự vệ và cộng đồng phát triển địa phương 1972-1975 (tính đến 30-6-1972).

3. Mở rộng và leo thang chiến tranh ra toàn Đông Dương

“Tăng cường quân đội Sài Gòn” đủ khả năng chiến đấu thay thế quân viễn chinh Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam là nội dung chính yếu thứ hai của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Nội dung cụ thể của chương trình là dùng viện trợ của Hoa Kỳ tối tân hóa và nâng số lượng quân đội Sài Gòn lên 1.100.000 quân vào cuối năm 1971.

Đi vào thực hiện, ngày 26-7-1969, Nguyễn Văn Võ - Tổng trưởng Bộ Quốc phòng của chính quyền Sài Gòn gửi sự vụ văn thư cho Crâyton. U.Abram (Creighton W.Abrams) - Đại tướng Hoa Kỳ*, cơ quan viện trợ quân sự Hoa Kỳ, về chương trình phát triển quân đội Sài Gòn và yêu cầu có số viện trợ tương ứng. Theo đó, trong năm 1970, bên cạnh vũ khí và phương tiện chiến tranh, chính quyền Sài Gòn cần khoản viện trợ 111,4 tỷ (tiền Sài Gòn) để tăng quân số lên 1.016.077 quân. Cụ thể:

“The projected Armed Forces strength for CY 1970 is 1,016,077 men. The force level will consist of:

Regular Forces: 469,662

Regional Forces: 264,360

Popular Forces: 282,055

Detailed information on the RVNAF Force levels along with justification of the requirement for activation of new units have been transmitted to your Command by the RVNAF JGS/J3.

It is requested that you approve the proposed RVNAF Force

* Crâyton Uyliam Abram (Creighton William Abrams Jr: 1914-1974): Đại tướng - Tư lệnh quân đội viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam từ 1968-1972 (BT).

levels for CY 1970 so that our Armed Forces will be able to accomplish efficiently their vital mission of pacifying the national territory.

During the Midway Conference in June, the MOND presented to the President of the United States and to the President of the Republic of Vietnam the anticipated increase on our CY 1970 defense budget funds. This anticipated increase is necessary to support our government's plan to build up and modernize the Republic of Vietnam Armed Forces.

Such an increase in budget spending would cause tremendous strain upon the financial base of the Nation, therefore we submitted to the Government of the United States several proposals for consideration. The proposals were aimed at providing a means to financially support the essential requirements of our Armed Forces. They were:

- 1. Regarding various types of logistical materials that are being supplied thru the Military Assistance Funded Program, we recommended that maximum support of the commercial consumables be furnished.*

- 2. Regarding the furnishing of US Aid Funds (Joint Support), we recommended that the amount of JS be increased to 40% of the total annual defense budget.*

- 3. We also recommended that a new funding system for United States Support to the Republic of Vietnam Armed Forces be studied and developed. This proposed system would either provide US Dollars directly to the Republic of Vietnam which would be equivalent to the Joint Support contribution, or direct*

support to the Republic of Vietnam Armed Forces, financially and materially, in the same manner that the combat contingents of Third Country Forces are currently furnished.

The MOND budget estimates for Calendar Year 1970 have now been formulated and consolidated at total amount of 111.4 billion Vietnamese piasters. As these estimates are being reviewed by your staff, we sincerely hope that the above recommendations will be carefully studied and favorably supported by your command.

We recommend that you give first priority consideration to our first and second proposals. These relate to the Military Assistance Service Funded program and the increasing Joint Support, and are being governed by the current US Aid system. This system can be implemented conveniently.

To provide your command with additional data for consideration of our proposals, the following information is furnished:

- 1. Regarding the MASF program, maximum support of the materials referred to as commercial consumables will be furnished by the USG. The in-country procurement of locally Produced items with defense budget funds will continue at the minimum level, and will only cover the balance of requirements. The quantity of materials to be procured in-country will be determined based on an average production capability rather than relying upon the estimated maximum output of the VN industry. This is to alleviate excessive factors relating to price, quality and date of delivery.*

2. Regarding Joint Support, we sincerely hope that, along with a possible increase of US Aid Funds to 40% of the total defense budget, the USG will extend its support of other types of expenditures with JS, and allow flexibility in the use of JS funds to be provided for in the budget. Currently, Joint Support funds are mostly placed in the area of material procurement, with stipulation that procurement of items other than those designated by your Command will not be authorized. This restriction does not permit the MOND to acquire other types of materials that are required to meet new needs or to use surplus funds to offset deficits in other areas"⁶¹.

61. Lược dịch: "Quân số quân lực VNCH trong năm 1970 được dự trù 1.016.077 quân:

Chủ lực quân: 469.622

Địa phương quân: 264.360

Nghĩa quân: 282.055

Quân số này rất cần để có thể thực hiện hữu hiệu công cuộc bình định lãnh thổ quốc gia. Tại Hội nghị Midway vào tháng 6, Bộ trưởng Quốc phòng đã trình bày với Tổng thống Hoa Kỳ và VNCH sự gia tăng dự kiến ngân sách quốc phòng năm 1970. Đây là sự gia tăng cần thiết để VNCH xây dựng và hiện đại hóa quân đội.

Nhưng sự gia tăng sẽ gây áp lực lớn cho ngân sách quốc gia, do đó chúng tôi trình Chính phủ Hoa Kỳ một số đề xuất viện trợ cho các yêu cầu thiết yếu của quân đội VNCH. Đó là:

1. Về các loại quân nhu do Chương trình Viện trợ Quân sự đài thọ, xin được viện trợ tới mức tối đa.

2. Về chương trình viện trợ chung, đề nghị được tăng lên 40% tổng số ngân sách quốc phòng hàng năm.

Qua năm 1970, sự tăng quá nhanh lực lượng quân sự đã đặt áp lực nặng nề lên nền kinh tế vốn đã phụ thuộc vào viện trợ của Sài Gòn. Vì vậy, tháng 01-1970, Nguyễn Văn Thiệu chỉ thị cho Bùi Diễm - Đại sứ chính quyền Sài Gòn tại Hoa Kỳ, tiếp xúc với các quan chức cao cấp Nhà Trắng, để thăm dò về các vấn đề liên quan đến kế hoạch tăng cường quân đội Sài Gòn. Trong đó, nội dung chủ yếu là thăm dò khả năng viện trợ của Hoa Kỳ.

3. *Xin nghiên cứu và phát triển phương pháp viện trợ mới của Chính phủ Hoa Kỳ cho quân lực VNCH.*

Bộ Quốc phòng (chính quyền Sài Gòn - TG) yêu cầu cứu xét ngân sách quốc phòng niên khóa 1970 dự trù là 111,4 tỷ tiền Việt Nam (tiền Sài Gòn - TG). Chú trọng đến các đề nghị 1, 2 và lưu ý:

1. Về chương trình viện trợ quân sự, mức viện trợ tối đa về vật liệu tiêu thụ có thể mua ở thị trường sẽ do Chính phủ Hoa Kỳ cung cấp. Sự cung cấp những vật liệu nội địa do ngân sách quốc phòng VNCH đài thọ sẽ tiếp tục ở mức tối thiểu và quân bình nhu cầu đòi hỏi. Số lượng vật liệu cung cấp sẽ dựa vào mức sản xuất tối đa của nền kỹ nghệ Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG).

2. Về chương trình viện trợ chung, Bộ Quốc phòng VNCH mong với số kinh phí tăng lên 40% ngân sách quốc phòng, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ nới rộng sự viện trợ trên các loại chi tiêu khác và sẽ khiến cho sự sử dụng quỹ viện trợ được linh hoạt.

Nếu những kinh phí thuộc chương trình viện trợ chung chỉ được sử dụng hạn chế trong việc mua các phương tiện do Bộ Tư lệnh Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ (COMUSMACV) đề ra, thì Bộ Quốc phòng VNCH không thể mua các phương tiện khác do nhu cầu mới đòi hỏi và không thể sử dụng được những kinh phí thặng dư và như vậy sẽ gây ra sự thiếu hụt trong các lĩnh vực khác". Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 24196: Sự vụ văn thư số 1147/QP/TCTT/TC1/A/M ngày 26-7-1969 của Tổng trưởng Bộ Quốc phòng VNCH về chương trình hỗ trợ phát triển quân đội Sài Gòn năm 1970.

Bản phúc trình ngày 24-01-1970 của Bùi Diễm về các cuộc tiếp xúc cho thấy, bên cạnh viện trợ về vũ khí và quân trang, chính quyền Sài Gòn nhận được lời hứa xem xét đến việc viện trợ vật chất cho quân đội Sài Gòn của Menvin R.Leđơ* (Melvin R. Laird) - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ. Bản phúc trình của Bùi Diễm ghi rõ:

"Phần thảo luận về vấn đề này (viện trợ vật chất cho quân đội Sài Gòn - TG) đã chiếm một thời gian khá lâu, vì trước khi ông Laird gặp chúng tôi, cộng sự viên của ông đã gặp chúng tôi để được hiểu rõ tường tận vấn đề. Chúng tôi có đề cập tới tính cách quan trọng của vấn đề vì nó ảnh hưởng tới tinh thần chiến đấu của QLVNCH, một yếu tố quan trọng để có thể thực hiện được chương trình thay thế quân đội Hoa Kỳ bằng quân đội VNCH.

Chúng tôi cũng nêu rõ tình trạng tổng quát của tình hình kinh tế VNCH trong lúc này sẽ chứng tỏ rằng VNCH đã hết sức cố gắng và chỉ trông cậy vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ khi chính VNCH đã cố gắng tới mức tối đa. Chúng tôi đồng thời bằng tỉ dụ cụ thể trình bày tình trạng đời sống hết sức khó khăn của anh em quân nhân trong lúc này.

Và đặc biệt chúng tôi đề cập tới những vấn đề sau đây:

1. Giúp đỡ gạo cho quân nhân các cấp và gia đình quân nhân.
2. Giúp đỡ thêm lương khô để dùng khi hành quân.
3. Giúp đỡ để xây cất trại gia cư cho anh em quân nhân.
4. Giúp đỡ để mở mang thêm tổ chức quân tiếp vụ.

* **Menvin R.Leđơ (Melvin R. Laird: 1922):** Hạ nghị sĩ Hoa Kỳ (1953-1969), tiểu bang Uycôn-sin (Đảng Cộng hòa), Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ thời Tổng thống Mỹ Ních-xon (từ 1969-1973) (BT).

Vì đã hiểu rõ vấn đề, nên ngay sau đó ông Laird đã yêu cầu các công sự viên của ông phải liên lạc với VNCH và nghiên cứu tường tận các vấn đề đã được đặt ra. Ông xác nhận với chúng tôi tính cách quan trọng của vấn đề và hứa sẽ nghiên cứu thêm để tới tháng hai này sang Việt Nam, ông có thể đề cập vấn đề với Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu - TG)⁶².

Ngày 04-5-1970, Nguyễn Văn Thiệu gửi thư cho Níchxon, xin viện trợ để chu cấp lương bổng và chỗ ăn ở cho lực lượng quân đội. Ông ta viết:

"The amelioration of the living conditions of the Vietnamese soldiers has been a major preoccupation of the Vietnamese Government for a long time, because their very low salaries hardly provide them and their families a bare minimum for adequate living. It is however difficult for the Vietnamese Government to attempt a solution to this problem by raising their salaries, because this will increase even further our very large budgetary deficit. And at the same time aggravate the already serious inflationary pressures on our economy.

For these reasons, the Vietnamese Government has been concentrating on the efforts to improve the food and housing conditions of the ARVN soldiers. In this regard, we shall deeply value the help that the United States Government can give us both in terms of the plans involved. Concerning the housing

62. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Phúc trình ngày 24-01-1970 của Đại sứ quán VNCH tại Oasinhton.

plan for the ARVN soldiers, in particular, we shall appreciate it greatly if it could be carried out in less than four years, with United States help.

Let me, on this occasion, renew the heartfelt thanks of the Vietnamese Government and people for the great help that we have been receiving from the United States Government and people in our efforts to defend our freedom”⁶³.

Với viện trợ tối đa của Hoa Kỳ, từ cuối năm 1969, chính quyền Sài Gòn tập trung vào tăng quân số và cải tổ bộ máy quân sự theo mô hình của Hoa Kỳ. Ngày 02-10-1969, Bộ Quốc phòng chính quyền Sài Gòn vạch kế hoạch cải tổ quân đội Sài Gòn trong hai năm 1970-1971 với âm mưu thiết lập thể trận “chiến tranh nhân dân” chống lại “chiến tranh nhân dân” của cách mạng. Trong chủ trương phát triển quân sự hai năm 1970-1971, Bộ Quốc phòng VNCH ghi rõ: “chuyển hướng quốc phòng trên căn bản nhân dân, nhằm thực hiện sách lược chiến tranh chống Cộng với sự tham gia và đóng góp tích cực của nhân dân”⁶⁴. Theo đó, quân đội Sài Gòn sẽ cải tổ “trên 3 địa hạt: tư tưởng, kỹ thuật và vật chất theo chiều hướng tự lực, tự cường”⁶⁵. Mục tiêu cụ thể của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn là tập trung “mở rộng và giữ vững vùng kiểm soát quốc gia, đồng

63. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 588: Thư ngày 04-5-1970 của Nguyễn Văn Thiệu gửi Nixon.

64, 65, 66. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 318: Lược kê các công tác chính yếu thực hiện trong 2 năm 1970-1971 của Bộ Quốc phòng VNCH.

thời tiêu diệt các lực lượng và căn cứ CS; sẵn sàng thay thế các đơn vị đồng minh (Hoa Kỳ và các nước chư hầu - TG) cho đến mức độ mà đồng minh chỉ còn để lại Việt Nam lực lượng quân số 150.000 người"⁶⁶.

Thực hiện chủ trương và mục tiêu trên, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiến hành cải tổ quân đội theo các nội dung:

"1. Tổ chức quân lực:

a) Lãnh thổ sẽ được cải tổ với sự phân nhiệm riêng biệt quân đoàn và quân khu, mục đích để quân đoàn và sư đoàn lưu động hành quân 100%;

b) Phát triển ĐPQ/NQ (lực lượng "Địa phương quân" và "Nghĩa quân") để các lực lượng này tiếp nhận hoàn toàn trách nhiệm an ninh lãnh thổ, hầu có đủ khả năng yểm trợ trực tiếp cho các đoàn ngũ nhân dân tự vệ (Dân vệ - TG) địa phương;*

c) Cải tiến và hiện đại hóa các quân binh chủng: Không quân, Hải quân, Thiết giáp, Pháp binh, Truyền tin để gia tăng hiệu năng yểm trợ lực lượng lưu động hành quân và lãnh thổ".

2. Cải tổ lãnh thổ: vấn đề cải tổ lãnh thổ, tổ chức quân khu nhằm tạo lập một hệ thống chuyên biệt về an ninh lãnh thổ/BĐXD (Bình định xây dựng - TG) và một hệ thống hành quân....

Tuy nhiên tình hình hiện tại không cho phép gây mọi sự xáo trộn lớn có ảnh hưởng đến các nỗ lực hoạt động của quân lực và làm suy giảm kết quả về BĐXD....

* Hai trong số các sắc lính của quân ngụy Sài Gòn (BT).

Chiều hướng tốt nhất cho vấn đề sẽ là đi từ một giải pháp giản dị, ít xáo trộn, có kết quả và tiến dần đến giải pháp phân định riêng biệt hai tổ chức hành quân và lãnh thổ...

a) Lãnh thổ chia thành 6 quân khu phân ranh theo địa giới hành chính:

- Quân khu 1: lãnh thổ K11.CT (Khu 11 Chiến thuật -TG) và Biệt khu Quảng Đà;

- Quân khu 2: lãnh thổ K12.CT (Khu 12 Chiến thuật -TG), K22. CT (Khu 22 Chiến thuật - TG) và Biệt khu 24;

- Quân khu 3: lãnh thổ K23. CT (Khu 23 Chiến thuật - TG);

- Quân khu 4: lãnh thổ Vùng 3/CT (Vùng 3 Chiến thuật - TG);

- Quân khu 5 và Quân khu 6: lãnh thổ Vùng 4/CT (Vùng 4 Chiến thuật - TG) chia đôi;

b) Các BTL/Quân đoàn (Bộ Tư lệnh Quân đoàn - TG): hiện hữu sẽ được tổ chức lại:

- Một phần sáp nhập vào tổ chức quân khu;

- Một phần sẽ được cải tiến lại thành 2 BTL/Quân đoàn dã chiến.

+) BTL/Quân đoàn dã chiến sẽ trách nhiệm thuần nhất chiến thuật lưu động.

BTL/Quân đoàn thứ nhất trách nhiệm QK1 và QK2 (Quân khu 1 và Quân khu 2 - TG);

BTL/Quân đoàn thứ nhì trách nhiệm QK3 và QK4 (Quân khu 3 và Quân khu 4 - TG).

+) BTL/Quân đoàn dã chiến sẽ được tổ chức thích hợp để chỉ huy các sư đoàn cơ hữu và từ một đến hai sư đoàn tăng phái trong các cuộc hành quân quy mô ngoài khu vực BĐXD, bảo vệ giới tuyến và biên giới.

+) Các sư đoàn sẽ cải tổ lại để có 3 chiến đoàn cơ hữu. Ngoại trừ Sư đoàn 1 hoạt động vùng giới tuyến có 4 chiến đoàn. Các sư đoàn có khả năng chỉ huy nhiều chiến đoàn trong các cuộc hành quân.

Riêng QK5 và QK6 (Quân khu 5 và Quân khu 6 - TG) vẫn do các BTL/Sư đoàn liên hệ trách nhiệm riêng biệt.

c) Nhiệm vụ:

- Quân khu đặc trách an ninh lãnh thổ và bình định xây dựng;

- Quân đoàn dã chiến chịu trách nhiệm thuần nhất chiến thuật lưu động, biên phòng và yểm trợ chiến thuật cho quân khu.

3. Gia tăng quân số: quân số dự trù theo nhu cầu đến cuối năm 1970 là 1.016.077 người. Sang năm 1971, quân số sẽ phải tiếp tục gia tăng đến 1.100.000 người. Trong số này, hơn phân nửa là ĐPQ/NQ - lực lượng chính yếu để nắm vững vùng kiểm soát quốc gia và bảo vệ an ninh lãnh thổ. Số còn lại sẽ là lực lượng chủ lực quân và các đơn vị yểm trợ, không quân, hải quân và lực lượng biên phòng.

4. Về phương diện ngân sách, năm 1970 số nhu cầu của quân lực VNCH ước lượng lên tới 136 tỷ 300 triệu bạc (đơn vị tiền tệ của chính quyền Sài Gòn - TG) yểm trợ quân số 1.016.077 người.

Tuy nhiên, để cho việc cung ứng tài nguyên phù hợp với tình hình tài chính quốc gia, việc dự trù ngân sách quốc phòng 1970 được chia ra làm 2 giai đoạn:

1. Tạm dự trù trong đợt đầu (ngân sách nguyên thủy) là 112 tỷ bạc với quân số 952.137 người...

2. Qua năm 1970 sẽ lập bảng tu chỉnh gồm có phân gia tăng quân số lên 1.016.077 người và những nhu cầu đã phải tạm hoãn.

Sang năm 1971, với mức quân số dự trù là 1.100.000 người, ngân sách quốc phòng sẽ tăng lên khoảng 138 tỷ bạc.

Để bớt gánh nặng cho nền tài chính quốc gia, Bộ Quốc phòng xin đề nghị yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ nghiên cứu những biện pháp sau:

- Viện trợ trực tiếp bằng hiện vật tới mức tối đa những vật liệu tiếp vận cho QLVNCH;

- Tăng phân đóng góp bằng hiện kim (tức là chương trình viện trợ chung đầu bằng quỹ đôi giá) lên tới tỷ lệ 40% chi phí quốc phòng;

- Chuyển giao cho QLVNCH những doanh trại, quân dụng của các lực lượng Hoa Kỳ theo kế hoạch rút quân Hoa Kỳ.

5. Tối tân hóa quân dụng cho quân lực: trong năm 1970 và 1971 sẽ tiếp tục tiếp nhận các quân dụng (vũ khí, chiến cụ) do Hoa Kỳ thỏa hiệp viện trợ. Riêng vũ khí, loại mới sẽ trang bị cho quân lực, số vũ khí cũ (loại Garant, Carbine) sẽ trang bị cho nhân dân tự vệ.

- Lục quân:

a) Vũ khí:

+) Hoàn tất việc trang bị súng M-16 (602.899 khẩu);

+) Tiếp nhận thêm các loại súng cộng đồng 13.393 khẩu ĐL (đại liên - TG) M60 - 890 khẩu súng cối 81 M-29 và 251 khẩu SKZ 106 ly;

+) Tăng hỏa lực pháo binh: 722 khẩu ĐB 105 ly M-102 và 195 khẩu 155 ly M-59.

b) Quân xa:

+) Thay các loại xe cũ bằng loại mới 6.314 xe Jeep (M-151), 7.631 xe vận tải 2T5 (M-35A2);

+) Tăng cường 1.316 xe cơ giới công binh;

+) Thay thế các thiết giáp cũ bằng 202 xe thiết giáp Tank Combat M-48 Sheridan và 884 xe thiết giáp M-113 chạy bằng Diesel.

c) Truyền tin:

+) Trang bị 39.220 máy loại mới có tầm liên lạc xa và mạnh như AN/PRC-25, PRC74, GRC 106 và VRC 46, 47;

- Không quân:

+) Số phi đoàn hiện hữu có 21 phi đoàn, sẽ tăng trong niên khóa 1970-1971 thêm 19 phi đoàn. Tổng cộng 40 phi đoàn.

+) Phi đoàn gia tăng gồm 10 phi cơ: UH-1 4 chiếc, U-17 2 chiếc, VC-47 4 chiếc.

- Hải quân:

a) Hiện hữu (năm 1969):

+) *Duyên phòng*: 298 chiến hạm;

+) *Giang phòng*: 362 *giang đình*;

+) *Yểm trợ, chuyển vận*: 28 tàu.

b) *Tiếp nhận thêm trong TK/1970 (tài khóa 1970 - TG)*

+) *Duyên phòng*: 2 hộ tống hạm (PCE), 18 tuần duyên đình (WPS), 49 *duyên tốc đình* (PCF), 2 khu trục hạm, *Đài kiểm báo Côn Sơn*;

+) *Giang phòng*: 34 *giang đình* (PAC), 216 *giang tốc đình* (PBR), *lực lượng đặc nhiệm 212*;

+) *Chuyển vận và yểm trợ*: 2 LST, 2 *hỏa vận hạm* (YOG), 2 *giang vận hạm* (LCU), 1 *cơ xưởng hạm* (YRBM).

6. *Lực lượng diện địa*: trong năm 1970, sẽ tiếp tục bổ sung đầy đủ nhân sự và phương tiện để hoàn thành kế hoạch dự trù trong 6 điểm:

+) *Cải tổ cơ cấu chỉ huy tại trung ương, VCT (vùng chiến thuật - TG), KCT (khu chiến thuật - TG), tiểu khu và chi khu*;

+) Hoàn tất chương trình gia tăng khả năng chỉ huy cho các BCH (Bộ Chỉ huy - TG): tiểu khu, chi khu và đại đội HCTV/TK theo bảng cấp số mới;

+) Tăng cường ĐPQ/NQ cho các tiểu khu;

+) *Quân y diện địa*: chương trình quân y diện địa sẽ được thực hiện trong 4 giai đoạn tại 43 tỉnh;

+) *Truyền tin*: hoàn tất chương trình viễn thông quân sự;

+) *Pháo binh*: thành lập *pháo binh lãnh thổ* (mỗi tiểu khu dự trù sẽ có 1 căn cứ hỏa lực).

7. Hữu hiệu hóa nhân dân tự vệ, nông hâu đảm trách những

địa phương đã hoàn toàn an ninh, hoặc thay thế nghĩa quân trách nhiệm các đồn, bót lẻ tẻ tại xã, ấp. Lực lượng nghĩa quân hoạt động lưu động liên xã, ấp. ĐPQ sẽ là lực lượng chủ lực của tiểu khu.

NDTV (cái gọi là nhân dân tự vệ hay "dân vệ" - TG) sẽ được võ trang vũ khí cá nhân tới 500.000 đoàn viên và huấn luyện thuần thục để có đủ khả năng chiến đấu... Súng cộng đồng có thể được trang bị cho NDTV tại những nơi xung yếu.

Vấn đề hữu hiệu hóa NDTV sẽ được thi hành trong 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: 300.000 đoàn viên;
- Giai đoạn 2: 200.000 đoàn viên⁶⁷.

Để có đủ quân số theo kế hoạch đề ra, cùng với cưỡng bách những thanh niên miền Nam Việt Nam trong hạng tuổi nhập ngũ (tuổi từ 18 đến 38), chính quyền Sài Gòn thực hiện đôn quân đối với thanh niên hạng tuổi 16, 17 (hạng tuổi đang học tú tài) và lớp trung niên hạng tuổi từ 39 đến 43. Theo đó, trong hai năm 1970-1971, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện đôn quân 79.576 thanh niên hạng tuổi 16-17 (số thanh niên hạng tuổi 16-17 bị động viên vào quân đội Sài Gòn năm 1970: 43.193 và năm 1971: 36.383)⁶⁸, tương đương với 7,2% quân số

67. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 318: Lược kê các công tác chính yếu thực hiện trong 2 năm 1970-1971 của Bộ Quốc phòng VNCH.

68. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH, hồ sơ 17392: Phiếu đệ trình Thủ tướng Chính phủ số 19731/QP/ĐV/NC1 ngày 01-7-1972 của Bộ Quốc phòng VNCH.

quân đội Sài Gòn vào cuối năm 1971 (79.576 trên tổng số 1.100.000 quân). Do đó, từ đội quân hơn 700.000 binh lính năm 1968, quân đội Sài Gòn nhanh chóng tăng lên hơn 1 triệu quân chính quy vào năm 1970.

Đến giữa năm 1971, quân số quân đội Sài Gòn nhanh chóng đạt đến con số 1.100.000 quân, dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn nhân lực. Vì vậy, chính quyền Sài Gòn buộc phải giải tán một số đơn vị "địa phương quân" và "nghĩa quân" để tăng cường cho lực lượng chủ lực. Tháng 9-1971, chính quyền Sài Gòn dự trù thành lập thêm: *"3 tiểu đoàn chiến xa M.48, 4 tiểu đoàn bộ binh từng thiết, 4 tiểu đoàn pháo binh 155 ly cơ động, 4 tiểu đoàn pháo binh quan sát phản pháo, 5 bộ chỉ huy liên đoàn pháo binh, sư đoàn biệt động quân tổng trừ bị, các đại đội bổ sung cho quân đoàn, sư đoàn bộ binh, nhảy dù và các trung đoàn địa phương quân tại tiểu khu"*⁶⁹. Tuy nhiên, do viện trợ của Hoa Kỳ không cho phép phát triển quân đội Sài Gòn hơn con số 1.100.000 quân, nên cơ quan Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam (MACV) Hoa Kỳ chỉ chấp thuận cho thành lập thêm: *"1 tiểu đoàn chiến xa M.48 tại Quân khu 1, 1 bộ chỉ huy liên đoàn pháo binh tại Quân khu 1, 3 tiểu đoàn pháo binh 155 ly cơ động cho các quân khu 1, 2 và 3"*⁷⁰.

Được sự chấp thuận của MACV, tháng 9-1971, chính quyền

69, 70. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 472: Phiếu trình số 3962/TTM/P3/12 ngày 03-9-1971 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Sài Gòn lập kế hoạch thành lập thêm sư đoàn bộ binh thứ 11 tại quân khu 1 quân đội Sài Gòn, trên cơ sở lực lượng tại chỗ, gồm: Trung đoàn 2 bộ binh (5 tiểu đoàn bộ binh), Thiết đoàn 11 kỵ binh, Tiểu đoàn 48 pháo binh (155 ly), Tiểu đoàn 62 pháo binh (105 ly), Tiểu đoàn 64 pháo binh (105 ly), 1 tiểu đoàn bộ binh thuộc Sư đoàn 2 bộ binh, 1 tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 51 bộ binh và thành lập thêm một số đơn vị: 2 tiểu đoàn bộ binh, 3 đại đội trinh sát, 1 tiểu đoàn pháo binh, cùng một số đơn vị trợ chiến⁷¹ của quân đội Sài Gòn. Đến tháng 10-1971, sư đoàn bộ binh thứ 11 của quân đội chính quyền Sài Gòn được thành lập lấy phiên hiệu là Sư đoàn 3 bộ binh. Ngoài ra, nhằm tăng cường thêm cho lực lượng diện địa, nhu cầu quân số của quân đội chính quyền Sài Gòn tại Quân khu 1 của quân đội Sài Gòn lên tới 18.277 người. Đáp ứng nhu cầu trên, chính quyền Sài Gòn buộc phải giải tán khoảng 65 đại đội địa phương quân và 280 trung đội nghĩa quân, để lấy 8.000 lính chuyển cho Quân khu 1 của chính quyền Sài Gòn⁷².

Nhìn chung, đến cuối năm 1971, với lực lượng chính quy đông đảo cùng trên 4,4 triệu dân vệ (tính đến ngày 31-7-1971), quân đội chính quyền Sài Gòn trở thành đội quân khổng lồ, có tỷ lệ trên số dân cao nhất thế giới (chiếm tới trên 29% tổng dân số miền Nam) thời điểm đó.

Cùng sự phát triển về quân số, chính quyền Sài Gòn tiến

71, 72. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 472: Phiếu trình số 3962/TTM/P3/12 ngày 03-9-1971 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

hành cải tổ và gia tăng về số lượng và phương tiện chiến tranh của các quân binh chủng. Tính đến đầu năm 1972, quân số binh chủng pháo binh quân đội chính quyền Sài Gòn đạt 34.936 quân, được tổ chức thành 4 quân đoàn và 11 sư đoàn⁷³. Lực lượng này được chia thành 64 tiểu đoàn trang bị pháo 105 ly và 155 ly, đóng rải rác tại hầu hết các tỉnh ở miền Nam Việt Nam theo địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn.

**QUÂN SỐ BINH CHỦNG PHÁO BINH
CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN THÁNG 01-1972⁷⁴**

STT	Đơn vị	Quân số
1	Quân đoàn I	2.372
2	Quân đoàn II	2.476
3	Quân đoàn III	2.537
4	Quân đoàn IV	3.517
5	Sư đoàn 1	2.240
6	Sư đoàn 2	2.265
7	Sư đoàn 3	2.311
8	Sư đoàn 5	1.857

73, 74. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng VNCH, hồ sơ 17481: Báo cáo khả năng tác chiến tháng 01-1972 của Bộ Chỉ huy Pháo binh Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

STT	Đơn vị	Quân số
9	Sư đoàn 7	2.110
10	Sư đoàn 9	2.093
11	Sư đoàn 18	1.907
12	Sư đoàn 21	2.050
13	Sư đoàn 22	1.814
14	Sư đoàn 23	1.804
15	Sư đoàn 25	1.990
16	Trường Pháo binh	514
17	Bộ Chỉ huy Pháo binh	78

Trong khi lực lượng thiết giáp quân đội chính quyền Sài Gòn, từ những thiết đoàn phối thuộc trong các sư đoàn bộ binh, được nâng lên thành các lữ đoàn đặt trực thuộc các quân đoàn của quân đội chính quyền Sài Gòn. Tính đến năm 1971, chính quyền Sài Gòn đã thiết lập được 4 lữ đoàn kỵ binh tại 4 quân đoàn: Lữ đoàn 1 kỵ binh ở Quân đoàn 1, Lữ đoàn 2 kỵ binh thuộc Quân đoàn 2, Lữ đoàn 3 kỵ binh thuộc Quân đoàn 3 và Lữ đoàn 4 kỵ binh thuộc Quân đoàn 4. Mỗi lữ đoàn gồm các thiết đoàn, được trang bị chiến xa M.113, M.48,....

Đối với hải quân, đến tháng 02-1972, quân số binh chủng hải quân quân đội chính quyền Sài Gòn tăng lên 1.944 đơn vị, được tổ chức thành 11 bộ tư lệnh, gồm: Bộ Tư lệnh hạm đội, Bộ Tư lệnh sông ngòi Biệt khu Thủ Đô, Bộ Tư lệnh hành quân

Vùng 3 sông ngòi, Bộ Tư lệnh hành quân Vùng 4 sông ngòi, Bộ Tư lệnh tuần thám 212, Bộ Tư lệnh duyên phòng 213, Bộ Tư lệnh trung ương 214, Bộ Tư lệnh hành quân Vùng 1 duyên hải, Bộ Tư lệnh hành quân Vùng 2 duyên hải, Bộ Tư lệnh hành quân Vùng 3 duyên hải, Bộ Tư lệnh hành quân Vùng 4 duyên hải, đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Hải quân thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn. Mỗi bộ tư lệnh bao gồm nhiều giang đoàn, duyên đoàn, hải đội hoặc đại đội tuần giang. Riêng Bộ Tư lệnh hạm đội gồm các khu trực hạm, tuần dương hạm, giang pháo hạm, hải vận hạm,... Vũ khí và trang bị gồm các chiến hạm, giang đình, ghe xuồng,⁷⁵...

Phát triển lực lượng không quân, năm 1970, từ các không đoàn chiến thuật, chính quyền Sài Gòn nâng lên thành 4 sư đoàn không quân, tác chiến hỗ trợ cho 4 vùng chiến thuật. Năm 1971, chính quyền Sài Gòn thành lập thêm Sư đoàn 5 Không quân trừ bị. Vào thời điểm cao nhất, quân số lực lượng không quân Sài Gòn đạt con số hơn 60.000 lính với hơn 2.000 máy bay, gồm các loại: "O-1 Bird Dog", "U-17A/B Skywagon", "UH-1", "H-34 Choctaw", "AC-47D Spooky", "A-37B Dragonfly", "CH-47 Chinook", "A-1 Skyraider", "O-2A Skymaster", "F-5A/B Freedom Fighter", "RF-5A Freedom Fighter", "C-130A", "RC-119",...

Tỷ lệ với đà phát triển của quân đội Sài Gòn, quân viễn

75. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17483: Bảng thống kê nguyệt trạng chiến hạm, giang đình, ghe thuyền ngày 06-3-1972 của Bộ Tư lệnh Hải quân Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

chinh Mỹ và các nước đồng minh từng bước được rút khỏi miền Nam Việt Nam. Ngày 08-6-1969, sau cuộc gặp thượng đỉnh với Nguyễn Văn Thiệu tại Mítuây (Midway), Tổng thống Níchxon tuyên bố rút đợt thứ nhất, với 25.000 quân viễn chinh Mỹ được đưa về nước. Ngày 08-7-1969, 900 binh lính đầu tiên thuộc Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 60 Sư đoàn 9 bộ binh quân đội Mỹ lên máy bay rời khỏi Việt Nam⁷⁶. Đến ngày 06-8-1969, 12.000 binh lính Mỹ đã được đưa về nước. Ngày 08-8, quân đội Mỹ tuyên bố giải tán hoàn toàn Sư đoàn 9 bộ binh, sau khi đã đưa phần lớn binh lính sư đoàn này trở về Mỹ⁷⁷. Ngày 16-9-1969, tại Oasinhton, Tổng thống Níchxon tuyên bố rút quân đợt 2. Nguyên văn tuyên bố như sau:

“After careful consideration with my senior civilian and military advisors and in full consultation with the Government of Vietnam, I have decided to reduce the authorized troop ceiling in Vietnam to 484,000 by December 15. This compares with the ceiling of 549,500 which existed when this administration took office. Under the newly authorized troop ceiling, approximately 60,000 troops will have been withdrawn from Vietnam by December 15. (Actually, the total reduction in authorized ceiling strength amounts to 65,500. But within

76. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Toán quân Mỹ đầu tiên sẽ từ Việt Nam về đến Hoa Kỳ ngày 09-7.

77. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Mỹ giải tán sư đoàn 9 bộ binh.

the authorized ceiling, all units are shown at 100 per cent strength. In actual practice, most units are slightly below full streng, so that actual strength normally is less than the authorized ceiling by one or two per cent).

Since coming into office, my administration has made major efforts to bring an end to the war:

- We have renounced an imposed military solution.*
- We have proposed free elections organized by joint commissions under international supervision.*
- We have offered the withdrawal of U.S. and Allied Forces over a 12-month period.*
- We have declared that we would retain no military bases.*
- We have offered to negotiate supervised cease-fires under international supervision to facilitate the process of mutual withdrawal.*
- We have made clear that we would settle for the de facto removal of North Vietnamese forces so long as there are guarantees against their return.*
- We and the Government of South Vietnam have announced that we are prepared to accept any political outcome which is arrived at through free elections.*
- We are prepared to discuss the 10-point program of the other side together with plans put forward by the other parties.*
- In short, the only item which is not negotiable is the right of the people of South Vietnam to determine their own future free of outside interference.*

I reiterate all these proposals today.

The tim for meaningful negotiations has therefore arrived.

I realize that it is difficult to communicate across the gulf of five years of war. But the time has comto end this war. Let history record that at this critical moment both sides turned their faces toward peace rather than toward conflict and war”⁷⁸.

78. Lược dịch: “Sau khi cứu xét kỹ lưỡng với các cố vấn dân sự và quân sự của tôi và sau khi hội kiến chi tiết với chánh phủ VNCH, tôi đã quyết định giảm tổng số quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam còn 484.000 người từ đây đến ngày 15-12-1969. Tổng số này thấp hơn tổng số 549.500 người đã có trước khi tôi nhậm chức. Trên tổng số mới này thì khoảng 60.000 người sẽ được thay thế bằng QLVNCH từ đây đến 15-12-1969. (Thực ra, sự giảm bớt trên tổng số quân đội Hoa Kỳ quy định tại Việt Nam là 65.500 người. Tuy nhiên, trong phạm vi tổng số quy định tất cả các đơn vị đều có quân số lý thuyết 100%. Trong thực tế phần lớn các đơn vị đều không đủ quân số lý thuyết. Do đó, quân số thực sự thường thấp hơn 1 hay 2% so với quân số quy định).

Từ ngày nhậm chức cho đến nay, chánh phủ của tôi đã có những cố gắng lớn để chấm dứt chiến tranh. Đó là:

- Chúng tôi đã từ bỏ một giải pháp quân sự ép buộc.
- Chúng tôi đã đề nghị những cuộc bầu cử tự do, do các Ủy ban hỗn hợp tổ chức có sự giám sát quốc tế.
- Chúng tôi đã đề nghị thay thế quân lực Hoa Kỳ và quân lực đồng minh trong vòng 12 tháng.
- Chúng tôi đã tuyên bố rằng không giữ lại một căn cứ quân sự nào cả.
- Chúng tôi đã đề nghị thương thuyết, ngưng bắn có bảo đảm và có sự giám sát quốc tế để xúc tiến nhanh chóng công việc triệt thoái quân đội của hai bên.
- Chúng tôi đã khẳng định rằng chúng tôi sẽ chấp nhận việc triệt thoái theo thực tại của lực lượng Bắc Việt với bảo đảm là họ sẽ không bao giờ trở lại.
- Chánh phủ VNCH và chúng tôi đã tuyên bố rằng sẽ sẵn sàng chấp nhận mọi giải pháp chính trị nào qua những cuộc bầu cử tự do.

Theo kế hoạch của chính phủ Hoa Kỳ, kết thúc đợt 2 (dự kiến vào ngày 16-12-1969), quân số quân viễn chinh Mỹ tại miền Nam Việt Nam sẽ giảm xuống 484.000 lính, bao gồm:

“1. Quân số tác chiến: 129.000

2. Quân số yểm trợ tác chiến: 177.000

3. Quân số tiếp vận: 178.000

Chia theo binh chủng, gồm:

1. Lục quân: 338.700

2. Không quân: 59.000

3. Hải quân + Duyên phòng: 30.800

4. Thủy quân lục chiến: 55.500⁷⁹.

- Chúng tôi sẵn sàng thảo luận chương trình 10 điểm của phe bên kia cùng với kế hoạch do những phe khác đưa ra.

- Nói một cách tóm tắt, chỉ có một vấn đề mà chúng ta không thể thương thuyết được. Đó là quyền của nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định lấy tương lai của mình mà khỏi bị cản trở từ bên ngoài.

Hôm nay tôi xin lập lại những đề nghị trên đây.

Việc giảm bớt 60.000 quân là một hành động đầy ý nghĩa.

Như vậy, đã đến lúc chúng ta phải có những cuộc thương thuyết thực sự.

Tôi nhận thấy rõ rằng chúng ta khó thông cảm với quá trình 5 năm chiến tranh. Tuy nhiên, đã đến lúc chúng ta phải chấm dứt chiến tranh này. Chúng ta hãy để lịch sử ghi lại rằng trong giờ phút quyết định này, hai bên đã hướng về hòa bình thay vì tranh chấp và chiến tranh”. (Trung tâm Lưu Trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Text of US announcement).

79. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ: Quân số lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam kể từ ngày 16-12-1969.

Tuy nhiên, âm mưu rút quân nhỏ giọt, nên tính đến ngày 13-11-1969, lực lượng Mỹ và đồng minh tại miền Nam Việt Nam vẫn đạt con số 569.333 quân, gồm:

“1. Hoa Kỳ	: 499.325
Lục quân	: 347.104
Hải quân	: 32.619
TQLC (Thủy quân lục chiến - BT)	: 60.315
Không quân	: 58.812
Duyên phòng	: 475
2. Úc (Ôxtrâyliá - BT)	: 7.759
3. Đại Hàn	: 48.682
4. Trung Hoa dân quốc(Đài Loan - BT)	: 30
5. Tân Tây Lan (Niu Dilân - BT)	: 559
6. Phi Luật Tân (Philíppin - BT)	: 1.421
6. Tây Ban Nha	: 10
7. Thái Lan	: 11.547 ⁸⁰

Tính đến ngày 18-11-1969, Hoa Kỳ đã cho giải tán và hồi hương các đơn vị:

“Tại Vùng 1 chiến thuật:

Trung đoàn 3 TQLC (Thủy quân lục chiến - TG) (3 tiểu đoàn) + các đơn vị yểm trợ hồi hương ngày 06, 07-10-1969.

Tiểu đoàn 1/4 TQLC + các đơn vị yểm trợ hồi hương ngày 20-10-1969.

80. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17492: Công văn số 12064/QP/HQNL ngày 26-11-1969 của Bộ Quốc phòng VNCH.

Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 TQLC + Bộ Chỉ huy Trung đoàn 4 TQLC + Tiểu đoàn 2/4 + các đơn vị yểm trợ hồi hương ngày 08, 09, 10-11-1969.

Tại Vùng 1 chiến thuật chỉ còn 1 tiểu đoàn TQLC (Tiểu đoàn 3/4) hiện đã di chuyển ra Cửa Việt, là tiểu đoàn cuối cùng của Sư đoàn 3 TQLC đồn trú tại Khu 11 chiến thuật, dự trù hồi hương từ 20 đến 25-11-1969....

Tại Vùng 3 chiến thuật:

Tiểu đoàn 2/505 Nhảy dù giải tán ngày 15-10-1969.

Tiểu đoàn 1/508 Nhảy dù giải tán ngày 01-11-1969.

Tiểu đoàn 1/505 Nhảy dù sẽ giải tán ngày 01-12-1969.

Hiệu kỳ Lữ đoàn 3/82 Nhảy dù sẽ được di chuyển về Hoa Kỳ trong khoảng từ 10 đến 14-12-1969"⁸¹.

Kết thúc năm 1969 với những kết quả bước đầu của chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh", nhất là chương trình "bình định nông thôn" đã giúp chính quyền Sài Gòn kiểm soát gần 99% số xã, ấp ở miền Nam Việt Nam, cho phép Tổng thống Mỹ Níchxon thực hiện kế hoạch rút quân đợt 3. Ngày 15-12-1969, trên hệ thống truyền hình Hoa Kỳ, sau những lời lẽ mang đầy thiện chí hòa bình và sự bao biện cho chương trình Việt Nam hóa chiến tranh, Níchxon tuyên bố giảm quân số quân viễn

81. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17492: Công văn số 12064/QP/HQNL ngày 26-11-1969 của Bộ Quốc phòng VNCH.

chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam xuống còn 434.000 lính, tính đến ngày 15-4-1970⁸².

Song trái ngược với lời tuyên bố đầy thiện chí hòa bình, ngày 18-3-1970, Chính quyền Níchxon hậu thuẫn cho Lon Non lật đổ Hoàng thân Xiha-nút, lập chính quyền thân Mỹ tại Campuchia.

Ngày 27-4-1970, Bộ Tư lệnh Quân đoàn III quân đội Sài Gòn ra lệnh thực hiện cuộc hành quân "Toàn thắng 42", xâm chiếm lãnh thổ Campuchia, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Bộ chỉ huy cuộc hành quân đặt tại Hiếu Thiện gồm Bộ Chỉ huy hành quân Quân đoàn III và toán liên lạc Sư đoàn 25 bộ binh Khu 31 Chiến thuật, do Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn III làm Tư lệnh, Thiếu tướng Tư lệnh Sư đoàn 25 bộ binh làm Phó Tư lệnh hành quân, cùng sự cố vấn của Chuẩn tướng Hoa Kỳ Mắc Ôlaiphơ (Mc. Auliffe)⁸³. Lực lượng gồm:

"- Chiến đoàn 225:

Bộ Chỉ huy Trung đoàn 46.

3 tiểu đoàn bộ binh.

Thiết đoàn 10 kỵ binh (3 chi đoàn TQV (Thiết quân vận - TG).

Thiết đoàn 15 kỵ binh (3 chi đoàn TQV).

82. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Bản tin của Nha Báo chí Phủ Tổng thống VNCH ngày 16-12-1969.

83. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Lệnh hành quân Toàn thắng 42 ngày 27-4-1970 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn III quân đội VNCH.

Pháo đội 105 ly.

Trung đội công binh Sư đoàn 25 bộ binh.

Toán TLC/DSV Miên (quân đội Campuchia của chế độ Lon Non - TG).

- Chiến đoàn 333:

Bộ Chỉ huy Liên đoàn 3 biệt động quân.

2 tiểu đoàn biệt động quân (Tiểu đoàn 36 + Tiểu đoàn 52).

Thiết đoàn 5 kỵ binh (1 chi đoàn chiến xa + 2 chi đoàn TQV).

Pháo đội 105 ly.

Trung đội công binh Lữ đoàn 30.

Toán TLC/DSV Miên.

- Chiến đoàn 318:

Bộ Chỉ huy Thiết đoàn 18 kỵ binh.

Thiết đoàn 18 kỵ binh (2 chi đoàn chiến xa + 1 chi đoàn TQV).

2 tiểu đoàn biệt động quân (Tiểu đoàn 31 + Tiểu đoàn 51).

Tiểu đoàn 2 biệt kích tiếp ứng.

Pháo đội hỗn hợp 105 + 155 ly.

Trung đội công binh Lữ đoàn 30.

Toán TLC/DSV Miên.

- Lực lượng biên vệ và trừ bị:

2 tiểu đoàn Hoa Kỳ.

1 tiểu đoàn bộ binh của Sư đoàn 18 bộ binh.

1 tiểu đoàn tổng trừ bị (ứng thuộc Bộ Tổng tham mưu).

1 chi đoàn TQV thuộc Sư đoàn 5 bộ binh)⁸⁴.

84. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Lệnh hành quân Toàn thắng 42 ngày 27-4-1970 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn III quân đội VNCH.

Mục tiêu chung của cuộc hành quân nhằm vào khu vực “Bồ Bà Tây - Bồ Hút - Địa Gai và Ba Thu”⁸⁵, được thực hiện trong hai giai đoạn. Giai đoạn I dự trù thực hiện trong 4 ngày với mục tiêu:

“Sử dụng 2 chiến đoàn tấn công đồng thời các mục tiêu chính. Chiến đoàn 225 tấn kích theo hướng Bắc Nam chiếm MT1; Chiến đoàn 333 tấn kích theo hướng Đông Tây chiếm MT2 và MT2A; Chiến đoàn 318 trợ chiến, sơ khởi tấn công MT3, tổ chức tuyến án ngữ tại vị trí ấn định, tăng cường cho Chiến đoàn 333 hoặc 225 tùy theo tình hình.

Tiên oanh kích các khu vực MT chính từ G-30 đến G-15. Pháo binh tác xạ từ G-20, chấm dứt theo yêu cầu”⁸⁶.

Ngày 29-4-1970, Bộ Quốc phòng chính quyền Sài Gòn ra thông cáo phát động cuộc hành quân xâm chiếm lãnh thổ Campuchia với tuyên bố huênh hoang rằng quân đội chính quyền Sài Gòn sẽ trở về ngay sau khi cuộc hành quân chấm dứt⁸⁷. Nhưng kết thúc cuộc hành quân “Toàn thắng 42” mà không đạt được mục tiêu đặt ra, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đạo diễn việc tạo thế hợp pháp để tiếp tục tiến hành chiến dịch xâm chiếm Campuchia. Ngày 18-5-1970, Lon Non* tuyên

85, 86. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Lệnh hành quân Toàn thắng 42 ngày 27-4-1970 của Bộ Tư lệnh Quân đoàn III quân đội VNCH.

87. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 422: Thông cáo của Bộ Quốc phòng VNCH ngày 29-4-1970.

* **Lon Non** (Lon Nol-1913 - 1985, là người Hoa-Khmer): là chính trị gia Campuchia giữ chức Thủ tướng Campuchia hai lần cũng như đã liên tục giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc.

bố đoạn giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ngày 27-5-1970, Yêng Xămbô (Yen Sambaur) - Ngoại trưởng chính quyền Lon Non, dẫn đầu phái đoàn chính quyền Lon Non tới Sài Gòn, đề nghị quân đội chính quyền Sài Gòn tiếp tục hành quân vào đất Campuchia⁸⁸. Có thể hợp pháp, liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn mở hàng chục cuộc hành quân vào sâu nội địa Campuchia từ 30 đến 80 km. Ngày 30-6-1970, trước sự phản ứng mãnh liệt của dư luận, Níchxon buộc phải tuyên bố rút quân viễn chinh Hoa Kỳ khỏi Campuchia và giao trách nhiệm chiến đấu lại cho quân đội chính quyền Sài Gòn. Tiếp tục chiến dịch xâm chiếm Campuchia, 6 tháng cuối năm 1970, quân đội chính quyền Sài Gòn đã mở liên tiếp các cuộc hành quân mang mật danh Toàn thắng (Toàn thắng 43, Toàn thắng 46, Toàn thắng 8/B/5,...) vào đất Campuchia.

Trong khi liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn sa lầy ở Campuchia,

Lon Non đã cùng với các lực lượng thân Mỹ tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Quốc vương Xihanúc vào năm 1970, từ bỏ chính sách trung lập của Xihanúc, thực hiện nhiều hành động chống lại cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, chống xâm lược của nhân dân Việt Nam, lập nên cái gọi là nước "Cộng hòa Khmer"; tự tuyên bố là "Tổng thống nước Cộng hòa Khmer". Tháng 4-1975 sau khi Khmer Đỏ bao vây tấn công Phnôm Pênh, Lon Non đã chạy trốn khỏi Campuchia, sống lưu vong ở Hoa Kỳ, đã chết năm 1985 (BT).

88. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17718: Công văn (mật) số 169/PDVN/P/M ngày 16-7-1970 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê (Pari) về Việt Nam trong 3 tháng 4, 5, 6-1970.

tại Oasinhton, Tổng thống Níchxon đối diện với sự phản đối mạnh mẽ của dư luận yêu chuộng hòa bình thế giới và “cuộc chiến” gay gắt của nhân dân Hoa Kỳ.

Ngày 03-5-1970, mục điểm báo của đài BBC (Anh) đưa tin “các báo đều đề cập cuộc giao tranh ở Cam-bốt (Campuchia - TG) trên những trang đầu”⁸⁹. Theo đó, quan điểm của các báo Anh về chiến cuộc ở Campuchia không tỏ ra thuận lợi với Tổng thống Níchxon.

Báo "Sunday Times": “Hai miền Trung Đông và Đông Dương đã là những thí dụ của một cường quốc bị lôi kéo càng ngày càng sâu vào vũng sa lầy của sự cam kết quốc tế... Hoa Kỳ thì muốn rũ bụi Đông Dương khỏi chân hơn là dẫm sâu vào bùn ở đó”⁹⁰.

Báo "Echo": “coi quyết định của ông Nixon gửi binh sĩ Hoa Kỳ vào Cam-bốt là một quyết định can đảm, nhưng sai lầm...”. Báo này viết: “Ông Nixon coi chiến dịch này sẽ chấm dứt trong 6 tuần lễ và sau đó Cam-bốt sẽ trở lại với nền trung lập tương đối và sẽ không biến thành một Nam Việt Nam thứ hai. Nhưng chính những người khác mà ông không kiểm soát nổi sẽ là kẻ quyết định mọi sự sẽ xảy ra như vậy hay không. Và rồi để cứu lấy một số nhân mạng, Tổng thống Hoa Kỳ sẽ có thể thấy là ông còn phải ném thêm nhiều nhân mạng hơn nữa vào lò lửa chiến tranh”⁹¹.

Báo "Observer": “quyết định của Tổng thống Níchxon cho phá hủy những trụ sở của VC ở Cam-bốt là một con bài liều, lớn hơn lời

89, 90, 91. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 415: Bản kiểm thính đài BBC lúc 19 giờ 30 ngày 03-5-1970.

ông đã nói trong bài diễn văn đọc trên đài truyền hình cho công chúng Hoa Kỳ"⁹².

Cùng ngày, đài "VOA" ("Tiếng nói Hoa Kỳ" - TG) đưa tin từ Ôxlô (Na Uy): "Hội đồng thế giới các giáo hội" đã than phiền về việc Hoa Kỳ mở rộng chiến tranh ở Đông Dương. Hội đồng kêu gọi Anh quốc và Nga Sô hãy triệu tập ngay một hội nghị Gionevơ (Gionevơ) mới giải quyết vấn đề này"⁹³.

Qua tuần thứ hai của chiến dịch xâm chiếm Campuchia, tình hình đối với Tổng thống Níchxon càng trở nên gay gắt với các cuộc biểu tình rầm rộ tại Hoa Kỳ. Mà như báo "Times" bình luận ngày 11-5-1970: "cuộc biểu tình tại Hoa Thịnh Đốn (Oasinhton - BT) hôm thứ bảy đã như một trái bóng bị xì hơi, sau những ngày được bàn tán xôn xao... Những cuộc biểu tình tuần qua hiển nhiên đạt được thành công ở một điểm là để thuyết phục cho Tổng thống Nixon thấy rằng cuộc phiêu lưu trên đất Cam-bốt phải được kết thúc vào cuối tháng 6 và đó là cuộc phiêu lưu duy nhất không còn lập lại nữa"⁹⁴. Trong khi báo "Guardian" cho rằng: "Hoa Kỳ hiện nay đang phải đương đầu với những cơn khủng hoảng

92. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 415: Bản kiểm thính đài BBC lúc 19 giờ 30 ngày 03-5-1970.

93. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 415: Bản kiểm thính đài VOA lúc 7 giờ ngày 03-5-1970.

94. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 415: Bản kiểm thính đài BBC lúc 19 giờ 30 ngày 11-5-1970.

lớn lao nhất về vấn đề tín nhiệm kể từ khi Hoa Kỳ nắm giữ vai trò lãnh đạo trong thế giới tự do... Một số triệu chứng chứng tỏ những phong trào chống chiến tranh đã phục hồi được thể lực sau khi có cuộc khủng hoảng về Cam-bốt”⁹⁵.

Tại Quốc hội, Níchxon đối mặt với “cuộc chiến” của các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ. Ngay sau khi Níchxon ra lệnh cho quân viễn chinh Mỹ xâm chiếm Campuchia, liên tiếp 3 tu chính án nhằm hạn chế hoạt động quân viễn chinh Mỹ tại Đông Dương do các thượng nghị sĩ của cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa soạn thảo được đưa ra Quốc hội Hoa Kỳ biểu quyết. Kết quả, kết thúc nhiệm kỳ 91, Quốc hội Hoa Kỳ đã thống nhất thông qua tu chính án “Cupơ - Trót” (Cooper-Church) do Thượng nghị sĩ Giôn Sêman Cupơ* (John Sherman Cooper) và Thượng nghị sĩ Phran Trót** (Frank Church) soạn thảo. Theo đó, Quốc hội Hoa Kỳ “cấm hành pháp đưa bộ binh vào Lào, Thái Lan và Campuchia, cấm cung cấp cố vấn quân sự Mỹ cho quân đội Campuchia, đồng thời cấm Hoa Kỳ tài trợ quân đội ngoại quốc được

95. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 415: Bản kiểm thính đài BBC lúc 19 giờ 30 ngày 11-5-1970.

* **Giôn Sêman Cupơ (John Sherman Cooper: 1901-1991):** Chính khách, luật sư, nhà ngoại giao Hoa Kỳ; Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ từ năm 1956 đến 1973 (tiểu bang Kentucky) của Đảng Cộng hòa (BT).

** **Phran Phorétơ Trót (Frank Forrester Church III: 1924-1984):** Chính khách, luật gia Hoa Kỳ, Thượng nghị sĩ (của Đảng Dân chủ Mỹ) từ 1957 đến 1981 (tiểu bang Aidôhô), Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng nghị viện Hoa Kỳ từ 1979 đến 1981 (BT).

gởi đến giúp Campuchia, ngoại trừ những hoạt động quân sự khẩn cấp cần thiết để làm dễ dàng việc rút quân khỏi Đông Nam Á và giải thoát các tù binh Mỹ"⁹⁶.

Để xoa dịu dư luận, ngày 20-4-1970, trên hệ thống truyền hình, Níchxon công bố quyết định triệt thoái thêm 150.000 quân viễn chinh về nước với thời hạn hoàn thành vào mùa Xuân năm 1971⁹⁷, bất chấp sự phản đối của giới chức quân sự, cũng như chính đánh giá của ông ta - "*quyết định này hiển nhiên có đôi phần mạo hiểm*"⁹⁸. Thực hiện kế hoạch rút quân, đầu năm 1971, quân số lực lượng Mỹ và chư hầu tại miền Nam Việt Nam giảm xuống 409.922, giảm gần 160.000 so với tháng 11-1969.

"1. Hoa Kỳ	: 342.571
2. Đại Hàn	: 48.518
3. Úc Đại Lợi (Ôxtrâylia - BT)	: 6.735
4. Tân Tây Lan (Niu Dilân - BT)	: 424

96. Ngoài Tu chính quán Cupơ - Trót (Cooper-Church), Quốc hội Hoa Kỳ đã không thông qua Tu chính án Mác Gavon và Mác Hátphin (McGovern và Mark Hatfield) về chấm dứt ngân khoản tài trợ các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam và các quốc gia khác ở Đông Nam Á; và Tu chính án thứ ba do Thượng nghị sĩ Phunbrai (Fulbright) và Thượng nghị sĩ Maico Gravân (Mike Gravel) trình nhằm bác bỏ ngân khoản 155 triệu viện trợ thêm cho Campuchia. (Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 588: Phiếu trình số 829/BNG/MC ngày 22-02-1971 của Bộ Ngoại giao VNCH).

97, 98. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Diễn văn của Tổng thống Hoa Kỳ về Việt Nam ngày 20-4-1970.

5. Phi Luật Tân (Philippines - BT)	: 74
6. Thái Lan	: 11.562
7. Trung Hoa dân quốc (Đài Loan - BT)	: 31
8. Tây Ban Nha	: 7
Tổng cộng	: 409.922 ⁹⁹ .

Nhưng như thường lệ, sau một hành động xoa dịu dư luận, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lại dần sâu thêm vào cuộc chiến. Ngày 04-02-1971, quân đội chính quyền Sài Gòn tiếp tục mở cuộc hành quân "Toàn thắng 1/71/NB" nhằm "khai thông quốc lộ 7, tái chiếm khu vực Chup và tái lập cầu Tonlé Bet (Kongpong Cham); tấn công các mật khu Tabao - Damber và Chhlong; bành trướng hoạt động của Chiến đoàn 225 về hướng Nam Quốc lộ 1"¹⁰⁰. Lực lượng tham chiến gồm: "Chiến đoàn 9 (Sư đoàn 5 bộ binh) gồm 5 tiểu đoàn bộ binh; Chiến đoàn 48 (Sư đoàn 18 bộ binh) gồm 4 tiểu đoàn bộ binh và 1 thiết đoàn; Chiến đoàn 52 (Sư đoàn 18 bộ binh) gồm 4 tiểu đoàn bộ binh; Chiến đoàn 225 (Sư đoàn 25 bộ binh) gồm 5 tiểu đoàn bộ binh và 1 thiết đoàn; Chiến đoàn 333 (Lữ đoàn 3 biệt động quân) gồm 3 tiểu đoàn biệt động quân và 1 thiết đoàn; Chiến đoàn 5 (Lữ đoàn 5 biệt động quân) gồm 2 tiểu đoàn biệt động quân; Lữ đoàn 3 kỵ binh gồm 2 thiết đoàn và 2 tiểu đoàn biệt động quân. Tổng cộng: 18 tiểu đoàn bộ binh; 7

99. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17492: Tình trạng quân số lực lượng đồng minh tại VN tính đến ngày 15-01-1971.

100. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Hành quân Toàn thắng 01/71/NB của Quân đoàn III VNCH.

tiểu đoàn biệt động quân; 5 thiết đoàn kỵ binh"¹⁰¹. Cuộc hành quân được chi làm 3 giai đoạn: giai đoạn I từ 04-02 đến 08-3-1971; giai đoạn II từ 08-3 đến 13-4-1971 và giai đoạn III từ 13-4-1971 nhưng không định thời gian kết thúc¹⁰². Cuối tháng 5-1971, quân đội chính quyền Sài Gòn mở tiếp cuộc hành quân "Toàn thắng TT02". Nhưng cũng như năm 1970, quân đội chính quyền Sài Gòn tiếp tục sa lầy tại Campuchia với con số thiệt hại ngày càng gia tăng. Theo báo cáo của Quân đoàn III quân đội chính quyền Sài Gòn, tính đến ngày 04-4-1970, trong toàn bộ chiến dịch xâm chiếm Campuchia, con số thương vong của liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn lên tới 13.450 lính (quân đội chính quyền Sài Gòn: tử thương 2.194, bị thương 10.725, mất tích 180; Mỹ và chư hầu: 338 tử thương, 13 mất tích¹⁰³).

Đồng thời với các cuộc hành quân tại Campuchia, ngày 30-1-1971, liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn mở cuộc hành quân "Lam Sơn 719" đánh vào hạ Lào, với lực lượng (tính đến ngày 07-02-1971) lên tới hơn 30.000 lính quân đội chính quyền Sài Gòn, gồm: Sư đoàn nhảy dù: 6.941; Sư đoàn thủy quân lục

101. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Hành quân Toàn thắng 01/71/NB của Quân đoàn III VNCH.

102. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Bảng tổng kết tổn thất trong cuộc hành quân Toàn thắng 01/71/NB của Quân đoàn III VNCH.

103. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 422: Bảng tổn thất bạn địch trong các cuộc hành quân tại Campuchia (kể từ ngày 20-3-1970 đến 04-4-1971).

chiến: 7.804; Sư đoàn 1 bộ binh: 5.896; Lữ đoàn 1 biệt động quân: 2.322; Thiết giáp: 2.804; Pháo binh: 1.048; Công binh: 1.055; Không quân: 223¹⁰⁴, cùng sự yểm trợ tối đa của không lực Mỹ, do Bộ Tư lệnh Quân đoàn I quân đội chính quyền Sài Gòn trực tiếp chỉ huy. Ngày 08-02-1971, qua hệ thống truyền thông, Nguyễn Văn Thiệu chính thức phát lệnh hành quân. Với quân số hùng hậu, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều lạc quan vào kết quả khả quan của cuộc hành quân. Nhưng sau gần hai tháng, quân đội chính quyền Sài Gòn buộc phải rút khỏi hạ Lào với tổn thất nặng nề mà không đạt được bất cứ mục tiêu nào đề ra. Theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, tính đến ngày 27-3-1971 - ngày quân đội chính quyền Sài Gòn đã hoàn toàn rút khỏi lãnh thổ Lào, số thương vong của quân đội Sài Gòn lên tới 21% quân số tham chiến, gồm: 1.843 tử thương, 5.019 bị thương, 609 mất tích¹⁰⁵. Ngày 11-4-1971, sau khi chỉnh lý số liệu với Bộ Tư lệnh MACV, Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn báo cáo con số tổn thất chính thức. Theo đó, trong cuộc hành quân "Lam Sơn 719", liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn thiệt hại 8.846 quân, gồm 7.603 lính Sài Gòn (1.529 tử thương, 5.423 bị thương, 651 mất tích) và 1.243 quân viễn chinh Hoa Kỳ (174 tử thương, 1.027 bị thương, 42 mất tích); cùng 243 súng, 59 xe vận tải, 31 M.41, 80 M.113, 56 đại bác 105 ly, 22 đại bác 155 ly, 2 đại bác 175 ly, 118 phi cơ,

104, 105. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 365: Tình trạng quân số các đơn vị QLVNCH tham dự hành quân Lam Sơn 719.

1.289 tấn đạn dược, 214.500 galông nhiên liệu (1 galông = 3,785 lít - TG) và nhiều quân dụng khác¹⁰⁶.

Ngày 07-4-1971, sau thất bại ở chiến trường Lào, Níchxon một lần nữa lên truyền hình *"trình bày tất cả những sự kiện xác thực trước quý vị và để quý vị tự ý phán xét chính sách của ta (Hoa Kỳ - TG) có thành công hay là thất bại"*¹⁰⁷. Mở đầu bài thuyết trình, thay vì cố gắng biện hộ cho các chính sách, chương trình đang thực hiện ở miền Nam Việt Nam, Níchxon *"hân hoan là có thể bắt đầu bản phúc trình của tôi bằng lời công bố là tôi đã quyết định gia tăng mức triệt thoái quân đội Hoa Kỳ trong thời gian từ 01-5 đến 01-12 (năm 1971 - TG)"*¹⁰⁸. Sau khi dùng một tuyên bố mập mờ để thu hút dư luận, Níchxon trở lại biện minh cho những hành động quân sự ở Campuchia và Lào. Nhưng không tự tin khẳng định "thắng lợi" hay "thành công" như trước, Níchxon đẩy sự phán xét cho dư luận. Ông ta nói: *"kể từ khi cuộc hành quân này hoàn tất (hành quân "Lam Sơn 719" - TG), có rất nhiều người đã suy luận cũng như sau vụ Campuchia - đó là điều dễ hiểu - xem cuộc hành quân này là một thành công hay thất bại, một chiến thắng hay một thất trận. Nhưng*

106. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 365: Phiếu trình số 1466/TTM/P3 ngày 11-4-1971 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

107, 108. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Thông điệp của Tổng thống Níchxon về việc giảm thêm quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

cũng như tại Campuchia, điều quan trọng không phải là sự phân tích cấp thời mà là những gì sẽ xảy ra trong tương lai"¹⁰⁹. Và sau khi đã đưa ra những biện minh nhằm cố chứng tỏ cho sự "thành công" của chiến dịch xâm chiếm Campuchia và Lào, Níchxon tuyên bố: "từ 01-5 đến 01-12 năm nay, sẽ có thêm 100.000 binh sĩ Mỹ ở Việt Nam được hồi hương"¹¹⁰. Nhưng ngay sau tuyên bố rút quân, Níchxon lại ngụy biện cho sự can thiệp vào miền Nam Việt Nam để khẳng định Hoa Kỳ chưa từ bỏ mục tiêu tại đây. Ông ta phát biểu:

"Nếu mục tiêu của chúng ta là triệt hồi hoàn toàn các lực lượng của chúng ta, tại sao không loan báo một hạn kỳ vào lúc này để chấm dứt sự can dự của chúng ta? Sự khó khăn trong việc đưa ra một lời loan báo như vậy với nhân dân Hoa Kỳ là tôi cũng sẽ loan báo cho đối phương biết điều này. Và điều này sẽ có lợi cho mục tiêu của đối phương và không có lợi cho mục tiêu của chúng ta..."

Vấn đề rất giản dị là: liệu chúng ta có nên rời Việt Nam bằng cung cách cố tình - do những hành động của ta trao quốc gia đó (chính quyền Sài Gòn - TG) cho CS hay không? Hay chúng ta nên rời nơi đó theo đường lối giúp Nam Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) có cơ hội trường tồn...? Chương trình của tôi sẽ chấm dứt sự can dự của Hoa Kỳ bằng cách tạo

109, 110. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Thông điệp của Tổng thống Níchxon về việc giảm thêm quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

ơ hội đó. Còn đường lối khác sẽ chấm dứt sự can dự một cách vội vàng và sẽ đem lại chiến thắng cho CS.

Theo một ý nghĩa sâu xa hơn, chúng ta đang phải lựa chọn cách chấm dứt can dự vào chiến cuộc này trong niềm thất vọng hay hy vọng. Tôi tin tưởng như Thomas Jefferson đã từng tin tưởng rằng, nhân dân Hoa Kỳ luôn luôn chọn niềm hy vọng hơn là thất vọng. Chúng ta hy vọng nhờ ở chỗ chúng ta có đủ uy lực rời Việt Nam (theo đường lối của Hoa Kỳ - TG). Chúng ta hy vọng nhờ ở chỗ chúng ta có đủ uy lực chứng minh cho các bạn ta trên thế giới rõ rằng tinh thần trách nhiệm của Hoa Kỳ vẫn là niềm hy vọng lớn lao duy nhất mà thế giới đặt vào để có hòa bình.

Trên hết, chúng ta hy vọng nhờ ở khả năng của ta có thể chấm dứt một giai đoạn khó khăn trong lịch sử Hoa Kỳ, không phải chấm dứt một cách tầm thường mà chấm dứt một cách cao thượng để mọi người chúng ta có thể vượt qua kinh nghiệm đau thương này với một niềm kiêu hãnh về quốc gia, tin tưởng ở bản tính dân tộc và hy vọng vào tương lai của tinh thần Hoa Kỳ"¹¹¹.

Với quyết định rút thêm 100.000 quân trong năm 1971, tính đến ngày 01-01-1972, quân số lực lượng viễn chinh Mỹ tại Việt Nam giảm xuống còn 172.279, gồm: "Lục quân: 129.899, không

111. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Thông điệp của Tổng thống Níchxon về việc giảm thêm quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

*quân: 33.154, Hải quân (kể cả duyên phòng): 8.698, Thủy quân lục chiến: 528*¹¹²

Song không như mong đợi của Níchxon, quyết định của ông ta đã không đón nhận được sự ủng hộ của dư luận Hoa Kỳ, cũng như nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Ngày 23-4-1971, báo cáo của Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn cho hay:

“Theo nhận xét chung tại Hoa Thịnh Đốn (Hoa Kỳ - TG), thì Tổng thống Nixon vẫn theo đuổi chính sách cũ của ông... Nhưng, trái với sự mong đợi của mọi người, Tổng thống Níchxon không đưa ra được một quyết định nào gay gắt ngoài việc tăng nhịp độ rút quân từ 12.500 lên đến 14.285 mỗi tháng. Quyết định này, có thể nói, không gây được một ấn tượng chính trị quan trọng nào trong bầu không khí chính trị hiện nay tại Hoa Kỳ.

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước giờ Tổng thống (Níchxon - TG) phổ biến thông điệp, một số thượng nghị sĩ Cộng hòa đã tiếp xúc với Bộ trưởng Quốc phòng Melvin Laird và cho ông này biết là rút thêm một số quân nữa sẽ không mấy ảnh hưởng đến không khí chính trị hiện nay. Cũng trong chiều hướng này, một số dân biểu Cộng hòa cũng thông báo cho tòa Bạch Ốc (Nhà Trắng - TG) biết số quân chúng ủng hộ chính sách của Tổng thống về Việt Nam cũng

112. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Quân số lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam tính đến ngày 01-01-1972.

đang xuống dân và một quyết định gay cấn sẽ rất cần thiết để lật ngược tình thế"¹¹³.

Như vậy, với bản thông điệp ngày 07-4-1971, Níchxon đã gián tiếp thừa nhận sự thất bại về quân sự của chiến dịch xâm chiếm Campuchia và Lào - chiến dịch thể nghiệm khả năng tác chiến của quân đội chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, theo phân tích của giới quân sự Hoa Kỳ, sự thất bại đó xuất phát từ việc Quốc hội Hoa Kỳ thông qua tu chính án cấm chính quyền Níchxon can thiệp quân sự và hỗ trợ hoạt động quân sự vào Campuchia và Lào. Dẫn đến không quân Mỹ đã không thể yểm trợ đầy đủ cho các cuộc hành quân của quân ngụy Sài Gòn vào hai quốc gia này. Và dù về mặt quân sự, liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn chưa đạt được mục tiêu tiêu diệt chủ lực và cơ sở hạ tầng của Quân Giải phóng, nhưng ở mức độ nhất định, Mỹ đã thiết lập được các chế độ tay sai ở Campuchia và Lào, bước đầu hình thành liên minh "chống Cộng" tại ba nước Đông Dương. Trong lĩnh vực ngoại giao, Mỹ cũng đã đạt được một số kết quả trong việc thiết lập ngoại giao với các cường quốc trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc. Vì vậy, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tin rằng đến cuối năm 1971 đã tạo được thế bao vây, cô lập cách mạng Việt Nam, hoàn thành cơ bản giai đoạn thứ nhất của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

113. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 602: Phiếu trình số 193/BNG/MC ngày 23-4-1971 của Bộ Ngoại giao VNCH.

Phần hai

CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM VIỆT NAM XUÂN - HÈ NĂM 1972

1. Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam

Ngay từ những ngày đầu Mỹ thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã khẳng định, đây là chiến lược hình thành trong thế thất bại, bế tắc và chứa đầy mâu thuẫn. Song, do lúc đầu ta chưa đánh giá đầy đủ tiềm lực và sách lược của quân địch, nên trong thời gian đầu khi Mỹ triển khai chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1970), cách mạng miền Nam Việt Nam đã gặp vô vàn khó khăn. Cơ sở cách mạng ở nông thôn bị tổn thất nặng nề, phong trào đấu tranh của quần chúng giảm sút trầm trọng, lực lượng cách mạng bị đẩy sâu vào các căn cứ rừng núi giáp biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia. Quyết tâm khắc phục khó khăn, chuyển hướng cách mạng miền Nam Việt Nam, tháng 01-1971, Trung ương Cục miền Nam ban hành Chỉ thị số 01 nhan đề: "*Nắm vững nhiệm vụ và*

phương hướng công tác trước mắt nhằm ra sức xây dựng thế tấn công chiến lược mới"¹¹⁴.

Trên cơ sở đánh giá thực tế các khuyết điểm của cách mạng trong chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh là":

"- Đánh giá tình hình chưa đúng mức nhất là phong trào quần chúng đấu tranh tại đô thị xã. Về quân sự cũng như chính trị, chưa nắm được thế chiến lược mới của đối phương. Mặt khác, trong cán bộ, đảng viên xuất hiện tư tưởng giao động trước gian khổ ác liệt, lâu dài;

- Chưa nắm vững phương châm tranh thủ giành thắng lợi quyết định là "phải đưa cơ sở chiến đấu và xây dựng để đánh lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần" chỉ muốn nôn nóng thắng nhanh;

- Chưa nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc phát triển và xây dựng "đội ngũ cách mạng trong quần chúng";

- Tư tưởng còn chủ quan, tác phong còn thoát ly xa rời quần chúng, thể hiện sự chỉ đạo cũng như lãnh đạo máy móc, tắc trách và thiếu thực tế;

- Không nắm vững nội dung nhiệm vụ và phương hướng trước mắt để hoàn thành theo yêu cầu;

114. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

- Phong trào quân chúng đấu tranh chính trị, binh vận và du kích chiến tranh chưa được rộng khắp¹¹⁵.

Đồng thời ước tính khả năng, sách lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là:

“Tiếp tục thực hiện chủ thuyết Nixon ở miền Nam Việt Nam và toàn Đông Dương nhằm hỗ trợ cho việc củng cố, phát triển thế lực chính quyền quốc gia tại 3 nước Việt - Campuchia - Lào và tiêu diệt các lực lượng CS “để giành thế mạnh cho giải pháp chính trị ở Đông Nam Á” với những chủ trương sau:

- Hoa Kỳ tiếp tục rút quân từng bước nhưng cố giữ lại một bộ phận quan trọng để làm chỗ dựa cho kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh, đồng thời phát huy thế mạnh của quân lực và vũ khí, đặc biệt là dùng không quân để oanh tạc mạnh các vùng căn cứ, hành lang (của cách mạng tại Đông Dương - TG) và có thể tập kích từng nơi ở miền Bắc;

- Phát triển chương trình bình định và đẩy mạnh việc lấn chiếm nhằm kiểm soát toàn bộ nông thôn, tiêu diệt cơ sở hạ tầng CS, cô lập các lực lượng vũ trang CS ra khỏi quân chúng để thực hiện các chính sách về quân sự, chính trị và kinh tế xã hội tạo ưu thế các mặt cho VNCH;

- Tiếp tục tăng cường, trang bị và huấn luyện cho QLVNCH, nhất là chú trọng đến việc cải tiến hệ thống phòng

115. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

thủ cho lực lượng chiếm đóng, nâng cao vai trò cơ động của chủ lực VNCH tại chiến trường miền Nam, kể cả trong việc hỗ trợ tiếp cứu cho quân đội Cộng hòa Campuchia;

- Ra sức củng cố chính quyền các cấp từ cơ sở đến trung ương để giữ thể hợp pháp, hợp hiến và cố gắng tranh luận ở bàn hội nghị Paris¹¹⁶.

Chỉ thị số 01 của Trung ương Cục miền Nam đề ra: “nhiệm vụ và thể tấn công chiến lược mới” của cách mạng miền Nam trên các mặt sau:

“Chủ trương chung:

- Liên tục tấn công, nổi dậy; kết hợp chặt chẽ việc tấn công quân sự, chính trị với xây dựng lực lượng “để phát huy cao độ nỗ lực và tạo thời cơ giành thắng lợi càng sớm càng tốt”;

- Chống tư tưởng bi quan, sợ hy sinh gian khổ và nôn nóng ảo tưởng hòa bình;

- Động viên một phong trào “chống Mỹ cứu nước” rộng lớn khắp nông thôn và thành thị;

Mục tiêu quân sự và chính trị:

- Phát triển toàn diện cuộc tấn công quân sự, chính trị, binh vận cùng kết hợp với tấn công về ngoại giao để tập trung vào sức chống bình định và Việt Nam hóa chiến tranh của Hoa Kỳ và VNCH;

116. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

- Phát triển thế lực làm chủ ở thôn xã, mở rộng hệ thống cơ sở và đội ngũ cách mạng ở đô thị, giữ vững các vùng căn cứ và hành lang, đặc biệt là phát triển phong trào quần chúng du kích chiến tranh khắp 3 vùng, phát triển đồng đều 3 thứ quân, “tạo thế tấn công chiến lược mới làm thay đổi hẳn cục diện để giành thắng lợi quyết định”;

- Năm vững phương châm 2 chân 3 mũi giáp công, đi sâu vào việc tổ chức, lãnh đạo và phát triển thế đấu tranh chính trị của quần chúng (có sự hỗ trợ của 3 thứ quân) nhằm tập hợp mặt trận đấu tranh rộng lớn của mọi tầng lớp quần chúng. Cố gắng lôi kéo những gia đình binh sĩ QLVNCH và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các phe phái.

Mũi tấn công quân sự:

Chủ yếu nhằm vào công tác chống phá bình định, giành chiếm nông thôn. Sử dụng và phát huy vai trò của bộ đội chủ lực (đưa xuống các địa phương) để chống lại các cuộc hành quân bình định của QLVNCH; đồng thời phát triển mạnh mẽ phong trào du kích chiến tranh ở nông thôn và thành thị với sự tăng cường bổ sung, rèn luyện để nâng cao vai trò nòng cốt của lực lượng địa phương và du kích, đặc biệt phải chú ý đến việc tổ chức các đơn vị đặc công, biệt động, công binh, du kích mật và trình sát vũ trang nhằm đối phó với các lực lượng địa phương quân, nghĩa quân, cảnh sát, phòng vệ dân sự. Đặc công đánh phá các đồn bót, các căn cứ kho tàng của QLVNCH và Hoa Kỳ.

Mũi tấn công binh vận và đấu tranh chính trị:

Lôi kéo mọi tầng lớp quần chúng và gia đình binh sĩ QLVNCH làm công tác binh vận phối hợp với các cuộc đấu

tranh liên tục của các “đoàn thể cách mạng”, đòi dân sinh dân chủ, văn hội hòa bình, chấm dứt chiến tranh đòi trung lập hóa,... Đối với binh lính phát động “chống lệnh hành quân và chống các kỷ luật khắc nghiệt”, đồng thời xây dựng cơ sở nội tuyến nằm vùng trong các gia đình binh sĩ để vận động “một phong trào đào rã ngũ và án binh bất động” nhằm làm tê liệt, gây xáo trộn trong hàng ngũ QLVNCH;...

Phong trào đấu tranh chính trị tại Sài Gòn và các tỉnh, thị xã là phải nâng cao hơn nữa các cao trào đấu tranh của các tầng lớp, các giới về dân sinh kinh tế, dân chủ tự do, văn hóa xã hội, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Đấu tranh bằng các hình thức công khai và bán công khai, đồng thời tăng cường hệ thống cơ sở nội thành, bí mật lãnh đạo các tổ chức, các phong trào và tranh thủ lợi dụng, tạo nên sự liên hiệp hành động của các tôn giáo cùng các nhân vật trong, ngoài chính quyền VNCH thành “một mũi nhọn đấu tranh” với khẩu hiệu đòi Mỹ rút hết quân, lật đổ chính quyền hiện hữu, thành lập một chính phủ “dân chủ hòa bình trung lập” ở miền Nam Việt Nam¹¹⁷.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục, trong năm 1971, quân dân miền Nam Việt Nam đẩy mạnh tiến công trên các mặt trận làm thay đổi cục diện chiến trường. Từ thực tế đó, nửa cuối năm 1971, Trung ương Cục miền Nam ban hành chỉ thị bố

117. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phú Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

sung Chi thị số 01 tháng 01-1971 nhằm chuyển hướng chiến lược sang chống đánh bình định nông thôn của chính quyền Sài Gòn. Trên cơ sở đánh giá khả năng và thời cơ những tháng cuối năm 1971 và năm 1972 là:

“1. Khả năng phá rã toàn bộ trên quy mô rộng lớn nhất là ở hạ tầng cơ sở, mà chủ yếu là khả năng khởi nghĩa chứ không kết hợp vận động lấy đồn bót;

2. Khả năng đồng khởi từ cục bộ đến toàn diện làm tan rã bọn bảo an tiến tới giải phóng xã, ấp, mảng;

3. Chuyển hướng phương châm, phương thức, ấp xóm hoặc từng người dân, trên chi viện thế lực cho địa phương. Cơ sở bản chất là khả năng quân chúng tại chỗ, còn trên chi viện là quan trọng.

Có bốn thời cơ:

- Bầu tổng thống Mỹ;*
- Bầu tổng thống Sài Gòn;*
- Thắng lợi Miên;*
- Thắng lợi Lào”¹¹⁸.*

Trung ương Cục đề ra chủ trương “đánh bại âm mưu Việt Nam hóa chiến tranh, chương trình bình định đặc biệt của địch”¹¹⁹, với các nhiệm vụ cụ thể:

“- Ra sức giành quyền làm chủ trên diện rộng nhưng nhiều hình thức khác nhau;

118, 119. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Tài liệu của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH ngày 23-10-1971 về bản Bổ sung tình hình Chi thị 01 của Trung ương Cục miền Nam.

- Ra sức tiêu diệt bộ phận quan trọng của địch, làm tan rã nguy quân, nguy quyền và tế điệp ác ôn, những đôn bót ác ôn;
- Ra sức xây dựng lực lượng 3 mặt tốt để đảm bảo nắm dân;
- Hình thành các lực lượng cơ bản cán bộ để giữ ấp và dân"¹²⁰.

Cuối năm 1971, từ kết quả của công tác chống phá bình định nông thôn, Trung ương Cục ban hành Chỉ thị 13 đề ra nhiệm vụ trong mùa khô 1971-1972, tạo thế "giải quyết chiến trường miền Nam trong năm 1972"¹²¹. Chỉ thị nhận định: Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh là biện pháp cuối cùng của học thuyết Níchxon. Do đó, trong năm 1971, quân đội chính quyền Sài Gòn đã dốc toàn lực đánh phá cách mạng, điển hình là đưa quân ra phía trước độ sức với chủ lực Quân Giải phóng tại mặt trận đường 9 và 6. Đến nay, quân đội chính quyền Sài Gòn không còn khả năng cơ động, tất cả lực lượng đều bị giam chân ở khắp chiến trường và phải bảo vệ cơ sở. Trong khi, qua trận độ sức mùa khô 1971, kỹ thuật chiến đấu của chủ lực Quân Giải phóng đã được nâng cao. Về chính trị, cách mạng đã giành được thắng lợi to lớn, buộc Hoa Kỳ phải chấp nhận 6 điểm

120. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Tài liệu của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH ngày 23-10-1971 về bản Bổ sung tình hình Chỉ thị 01 của Trung ương Cục miền Nam.

121. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

trong đề nghị 7 điểm trên bàn đàm phán. Về chống phá bình định, cách mạng đã trải qua thời kỳ khó khăn nhất. Năm 1971, chính quyền Sài Gòn tuy đóng thêm đồn bót, lấn chiếm được nhiều đất đai, kiểm soát được đa số dân chúng, sử dụng được nguồn nhân vật lực ở nông thôn, nhưng vẫn chưa đánh bật được hạ tầng cơ sở của cách mạng khỏi nhân dân, cán bộ chiến sĩ vẫn bám trụ được địa bàn. Đồng thời, xác định “*thời cơ năm 1972 là thời cơ chiến lược tốt để thắng lợi quyết định tại chiến trường Đông Dương... Nếu chiến trường chuyển biến tốt, thì năm 1972 là năm thời cơ buộc địch phải thua nhanh. Nếu chiến trường chuyển biến chưa tốt thì phải kéo dài đến bước đầu của nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ sắp tới. Nhưng Đảng đã quyết tâm “giành thắng lợi quyết định năm 1972” với các nội dung: “Hoa Kỳ rút hết quân; QLVNCH tan rã; xây dựng một chính quyền liên hiệp”*¹²².

Để giành thắng lợi quyết định, Trung ương Cục đề ra 6 yêu cầu chung:

- Tiêu diệt làm tan rã một số lực lượng QLVNCH kể cả địa phương quân và nghĩa quân. Đặc biệt làm tan rã hệ thống tổ chức chính quyền và quân sự ở hạ tầng cơ sở;
- Đánh bại chương trình bình định, giải phóng giành quyền làm chủ nông thôn, không còn đồn bót ở nông thôn;
- Đưa phong trào chính trị đô thị lên cao;

122. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

- Bảo đảm xây dựng lực lượng về mọi mặt;
- Bảo đảm xây dựng căn cứ các ấp vững chắc hiện tại và sau này;
- Bằng mọi cách "giữ cho được hành lang chiến trường Đông Dương"¹²³.

Với phương châm chỉ đạo:

- Nhận rõ cho được thời cơ chiến lược và quyết tâm của Trung ương Đảng trong năm 1972;
- Đảng viên phải nỗ lực quyết tâm cao, vượt mọi khó khăn, chủ trương hành động đúng tổ chức;
- Nắm vững thế tấn công chiến lược mới với "3 quả đấm chiến lược";
- Ý thức được Đông Dương là 1 chiến trường kiêm giữ và thu hút tiêu diệt sinh lực, phương tiện chiến tranh VNCH. Miền Nam là chiến trường quyết định;
- Đẩy mạnh hoạt động quân sự trên toàn cõi Đông Dương, giữ vững yếu tố bí mật bất ngờ để giành thắng lợi quyết định"¹²⁴.

Thực hiện quyết tâm của Trung ương Cục, trong mùa khô 1971-1972, lực lượng cách mạng đã làm phá sản bước đầu chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, bẻ gãy hai nội dung cơ bản: bình định nông thôn và tăng cường khả năng tác chiến của quân đội chính quyền Sài Gòn, mở ra thời cơ chiến lược cho cuộc tiến công quyết định trong năm 1972.

123, 124. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

Trên mặt trận quân sự, không những bẻ gãy các cuộc hành quân của liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn tại Campuchia và Lào, từ đầu tháng 01-1972, Quân Giải phóng đẩy mạnh tiến công vào vị trí đóng quân của quân đội chính quyền Sài Gòn tại các tỉnh¹²⁵ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trị Thiên (Quân khu I); Pleiku, Kontum, Phú Bổn (Quân khu II); Phước Long, Bình Long, Hậu Nghĩa, Tây Ninh (Quân khu III) và Kiến Hòa, Định Tường, Vĩnh Bình, An Xuyên, Kiên Giang (Quân khu IV). Theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, trong 3 tháng đầu năm 1972, Quân Giải phóng đã thực hiện gần 2.000 cuộc tấn công, pháo kích, phục kích nhỏ, tiêu diệt và làm bị thương hơn 8.200 lính Mỹ và lính của chính quyền Sài Gòn¹²⁶.

Cùng với lực lượng vũ trang, khắp các vùng nông thôn, đồng bằng, ven đô thị ở miền Nam Việt Nam, phong trào đấu tranh chống kìm kẹp, ác ôn, phá ấp chiến lược của quân chúng nổ ra mạnh mẽ, đặc biệt ở Quảng Trị, các tỉnh Trung Trung bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Đến đầu năm 1972, Ủy ban nhân dân cách mạng đã được thành lập ở tất cả 44 tỉnh, 5 thành phố, 182 huyện và hơn 1.500 xã ở miền Nam¹²⁷.

125. Theo địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn.

126. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17758: Tổng hợp tin tức hàng ngày (từ ngày 02-01 đến 01-4-1972) của Văn phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

127. Viện Sử học: *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Hà Nội, 1985, tr.33-34.

Từ những thắng lợi về quân sự và công tác chống bình định nông thôn, ngày 08-3-1972, Quân ủy Trung ương Quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam nêu rõ: *“Năm 1972 là năm hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh... trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Nhiệm vụ cần kíp là đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị, binh vận... và ngoại giao... tạo ra một chuyển biến căn bản làm thay đổi cục diện trên chiến trường miền Nam và cả trên bán đảo Đông Dương. Buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh... bằng một giải pháp chính trị... mà Mỹ có thể chấp nhận được”*¹²⁸. Ngày 10-3-1972, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn gửi thư cho Trung ương Cục miền Nam và khu ủy các khu xác định: *“Mục tiêu của ta trong giai đoạn thứ nhất này là nhằm tạo ra tình hình có hai chính quyền song song tồn tại”*¹²⁹.

Triển khai sự chỉ đạo của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 3-1972, Trung ương Cục miền Nam ban hành Chỉ thị 001-8, khẳng định: *“thời cơ đã chín mùi phải nắm vững quyết tâm của Trung ương Đảng phát động toàn dân quân tập trung đánh thắng... Thời cơ hiện nay là thời cơ lịch sử và đã chín mùi trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh. Quyết tâm trong giai đoạn hiện nay là quyết tâm lớn nhất để đưa cuộc cách mạng sang giai đoạn mới. Thế tấn công lần này là lớn nhất trong quá trình chiến đấu trên cả 3 mặt: quân sự -*

128. Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

129. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.33, tr.189.

chính trị - binh vận"¹³⁰. Tiếp đó, Trung ương Cục ban hành Chỉ thị số 01-73, đề ra phương hướng nhiệm vụ "nỗ lực hoạt động làm xoay chuyển cục diện chiến tranh", với tư tưởng chỉ đạo:

- Nhận rõ hiện ở trong "thời cơ lịch sử chín mùi";
- Có quyết tâm lớn đồng thời có cơ sở vững chắc;
- Cuộc tấn công đồng loạt lần này "là cuộc tấn công lớn nhất trong cả cuộc chiến tranh mà Đảng đang theo đuổi, là cuộc tấn công liên tục toàn diện;
- Ý thức rằng cuộc tấn công lớn như thế đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, nỗ lực tạo "khí thế long trời chuyển đất";
- Nhân tốt đảm bảo thắng lợi phải gắn chặt quyết tâm với hành động cụ thể"¹³¹.

Ngày 16-3-1972, Trung ương Cục ban hành Chỉ thị 01-CT72 chính thức phát lệnh "thời cơ đã chín mùi" cho một cuộc tổng công kích toàn thắng dứt điểm... Mở cuộc tấn công quy mô lớn để kết thúc chiến tranh"¹³². Chỉ thị nêu rõ:

"Các cán bộ, Đảng, đoàn viên phải nhận thức 4 vấn đề cơ bản sau đây:

1. Thời cơ đã chín mùi, không phải là thời cơ bình thường mà là thời cơ có tính cách lịch sử.

130, 131. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

132. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

2. Quyết tâm của Đảng là:

- Mở đợt tấn công lớn, kết thúc chiến tranh, chuyển cuộc cách mạng miền Nam qua nhiều giai đoạn mới.

- Hiểu rõ nguyện vọng bức thiết của quần chúng và vận động quần chúng đứng lên đòi đời.

3. Mở đợt tấn công đồng khởi toàn diện bằng quân sự lớn nhất để kết hợp với tấn công ngoại giao, đồng thời xây dựng và phát triển lực lượng, phương tiện vật chất trên toàn quốc để tấn công liên tục, tấn công ở khắp 3 vùng bằng 3 mũi.

4. Toàn Đảng phải phát cờ tiên phong thực hiện phương châm: "Kiên quyết, táo bạo, vững chắc, dài hơn, càng đánh càng mạnh" và khẩu hiệu: "xuống đường như Tết Mậu Thân, tinh thần tấn công diệt gọn như Điện Biên Phủ".

Hai mục tiêu:

- Chiến trường miền Nam là chính.

- Đánh QLVNCH và kế hoạch bình định là chính.

Sáu yêu cầu:

- Kết hợp 3 thứ quân tập trung đánh phá kế hoạch bình định;

- Quân chủ lực phải tiêu diệt quân chủ lực VNCH và kết hợp 3 thứ quân đánh đều khắp;

- Tiến tới phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ ở đô thị;

- Xây dựng phát triển lực lượng chính trị và phát triển cơ sở từ thành thị đến nông thôn;

- Giữ vững hành lang chiến lược;

- Xây dựng căn cứ địa ở chiến trường Đông Dương và nhất là ở miền Nam"¹³³.

133. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

Đối với vấn đề chính trị, tháng 4-1972, Trung ương Cục ban hành Chỉ thị số 02/72, đề ra nhiệm vụ:

“- Thực hiện tổng nổi dậy nông thôn thành thị liên tục cho đến cuối năm 1972;

- Đi vào quần chúng, phát động thành đội ngũ, xây dựng thực lực cách mạng để chờ thời cơ đột biến xuất hiện;

- Mở rộng phong trào đều khắp và tập hợp lực lượng chính trị nhất là trong thành phần công nhân lao động tại các xí nghiệp, xóm, chợ và trường.

Đòi hỏi các mục tiêu:

- Mỹ phải rút nhanh và toàn bộ quân đội, vũ khí cũng như chiến cụ khỏi miền Nam Việt Nam;

- Tổng thống VNCH phải từ chức, chính phủ VNCH phải bãi bỏ kế hoạch bình định nông thôn và thi hành các quyền tự do dân chủ;

- Nếu chính phủ VNCH thỏa thuận được các điều kiện nêu trên thì sẽ nói chuyện về các vấn đề thành lập chính phủ liên hiệp và tổ chức bầu cử”¹³⁴.

Tuyên bố và lời kêu gọi của

Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam¹³⁵

134. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 442: Bản khai thác tài liệu CS số 185/73 ngày 23-10-1973 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH về các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Cục miền Nam (1960-1973).

135. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599.

TUYÊN BỐ

*của Chánh phủ cách mạng lâm thời
Cộng hòa miền Nam Việt Nam*
**đối với việc Mỹ Thiệu cưỡng bức con em
nhân dân ta cầm súng đánh thuê,
chết thay cho giặc Mỹ**

Hơn 10 năm qua, đế quốc Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất, tàn khốc nhất đối với miền Nam Việt Nam. Nhưng chúng đã vấp phải sự chống trả kiên cường bất khuất của cả dân tộc ta.

Đáp lại lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ Chí không có gì quý hơn Độc lập Tự do, nhân dân ta, với 4.000 năm lịch sử và truyền thống cương ngoại xâm anh liệt đã đoàn kết một lòng, hiến trí và sức mạnh không chiều, làm thất bại liên tiếp các chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ.

Nhân dân miền Nam ta đã đứng khởi nghĩa đả đảo chế độ độc tài phát xít Mỹ-Điệm, đánh thắng cuộc chiến tranh đê tiện, đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của quân Mỹ, tiến hành thắng lợi cuộc tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân, mở ra một bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, làm phá sản cuộc chiến tranh sự bịp phát triển lời nói suông nhất với trên nửa triệu quân viễn chinh Mỹ.

Ở hậu phương lớn, nhân dân miền Bắc ruột thịt vẫn hết lòng chi viện cho đồng bào miền Nam, vừa anh dũng chiến đấu và sản xuất, đập tan cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân quy mô lớn của giặc Mỹ. Thắng lợi vẻ vang của quân và dân cả hai miền Nam-Bắc nước ta đã buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang rút quân tăng cường ở miền Nam phải chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, phải chấp nhận cuộc hội đàm về Việt Nam ở Pa-ri.

Nhưng đế quốc Mỹ xuống thang, rút quân không phải để chấm dứt chiến tranh mà để tiến hành Việt Nam hóa chiến tranh đây

manda chính sách « dùng người Việt giết người Việt », « thay máu để xác chết » nhằm tiếp tục xâm lược miền Nam ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và cấu cơ quân sự của Mỹ. Trước nguy cơ thất bại của kế hoạch Việt Nam hóa, chúng tôi đã chính và tiến hành chiến tranh xâm lược Cam-pu-chia, tăng cường chiến tranh đặc biệt ở Lào, mở rộng chiến tranh và độc thuyết. Ních-xon ra toàn với Đông Dương. Bước phiêu lưu mới của chúng đã bị quân dân ta cùng với quần dân hai nước Cam-pu-chia và Lào đánh bại chệch chỗ trong một trận các dân tộc Đông Dương chống Mỹ, cứu nước, giáng trả những đòn chí tử ngay từ đầu, làm cho đế quốc Mỹ chẳng những bị tiếp tục thất bại ở miền Nam mà còn bị lôi kéo thêm ở Cam-pu-chia và thuộc địa chúng thâm bệ mới ở Lào.

Rõ ràng là trong cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội ác đối với nhân dân ta, những cố gắng lớn nhất của đế quốc Mỹ và bọn tay sai đều lần lượt bị thất bại. Quân và dân ta vượt qua muôn vàn gian khổ, sát cánh với quần dân Cam-pu-chia và quần dân Lào anh em đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác và nhất định sẽ tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

Miền này, tuy đã bị thất bại bởi sức mạnh sẽ, tập đoàn Ních-xon vẫn bám lấy kế hoạch Việt Nam hóa và chính sách « dùng người châu Á giết người châu Á » để tiếp tục âm mưu xâm lược miền Nam và các nước Đông Dương. Chúng cố duy trì tên việt gian Nguyễn Văn Thiệu làm công cụ xâm lược, ráo riết đẩy mạnh kế hoạch Minh Qịch gồm đàn áp cực kỳ tàn bạo, bắt lính đôn quân ở địa, vơ vét bóc lột nhân dân đến cùng cực và thẳng tay đàn áp khủng bố mọi khuynh hướng và nguyện vọng hòa bình, độc lập, trung lập, hòa hợp dân tộc, tự do dân chủ, cải thiện đời sống của các tầng lớp ở các đô thị và nông thôn. Kế hoạch Việt Nam hóa của Mỹ Thiệu đã gây thêm cho nhân dân ta biết bao đau thương tang tóc. Không có gia đình nào không có mất mát, chia lỵ về chồng con anh em bị Mỹ Thiệu đẩy đi chết thay cho gia đình Mỹ giết hại đồng bào ta ở các xóm làng quê hương hoặc đi chết ở chiến trường Cam-pu-chia và Lào. Dưới gánh nặng của thuế khóa, lạm phát, giá cả tăng vọt, cướp bóc, thêm những đe dọa chiến tranh kinh tế toàn toàn lệ thuộc và phục vụ chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ chỉ để làm giàu cho bọn bán nước buôn dân, đời sống các tầng lớp nhân dân ở đô thị cũng như nông thôn, kể cả binh sĩ, thương phu binh, công chức ngay cả ngày càng khổ khăn cơ cực như xưa thời xưa. Các nhà lính ở các địa phương, nhân phẩm con người và trung lương vẫn hòa lột lột của dân tộc đều bị đế quốc Mỹ và bọn gia nô Nguyễn Văn Thiệu bóc lột và chà đạp.

Những thêm sách mà Mỹ Thiệu gây ra cho nhân dân ta về

lòng cương Việt Nam hòa chiến tranh để đến một không ai còn có thể chịu được nữa. Không còn có con đường nào khác là triệu người như một phải đồng tâm nhất trí vàng lên đạp để chế độ cướp nước và bán nước của đế quốc Mỹ và bọn bù nhìn Việt gian Nguyễn Văn Thiệu để cứu nước cứu nhà và cứu lấy bản thân mình. Chính vì vậy mà từ khi lịch sử cương Việt Nam hòa chiến tranh, nhất là từ đầu năm 1971 đến nay, bất chấp mọi sự đàn áp khủng bố của chúng, phong trào đấu tranh của nhân dân ở cả nông thôn và thành thị, đặc biệt là phong trào đánh phá kế hoạch binh đoàn, phong trào đấu tranh đòi quyền lợi đời sống, chống độc tài, phát mìn, chống trả hệ hữu cử tọang thống của Mỹ ngày càng trở nên quyết liệt và sôi động, phải hợp nhjep nhậng với những chiến công vang dội của quân và dân ba nước Đông Dương mùa khô năm 1971 và đầu mùa khô năm nay, với sự đồng tình và ủng hộ ngày càng to lớn của nhân dân thế giới, để làm cho kế hoạch Việt Nam hòa chiến tranh và học thuyết Ních-xơn ở Đông Dương bị thất bại một bước rất nghiêm trọng.

Hơn bao giờ hết, cục diện cuộc chiến tranh đang phát triển có lợi cho ta, rất bất lợi cho đế quốc Mỹ và tay sai. Nhưng đế quốc Mỹ xâm lược vẫn rất ngoan cố, trong bước đường cùng chúng đang có những âm mưu nham hiểm và phiêu lưu bồng bột vẫn chính sách Việt Nam hòa và học thuyết Ních-xơn. Mối nguy rêu rạc hòa bình thương lượng, nhưng thực tế là đang xô đẩy hàng vạn con em chúng ta tiếp tục đi chết trên các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào để mưu cơ đả bực hàng triệu đồng bào ta ở giới tuyến phải rời bỏ xóm làng quê hương... đi đôi với ném bom bắn phá đe dọa miền Bắc, âm mưu phá hoại hội nghị Pa-ri.

Tình hình trên đây đặt ra cho toàn dân toàn quân ta nhiệm vụ cấp bách phải tăng cường đoàn kết, ra sức phát huy thắng lợi đã giành được, kiên trì và đẩy mạnh đấu tranh, đánh bại hoàn toàn chính sách Việt Nam hòa và học thuyết Ních-xơn, đánh cho quân Mỹ phải hoàn toàn rời khỏi miền Nam Việt Nam, cho tên Việt gian Nguyễn Văn Thiệu phải sụp đổ, để giành lại hòa bình độc lập tự do cơm áo cho nhân dân ta.

Phải ngăn chặn và kịp thời dập tắt mọi âm mưu tâm báo và thâm độc của Mỹ Thiệu và Việt Nam hòa chiến tranh và học thuyết Ních-xơn. Kiên quyết không cho chúng dùng sức người sức của của nhân dân ta, bất chấp sự anh em chúng ta cần cũng đánh thuê, chết thay cho giặc Mỹ, thực hiện chính sách "dùng người Việt giết người Việt", "dùng người châu Á giết người châu Á" bằng hòa đất nước chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta và cả ba nước Đông Dương.

Để thực hiện ý nguyện của dân và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người Việt Nam yêu nước, mọi gia đình có con con bị địch bắt như cũng như cho mọi người bị địch cưỡng bức cầm súng đi chất thay cho giặc Mỹ tham gia Đuối Mỹ tại Thiệp, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những con anh em, thân ái) được học toàn chính sách Việt Nam hóa của địch.

Cần có vào những lối đại đoàn kết, trước sự như một và sự ủng hộ của Mỹ của nước của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và của Đại hội quốc dân họp tháng 6-1969.

Nay Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố những chính sách cụ thể sau đây :

1- Toàn dân đoàn kết đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thanh niên chống Mỹ Thiệp bắt lính đôn quân đưa đi chết thay cho giặc Mỹ.

a) Mọi người Việt Nam yêu nước cần có tinh thần bảo vệ Tổ quốc bằng mọi hình thức, tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình.

Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kêu gọi toàn dân tăng cường đoàn kết đấu tranh đánh bại chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của chúng người Việt giết người Việt, và dùng người châu Á giết người châu Á của đế quốc Mỹ, không để cho Mỹ Thiệp biến những con anh em mình thành công cụ giết hại đồng bào và chất thay cho giặc Mỹ ở Lào và Cam-pu-chia.

b) Ai tích cực bảo vệ thân nhân của mình, tích cực học tập cho con thanh niên, không để cho địch bắt lính đôn quân thì thân dân và chính quyền cách mạng hết lòng giúp đỡ.

c) Ai tích cực vận động và giúp đỡ binh lính bỏ hàng ngũ giặc trở về với nhân dân hoặc vận động binh sĩ đứng lên chống Mỹ Thiệp cứu nước thì được ghi công và khen thưởng.

d) Những người bị Mỹ Thiệp đưa áp, không bị thương tại (ở đây trong địa phương bảo vệ thanh niên, chống bắt lính đôn quân thì được nhân dân và chính quyền cách mạng hết lòng giúp đỡ tương trợ trong tâm xuất và đời sống.

2- Đối với những gia đình có thân nhân bị địch bắt vào phòng vệ dân sự, vào các sắc lệnh nguy.

a) Những gia đình có thân nhân bị Mỹ Thiệp bắt vào phòng vệ dân sự, vào các sắc lệnh nguy nơi chúng, đều là nạn nhân của chính sách thâm hiểm của đế quốc Mỹ nhằm đưa Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền cách mạng không phân biệt đối xử.

b) Những gia đình tích cực khuyến bảo những con anh em mình giữ quan hệ tốt với thân dân, không để cho bọn ác ôn theo

ép đi làm học như dân, làm học sách mạng thì được hoan nghênh và biểu dương.

e) Những gia đình có công vận động chống con, con em mình bỏ hàng ngũ giáo trở về với gia đình, với nhân dân thì được ghi công như chống con con em vô lập sống thì được biểu dương theo thường.

d) Những gia đình có công vận động chống con con em mình đứng lên khởi nghĩa thì được công nhận là gia đình khởi nghĩa và khen thưởng xứng đáng.

3- Đối với những người bị bắt vào phòng vệ dân sự hoặc bị cưỡng bức vào các tổ chức bán quân sự của địch.

a) Những người bị bắt vào phòng vệ dân sự hoặc bị cưỡng bức vào các tổ chức bán quân sự của địch, chúng tham gia kết đấu tranh chống tổ chức phòng vệ dân sự, chống lại sự tập quân sự của địch và không đơn quân thì được nhân dân và chính quyền cách mạng coi đó là những hành động yêu nước được biểu dương.

b) Những người bị ép buộc vào phòng vệ dân sự chưa tìm được cách thoát, nhưng vẫn quan hệ tốt với nhân dân và cách mạng, chúng học ăn học làm, không đi không bỏ đồng bạc, không đơn quân bắt lính. Đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thì được nhân dân và chính quyền cách mạng ghi công.

c) Những người trong phòng vệ dân sự đứng lên cùng với nhân dân đấu tranh chống lại cách hành xử, giành quyền làm chủ của nhân dân, giải phóng xóm làng quê hương hoặc tìm mọi cách giúp đỡ nhân dân và cách mạng tại đó; thành tích được tốt khen thưởng xứng đáng. Nhân dân và chính quyền cách mạng khuyến khích, hoan nghênh tất cả những ai muốn tiếp tục tham gia chiến đấu trong hàng ngũ nhân dân và cách mạng.

4) Đối với binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an.

a) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an có hành động chống đơn quân bắt lính, chống kềm kẹp hà khắc và bóc lột của bọn chỉ huy ác ôn, chống đi bóc lột quân của quê hương bố nhân dân, chống đi đồng đơn bốt lên chiếm thì nhân dân và chính quyền cách mạng tích cực giúp đỡ.

b) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đồn bốt thuộc hệ thống dân vệ, bảo an giữ quan hệ tốt với nhân dân, đã nhân dân tự do đi lại làm ăn, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân

(XEM TIẾP TRANG 8)

d) Những binh lính, sĩ quan, đơn vị được lên làm binh biến hoặc nghĩa dũng quân dân và chính quyền cách mạng hoặc chính, thành lập được các kho lương, được công nhận là cá nhân binh lính sĩ quan hoặc đơn vị khởi nghĩa, được giữ nguyên đơn vị, sĩ quan được giữ chức vụ cũ được trọng dụng, đối xử bình đẳng.

6— Đối với những học sinh sinh viên, trí thức, công chức bị bắt đi làm sĩ quan ngụy và đối với sĩ quan ngụy.

a) Những học sinh, sinh viên, trí thức, công chức bị bắt đi làm sĩ quan ngụy mà vẫn giữ quan hệ tốt với nhân dân, không hà hiếp binh sĩ, không thúc ép binh sĩ dưới quyền đi hành quân cầm súng làm hại đến tài sản tính mạng của nhân dân đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thì được nhân dân và chính quyền cách mạng hoặc ngành và ghi công.

b) Những sĩ quan có hành động chống Mỹ chống Thiệu tán thành hòa bình trung lập, hòa hợp dân tộc thì Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẵn sàng có quan hệ tốt và cùng nhau hợp tác chống Mỹ Thiệu để giành lại hòa bình độc lập tự do và cơm áo của toàn dân.

7— Đối với nhân viên ngụy (nguyên tắc cấp).

a) Những người vì hoàn cảnh nào đó còn phải làm việc trong bộ máy ngụy quyền các cấp mà giữ quan hệ tốt với nhân dân, tìm mọi cách bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chống mọi âm mưu thâm độc của Mỹ Thiệu và bọn tay sai ác ôn, đồng tình ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thì được ghi công.

b) Những người có hành vi phản động, cùng với nhân dân đứng lên đấu tranh đánh đổ sách thống trị của Mỹ Thiệu giải phóng xóm làng, lập công đức nước thì được khen thưởng và trọng dụng.

8— Đối với cảnh sát.

a) Mỹ Thiệu lập ra lực lượng cảnh sát làm công cụ trực tiếp và sát sườn bóc lột dân, đàn áp khủng bố các phong trào đấu tranh của nhân dân. Nhân dân và chính quyền cách mạng kêu gọi những người trong tổ chức cảnh sát, công an hoặc các tổ chức tương tự của Mỹ Thiệu hãy mau mau thức tỉnh tìm mọi cách thoát khỏi âm mưu độc ác của giặc, đứng để chống đối vào con đường gây tội lỗi đối với nhân dân với Tổ quốc.

b) Những người vì hoàn cảnh nào đó còn phải làm cảnh sát nhưng vẫn giữ thái độ tốt với nhân dân, không khủng bố nhân dân, đồng tình ủng hộ hoặc không đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân thì nhân dân và chính quyền cách mạng hoặc ngành.

c) Nếu muốn thoát khỏi tổ chức cảnh sát và nhà làm ăn thì sẽ được nhân dân và chính quyền cách mạng giúp đỡ.

đ) Nếu bảo vệ thành mạng và tài sản của nhân dân, giúp đỡ nhân dân và cách mạng thì được nhân dân và chính quyền cách mạng ghi công. Nếu lập công thì được khen thưởng thích đáng.

9- Đối với hàng binh và tù binh,

Hàng binh được nhân dân và chính quyền cách mạng đối xử tử tế và giải quyết theo nguyện vọng. Tù binh được đối xử nhân đạo.

10- Đối với những người phạm tội mà thật tha hối cải,

Nhân dân và chính quyền cách mạng khoan hồng đối với những người đã phạm tội ác với nhân dân, với Tổ quốc nhưng thật thà hối cải, Ai lập công chuộc tội thì tùy công mà được xoi khen thưởng.

Hỡi toàn thể đồng bào,

Hỡi các gia đình có thân nhân bị địch bắt linh,

Hỡi những anh em bị Mỹ Tàu cưỡng bức phải cầm súng đi chết thay cho giặc Mỹ.

Các binh lính, sĩ quan trong quân ngũ có nhân viên ngũ quyền các cấp.

Đi quốc Mỹ xâm lược, đã nhia bàn nước Nguyễn Văn Tàiệu tên phá quê hương đất nước ta, giết hại hàng bào ta, hàng ngày hàng giờ gieo rắc chết chóc, nghèo khổ, đau thương cho mọi tầng lớp, mọi gia đình, ở thành thị cũng như nông thôn. Là người Việt Nam yêu nước không ai khỏi sự sôi sục căm giận trước tội ác của Mỹ Tàiệu đối với dân tộc ta, với Tổ quốc ta.

Tâm dân toàn quốc ta bly sôi sục hết một lòng, kiên quyết đấu tranh, đánh bại chính quyền Việt Nam bán nước trạch vì học thuyết Nish-kon, Gadi Mỹ lật ngược, lộn ngược cho bằng được lời dạy của Hồ Chủ tịch: "Chỉ cần một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quyết giành nó đi để giành lại hòa bình độc lập tự do cho Tổ quốc ta, giành lại cơm áo, sự sống của và hạnh phúc cho gia đình và bản thân chúng ta.

Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng báo miền Bắc, với sự đồng tình ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của bộ họp hiệp năm nước trong đó có nhân dân Mỹ, qui sách với nhân dân hai nước Gou-pa-ri-a và Lào, toàn quốc toàn dân ta, mọi người Việt Nam yêu nước hãy sẵn sàng tiến lên!

Đi quốc Mỹ xâm lược nhất định thua!

Đưa ba nhân dân nước Nguyễn Văn Tàiệu chết định sự đời!

Nhà ta dân ta như: Sấm thiêng!

Nhân dân Đông Dương nhất định thắng!

Miền Nam Việt Nam nhất định được giải phóng!

Tổ quốc ta nhất định thắng quyết!

đến thì được nhận dân và chính quyền cách mạng công nhận là hành động yêu nước và được ghi công.

a) Những binh lính, sĩ quan và đơn vị, đơn vị thuộc hệ thống đến về, bảo an đứng lên cùng với nhân dân diệt ác ôn, họ được ưu tiên cách tiếp cận các gia đình, giải phóng xóm làng thì nhân dân và chính quyền cách mạng công nhận là những binh lính, sĩ quan, đơn vị khởi nghĩa, thành tích được xét khen thưởng xứng đáng.

5- Đối với binh lính, sĩ quan trong các binh chủng chủ lực ngay.

a) Những binh lính, sĩ quan trong các binh chủng chủ lực ngay đều tranh chấp chế độ quân phiệt và thực hiện bao phủ Mỹ Thiệu. Họ phải nhận đối công bôn đảo và gia đình thì được nhận dân và chính quyền cách mạng công nhận và ủng hộ.

b) Những cá nhân, tập thể hoặc đơn vị bị đưa đi mặt trận, đi Cam-pu-chia, đi Lào v.v... mà không lại hoặc tìm mọi cách bỏ hàng ngũ chạy về với gia đình, với nhân dân thì được nhận dân và chính quyền cách mạng tích cực chăm sóc cho chỗ, giúp đỡ làm ăn sinh sống và tạo mọi cơ hội cho trở về gia đình quê hương.

c) Binh lính, sĩ quan, cá nhân, tập thể hoặc đơn vị có hành động phá chiếm tại mặt trận, kịp thời báo cho quân giải phóng biết thì được giúp đỡ. Nếu chạy sang hàng ngũ cách mạng thì được nhận dân và chính quyền cách mạng hoan nghênh. Bộ chỉ huy quân giải phóng tại mặt trận sẵn sàng giúp đỡ, tiếp nhận và giải quyết theo quy định, nếu có lập công thì được khen thưởng.

(XEM QUÁ TRANG 6)

L U U T R U Ỗ V N

CHÍNH SÁCH CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG TẠI MẶT TRẬN

1. Ai đã hạ vũ khí hàng Quân giải phóng thì được đối xử tử tế.
2. Ai chạy sang với Quân giải phóng thì được hoan nghênh.
3. Ai lập công về với cách mạng thì được khen thưởng.
4. Kẻ nào ngoan cố chống lại Quân giải phóng thì bị tiêu diệt.

Giấy này thay GIẤY THÔNG HÀNH
đề sang với Quân giải phóng

QUÂN GIẢI PHÓNG KÊU GỌI

★ Những binh lính bị bắt buộc phải cầm súng trong quân đội Sài-gòn:

Đừng để bọn ác ôn ngoan cố thúc đẩy vào chỗ chết. Bọn chúng là số ít, các bạn mới là số đông. Hãy cùng nhau vùng dậy diệt chúng lập công trở về với nhân dân hoặc chạy ra với Quân giải phóng.

QUÂN GIẢI PHÓNG KÊU GỌI

★ Các sĩ quan và hạ sĩ quan quân đội Sài-gòn:

— Không theo lệnh Mỹ và bọn tay sai ngoan cố thúc ép binh lính chống lại nhân dân và Quân giải phóng.

— Chạy sang với Quân giải phóng sẽ được hoan nghênh.

— Đưa cả đơn vị về với cách mạng, cầm đầu đơn vị làm binh biến ra với Quân giải phóng sẽ được tặng thưởng.

Nhất quyết không để cho Mỹ, Thiệu—Kỳ bắt lính đôn quân

Sau trận đại bại ở Đường 9 — Nam Lào, 23.000 quân bị diệt, 600 máy bay bị tan xác, 1449 xe bị phá hủy, 10 lữ đoàn, trung đoàn bị diệt gọn hoặc bị đánh thiệt hại nặng, làm cho kế hoạch « Việt nam hóa » dùng máu người Việt thay cho máu lính Mỹ bị giáng một đòn chí mạng.

Hiện nay, chúng đang ráo riết bắt lính, đôn quân để bù vào lỗ hổng thiếu quân số rất trầm trọng, hòng tiếp tục thực hiện « Việt nam hóa » kéo dài chiến tranh.

— Hãy chặn bàn tay tội ác của chúng lại!

— Quyết không để cho Mỹ, Thiệu—Kỳ dùng xương máu của chúng con em mình thực hiện mưu đồ cướp nước và bán nước.

— Không cho chúng bắt lính, đôn quân là đánh bại kế hoạch « Việt nam hóa » và là góp phần tích cực đánh bại hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

**ĐỪNG VỀ PHÍA NHÂN DÂN CHỐNG
LẠI BỌN NGOAN CỐ HIẾU CHIẾN
NỊCH XON, THIỆU—KỲ**

L U U T R U V N

**Phá bỏ vũ khí, kho tàng, phương tiện chiến
tranh, diệt ác ôn trở về với nhân dân**

Các bạn sĩ quan, binh lính và cảnh sát thuộc nguy quyền Sài-gòn

Với 90 tiểu đoàn gồm 45.000 quân, với hơn 2.000 máy bay và hàng trăm khẩu pháo lớn, bọn Mỹ-Thiệu-Kỳ đã đại bại trong cuộc hành quân lên đường 9-Nam Lào. Hơn 23.000 chiến hữu của các bạn đã bị chết thê thảm.

Họ chết cho ai? và chết để được gì?—Có phải họ chết cho để quốc Mỹ nó dịch nước ta, biến dân ta thành trâu ngựa?— Có phải họ chết cho bọn Thiệu-Kỳ vĩnh thân phi gia và tháng 10 tới thẳng cử tổng thống, tiếp tục ôm chân Mỹ giết hại đồng bào ta, cày ủi ruộng vườn, làng xóm, đào xới mồ mã tổ tiên của dân ta, trong đó có gia đình, xóm ấp các bạn? Nhưng bản thân họ cũng như các bạn được gì? Ngoài đồng lương mặt hạn, dính đầy máu, cuộc sống hằng ngày đen đặc, cái chết luôn ám ảnh trên đầu, bị nhân dân ghê tởm nguyền rủa và còn bị giặc Mỹ đối xử tàn tệ, khinh miệt. Khi chết thây xác chúng coi không bằng thanh củi mục!

ANH EM BẢO AN, DÂN VỆ

« Việt Nam hóa » chiến tranh của Mỹ-Thiệu đã thi mạng hàng vạn binh sĩ « Cộng hòa » trên khắp chiến trường Đông Dương. Gần đây chúng lại don báo an, dân vệ lên cộng hòa hồng đây anh em đi chết ở các chiến trường xa lạ.

VÌ MẠNG SỐNG CỦA MÌNH VÀ HẠNH PHÜC CỦA GIA ĐÌNH,
anh em hãy:

— Vạch trần âm mưu thâm độc của Mỹ-Thiệu dùng máu người Việt để kéo dài chiến tranh!

Ngày 30-3-1972, thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng và Trung ương Cục, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam mở cuộc tấn công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 bằng các cuộc tấn công lớn từ Quảng Trị, Tây Nguyên đến miền Đông Nam bộ.

1.1. Mặt trận Trị - Thiên

Tại mặt trận Trị - Thiên, ngày 01-01-1972, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trị - Thiên - Huế phát lời kêu gọi đồng bào Trị - Thiên - Huế nỗ lực với khí thế "một ngày bằng 20 năm" đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Toàn văn lời kêu gọi như sau:

"Đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thân mến!

Sau thất bại nặng nề đầu Xuân 1968, để cứu vãn tình hình đang suy sụp, đế quốc Mỹ ngoan cố, ráo riết thực hiện chính sách "Việt Nam hóa" chiến tranh hòng duy trì ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

Một chiến lược mới, nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh với nội dung cực kỳ hiếu chiến của Nixon, được đem ra thực hiện ở miền Nam Việt Nam và Đông Dương, với muôn vàn tội ác ghê tởm nhất trong lịch sử loài người.

Lấy bình định nông thôn làm biện pháp chiến lược chủ yếu và xây dựng một đội quân nguy, một hệ thống nguy quyền phản động làm chỗ dựa cho chính sách "Việt Nam hóa" chiến tranh, ở Trị - Thiên ta, địch đã huy động toàn bộ lực lượng tay sai và hàng vạn quân Mỹ, tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt cực kỳ

tàn bạo, san bằng hàng trăm thôn, biển hàng vạn mẫu ruộng tốt tươi thành đồng hoang. Chúng đồn làng, gom dân, bắt lính, dồn quân, trút hết gánh nặng chiến tranh lên đầu nhân dân lao động, đẩy hàng loạt thanh niên ra chết thay cho Mỹ, xâm phạm thô bạo và dã man đến đời sống vật chất và sinh mệnh chính trị của nhân dân.

Tội ác chúng chống chất, cao hơn núi, dài hơn sông, “trời không dung, đất không tha, người người đều căm giận”.

Song những tường lũy sắt thép khuất phục được lòng người, lũy tiền tài xóa mờ được nhân nghĩa, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng gặp sức chống đối mãnh liệt của quân và dân ta, ngày càng lún sâu vào bế tắc không gì cứu vãn nổi.

Ba năm qua, ở Trị - Thiên ta, đã diễn một cuộc đấu tranh quyết liệt, một mất một còn, đây hy sinh gian khổ, nhưng quân và dân đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chiến đấu vô cùng kiên cường, bất khuất. Từ những cuộc vật lộn hàng ngày giành miếng cơm tấc đất, những cuộc giằng co dai dẳng chống truy bức, vơ vét, bóc lột, bảo vệ quyền sống, bảo vệ thuần phong, mỹ tục, bảo vệ cách mạng. Cuộc đấu tranh của ta ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn. Nhất là từ sau thắng lợi lịch sử đường 9 - Nam Lào đến nay, với sự suy sụp nghiêm trọng của quân đội nguy, sự sa sút rõ rệt của nguy quyền Sài Gòn, trong quá trình Mỹ rút quân, phong trào ngày càng trở thành sức mạnh tấn công vào toàn bộ âm mưu thủ đoạn của chúng.

Cho đến nay, mặc dù địch hết sức điên cuồng, hung bạo, kế hoạch bình định của chúng đã bị đẩy lùi một bước. Thành phố Huế, thị xã Quảng Trị và các thị trấn, nơi sâu hiểm nhất của

chúng ngày càng rối loạn. Âm mưu, thủ đoạn của chúng như bắt lính, đôn quân, bao vây chia cắt, ngăn chặn giáp ranh ngày càng bị hạn chế. Về phía ta, miền núi tiếp tục củng cố vững mạnh, khí thế đấu tranh ở nông thôn ngày càng cao, cơ sở cách mạng ngày càng củng cố và phát triển; phong trào đô thị lên cao chưa từng thấy. Thế và lực tại chỗ ngày càng phát huy sức mạnh đánh địch, giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ.

Thắng lợi to lớn đó là thắng lợi của đường lối, phương châm, chính sách hết sức đúng đắn của ta, là kết quả của sức mạnh đoàn kết đấu tranh của quân và dân trên cả 3 vùng, là thắng lợi của phương thức hoạt động ngày càng chính xác. Qua thử thách ác liệt, nhân dân ta đã nêu cao chí khí bất khuất kiên cường, vẫn một lòng, một dạ thủy chung với cách mạng, xứng đáng với truyền thống "Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường".

Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trị - Thiên - Huế.

Nhiệt liệt biểu dương các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và an ninh võ trang cả 3 vùng đã vượt ác liệt, hy sinh, chiến đấu cực kỳ anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh quan trọng của Mỹ, ngụy, lập nhiều chiến công hiển hách, nhất là trong chiến dịch đường 9 - Nam Lào, hỗ trợ cho quân chúng diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ.

Nhiệt liệt biểu dương cán bộ, công nhân viên, nhân viên cách mạng và đội ngũ cốt cán cơ sở đã kiên trì chịu đựng, hy sinh, đêm ngày bám đất, bám dân phát động quần chúng đấu tranh không mệt mỏi.

Nhiệt liệt biểu dương lòng trung trinh vô hạn của đồng bào

dưỡng quân chúng, đập tan mọi thủ đoạn của địch, góp phần xứng đáng nhất của mình vào thắng lợi chung của dân tộc.

Đồng bào nông thôn Trị - Thiên thân mến! Những ngày khó khăn nhất đã lùi xa. Hiện tại và tương lai vô cùng sáng sủa. Khả năng giành thắng lợi lớn lao đã bày ra trước mắt. Hãy đoàn kết lại, triệu người như một xung quanh cương lĩnh Mặt trận, thừa thắng xông lên đánh bại kế hoạch bình định gom dân của địch, chặn đứng âm mưu xúc tát dân của chúng, bung về làng làm ăn, sản xuất, đập tan thủ đoạn lập phòng vệ dân sự, bắt lính, đồn quân, khủng bố, chia rẽ, bao vây chia cắt, bần cùng hóa nhân dân... Hãy ra sức diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ, đánh mạnh, đấu mạnh, tích cực xây dựng lực lượng, bảo vệ quyền sống, bảo vệ quê hương, bảo vệ cách mạng, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Đồng bào thành phố Huế, thị xã Quảng Trị và các thị trấn thân mến! Hãy xiết chặt hàng ngũ, mở rộng mặt trận thống nhất hành động, đẩy lên một cao trào đũa Mỹ, lật Thiệu, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược, đòi Mỹ rút hết quân về nước, giành hòa bình độc lập dân chủ, cơm áo và quyền dân sinh. Hãy bền bỉ và dũng cảm đấu tranh chống đàn áp, khủng bố, bắt lính, chống các biện pháp kinh tế mới của ngụy quyền, đồng thời phát triển mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tiêu hao bọn cầm ác ôn ngoan cố và tích cực đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Đồng bào miền núi Trị - Thiên thân mến! Hãy nỗ lực vượt bực, phát triển cao trào cách mạng một cách toàn diện, biến miền núi thành thành lũy thép, thành đồng, thành căn cứ tấn công, áp đảo địch, nối liền 3 vùng, tạo thế liên hoàn vững chắc, ra sức đẩy mạnh sản xuất tự túc, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất,

triển khai đội hình và tích cực tham gia phục vụ chiến đấu, hết sức đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

Hỡi các sĩ quan, binh lính, cảnh sát, nhân viên nguy quyền, đội viên phòng vệ dân sự! Anh em là nạn nhân trực tiếp của chính sách "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mỹ. Người Việt Nam ta quyết không rơi vào âm mưu thâm độc đó. Hãy đứng về phía nhân dân, liên hiệp với nhân dân, ủng hộ nhân dân, đấu tranh chống Mỹ - Thiệu, không đàn áp nhân dân, không đánh phá cách mạng, không bắt lính, đôn quân, không ra trận chết thay cho Mỹ - Thiệu, không đi chiến trường Lào và Campuchia; hãy đào ngũ, rã ngũ, nổi dậy cùng nhân dân diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ.

Toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Trị - Thiên thân mến!

"Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi".

Đó là lời dạy thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, là mệnh lệnh của Tổ quốc. Kiên trì quyết tâm đó, toàn thể hãy tăng cường đoàn kết, xiết chặt hàng ngũ, không phân biệt giai cấp, dân tộc, chính kiến, tôn giáo, lứa tuổi,... nhằm thẳng vào quân thù mà xốc tới, phát cao cờ truyền thống "Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường" quyết đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào; tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Đế quốc Mỹ nhất định thua!

Nhân dân ta nhất định thắng!

Toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ "tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!"¹³⁶.

136. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599: Lời kêu gọi ngày 01-01-1972 của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trị - Thiên - Huế nhân dịp đầu Xuân năm 1972.

Lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng
Trị - Thiên - Huế¹³⁷



137. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599: Lời kêu gọi ngày 01-01-1972 của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trị - Thiên - Huế nhân dịp đầu Xuân năm 1972.

Đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thân mến!

Sau thất bại nặng nề đầu Xuân 1968, để cứu vãn tình hình đang suy sụp, đế quốc Mỹ ngoan cố, ráo riết thực hiện chính sách «Việt nam hóa» chiến tranh hồng duy trì ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

Một chiến lược mới, nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh với nội dung cực kỳ hiếu chiến của Ních-xơn, được đem ra thực hiện ở miền Nam Việt-nam và Đông-dương, với muôn vàn tội ác ghê tởm nhất trong lịch sử loài người.

Lấy bình định nông thôn làm biện pháp chiến lược chủ yếu và xây dựng một đội quân nguy, một hệ thống nguy quyền phản động làm chỗ dựa cho chính sách «Việt nam hóa» chiến tranh. Ở Trị - Thiên ta, địch đã huy động toàn bộ lực lượng tay sai và hàng vạn quân Mỹ, tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt cực kỳ tàn bạo, san bằng hàng trăm thôn, biến hàng vạn mẫu ruộng tốt tươi thành đồng

hoang. Chúng đồn làng, gom dân, bắt lính, đồn quân, trút hết gánh nặng chiến tranh lên đầu nhân dân lao động, dày hàng loạt thanh niên ra chết thay cho Mỹ, xâm phạm thô bạo và dã man đến đời sống vật chất và sinh mệnh chính trị của nhân dân.

Tội ác chúng chồng chất, cao hơn núi, dài hơn sông, «trời không dung, đất không tha, người người đều căm giận».

Song những tướng lấy sắt thép khuất phục được lòng người, lấy tiền tài xóa mờ được nhân nghĩa, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng gặp sức chống đối mãnh liệt của quân và dân ta, ngày càng lún sâu vào bế tắc không gì cứu vãn nổi.

Ba năm qua, ở Trị - Thiên ta, đã diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt, một mất một còn, đầy hy sinh gian khổ, nhưng quân và dân đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chiến đấu vô cùng kiên cường, bất khuất. Từ những cuộc vật lộn hàng ngày giành miếng cơm tấc đất, những cuộc găng co dai dẳng chống truy bức, vơ vét, bóc lột, bảo vệ quyền sống, bảo vệ thuần phong, mỹ tục, bảo vệ cách mạng. Cuộc đấu tranh của ta ngày càng

phát triển với quy mô rộng lớn. Nhất là từ sau thắng lợi lịch sử đường 9 - Nam Lào đến nay, với sự suy sụp nghiêm trọng của quân đội nguy, sự sa sút rõ rệt của nguy quyền Sài-gòn, trong quá trình Mỹ rút quân, phong trào ngày càng trở thành sức mạnh tấn công vào toàn bộ âm mưu thủ đoạn của chúng.

Cho đến nay, mặc dù địch hết sức điên cuồng, hung bạo, kế hoạch bình định của chúng đã bị đẩy lùi một bước. Thành phố Huế, thị xã Quảng trị và các thị trấn, nơi sâu hiểm nhất của chúng ngày càng rối loạn. Âm mưu, thủ đoạn của chúng như bắt lính, đồn quân, bao vây chia cắt, ngăn chặn giáp ranh ngày càng bị hạn chế. Về phía ta, miền núi tiếp tục củng cố vững mạnh, khí thế đấu tranh ở nông thôn ngày càng cao, cơ sở cách mạng ngày càng củng cố và phát triển; phong trào đô thị lên cao chưa từng thấy. Thế và lực tại chỗ ngày càng phát huy sức mạnh đánh địch, giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ.

Thắng lợi to lớn đó là thắng lợi của đường lối, phương châm, chính sách hết sức đúng đắn của ta, là kết quả của sức mạnh đoàn kết đấu tranh của quân và dân trên cả 3 vùng,

là thắng lợi của phương thức hoạt động ngày càng chính xác. Qua thử thách ác liệt, nhân dân ta đã nêu cao chí khí bất khuất kiên cường, vẫn một lòng, một dạ thủy chung với cách mạng, xứng đáng với truyền thống « TẤN CÔNG, NỒI DẬY, ANH DŨNG, KIÊN CƯỜNG ».

Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Tri - Thiên - Huế,

- Nhiệt liệt biểu dương các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và an ninh võ trang cả 3 vùng đã vượt ác liệt, hy sinh, chiến đấu cực kỳ anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh quan trọng của Mỹ, ngụy, lập nhiều chiến công hiển hách, nhất là trong chiến dịch đường 9 - Nam Lào hỗ trợ cho quân chúng diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ.

- Nhiệt liệt biểu dương cán bộ, công nhân viên, nhân viên cách mạng và đội ngũ cốt cán cơ sở đã kiên trì chịu đựng, hy sinh, đêm ngày bám đất, bám dân phát động quần chúng đấu tranh không mệt mỏi.

- Nhiệt liệt biểu dương lòng trung trinh vô hạn của đồng bào nông thôn, đô thị và

rừng núi, chết không sợ, khổ không sờn, vững vàng, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo đã hết lòng chăm sóc bộ đội, bảo vệ cán bộ, bảo vệ cách mạng.

Đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thân mến!

Cuộc kháng chiến thần thánh của quân và dân ta đang bước vào một thời kỳ mới.

Tuy còn hết sức ngoan cố, xảo quyệt, nhưng hiện nay thế của địch là thế thua, thế bị động, thế đi xuống. Ta đang ở thế thắng, thế tiến công, thế đi lên.

Với những thất bại nặng nề liên tiếp về quân sự ở đường 9 - Nam Lào, Ngọc Ring Rua, Xnun và gần đây ở đường số 6 (Campuchia), Cánh đồng Chum (Lào); với một kế hoạch bình định bị đánh bại ở miền Trung Trung-bộ, chặn đứng và đẩy lùi một bước quan trọng ở Nam-bộ và Trị - Thiên; với một nguy quyền thất nhân tâm và cô lập nhất xưa nay, rõ ràng chiến lược « Việt-nam hóa » chiến tranh đã bị đánh bại một bước rất nghiêm trọng và đang trên đà tụt dốc thâm hại. Với đã rút quân không cưỡng được của quân đội Mỹ, năm 1972, sự suy sụp đó chắc chắn ngày càng tăng vọt.

Tình thế, thời cơ hiện nay hết sức thuận lợi cho ta.

Chưa bao giờ thế ta vững mạnh như ngày nay. Chưa bao giờ lực lượng cách mạng ta đông đảo, nhất trí và sẵn sàng hành động như ngày nay. Chưa bao giờ phe xã hội chủ nghĩa, nhân dân thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ ủng hộ ta như ngày nay. Chưa bao giờ Mỹ nguy lúng túng, nội bộ mâu thuẫn, bọn cầm đầu bị oan ghét cô lập như ngày nay.

Toàn thể quân và dân Trị - Thiên - Huế thân mến!

- Vì độc lập, Tự do của Tổ quốc.
- Vì trách nhiệm thiêng liêng trước Di chúc của Bác, trước lịch sử của dân tộc.
- Vì nghĩa vụ quốc tế cao cả của ta.

Hãy tập trung cố gắng cao nhất, nỗ lực lớn nhất, phát huy khí thế chiến đấu « một ngày bằng 20 năm » tấn công nổi dậy như triều dâng thác đổ, kiên trì và đầy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kiên quyết đập tan kế hoạch bình định nông thôn, đánh bại chiến lược « Việt-nam hóa » chiến tranh của Mỹ, nguy, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

- Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng thân mến!
Mệnh lệnh tiến quân đã điềm, hãy giương cao lá cờ «quyết chiến quyết thắng» phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp của quân đội ta «trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng», tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, tích cực xây dựng lực lượng, tích cực phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho đồng bào diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ. Hãy vượt qua đầu thù mà xóc tới, mở đường mà tiến, đánh địch mà đi, cùng nhân dân quyết chiến với quân thù, đánh mạnh, đánh dồn dập, đã đánh là phải thắng, thắng to, thắng nhiều, thắng liên tục.

- Cán bộ, công nhân, nhân viên cách mạng và anh chị em cốt cán thân mến!
Hãy phát huy vai trò đầu tàu, gương mẫu, nâng cao không ngừng năng suất công tác, phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm, hết lòng phục vụ nhân dân, quan tâm đến đời sống của

nhân dân, kiên quyết bám dân bám địch, lãnh đạo và bồi dưỡng quần chúng nổi dậy tấn công địch bằng 2 chân 3 mũi, đập tan mọi thủ đoạn của địch, góp phần xứng đáng nhất của mình vào thắng lợi chung của dân tộc.

— *Đồng bào nông thôn Trị - Thiên thân mến!* Những ngày khó khăn nhất đã lùi xa. Hiện tại và tương lai vô cùng sáng sủa. Khả năng giành thắng lợi lớn lao đã bày ra trước mắt. Hãy đoàn kết lại, triệu người như một xung quanh Cương lĩnh Mặt trận, thừa thắng xông lên đánh bại kế hoạch bình định gôm dân của địch, chặn đứng âm mưu xúc tát dân của chúng, bung về làng làm ăn, sản xuất, đập tan thủ đoạn lập phòng vệ dân sự, bắt lính, đồn quân, khủng bố, chia rẽ, bèo vây chia cắt, bần cùng hóa nhân dân v.v... Hãy ra sức diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ, đánh mạnh, đấu mạnh, tích cực xây dựng lực lượng, bảo vệ quyền sống, bảo vệ quê hương, bảo vệ cách mạng, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

— *Đồng bào thành phố Huế, thị xã Quảng-trị và các thị trấn thân mến!* Hãy xiết chặt hàng ngũ, mở rộng mặt trận thống

nhất hành động, đẩy lên một cao trào dưới Mỹ, lật Thiệu, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược, đòi Mỹ rút hết quân về nước, giành hòa bình độc lập dân chủ, cơm áo và quyền dân sinh. Hãy bền bỉ và dũng cảm đấu tranh chống đàn áp, khủng bố, bắt lính, chống các biện pháp kinh tế mới của ngụy quyền, đồng thời phát triển mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh ngay trong lòng thành phố, thị xã, tiêu diệt, tiêu hao bọn cầm đầu ác ôn ngoan cố và tích cực đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

— *Đồng bào miền núi Trị - Thiên thân mến!* Hãy nỗ lực vượt bực, phát triển cao trào cách mạng một cách toàn diện, biến miền núi thành lũy thép, thành đồng, thành căn cứ tấn công, áp đảo địch, nối liền 3 vùng, tạo thế liên hoàn vững chắc, ra sức đẩy mạnh sản xuất tự túc, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất, triển khai đội hình và tích cực tham gia phục vụ chiến đấu, hết sức đóng góp sức người sức của phục vụ kháng chiến.

— *Hỡi các sĩ quan, binh lính, cảnh sát, nhân viên ngụy quyền, đội viên phòng vệ dân sự!* Anh em là nạn nhân trực tiếp của chính

sách « Việt-nam hóa » chiến tranh của Mỹ. Người Việt-nam ta quyết không rơi vào âm mưu tham độc đó. Hãy đứng về phía nhân dân, liên hiệp với nhân dân, ủng hộ nhân dân, đấu tranh chống Mỹ, Thiệu, không đàn áp nhân dân, không đánh phá cách mạng, không bắt lính, dôn quân, không ra trận chết thay cho Mỹ, Thiệu, không đi chiến trường Lào và Căm-pu-chia; hãy đào ngũ, rã ngũ, nổi dậy cùng nhân dân diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ.

*Toàn thê đồng bào, cán bộ và chiến sĩ
Tri - Thiên thân mến!*

«Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi».

Đó là lời dạy thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, là mệnh lệnh của Tổ quốc. Kiên trì quyết tâm đó, toàn thê hãy tăng cường đoàn kết, xiết chặt hàng ngũ, không phân biệt giai cấp, dân tộc, chính kiến, tôn giáo, lứa tuổi, v.v... nhằm thẳng vào quân thù mà xóc tới, phát cao cờ truyền thống «TẤN CÔNG, NỔI DẬY, ANH DŨNG, KIÊN CƯỜNG», quyết đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào; tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

**Đế quốc Mỹ nhất định thua!
Nhân dân ta nhất định thắng!
Toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ
« tiến lên! toàn thắng ắt về ta! ».**

Ngày 1 tháng 1 năm 1972

**Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng
Tri - Thiên - Huế**

L U U T R U V N

Phải chặn bàn tay tội ác của chúng lại !

« Nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi »
« Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

Là người Việt nam ai mà không thiết tha với điều đó và hàng chục năm qua nhân dân ta đã đạt bằng mọi gian khổ, hy sinh, quyết thực hiện kỳ được điều đó.

Thế nhưng giặc Mỹ liều láo rằng :

« Người Việt nam xâm lược người Việt nam » để lấy cớ gây chiến tranh cướp nước ta và hòng chia cắt lâu dài TD quốc ta !

Thế nhưng tên phản động hiếu chiến Nguyễn văn Thiệu theo lệnh Mỹ sửa đổi ổi luận điệu « bốn không » để kéo dài chiến tranh, đàn áp những người yêu nước, những người muốn hòa bình, độc lập, trung lập... !

Rõ ràng bọn chúng là kẻ thù của dân tộc ta, kẻ thù của hòa bình, độc lập và thống nhất.

Phải chặn bàn tay tội ác của chúng lại !

**Mặt trận dân tộc giải phóng
tỉnh Quảng trị**

Tháng 3 năm 1972, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Trị ra Mệnh lệnh số 1, chính thức phát động cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 tại địa phương. Mệnh lệnh đề ra 5 nhiệm vụ cho đồng bào, cán bộ chiến sĩ trong cuộc tiến công với những nội dung cụ thể:

"Hỡi toàn thể đồng bào, cán bộ và chiến sĩ toàn tỉnh.

Bè lũ Mỹ - Thiệu đã thua, đã suy sụp và đang lao xuống vực thẳm thất bại.

Quân và dân toàn miền, toàn ba nước Đông Dương đã lớn mạnh hơn lúc nào hết, đang chủ động tấn công địch như vũ bão trên khắp các mặt trận. Giờ phút thiêng liêng giải phóng quê hương, xóm làng đã đến!

Đồng bào, cán bộ và chiến sĩ toàn tỉnh hãy:

1. Dũng cảm xông lên đánh địch thật mạnh, thật đau, đánh địch ở khắp nơi, bằng đủ mọi cách, đánh dồn dập liên tục, đánh đến khi kẻ địch phải chịu thua, đến khi ta giành toàn thắng.

2. Kiên quyết nổi dậy đập đổ bộ máy nguy quyền, đập nát, phá rã mọi tổ chức phản động và mọi hình thức kềm kẹp nhân dân của bọn Mỹ - Thiệu, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

3. Ra sức giữ vững chính quyền cách mạng, sẵn sàng đánh bại mọi hành động phản kích của Mỹ - Thiệu, bóp chết mọi âm mưu phản loạn của bọn phản động gián điệp.

4. Các sĩ quan binh lính cảnh sát và nhân viên công chức nguy quyền hãy nhanh chóng ra đầu hàng, đầu thú, nộp tài liệu võ khí cho cách mạng để được hưởng lương khoan hồng. Trường hợp lập được công trạng sẽ được xét khen thưởng.

5. Nhanh chóng ổn định trật tự trị an, chấp hành đúng đắn mọi chủ trương chính sách, mệnh lệnh của Mặt trận và chính quyền cách mạng. Ra sức đẩy mạnh sản xuất và tổ chức cuộc sống mới.

Thắng lợi đang chờ chúng ta.

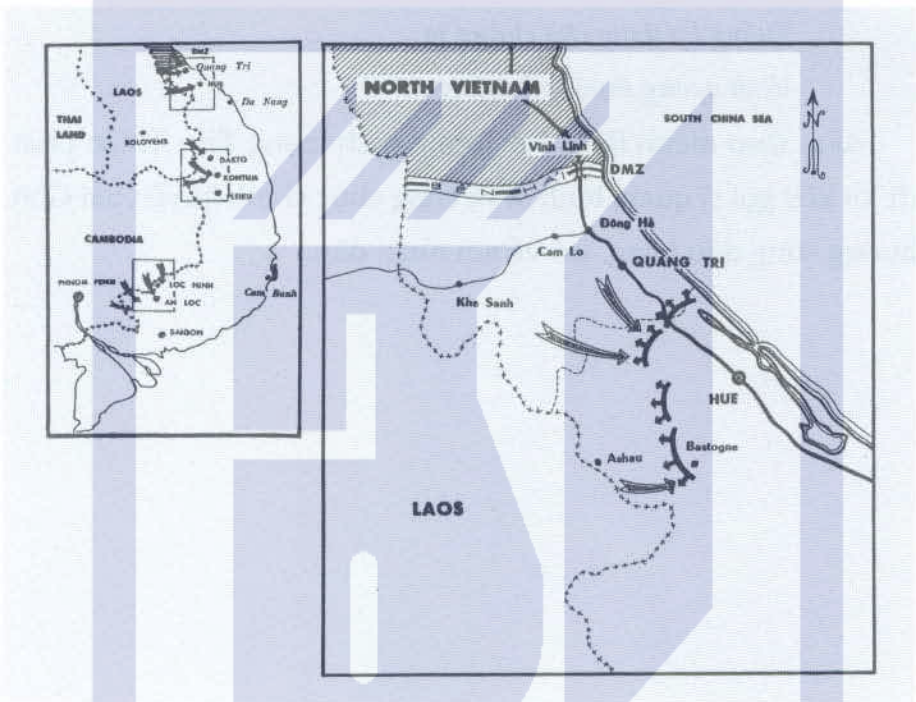
Vinh quang thuộc về chúng ta"¹³⁸.

Kèm theo mệnh lệnh, lực lượng cách mạng Trị - Thiên phát đi lời kêu gọi sĩ quan, binh sĩ và công chức chính quyền Sài Gòn buông súng đầu hàng, trở về với nhân dân.

L U U T R U ̣ V N

138. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599: Mệnh lệnh số 1 của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Trị.

Lược đồ cuộc tiến công Xuân - Hè 1972 của
 Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tại mặt trận Thị - Thiên¹³⁹



139. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17462.

Cuối tháng 3-1972, thực hiện mệnh lệnh để ra, quân dân Trị - Thiên liên tục mở những trận tiến công, những trận địa pháo ô ạt tấn công vào các căn cứ quân sự của Mỹ - chính quyền Sài Gòn trong vùng phía Nam vĩ tuyến 17¹⁴⁰. Trưa ngày 30-3-1972, với lực lượng gồm 3 sư đoàn chủ lực (Sư đoàn 304, Sư đoàn 308, Sư đoàn 324B) phối hợp với các lực lượng của Mặt trận B5, bộ đội địa phương Trị - Thiên, cùng sự yểm trợ của pháo binh và thiết giáp, Quân Giải phóng chính thức mở màn chiến dịch Xuân - Hè 1972 tại Mặt trận Trị Thiên bằng các trận pháo kích "vào các căn cứ và đơn vị bạn (lực lượng Mỹ và chính quyền Sài Gòn - TG) dọc theo giới tuyến, đồng thời mở các cuộc tấn công vào các đơn vị TQLC (thủy quân lục chiến - TG) tại căn cứ Holcomb, Sarge, Ba Hô, các đơn vị thuộc Trung đoàn 56, 57 tại căn cứ Khe Gió, Fuller, A4, hậu cứ Duyên đoàn 11 tại 12 cây số Đông Nam Gio Linh (Quảng Trị), đột nhập xã Thượng Bằng 8 cây số Nam Huế (Thừa Thiên), xã Xuyên Phú 3 cây số Tây Bắc Đức Dục (Quảng Nam), đánh mìn đoàn xe quân vận tại vùng Phong Điền, chuyển tàu hỏa xa Đà Nẵng - Huế tại vùng Phú Lộc (Thừa Thiên); pháo kích vào Chi khu Đại Lộc, ấp Nghĩa Đông tại vùng Đông Nam Đại Lộc (Quảng Nam)"¹⁴¹.

Tại Quảng Trị, Sư đoàn 308 Quân Giải phóng vượt sông Bến Hải tiến công Đông Hà. Trong khi Sư đoàn 304 Quân Giải phóng từ biên giới tiến vào Quảng Trị, đánh thẳng vào các vị trí phòng

140. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

141. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 26-3 đến 01-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

thủ và làm tan rã lực lượng Sư đoàn 3 bộ binh quân đội chính quyền Sài Gòn. Ngay ngày đầu tiến công (ngày 30-3-1972), Quân Giải phóng đã làm *"Trung đoàn 56 bộ binh và 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 57 bộ binh Sư đoàn 3 (quân đội chính quyền Sài Gòn - TG) hoàn toàn tan rã"*¹⁴². Và *"gia tăng áp lực nặng tại 4 quận Hương Hóa, Cam Lộ, Mai Lĩnh và Gio Linh. Ngày 31-3-1972, VC đồng loạt tấn công CK (chi khu - TG) Đông Hà, Gio Linh, Hương Hóa, Cam Lộ và làm chủ tình hình các nơi trên"*¹⁴³. Cuộc tấn công bất ngờ của Quân Giải phóng, buộc liên quân Mỹ - ngụy phải dừng các cuộc hành quân và điều không lực đến để giải tỏa áp lực. Từ ngày 03-4-1972, trước sự phản kích điên cuồng của quân đội Sài Gòn, Quân Giải phóng tạm đóng quân dọc tuyến sông Đông Hà, mở trận địa pháo đánh vào *"phi trường Ái Tử, thị xã Quảng Trị, CK Mai Lĩnh, Triệu Phong, Yếu khu La Vang, pháo kích và tấn công TĐ (tiểu đoàn - TG) 3/TQLC, TĐ.2/57, CĐ. (chi đoàn - TG) 2/20/CX (chiến xa - TG) tại vùng Tây Đông Hà và TĐ.1/TQLC tại căn cứ Phụng Hoàng"*¹⁴⁴.

Tại Thừa Thiên, Quân Giải phóng từ An Hậu tiến về Huế và liên tục *"pháo kích vào căn cứ Bastogne, giết sập cầu trên Tỉnh lộ 17 (10 cây số Tây Nam Nam Hòa), pháo kích và tấn công chi khu Hương Trà cách thành phố Huế 1 cây số về phía Tây Bắc"*¹⁴⁵.

142, 143. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599: Bưu điệp số 019669/BTL/CSQG/ĐB/E1 ngày 05-4-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

144, 145. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Tại khu vực Nam Tín Ngãi, Quân Giải phóng "tấn công 2 tiền đồn thuộc TĐ.3/4 tại vùng Tây Bắc Điện Bàn, đột nhập xã Đức Phương (2 cây số Tây Bắc Mộ Đức)"¹⁴⁶.

Tiếp tục đà tiến quân, từ ngày 9-4 đến 15-4-1972, "tại Quảng Trị, trong hai ngày 9 và 10-4-1972, VC tung các trận tấn công có chiến xa yểm trợ nhắm vào TĐ.3/57, TĐ.20/ĐPQ, CĐ.2/17/TK (thiết kỵ - TG) tại vùng 5 cây số Tây Nam Đông Hà; THĐ. (thiết đoàn - TG) 20/CX, THĐ. 17/KB (kỵ binh - TG), TĐ.38/ĐPQ tại 6 cây số Nam Đông Hà, TĐ.6/TQLC tại vùng Tây Nam La Vang...

Đồng thời, 17 lần pháo kích vào căn cứ Ái Tử, La Vang và các đơn vị quanh khu vực Đông Hà, đột nhập ấp Nhân Biểu tại 1 cây số Tây Nam Quảng Trị chạm súng với Trung đội 57/NQ.

Tại Thừa Thiên, VC 23 lần pháo kích vào căn cứ các đơn vị bạn hành quân tại vùng Tây Nam Huế, pháo kích và tấn công TĐ.2/54, TĐ.3/54, ĐĐ. Hắc Báo, TĐ.3/3.

Tại MT/44 (khu vực Đà Nẵng - TG), pháo kích hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly vào phi trường và thị xã Đà Nẵng, tỉnh lỵ Hội An... Ngày 13-4-1972, đồng loạt tấn công vào các ĐĐ. ĐPQ, trung đội NQ tại vùng Điện Bàn, Đại Lộc... 2 giờ 45 ngày 15-4, pháo kích vào phi trường Non Nước phá hủy 1 trực thăng và gây cho 19 phi cơ khác bị hư hại.

Tại khu vực Tín Ngãi, pháo kích súng cối 82 ly và hỏa tiễn

146. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

122 vào các CK Mộ Đức, Hiệp Đức, thị xã Tam Kỳ, giạt mìn các cầu Đức Dâu 95 trên quốc lộ 1, tấn công các đồn Tam Biên, Núi Thi, Dương Côn, Phước Tiên, Phú Cẩm, ĐĐ.147/ĐPQ tại vùng Tam Kỳ... pháo kích và tấn công căn cứ Bạch Mai, Qest tại vùng Tây Nam Quế Sơn"¹⁴⁷.

Nhằm ngăn bước tiến quân của Quân Giải phóng, ngày 14-4-1972, quân đội Sài Gòn thực hiện cuộc hành quân với tên gọi "Chiến dịch Bắc Phạt", "do Bộ Tư lệnh Quân đoàn I tổ chức trên lãnh thổ 2 tiểu khu Quảng Trị và Thừa Thiên với lực lượng tham dự gồm Sư đoàn 3 bộ binh, Sư đoàn 1 bộ binh, Sư đoàn thủy quân lục chiến, 4 liên đoàn biệt động quân, 4 thiết đoàn kỵ binh, 1 thiết đoàn chiến xa"¹⁴⁸. Nhưng cuộc hành quân mau chóng thất bại bởi sức tiến công mãnh liệt của Quân Giải phóng.

Từ ngày 16-4 đến ngày 22-4-1972, "tại Quảng Trị, VC thực hiện 22 vụ pháo kích bằng đại bác 130 ly vào các đơn vị hành quân bạn trong các vùng La Vang - Mỹ Chánh - Đông Hà - Tây và Tây Nam Quảng Trị... Ngày 18-4-1972, VC pháo kích và tấn công CĐ.1/11 CX, 2 đại đội TĐ.3/TQLC tại 8 cây số Tây Quảng Trị.

Tại Thừa Thiên, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82

147. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 09-4 đến 15-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

148. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 16-4 đến 22-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

ly vào các căn cứ Birmingham, King, Nancy, Bastogne, Hữu Trạch, hậu cứ Duyên đoàn 12.... Từ ngày 16 đến 19-4, VC 3 lần tấn công vào căn cứ Bastogne và các TĐ.3/1, 2/54, 3/54, 3/3 quanh căn cứ.

Tại MT/44, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào thị xã Tam Kỳ, súng cối 82 ly vào các CK Mộ Đức, Hiếu Nhơn, trại định cư Kỳ Ngọc, phi trường Non Nước, LĐ.1/24/ĐPQ tại 8 cây số Đông Bắc Quế Sơn, ĐĐ.803/ĐPQ tại 6 cây số Đông Nam Duy Xuyên, Trđ. (trung đội - TG) 777/NQ tại 1 cây số Bắc Hiệp Đức.

Ngày 17-4, VC cũng đã tấn công LĐ.1/21/ĐPQ tại 5 cây số Tây Nam Điện Bàn.

Tại khu vực Tín Ngãi, VC đã pháo kích bằng hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly vào các CK Nghĩa Hành, Mộ Đức, các đơn vị ĐPQ và NQ trong các khu vực Sơn Tịnh, Bình Sơn, Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đông Bắc và Tây Quảng Ngãi, thị xã Tam Kỳ, CK Thăng Bình, đồn Châu Lâm tại 18 cây số Bắc Tây Bắc Tiên Phước và các đơn vị ĐPQ và NQ quanh các khu vực Hiệp Đức, Tiên Phước và Đông Nam Tam Kỳ.

Đáng kể hơn cả là 2 vụ tấn công 5 giờ ngày 16-4 và 4 giờ 40 ngày 19-4 vào đồn Lộc Khê do 2 trung đội NQ trú đóng tại 8 cây số Tây Tây Bắc Tam Kỳ và TĐ.3/5 tại căn cứ Center"¹⁴⁹.

Từ ngày 23-4 đến ngày 29-4-1972, "tại Quảng Trị, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly, đại bác 13 ly vào thị xã Quảng Trị, Đông Hà, La Vang. Ngoài ra, VC 17 lần pháo kích đủ loại đạn vào các đơn vị

149. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 16-4 đến 22-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

hành quân của bạn quanh các khu vực trên. Ngày 27 - 29-4-1972, VC 2 lần pháo kích và tấn công vào TĐ.1/TQLC tại 7 cây số Tây Tây Nam Quang Trị. Vì áp lực VC, lực lượng bạn đã rút khỏi căn cứ Hải Lăng và thị xã Đông Hà trong ngày 28-4-1972.

Tại Thừa Thiên, VC thực hiện 31 vụ pháo kích bằng đủ loại đạn và 4 lần tấn công vào các căn cứ Bastogne, Birmingham, Nancy, Hữu Trạch và các đơn vị hành quân bạn quanh các khu vực trên. Đồng thời, VC cũng thực hiện những vụ đột nhập, quấy rối, tấn công các đơn vị hành quân bạn và các đơn vị ĐPQ, NQ quanh các khu vực Phong Điền, Hương Trà, Quảng Điền và Nam Hòa... Ngày 29-4, quân bạn cũng đã rút bỏ căn cứ Bastogne, căn cứ Cheak-Meat.

Tại MT/44, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào thị xã Hội An, các phi trường Đà Nẵng, Non Nước; súng cối 82 ly vào CK Đại Lộc, ĐĐ.768/ĐPQ tại 7 cây số Đông Đông Nam Hòa Vang, ĐĐ.323/ĐPQ tại 8 cây số Đông Nam Duy Xuyên; đột nhập trại định cư Hòa Yên tại 4 cây số Nam Tây Nam Đại Lộc, ấp Trúc Công tại 1 cây số Bắc Hiếu Đức.

Tại khu vực Tín Ngãi, VC thực hiện 14 pháo kích bằng súng cối 82 ly vào CK Bình Sơn, Mộ Đức, các đồn bót, đơn vị ĐPQ, NQ quanh các khu vực Tiên Phước, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành; đột nhập trại định cư Tư Mỹ tại 11 cây số Tây Nam Sơn Tịnh, bắn quấy rối vào ĐĐ.118/ĐPQ, trung đội biệt kích của CK Sơn Tịnh"¹⁵⁰.

150. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 23-4 đến 29-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Cuối tháng 4-1972, sau khi tăng cường thêm các sư đoàn 320, 325 và 312, Quân Giải phóng đẩy mạnh tiến công Cam Lộ, La Vang, Hải Lăng và thị xã Quảng Trị. Báo cáo tình hình chiến sự của Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn từ ngày 30-4 đến 06-5-1972, cho thấy:

“Tại Quảng Trị, trong ngày 30-4-1972, VC đã pháo kích bằng đại bác 130 ly vào căn cứ Ái Tử, thị xã Quảng Trị, La Vang, gây áp lực trên Quốc lộ 1 từ Quảng Trị vào Huế, đồng thời giết sập cầu Trường Phước tại 3 cây số Tây Nam Hải Lăng. Do đó, lực lượng bạn đã phải rút lui khỏi Quảng Trị vào chiều 01-5-1972. Tại Thừa Thiên và Nam Tín Ngãi, VC đã thực hiện được một số hoạt động gồm pháo kích, bắn quấy rối nhằm vào các căn cứ, đồn bót và đơn vị bạn nhưng chỉ gây tổn thất nhẹ. Đặc biệt, trong hai ngày 02 và 03-5-1972, VC đã tấn công hậu cứ Tiểu đoàn 69 biệt động quân tại 3 cây số Nam Ba Tơ, 3 tiền đồn thuộc Chi khu Ba Tơ, 1 đại đội thuộc Tiểu đoàn 70 biệt động quân tại 2 cây số Nam Tây Nam Ba Tơ (Quảng Ngãi), Đại đội 4/1/6 tại 6 cây số Nam Tây Nam Quế Sơn (Quảng Nam)”¹⁵¹.

Như vậy, đến ngày 01-5-1972, Quân Giải phóng đã hoàn toàn làm chủ tỉnh Quảng Trị. Ngày 06-5-1972, quân đội chính quyền Sài Gòn thực hiện cuộc hành quân "Lam Sơn 72" "do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 tổ chức... với lực lượng tham dự gồm: Sư đoàn 1 bộ binh, 1 trung đoàn thuộc Sư đoàn 3 bộ binh, 1 trung đoàn

151. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 30-4 đến 06-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

thuộc Sư đoàn 2 bộ binh, Sư đoàn thủy quân lục chiến, Lữ đoàn 2 nháy dù, Tiểu đoàn 39 biệt động quân, 1 thiết đoàn kỵ binh, 42 đại đội địa phương quân và 127 trung đội nghĩa quân"¹⁵². Yểm trợ cho quân đội Sài Gòn, Mỹ điều "thành phần Đệ thất Hạm đội (Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ - TG)... gồm 4 hàng không mẫu hạm và 3 khu trục hạm sử dụng hải pháo để yểm trợ"¹⁵³. Đồng thời, không quân Mỹ - ngụy thực hiện "rải thảm" Quảng Trị bằng rốc két và các loại bom, gây nên sự thảm sát ghê rợn nhất trong lịch sử nhân loại. Theo báo cáo của Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn, từ ngày 02-4 đến ngày 16-9-1972, không quân Mỹ - ngụy Sài Gòn đã thực hiện 6.575 phi xuất B.52 oanh kích chiến trường Trị - Thiên với mục tiêu trọng điểm là Quảng Trị, chiếm hơn 50% số phi xuất B.52 trên toàn chiến trường cùng thời điểm. Nhất là từ cuối tháng 6-1972 cho đến ngày chúng tái chiếm lại thị xã Quảng Trị (ngày 16-9-1972), không quân Mỹ - ngụy Sài Gòn thực hiện 4.613 phi xuất B.52, tương đương với khoảng 70% hoạt động của B.52 trên toàn chiến trường miền Nam Việt Nam cùng thời điểm¹⁵⁴. Ngoài ra,

152. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 30-4 đến 06-5-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

153. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 402: Tình hình quân sự tại VNCH từ ngày 30-3 đến 03-4-1972.

154. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442, 17443, 17444, 17445: Tổng hợp từ bản tin tức tình hình chiến sự hàng tuần (từ ngày 02-4 đến 16-9-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

từ ngày 02-4 đến 16-9-1972, không quân Mỹ - ngụy Sài Gòn còn thực hiện hơn 70.000 phi xuất các loại máy bay chiến đấu khác tại chiến trường Trị - Thiên¹⁵⁵.

Nhưng trước tinh thần chiến đấu ngoan cường của Quân Giải phóng, phải mất 4 tháng 16 ngày, lực lượng quân sự được trang bị đến tận răng của quân ngụy Sài Gòn với sự yểm trợ tối đa của không quân và hải quân của Mỹ, mới có thể tái chiếm được thị xã Quảng Trị (vào ngày 16-9-1972).

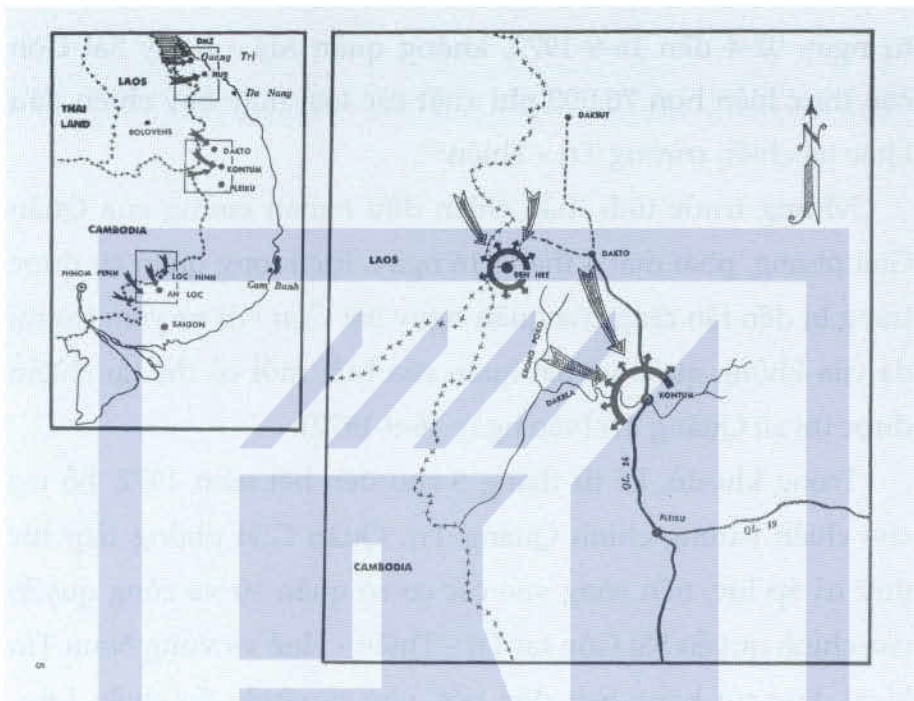
Trong khi đó, kể từ tháng 5 cho đến hết năm 1972, hỗ trợ cho chiến trường chính Quảng Trị, Quân Giải phóng tiếp tục duy trì áp lực, tiến công vào các cơ sở quân sự và công quyền của chính quyền Sài Gòn tại Trị - Thiên - Huế và vùng Nam Tín Ngãi, bức rút hàng loạt đồn bót, phá rã nhiều ấp chiến lược, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng.

1.2. Mặt trận Bắc Tây Nguyên

Lược đồ cuộc tiến công Xuân - Hè 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tại mặt trận Bắc Tây Nguyên¹⁵⁶ Cùng với chiến trường Trị - Thiên, tại Mặt trận Bắc Tây Nguyên, trong tuần đầu tiên của tháng 4 năm 1972 (từ ngày 02-4 đến ngày 08-4-1972),

155. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442, 17443, 17444, 17445: Tổng hợp từ bản tin tức tình hình chiến sự hàng tuần (từ ngày 02-4 đến 16-9-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

156. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa, hồ sơ 461.



Quân Giải phóng “pháo kính vào Tân Cảnh, Tiểu đoàn 2 nhảy dù (Kontum), Chi khu Phú Thiện (Phú Bổn), phi trường Phù Cát (Bình Định); phục kích đoàn xe quân vận trên Quốc lộ 14 từ Kontum về Pleiku tại vùng Bắc Pleiku, Đại đội 837 địa phương quân và Tiểu đoàn 3/53 (Pleiku), bắn B40 vào đoàn xe chở tân binh Trung đoàn 53 trên Quốc lộ 21 tại 10 cây số Tây Nam Khánh Dương (Khánh Hòa), đột nhập trụ sở ấp Trung Hậu (Bình Định), các buôn B’Lock, B’Liang, trại định cư 3 tại Khánh Dương (Khánh Hòa)”¹⁵⁷.

Tại MT/B3 (khu vực Kontum - TG), VC 2 lần pháo kích

157. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 26-3 đến 01-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

vào tỉnh lỵ Kontum, pháo kích và bắn quấy rối các căn cứ hỏa lực tại vùng Tân Cảnh, đột nhập phi trường Phước Hoàng. Ngày 03-4, Quân Giải phóng sử dụng 2 tiểu đoàn tấn công CCHL (căn cứ hỏa lực - TG) do lực lượng dù trú đóng¹⁵⁸.

Tại Pleiku, VC đột nhập khu định cư Plei Yit vùng Đông Bắc Thanh An, làng Plei Rô - Plei Ly Reng tại vùng Plei M'Rong... Ngày 8-4, pháo kích và tấn công Trung đội 96 nghĩa quân tại 25 cây số Đông Lệ Trung...

Tại Darlac và Phú Bổn, VC pháo kích súng cối 82 ly vào CK Khánh Dương và Trung đội 91 nghĩa quân, bắn quấy rối các đoàn quân xa trên quốc lộ 21, đánh mìn TTHL (trung tâm huấn luyện - TG) Phù Cát tại 4 cây số Đông Bắc Phù Cát

Pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào phi trường Bửu Sơn, súng cối 82 ly vào trại Mát 7 cây số Đông Đà Lạt¹⁵⁹.

Sang tuần thứ 2 của tháng 4-1972, với lực lượng gồm Sư đoàn 2, một phần Trung đoàn 203 tăng thiết giáp và một số trung đoàn độc lập của Mặt trận B3, Quân Giải phóng chính thức mở màn cuộc tiến công Xuân - Hè tại Mặt trận Bắc Tây Nguyên bằng loạt tấn công các cứ điểm quanh Đắktô và Tân Cảnh.

158. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

159. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Báo cáo của Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn cho thấy tình hình chiến sự tại Mặt trận Bắc Tây Nguyên từ ngày 09-4 đến 15-4-1972 rất nóng bỏng.

"Tại MT/B3, VC đã 70 lần pháo kích bằng súng cối và hỏa tiễn vào các căn cứ hỏa lực bạn tại vùng Tân Cảnh. Riêng ngày 15 giờ ngày 10-4, VC đã pháo kích 4 quả hỏa tiễn 107 ly vào phi trường Kontum và bãi đáp trực thăng gây cho bạn 20 tử thương, 23 bị thương. Ngoài ra, VC còn thực hiện được 3 vụ tấn công nhằm vào TĐ.3/45 (8 cây số Plei M'Rông), TĐ.4/47 (5 cây số Bắc Phượng Hoàng), căn cứ hỏa lực "C" do TĐ.11/ND (nhảy dù - TG) trú đóng gây 39 tử thương, 65 bị thương, mất 3 súng cộng đồng, 2 máy truyền tin.

Tại khu vực duyên hải N/QK.5 (khu vực Bình Định, Khánh Hòa - TG), VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly và tấn công đồn Hà Tây (6 cây số Nam Hoài Ân), phục kích đoàn quân xa của CK Hoài Ân gây cho bạn 11 tử thương, 12 bị thương, mất 2 máy truyền tin, 4 quân xa bị thiêu hủy... Trong 2 ngày 12 và 13-4, VC đã gia tăng các vụ tấn công nhằm vào CK Tam Quan các đại đội địa phương quân, trung đội nghĩa quân tại vùng Hoài Nhơn - Phù Cát - Quy Nhơn gây cho bạn 43 tử thương, 56 bị thương, mất 12 súng cá nhân, hủy 12 súng cá nhân và 2 máy truyền tin.

Tại Phú Yên, VC pháo kích súng cối 82 ly vào CK Đông Xuyên, tấn công tiền đồn tại 3 cây số Đông CK Đông Xuân, BCH (Bộ chỉ huy - TG)/LĐ. (lữ đoàn - TG) 2/77/ĐPQ tại 6 cây số Tây Bắc Tuy An, ấp Từ Bi.

Tại Cam Ranh, ngày 09-4, VC sử dụng đặc công đột nhập vào 1 trại lính Hoa Kỳ cách thị xã 8 cây số về phía Đông gây cho 4 binh sĩ Hoa Kỳ thiệt mạng và 20 người khác bị thương”¹⁶⁰.

Nhằm giải tỏa áp lực, ngày 02-4-1972, quân đội chính quyền Sài Gòn thực hiện cuộc hành quân Bắc Bình Vương 4 “do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tổ chức trong vùng Dakto, Kontum và Pleiku. Lực lượng tham dự gồm 12 tiểu đoàn bộ binh, 6 tiểu đoàn nhảy dù, 7 tiểu đoàn biệt động quân, 1 tiểu đoàn địa phương quân, 2 chiến đoàn thiết kỵ và 2 chi đoàn chiến xa”¹⁶¹. Cứu nguy cho Đắktô và Tân Cảnh, quân đội chính quyền Sài Gòn đưa quân từ Bến Hét đến tiếp viện. Nhưng lực lượng trên liên tiếp bị uy hiếp, kìm chân tại vùng Đông Bến Hét và Nam căn cứ hỏa lực 5 tại 10 cây số Tây Nam Tân Cảnh.

Trong khi đó, tiếp tục thế tiến công, từ ngày 16-4 đến 22-4-1972, Quân giải phóng tập trung mạnh hỏa lực vào các căn cứ của quân đội chính quyền Sài Gòn chung quanh Đắktô và Tân Cảnh.

‘Tại MT/B3, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly vào phi trường Phước Hoàng, căn cứ hỏa lực M, CCHL/Y, CCHL/Z, căn cứ Dak Mot, BCH/TRĐ. (trung đoàn - TG) 42 tại Tân Cảnh; súng cối 82 vào CK Dakto... Ngày 19-4, tấn công trại Đức Phong do ĐĐ.88/QĐQ (biệt động quân - TG) trú đóng, tấn công Nha Phái viên hành chánh Dakpek. Ngày 20-4, pháo kích và tấn công

160, 161. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 09-4 đến 15-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

BCH/TĐ.1/42 tại vùng Đông Bắc Tân Cảnh. Ngày 21-4, lúc 5 giờ 25, tấn công ĐĐ.2/2/42 tại vùng 3 cây số Đông Dakmot.

Đặc biệt, trong ngày 21-4-1972, VC sử dụng chiến xa, pháo kích và tấn công CCHL/D do TĐ.11/BĐQ (-), ĐĐ.73/ND trú đóng.

Tại Pleiku, VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly, 107 ly vào phi trường Cù Hanh, CK Lê Trung; súng cối 82 ly vào làng Plei Koto, trại LÊ Cơ tại 25 cây số Nam Đông Nam Pleiku, trại Lý Thái Lợi do TĐ.63/BĐQ trú đóng tại 25 cây số Tây Bắc Pleiku, BCH/LĐ.2/36/ĐPQ; bắn B40 vào 1 quân xa thuộc TRĐ.53/BB di chuyển trên quốc lộ 14 tại 17 cây số Nam Pleiku.

Tại khu vực duyên hải N/QK.5, ghi nhận có 23 vụ pháo kích bằng hỏa tiễn và súng cối vào các CK An Nhơn, Hoài Ân, BTL/SĐ.22/BB, các đơn vị ĐPQ, NQ quanh các khu vực Phù Mỹ, An Túc, An Nhơn, Bình Khê, Hoài Nhơn, Tuy Phước, các căn cứ Dương Liễu, Đệ Đức, quân cảng Quy Nhơn. Ngày 16-4, VC pháo kích khoảng 200 quả đạn đủ loại và tấn công vào hậu cứ BCH/TRĐ.40 tại Đệ Đức. Ngày 18-4, khoảng 2 tiểu đoàn VC pháo kích và tấn công CK Hoài Ân, TĐ.1/40, TĐ.2/41, CĐ.3/14/TK tại 1 cây số Đông Hoài Ân, Đến 17 giờ ngày 19-4, lực CK Hoài Ân và các đơn vị bạn kể trên đã rút lui khỏi CK Hoài Ân. Sau đó, không quân chiến thuật VN (quân ngự Sài Gòn - TG) - Hoa Kỳ đã đến oanh kích vùng CK Hoài Ân"¹⁶².

162. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 16-4 đến 22-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Ngày 22-4, để giải tỏa áp lực tại Dăktô và Tân Cảnh, quân đội chính quyền Sài Gòn tăng cường viện binh cho cuộc hành quân "Bắc Bình Vương 4" khai diễn từ ngày 02-4 và đổi tên thành hành quân "Bắc Bình Vương 4.A" với lực lượng lên tới: "18 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn nhảy dù, 17 tiểu đoàn biệt động quân, 4 chi đoàn chiến xa và 3 chiến đoàn thiết kỵ"¹⁶³. Song, lực lượng trên đã không ngăn được sự tan rã của hệ thống căn cứ quân sự ở Dăktô, Tân Cảnh - căn cứ quân sự mạnh nhất của quân đội chính quyền Sài Gòn ở Bắc Tây Nguyên do 28 tiểu đoàn bộ binh, 6 tiểu đoàn pháo binh và 4 tiểu đoàn thiết giáp đóng giữ.

Ngày 24-4-1972, bằng trận "pháo kích và tấn công căn cứ Tân Cảnh do BCH hành quân SĐ.22, BCH/TRĐ.42, TĐ.4/42 trú đóng, phi trường Phụng Hoàng do BCH/TRĐ.47 BB, TĐ.1/47 trú đóng và làng Diên Bình do TĐ.1/41, ĐĐ749 ĐPQ trú đóng", Quân Giải phóng buộc quân đội chính quyền Sài Gòn phải hoảng loạn rút chạy khỏi Dăktô - Tân Cảnh¹⁶⁴.

Tường trình cuộc tháo chạy khỏi Dăktô - Tân Cảnh của Tôn Thất Hùng - Đại tá, Phó Tư lệnh Sư đoàn 22 bộ binh ngụy Sài Gòn phần nào cho thấy sự thảm bại của quân đội ngụy Sài Gòn.

"Sau khi hỏa tiễn xuyên và nổ chính trong TOC (căn cứ bộ chỉ huy - TG), Bộ Chỉ huy đã thoát ra ngoài và lúc ấy cũng là lúc chiến xa đôi phương đã đứng trước cửa trại và kêu gọi đầu

163, 164. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 23-4 đến 29-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

hàng. Phải yêu cầu đội bom hai lần ở hướng Tây của trại mới mở được con đường thoát về hướng đó. Sau khi đã thoát được ra ngoài vòng vây của đôi phương thì mạnh ai nấy tự lo (lúc mở đường chạy về hướng Tây cả nhóm Bộ Chỉ huy có thể còn đến 100 người). Về phần Đại tá Hùng đã phải giả chết nhiều lần để thoát hiểm. Trong lúc tìm đường về Kontum trong những ngày đầu có gặp trực thăng Mỹ, nhưng vì đã đổi lối trang phục và lại đi một mình nên trực thăng bay ngang rất thấp (10 thước) rồi bay luôn. Đã nhập đoàn với đồng bào Thượng và sau 16 ngày gian nan, quanh co trong rừng đã được một bộ phận Lữ đoàn 6 biệt động quân nhận diện và đưa về Kontum. Tại đây đã gặp Trung tướng Ngô Dzu và chính thức trực thăng của Trung tướng Ngô Dzu đã đưa sĩ quan đương sự về Pleiku để được săn sóc trước khi được tái thương tiếp theo về Sài Gòn"¹⁶⁵.*

Sự kiện hàng ngàn binh sĩ quân đội Sài Gòn bỏ chạy khỏi Dáktô - Tân Cảnh đã làm cho hệ thống chính quyền Sài Gòn ở Kontum và toàn bộ Bắc Tây Nguyên rung động, hoang mang rệu rã, dẫn đến sự rút tan rã liên tiếp các căn cứ quân sự của Sài Gòn tại khu vực trên. Chỉ trong tuần cuối cùng của tháng 4-1972, trước sức tiến công mạnh mẽ của Quân Giải phóng,

* Ngô Du: Trung tướng quân đội chính quyền Sài Gòn nổi tiếng tham nhũng và buôn lậu. Tư lệnh Quân đoàn 2 - Quân khu 2 quân đội chính quyền Sài Gòn trong năm 1972 (BT).

165. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 724: Phiếu trình số 304/VP ngày 15-5-1972 của Ủy ban phối hợp Tỉnh báo quốc gia VNCH.

quân đội chính quyền Sài Gòn tại các căn cứ Ngok Blêng, Ngok Rinh Rua, Tri Lễ, quận Đắktô cũng bắt đầu rút chạy trong hoảng loạn. Lực lượng cách mạng giải phóng được một vùng rộng lớn từ Diên Bình, qua Tân Cảnh đến Đắktô về Đắk Mốt.

Báo cáo của Bộ Tổng tham mưu quân đội chính quyền Sài Gòn về tình hình chiến sự tại Mặt trận Bắc Tây Nguyên từ ngày 23-4 đến 29-4-1972, cho thấy:

“Tại MT/B3, VC thực hiện 20 vụ pháo kích bằng đủ loại đạn trong đó có 6 lần vào thị xã và phi trường Kontum và 14 lần vào các căn cứ đơn vị hành quân bạn trong vùng...

Ngoài ra, quân bạn cũng đã rút khỏi các căn cứ hòa lực H, Y, 5, 6 và căn cứ Dak Mot từ ngày 23 đến ngày 25-4-1972.

Tại Pleiku, VC 3 lần pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào phi trường Cù Hanh, súng cối 82 ly vào trại Lệ Khánh, trại Lý Thái Lợi, làng Plei-Dering tại 22 cây số Nam Pleiku, Liên đội 2/56/ĐPQ tại 9 cây số Đông Bắc Plei M’Rong, bắn quấy rối vào 2 đoàn quân xa di chuyển trên quốc lộ 14 từ Kontum về Pleiku tại 18 cây số Tây Bắc Pleiku và 1 đoàn từ Ban Mê Thuột đi Pleiku tại 21 cây số Bắc Tây Bắc Phú Nhơn, ĐĐ.106/ĐPQ tại 28 cây số Đông Lê Trung.

Tại khu vực duyên hải N/QK.5, VC 12 lần pháo kích hỏa tiễn và súng cối vào BTL (Bộ tư lệnh - TG)/ SĐ.22 BB; CK, đồn bót và lực lượng bạn tại các khu vực Hoài Nhơn, Phù Mỹ. Ngày 24 và 25-4, tấn công đồn Vạn An tại 12 cây số Nam Đông Nam Hoài Ân, ĐĐ.4/2/40 tại 6 cây số Tây Nam Hoài Nhơn. Ngày 26-4, VC đã tấn công bức rút căn cứ Dương Liễu tại 15 cây số Đông Nam Hoài Nhơn do 1 đại đội TĐ.3/41, LĐ.2/72/ĐPQ và 1 trung

đội pháo binh trú đóng. Đến 13 giờ 40 ngày 26-4, lực lượng bạn rút khỏi căn cứ sau khi phá hủy 2 khẩu đại bác 105 ly. Ngoài ra, 10 giờ 30 ngày 29-4, VC cũng đã tấn công CK Hoài Nhơn, đến 13 giờ 30 cùng ngày lực lượng bạn đã rút khỏi CK này¹⁶⁶.

"Trong 2 ngày 01 và 02-5-1972, VC tấn công căn cứ hỏa lực L do Tiểu đoàn 34, 35 biệt động quân trú đóng tại Kontum, CK Tam Quan, căn cứ Đệ Đức tại Bình Định. Lực lượng bạn đã rút bỏ các căn cứ trên. Ngoài ra, VC cũng đã giật mìn sập cầu đúc số 7 trên Quốc lộ 14 tại 23 cây số Bắc Pleiku, tấn công căn cứ hỏa lực 42 tại 10 cây số Bắc Pleiku"¹⁶⁷.

Sau đó, từ đầu tháng 5-1972 cho đến khi kết thúc chiến dịch (ngày 05-6-1972), tại Mặt trận Bắc Tây Nguyên, Quân Giải phóng tiếp tục duy trì thế tiến công giải phóng thị xã Kontum và bức rút hàng loạt đồn bót, giải phóng được nhiều vùng đông dân cư tại Pleiku và Bình Định.

Từ ngày 07-5 đến ngày 13-5-1972:

"Tại Kontum, ngày 09-5-1972, VC đã đồng loạt tấn công (có chiến xa yểm trợ) nhằm vào trại Lê Khánh và trại Bạch hổ do TD.95 và 71/BĐQ trú đóng. VC đã tràn ngập vào trại Lê Khánh, do đó lực lượng bạn phải rút bỏ căn cứ trong ngày.

166. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 23-4 đến 29-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

167. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 30-4 đến 06-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

Ngoài ra, VC cũng đã pháo kích vào thị xã và quân cảng Quy Nhơn, CK Phù Mỹ, LD.2/49/BĐQ tại 7 cây số Đông Đông Nam An Nhơn, ĐĐ.736/ĐPQ tại 8 cây số Đông Đông Nam Phù Mỹ, Trung đội 441 nghĩa quân tại 8 cây số Tây An Túc; đột nhập khu phố Trung Ái trong thị xã Quy Nhơn, ấp Hòa Sơn 7 cây số Tây Bắc An Nhơn; tấn công Trung đội 216 nghĩa quân tại cây số Nam Phù Mỹ (Bình Định)¹⁶⁸.

Từ ngày 14-5 đến ngày 20-5-1972:

“Tại Kontum, trong đêm 14 rạng 15-5-1972, Cộng quân đã mở một đợt tấn công có chiến xa yểm trợ nhằm vào phòng tuyến của Chiến đoàn 44 tại 6 cây số Tây Bắc Kontum và Chiến đoàn 53 tại 3 cây số Bắc Kontum....

Ngoài ra, VC cũng đã tấn công Liên đội 2/35 địa phương quân tại Polei Krong 14 cây số Tây Kontum, căn cứ hỏa lực 42A tại Pleiku, 1 trung đội địa phương quân 4 cây số Tây Đông Xuân (Phú Yên), Tiểu đoàn 212 địa phương quân 16 cây số Tây Nam Sông Mao, ấp Long Hiệp 6 cây số Đông Thiện Giáo, Trung đội 74 nghĩa quân 3 cây số Bắc Hàm Thuận (Bình Thuận); pháo kích vào phi trường Kontum, CK Tuy An (Phú Yên); bắn B40 vào kho xăng 321 tại 7 cây số Tây Tây Bắc Pleiku; giật mìn sập cầu số 5 trên Quốc lộ 14; đột nhập ấp Vĩnh Thạnh 10 cây số Đông Bắc Sông Cầu (Phú

168. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 07-5 đến 13-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

Yên), kho đạn Alfa của Bộ Chỉ huy 5 tiếp vận tại 10 cây số Đông Bắc Cam Ranh"¹⁶⁹.

Từ ngày 21-5 đến 27-5-1972:

*"Tại Kontum, trong 2 ngày 25 và 26-5-1972, VC đã đột nhập vào thị xã và sử dụng chiến xa tấn công nhiều lần vào phòng tuyến của Chiến đoàn 44, 45, 53 quanh thị xã... Ngoài ra, VC cũng đã đột nhập các ấp Bình Lâm, Thọ Lộc, Mây Ngọc tại vùng Phù Mỹ (Bình Định); phục kích đoàn quân xa từ Quy Nhơn đi Nha Trang trên quốc lộ 1 tại 20 cây số Đông Nam Tuy Hòa (Phú Yên); pháo kích vào CK Vạn Ninh; tấn công Trđ.73/NQ 2 cây số Nam Vạn Ninh (Khánh Hòa)"*¹⁷⁰.

Từ ngày 28-5 đến 02-6-1972:

"VC đã tấn công 1 đại đội thuộc Tiểu đoàn 22 biệt động quân trên đỉnh Chu Pac, Tiểu đoàn 80 biệt động quân, các trại Lý Thái Lợi tại 9 cây số Đông Bắc Kontum, phòng tuyến Chiến đoàn 45 tại 2 cây số Tây Bắc Kontum, ấp Long Hoa tại 6 cây số Đông Đông Bắc Thiện Giáo (Bình Thuận); đột nhập các ấp Plei B'Anan, Plei Rindê, Plei Manon (Pleiku), ấp Đức Phổ, Thái Phú tại vùng Đông Nam Phù Mỹ, ấp Đông Câu 5 cây số Tây Nam An Nhơn (Bình Định), ấp Quang Hội 2 cây số Đông CK Vạn Ninh (Khánh Hòa); pháo kích vào Bộ Chỉ huy Trung đoàn 41

169. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 14-5 đến 20-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

170. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 21-5 đến 27-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

tại Trà Quan (Bình Định), căn cứ Hải Ninh (Khánh Hòa), thị xã Phan Rang (Bình Thuận); đặt chất nổ tại Trung tâm hành quân tiểu khu trong thị xã Quy Nhơn (Bình Định)¹⁷¹.

Từ ngày 04-6 đến 10-6-1972:

“Tại Kontum, các đơn vị đặc công thuộc SĐ/NT2 (Sư đoàn 2) và TRĐ.66/B3 đã bị đánh bật ra khỏi thị xã, đồng thời áp lực VC cũng được giải tỏa vào các ngày cuối tuần. Ngoài ra, VC cũng đã pháo kích vào các hỏa cứ 41, 41A, trại Lý Thái Lợi (Kontum), CK Lê Trung, phi trường Cù Hanh (Pleiku), CK Phù Mỹ, BCH/TRĐ.41 Trà Quan, BCH/TRĐ.40 tại 6 cây số Bắc Phù Các (Bình Định), Trung đội 100/NQ, Đại đội 246/ĐPQ tại vùng Đức Trọng (Tuyên Đức); tấn công làng Lê Căn 1 cây số Tây Lê Trung (Pleiku), Liên đội 2/49/ĐPQ, 4 trung đội NQ tại 3 cây số Tây An Nhơn, chợ Định và khu phố Trung Hậu trong thị xã, trụ sở xã Mỹ Cát 10 cây số Đông Đông Nam Phù Mỹ (Bình Định); đột nhập ấp Plei Mom 10 cây số Đông Bắc Pleiku, xã An Mỹ (Pleiku), khu phố Đập Đá tại 4 cây số Tây Nam An Nhơn (Bình Định), ấp Tân Rai 12 cây số Bắc Lâm Đông”¹⁷².

Ngày 05-6-1972, sau 3 tháng tiến công, trước sự cố thủ của quân đội chính quyền Sài Gòn và sự “rải thảm” chiến trường Kontum bằng B.52 của không quân Mỹ (từ ngày 02-4 đến ngày 10-6-1972, không quân Mỹ đã thực hiện 1.956 phi xuất B.52 nhắm vào

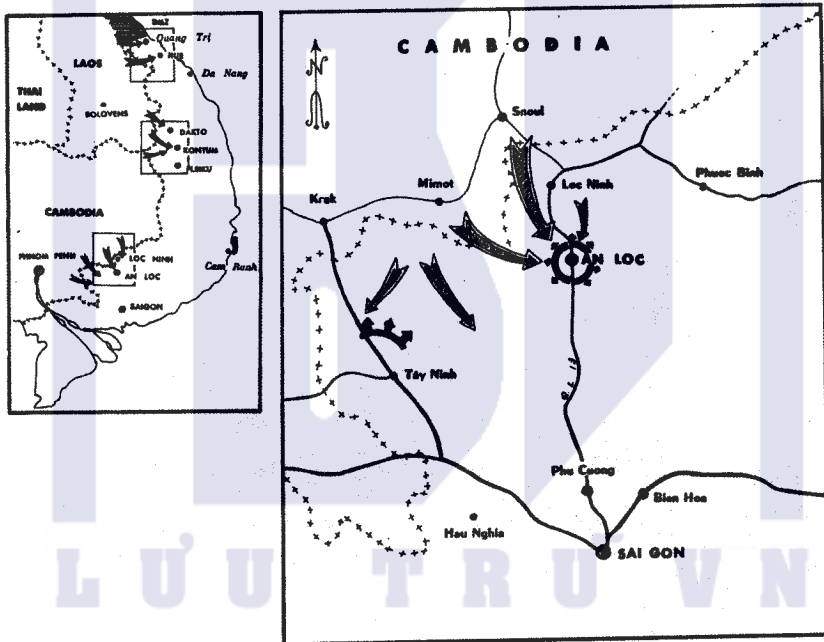
171. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 28-4 đến 02-6-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

172. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 04-6 đến 10-6-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

Kontum, Pleiku và Bình Định¹⁷³), đồng thời, gặp khó khăn trong công tác hậu cần và chi viện, Quân Giải phóng quyết định kết thúc chiến dịch Xuân - Hè năm 1972, nhưng vẫn tiếp tục duy trì thế chủ động chiến trường tại hầu hết các trận địa của Mặt trận Bắc Tây Nguyên cho đến ngày Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết.

1.3. Mặt trận miền Đông Nam bộ

Lược đồ cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tại mặt trận miền Đông Nam bộ¹⁷⁴



173. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442, 17443: Tổng hợp từ báo cáo tình hình chiến sự hàng tuần tháng 4, 5, 6-1972 của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

174. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa, hồ sơ 462.

Tại Mặt trận miền Đông Nam bộ, chuẩn bị cho cuộc tiến công, những ngày cuối tháng 3-1972, các lực lượng Quân Giải phóng đẩy mạnh hoạt động, uy hiếp quân đội chính quyền Sài Gòn với các trận “pháo kích các căn cứ Thiên Ngôn, Lạc Long, Bạch Đằng (Tây Ninh), Định Quán (Long Khánh); đột nhập ấp Bình Thành B 1 cây số Đông Bắc Trị Tâm (Bình Dương), phục kích toán LLDV (lực lượng dân vệ - TG) ấp Bến Đò tại 7 cây số Đông Bắc Củ Chi (Hậu Nghĩa), tấn công Đại đội 755/ĐPQ (Địa phương quân - TG) tại 1 cây số Đông Bắc Long Thành (Biên Hòa), giật mìn trụ sở Hội đồng xã Phước Lợi 3 tại 3 cây số Bắc Đất Đỏ (Phước Tuy)”¹⁷⁵.

Đêm 04 rạng ngày 05-4-1972, lực lượng Quân Giải phóng gồm Sư đoàn 5, Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 cùng một số đơn vị độc lập mở màn cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 nhằm vào mục tiêu chính tại tỉnh Bình Long của chính quyền Sài Gòn với hàng loạt trận “pháo kích và tấn công các căn cứ, các đồn ĐPQ + NQ (nghĩa quân - TG), các đơn vị thuộc SĐ (sư đoàn - TG) 5/BB (bộ binh - TG) và CK Lộc Ninh. Ngày 06-4, VC đã 2 lần pháo kích và tấn công căn cứ Quán Lợi (6 cây số Đông Bắc An Lộc), pháo kích CK Chơn Thành, trại Tổng Lê Chân”¹⁷⁶.

Hai ngày, ngày 07-4-1972, trước sức mạnh của Quân Giải

175. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 26-3 đến 01-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

176. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

phóng, Chi khu Lộc Ninh của chính quyền Sài Gòn bị thất thủ. Sau khi giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh, lực lượng cách mạng nhanh chóng thiết lập nơi đây thành "thủ đô kháng chiến" - thủ phủ của Trung ương Cục miền Nam Việt Nam. Tiếp đó, từ ngày 09-4, Quân Giải phóng tiến công cắt đứt đường 13, tạo thế tiến chiếm thị xã An Lộc. Theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, từ ngày 09-4 đến ngày 15-4-1972, "tại Bình Long, VC 34 lần pháo kích vào TK Bình Long và các đơn vị hành quân quanh Chơn Thành, gây cho bạn 37 tử thương, 134 bị thương, 1 hầm truyền tin sập, 1 kho đạn súng cá nhân bị thiêu hủy, 1 đại bác 105 ly, 3 quân xa, 3 máy truyền tin và 1 số quân dụng khác bị hư hại.

Đặc biệt, trong 2 ngày 13 và 15-4, VC nhiều lần pháo kích và sử dụng chiến xa và bộ binh tấn công tỉnh lỵ Bình Long và các đơn vị thuộc SĐ.25 và biệt động quân"¹⁷⁷.

Giải vây, ngày 09-4-1972, hành quân Toàn thắng 72C "do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 nhằm giải tỏa áp lực VC trên quốc lộ 13 và tỉnh lỵ Bình Long với lực lượng gồm 16 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn nhảy dù, 3 tiểu đoàn biệt động quân và 2 thiết đoàn kỵ binh"¹⁷⁸. Đồng thời, cũng như tại Mặt trận Trị - Thiên và Bắc Tây Nguyên, yểm trợ cho lực lượng cố thủ, không quân Mỹ và ngụy Sài Gòn trút hàng loạt rốc két, bom, và bom Napan xuống đường 13 và thị xã An Lộc. Song, hoạt động quân sự của Mỹ và quân lính chính quyền Sài Gòn không ngăn được bước tiến của Quân Giải

177, 178. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 09-4 đến 15-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

phóng. Giữa tháng 4-1972, Quân Giải phóng chiếm được sân bay và hoàn toàn bao vây An Lộc, buộc quân đội chính quyền Sài Gòn phải tiếp viện cho lực lượng cố thủ bằng không quân.

Phối hợp cùng chiến trường Bình Long, từ ngày 02-4 đến ngày 15-4-1972, Quân Giải phóng mở hàng loạt cuộc tiến công vào các căn cứ quân sự, cơ sở công quyền tại hầu hết các tỉnh miền Đông Nam bộ của chính quyền Sài Gòn, trải dài từ Tây Ninh, Hậu Nghĩa đến Biên Hòa, Bình Dương.

Từ ngày 02-4 đến ngày 08-4-1972:

“Tại Tây Ninh, VC nhiều lần pháo kích vào các căn cứ và lực lượng hành quân của bạn tại vùng Tây Bắc Tây Ninh, pháo kích và tấn công ĐĐ. (đại đội - TG) 963/ĐPQ trên núi Bà Đen gây cho bạn 11 tử thương (2 Hoa Kỳ), 16 bị thương (5 Hoa Kỳ), 7 mất tích, 1 kho xăng và 3 súng cá nhân bị tiêu hủy... 13 giờ 40 ngày 08-4, phục kích CĐ.49 từ Thiện Ngôn về Tây Ninh tại 2 cây số Nam Thiện Ngôn, gây cho bạn 4 tử thương, 80 bị thương, 87 mất tích, 5 đại bác, 10 TQV (thiết quân vận - TG), 2 chiến xa và 13 quân xa bị phá hủy.

Tại QK/T4 (khu vực Hậu Nghĩa, Long An - TG), VC pháo kích hỏa tiễn 122 ly và sử dụng đặc công đột nhập căn cứ Lai Khê, tấn công TĐ.3/43 tại 10 cây số Đông Nam Trị Tâm, pháo kích súng cối 82 ly vào CK Đức Hòa, pháo kích và đột nhập TK (tiểu khu - TG) Hậu Nghĩa, tấn công Rạch Miếu, gây cho bạn 23 tử thương, 32 bị thương, 2 mất tích, mất 25 súng cá nhân.

Tại QK/T7 (khu vực Biên Hòa, Đồng Nai - TG), VC pháo kích 4 quả hỏa tiễn 122 ly vào phi trường Biên Hòa, pháo kích

súng cối 82 ly vào các ĐĐ.176/ĐPQ và 415/ĐPQ tại vùng Định Quán, tấn công đồn Lạc Sơn tại 17 cây số Tây Bắc Xuân Lộc¹⁷⁹.

Từ ngày 09-4 đến ngày 15-4-1972:

"Tại Tây Ninh, tình hình yên tĩnh, chỉ ghi nhận 1 vài vụ bắn quấy rối, pháo kích vào Trung đội 25 NQ, 157 NQ, gây thiệt hại nhẹ.

Tại Phước Long, ngày 09-4, VC tấn công CK Đức Phong...

Tại QK/T4, VC pháo kích hỏa tiễn 107 ly vào khu vực căn cứ Lai Khê, gia tăng các hoạt động pháo kích bắn quấy rối các đơn vị bạn quanh quận lỵ Bến Cát gây thiệt hại nhẹ.

Tại QK/T7, đáng lưu ý là vụ VC sử dụng đặc công đặt chất nổ kho đạn Thành Tuy Hạ tại 1 cây số Nam Nhơn Trạch làm trên 200 tấn đạn pháo binh và 200 tấn đạn súng cá nhân bị thiêu hủy, pháo kích súng cối 82 ly vào LĐ.3/19 ĐPQ, ĐĐ.971/ĐPQ, ấp Bảo Chánh, đột nhập xã Cẩm Tâm tại vùng Xuân Lộc¹⁸⁰.

Trong nửa cuối tháng 4-1972, Quân Giải phóng tiếp tục tạo thế uy hiếp thị xã An Lộc, đánh chiếm các căn cứ lực lượng dù của quân đội Sài Gòn tại đồi 169, cắt đứt đường 13; đồng thời, thực hiện tiến công đồng loạt các cơ sở của chính quyền Sài Gòn ở

179. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-4 đến 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

180. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 09-4 đến 15-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

các tỉnh Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Biên Hòa, Bình Dương. Báo cáo tình hình chiến sự của chính quyền Sài Gòn đã thể hiện rõ cuộc tiến công của Quân Giải phóng tại Mặt trận miền Đông Nam bộ trong những ngày cuối tháng 4-1972.

Từ ngày 16-4 đến ngày 22-4-1972:

“Tại Tây Ninh, ngoài những vụ pháo kích hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly tại các ấp Phước Tân, Bông Trang (Hiếu Thiện)... 24 giờ 5 phút ngày 20-4, VC pháo kích và tấn công BCH/LĐ.3/51/ĐPQ và 2 trung đội pháo binh tại vùng Đông Nam Phú Khương.

Tại Bình Long, VC nhiều lần pháo kích vào thị xã An Lộc, pháo kích và tấn công các lực lượng bạn quanh thị xã, lực lượng nhảy dù tại đồi 169.

Tại QK/T4, VC gia tăng các vụ pháo kích, bắn quấy rối các đơn vị ĐPQ, NQ, an ninh diện địa quanh vùng Trị Tâm, Bến Cát. Trong 2 ngày 16 và 18-4, VC đã pháo kích và tấn công các đồn An Lợi (9 cây số Đông Nam Bến Cát), đồn Mỹ Hòa (9 cây số Tây Bắc Thủ Thừa), trụ sở xã Phú Nghĩa (5 cây số Đông Bắc Bình Phước).

Ngoài ra, VC còn sử dụng đặc công tấn công ĐĐ.604/ĐPQ tại vùng Tây Nam Đức Hòa, đồn An Thới tại vùng Tây Trảng Bàng.

Tại QK/T7, VC pháo kích vào CK Xuyên Mộc, bắn quấy rối các đơn vị ĐPQ, NQ quanh CK”¹⁸¹.

181. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 16-4 đến 22-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Từ ngày 23-4 đến 29-4-1972:

"Tại Tây Ninh, VC pháo kích súng cối 82 ly, hỏa tiễn 107 ly vào các đơn vị bộ binh thuộc TRĐ.49 tại vùng Hiếu Thiện gây thiệt hại nhẹ. Riêng ngày 27-4, VC đã pháo kích trên 1000 đạn đủ loại, đồng thời tấn công TĐ.2/49 BB, tiền đồn Tiên Thuận tại vùng Tây Bắc Hiếu Thiện.

Tại Bình Long, VC nhiều lần pháo kích thị xã An Lộc gây cho bạn (lính Mỹ và chư hầu) 75 tử thương, 314 bị thương. Ngoài ra, còn tấn công các tiểu đoàn 2, 5, 8 nhảy dù quanh thị xã.

Tại QK/T4, VC pháo kích hỏa tiễn 107 ly, súng cối 82 ly vào TTHL/ SĐ.25, các căn cứ Chà Ray, Củ Chi, Trung Lập; đột nhập ấp An Hòa tại vùng Trảng Bàng... Ngày 26-4, VC tấn công đồn Bến Chùa (11 cây số Đông Nam Trị Tâm), BCH/LĐ.26 ĐPQ, ĐĐ.849/ĐPQ tại vùng Tây Bắc Bến Lức, pháo kích và tấn công CK Trị Tâm.

Tại QK/T7, VC 4 lần pháo kích súng cối 82 ly vào CK Xuyên Mộc, 5 lần pháo kích vào CK Đức Thạnh, bắn quấy rối các đồn bót ĐPQ, NQ quanh 2 khu vực trên¹⁸².

Ngày 24-4-1972, sau thất bại của cuộc hành quân Toàn thắng 72C, được tăng cường Sư đoàn 21 bộ binh, Quân đoàn 3 quân đội chính quyền Sài Gòn thực hiện cuộc hành quân "Toàn thắng 72D" "do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tổ chức với lực lượng gồm: Sư đoàn 21 bộ binh, Sư đoàn 5 bộ binh, 2 Lữ đoàn 1 và 3 nhảy dù,

182. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 23-4 đến 29-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

*Liên đoàn 81 biệt kích dù, Liên đoàn 3 biệt động quân, 2 Tiểu đoàn 65 và 73 biệt động quân, Thiết đoàn 9 kỵ binh và Chi đoàn 1/5 chiến xa nhằm giải tỏa áp lực thị xã An Lộc*¹⁸³. Tuy nhiên, trước sự chót chận của Sư đoàn 7 Quân Giải phóng, Sư đoàn 21 chỉ có thể tiến chậm chạp về hướng Bắc dọc đường 13, mà không thể tiếp cứu cho An Lộc. Trong khi đó, từ ngày 30-4 đến ngày 06-5-1972, Quân Giải phóng vẫn duy trì “*các vụ pháo kích vào thị xã An Lộc và các lực lượng bạn tại vùng Chơn Thành*”¹⁸⁴.

Ngày 11-5-1972, Quân Giải phóng quyết tâm tiến chiếm thị xã An Lộc lần thứ hai bằng “*pháo kích trên 7.000 đạn đủ loại đồng thời sử dụng chiến xa và đặc công tấn công các đơn vị bạn trú đóng tại An Lộc*”¹⁸⁵. Tuy nhiên, ngay sau đó, từ ngày 12-5-1972, liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn thực hiện rải thảm thị xã An Lộc và đường 13 bằng chiến đấu cơ và pháo đài bay B.52. Trong ba ngày tiến công của Quân Giải phóng (các ngày 12, 13 và 14-4-1972), chỉ riêng pháo đài bay B.52 của không quân Mỹ đã thực

183. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 23-4 đến 29-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

184. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 30-4 đến 06-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

185. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 07-5 đến 13-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

hiện 104 phi xuất¹⁸⁶ trên phạm vi khoảng hơn 5km². Sự oanh tạc dữ dội của không quân Mỹ - ngụy Sài Gòn khiến cuộc tiến công lần hai của Quân Giải phóng không đạt được mục tiêu đề ra.

Trong khi đó, cùng với Bình Long, Quân Giải phóng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tại các chiến trường còn lại của Mặt trận miền Đông Nam bộ.

Từ ngày 30-4 đến ngày 06-5-1972:

“VC cũng đã tấn công ấp Trường Lưu tại 6 cây số Đông Nam Phú Khương (Tây Ninh), căn cứ Alpha, Tiểu đoàn 3/32 bộ binh, Thiết đoàn 9 kỵ binh tại vùng Chơn Thành (Bình Long), đồn Cỏ Trạch 11 cây số Đông Nam Trị Tâm (Bình Dương), căn cứ Núi Nhọn 8 cây số Tây Nam Xuyên Mộc (Phước Tuy); đặt chất nổ giựt sập cầu Hiếu Thiện trên Quốc lộ 1; đột nhập ấp Bào Đôn 1 cây số Bắc Khiêm Hạnh (Tây Ninh), ấp Gò Đậu 16 cây số Đông Nam Long Thành (Biên Hòa), ấp La Vân, Ngãi Giao tại vùng Đức Thạnh (Phước Tuy); bắn B40 và thả thủy lôi phá cầu Long Định tại 3 cây số Đông Nam Bến Lức (Long An); giựt mìn phá sập 1 cầu sắt trên liên tỉnh lộ 23 tại Phước Tuy”¹⁸⁷.

Từ ngày 07-5 đến 13-5-1972:

186. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 07-5 đến 13-5-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

187. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 30-4 đến 06-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

“VC cũng đã pháo kích vào CK Hiếu Thiện (Tây Ninh), ấp Bảo Định 4 cây số Đông Nam Xuân Lộc (Long Khánh), ĐĐ.602/ĐPQ 2 cây số Tây Bắc Tân Uyên (Biên Hòa), CK Đức Thạnh (Phước Tuy); bắn B.40 vào toán giang đình thuộc CĐ.54 tại vùng Hiếu Thiện; bắn quấy rối các đồn An Phú, Cao Tường, Rạch Sơn, Bèn Mới tại vùng Hiếu Thiện (Tây Ninh); tấn công Trung đội 106 NQ tại 15 cây số Tây Bắc Long Thành (Biên Hòa), CK Đức Thạnh (Phước Tuy)”¹⁸⁸.

Về phía chính quyền Sài Gòn, đối phó lại, từ ngày 24-4-1972, quân đội chính quyền Sài Gòn thực hiện hành quân "Toàn thắng 72E" *“do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tổ chức tại các tiểu khu Gia Định, Long An, Hậu Nghĩa, Tây Ninh và Bình Dương, với lực lượng gồm: Sư đoàn 18 bộ binh, Sư đoàn 25 bộ binh và 3 thiết đoàn kỵ binh”¹⁸⁹*, kéo dài cho đến tháng 7-1972.

Trước sự tăng quân và điên cuồng của liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn, xác định tương quan lực lượng đã có sự thay đổi, từ nửa cuối tháng 5-1972, Quân Giải phóng chuyển từ thế tiến công sang thực hiện bao vây quân đội chính quyền Sài Gòn tại chiến trường Bình Long. Ngày 12-6-1972, Quân Giải phóng chính thức

188. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 07-5 đến 13-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

189. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 30-4 đến 06-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

rút khỏi thị xã An Lộc, tạo thế bao vây lòng An Lộc, thiết lập chốt chặn tại Tàu Ô - Xóm Ruộng trên đường 13, nhằm bảo vệ cho vùng giải phóng Lộc Ninh. Báo cáo tình hình chiến sự của Bộ Tổng tham mưu chính quyền Sài Gòn cho thấy, đến giữa tháng 6-1972, quân đội Sài Gòn vẫn không thể phá vỡ hoàn toàn thế bao vây tại mặt trận Bình Long và thế tiến công của Quân Giải phóng trên toàn chiến trường miền Đông Nam bộ.

Từ ngày 14-5 đến ngày 20-5-1972:

"VC đã pháo kích vào các đơn vị địa phương quân, nghĩa quân tại vùng Hiếu Thiện (Tây Ninh), thị xã An Lộc (Bình Long), CK Đất Đỏ (Phước Tuy); tấn công các tiểu đoàn 1, 2, 3/33, Tiểu đoàn 65 biệt động quân trên đường giải vây An Lộc tại 8 và 10 cây số Nam An Lộc (Bình Long), căn cứ Chà Rây 7 cây số Đông Bắc Trảng Bàng (Hậu Nghĩa),... đồn An Thuận 11 cây số Tây Bắc Phú Cường (Bình Dương), các đơn vị địa phương quân quanh CK Đất Đỏ (Phước Tuy); phục kích 5 giang đình thuộc Giang đoàn 40 tại 9 cây số Tây Nam Trảng Bàng (Hậu Nghĩa)"¹⁹⁰.

Từ ngày 21-5 đến ngày 27-5-1972:

"Tại Bình Long, VC vẫn duy trì hoạt động pháo kích và tấn công nhằm vào các đơn vị bạn quanh thị xã An Lộc... Ngoài ra, VC cũng đã pháo kích vào đồn Suối Đá 12 cây số Đông Bắc Phú"

190. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 14-5 đến 20-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

Khuong (Tây Ninh), CK Đất Đỏ, phi trường và CK Phước Bình (Phước Long), CK Xuyên Mộc, Đức Thạnh, Long Lễ, Đất Đỏ và các đơn vị địa phương quân, nghĩa quân thuộc các quận trên tại Phước Tuy; phục kích các toán giang đình thuộc CĐ.40 và CĐ.54 tại 9 cây số Nam Gò Dầu Hạ (Tây Ninh); giật mìn sập cầu Phước Lợi tại 5 cây số Nam Đất Đỏ (Phước Tuy)”¹⁹¹.

Từ ngày 28-5 đến ngày 02-6-1972:

“Cộng quân đã pháo kích vào CK Phước Bình, phi trường, Bộ Chỉ huy hành quân tiểu khu Phước Long, các CK Xuyên Mộc, Đức Thạnh (Phước Tuy); bắn quấy rối các đơn vị địa phương quân, nghĩa quân quanh CK Phước Bình (Phước Long), Bộ Chỉ huy Liên đoàn 5 biệt động quân tại 2 cây số Đông Bắc Long Lễ, Tiểu đoàn 3/48 bộ binh 1 cây số Bắc Long Lễ, Tiểu đoàn 30 biệt động quân 1 cây số Tây Nam Đất Đỏ (Phước Tuy); tấn công và pháo kích các đơn vị tiếp viện bạn (Trung đoàn 15, 32, 33 bộ binh) dọc thiều Quốc lộ 13 (Bình Long); đột nhập ấp Gò Cao tại 2 cây số Bắc Bào Trai (Hậu Nghĩa)”¹⁹².

Từ ngày 03-6 đến 10-6-1972:

“Tại Bình Long, mức độ pháo kích của VC vào thị xã An Lộc

191. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 21-5 đến 27-5-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

192. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 28-5 đến 02-6-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

tiếp tục giảm sút. Các lực lượng giải vây An Lộc trên quốc lộ 13 đã tiếp giáp với các đơn vị trú phòng vào chiều ngày 08-6-1972.

Đặc biệt tại Hậu Nghĩa tình hình đã trở nên sôi động nhất tại khu vực Trảng Bàng trong các ngày 6, 7 và 8-6-1972. VC đã giết mìn sập ống cống tại phía Nam và Bắc quận lỵ Trảng Bàng; đột nhập các ấp sát quận lỵ; pháo kích và tấn công các đơn vị địa phương quân, nghĩa quân, các lực lượng thuộc Sư đoàn 25 bộ binh quanh quận lỵ... gây gián đoạn lưu thông trên quốc lộ 1. Đến ngày 09-6-1972, áp lực VC trên quốc lộ 1 đã được giải tỏa.

Tại Phước Tuy, áp lực VC đã suy giảm nhiều, riêng tại CK Long Lễ, lực lượng bạn đã giải tỏa áp lực VC từ chiều ngày 07-6-1972.

Ngoài ra, Cộng quân (Quân giải phóng - BT) cũng đã giết thủy lôi 2 giang đình thuộc Đại đội 27 tuần giang tại 4 cây số Tây Nam Phú Khương (Tây Ninh); pháo kích vào các CK Phước Bình, BỐ ĐỨC (Phước Long) ĐỨC HUỆ, Trảng Bàng, Củ Chi (Hậu Nghĩa)..."¹⁹³.

Từ ngày 11-6 đến ngày 17-6-1972:

"Tại Bình Long, lực lượng bạn đã giải tỏa thị xã An Lộc kể từ chiều ngày 13-6-1972. Tuy nhiên, VC vẫn duy trì mức độ pháo kích vào các đơn vị bạn dọc theo Quốc lộ 13... Ngoài ra,

193. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 04-6 đến 10-6-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

Cộng quân cũng bắn quấy rối 1 đại đội thuộc Liên đội 3/61/ĐPQ tại 7 cây số Tây Nam Phước Ninh, pháo kích vào đồn Long Khánh tại vùng Phú Khương (Tây Ninh), CK Đức Huệ, đồn Tân Bình 9 cây số Tây Bắc Trảng Bàng (Hậu Nghĩa), đồn Tân Bình A, Tân Bình B tại 10 cây số Đông Lai Khê (Bình Dương), xã Bình Chuẩn 6 cây số Đông Phú Khương (Tây Ninh), Bộ Chỉ huy Liên đội 3/42/ĐPQ 4 cây số Tây Bắc Tân Uyên (Biên Hòa), đồn Bàu Cá, Ty Cảnh sát quốc gia tại Xuân Lộc; tấn công ấp Công Thuận 14 cây số Tây Nam Kiềm Tân (Long Khánh), đột nhập ấp Nhân Tâm 1 cây số Đông Bắc CK Xuyên Mộc (Phước Tuy)”¹⁹⁴.

Từ đây cho đến cuối năm 1972, mặc dù đã huy động lực lượng hùng hậu, nhưng quân đội chính quyền Sài Gòn vẫn không thể giải tỏa được An Lộc và đường 13. Ngược lại, lực lượng cách mạng ngày càng tiến gần về Sài Gòn, giải phóng thêm nhiều vùng dân cư ở Bình Dương, Hậu Nghĩa, Củ Chi,... lập nên thế trận “da báo” ở miền Đông Nam bộ trước khi Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết.

Cùng với các cuộc tiến công ở 3 mặt trận chính, tại các tỉnh miền Tây Nam bộ, Quân Giải phóng cũng đẩy mạnh hoạt động quân sự, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn, trong 5 tháng (từ tháng 4

194. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17443: Tổng kết tổn thất, hoạt động VC và QLVNCH (tuần lễ từ 11-6 đến 17-6-1972) của Võ phòng Phủ Thủ tướng VNCH.

đến tháng 9-1972), ở khu vực miền Tây, Quân Giải phóng đã thực hiện 3.321 cuộc tiến công¹⁹⁵ vào các cơ sở quân sự và công quyền của chính quyền Sài Gòn.

Kết quả sau 5 tháng tiến công, trên toàn chiến trường miền Nam, Quân Giải phóng đã loại khỏi vòng chiến đấu 74.785 lính, trong đó có 1.050 quân viễn chinh Mỹ và chư hầu; gây tổn thất 7.974 súng cá nhân và súng cộng đồng, bắn rơi và làm hư hại 378 máy bay các loại của liên quân Mỹ - ngụy¹⁹⁶.

Đặc biệt, lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Quân Giải phóng đã giải phóng và hoàn toàn làm chủ tỉnh Quảng Trị trong gần 3 tháng. Tại đây, chính quyền cách mạng cũng nhanh chóng được thiết lập do các đồng chí *"Trác nguyên giáo sư trường trung học Nguyễn Hoàng... làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Quảng Trị... Lê Chí Đại... làm Phó trưởng Ty Nội an Mặt trận kiêm Trưởng ty Công an. Bùi Mai làm Đoàn trưởng Thanh niên nhân dân cách mạng quận Hải Lăng. Nguyễn Khai làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng xã Hải Thọ. Hoàng Khánh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng xã Hải Lâm. Đỗ Giáo làm Trưởng ban Tự quản. Lê Nguyên làm Trưởng ban Thanh niên Giải phóng. Đặng Sơ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng xã Triệu Long"*¹⁹⁷.

195, 196. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442, 17443, 17444: Tổng hợp từ báo cáo tình hình chiến sự hàng tuần (từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

197. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17599: Phiếu trình số 029238/BTL/CSQG/ĐB/E1 ngày 19-6-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

Cũng lần đầu tiên, cách mạng giải phóng hoàn toàn Lộc Ninh - thiết lập nơi đây thành “thủ đô kháng chiến” của cách mạng ở miền Nam Việt Nam, chỉ cách Sài Gòn hơn 100km.

Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 thắng lợi đã làm chuyển biến thế và lực trên chiến trường miền Nam Việt Nam; đánh dấu sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Hoa Kỳ; tạo bước ngoặt bản lề cho công cuộc cách mạng miền Nam Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Phản ứng của chính quyền Sài Gòn

Cuối năm 1971, qua phân tích hoạt động sự phối trí lực lượng và hoạt động quân sự của Quân Giải phóng, cùng tin tức thu thập của các cơ quan tình báo Mỹ và chính quyền Sài Gòn nhận định lực lượng cách mạng sẽ thực hiện một chiến dịch quân sự - chính trị lớn tại miền Nam Việt Nam vào mùa Xuân năm 1972. Theo tài liệu của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo chính quyền Sài Gòn, chủ trương, phương thức hoạt động và thời gian của “chiến dịch Xuân” năm 1972 của cách mạng, tập trung vào các nội dung:

“VC đã và đang chuẩn bị một cách tương đối quy mô cho chiến dịch mùa khô 1971-1972 (từ tháng 11-1971 đến tháng 4-1972) và nhất là chiến dịch Xuân 1972 (từ cuối tháng 12-1971 đến cuối tháng 2-1972). Chủ trương của VC là tạo một nỗ lực chính trị và quân sự ít ra từ nay cho đến cuối tháng 2 năm 1972, lúc Tổng thống Hoa Kỳ viếng thăm Hoa Lục (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - TG).

Tại VNCH, căn cứ vào khả năng và phối trí lực lượng VC hiện tại, mức độ và quy mô hoạt động VC trong tương lai có thể sẽ không mạnh mẽ và rộng lớn như đợt Tổng công kích Tết Mậu Thân năm 1968. VC có khả năng đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại vùng nông thôn và các vùng ven biên để hỗ trợ cho các hoạt động đấu tranh chính trị tại các thị trấn và đô thị. Mục tiêu chủ yếu của VC là chống phá chương trình bình định của VNCH và phá rã lực lượng phòng thủ diện địa của VNCH gồm địa phương dân, nghĩa quân và nhân dân tự vệ. Hình thức hoạt động chính của VC có thể là đột nhập, phục kích, pháo kích, quấy rối và tấn công giới hạn cấp trung đoàn đặt nặng vào vùng giới tuyến thuộc tỉnh Quảng Trị và vùng biên giới từ các tỉnh cao nguyên Trung phần như Kontum, Pleiku, Darlac kéo dài đến các tỉnh Bình Long, Phước Long và Tây Ninh.

Về mặt đấu tranh chính trị, CS sẽ cố gắng phát động quần chúng, các nhóm áp lực... Nhưng kinh nghiệm qua các cuộc bầu cử trong năm 1971 vừa qua, khả năng đấu tranh chính trị của CS không cao, tình trạng này không cho phép đôi phương thực hiện các cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn.

Để lấp khoảng trống này, tin tức cho biết CS đang chuẩn bị khai diễn một cuộc gặp gỡ "thượng đỉnh" giữa Bắc Việt, Mặt trận Giải phóng (Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam - TG), Pathet Lào và phe Sihanouk tại Hà Nội vào tháng 2 năm 1972. Mặt khác, những tin tức mới ghi nhận cho biết Bắc Việt đang triệu tập Đại hội "Mặt trận Tổ quốc" lần thứ 3. "Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam" và "Liên minh dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam" cũng đã gọi đại biểu tới tham dự Đại hội...

Tóm lại, trên toàn cuộc chiến tranh Đông Dương và trong giai đoạn hiện tại, chiến trường Đỉnh là Campuchia và hai diện là Ai Lao và VNCH. Vào cận thời điểm trên (tháng 2 năm 1972), nếu thắng thế ở Campuchia và nếu điều kiện cho phép, CS sẽ xoay hướng, chọn đỉnh là VNCH, lúc đó hai diện là Campuchia và Ai Lao. Cũng vào thời điểm này, một "Hội nghị cao cấp nhân dân Đông Dương" sẽ khai diễn đồng thời"¹⁹⁸.

Với nhận định như vậy, ngày 4-01-1972, Nguyễn Văn Thiệu ban hành Tư văn số 001/TT/TV/TM ra lệnh cho các lực lượng quân sự, cảnh sát phải lập kế hoạch ngăn chặn cho bằng được "chiến dịch Xuân 1972" của cách mạng, với các nội dung:

"Để ngăn chặn và bẻ gãy chủ trương trên của CS (chiến dịch Xuân 1972 - TG), tôi thấy phía ta (chính quyền Sài Gòn - TG) cần phải mở một đợt hoạt động đặc biệt trong 2 tháng, từ ngày 01-01-1972 đến 29-02-1972, gồm 3 nỗ lực kể sau:

1. Chủ lực quân liên tục mở các cuộc hành quân lớn hoặc nhỏ, tấn kích các mật khu, căn cứ địa cùng đơn vị chủ lực VC, gây bất an và xáo trộn mọi công cuộc chuẩn bị đồng thời làm suy yếu tối đa tiềm năng chiến đấu và phá vỡ hệ thống hậu cần tiếp vận của VC.

2. Địa phương quân và nghĩa quân đẩy mạnh các cuộc hành quân "Đông khởi", càn quét các căn cứ địa phương, lùng tiêu diệt các đơn vị địa phương hiện đang chuẩn bị chiến dịch phối

198. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17182: Tài liệu về Chiến dịch xuân 1972 của Cộng sản ngày 23-12-1971 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

hợp với chủ lực của VC bằng cách phá công cuộc bình định phát triển của ta.

3. Lực lượng cảnh sát quốc gia phối hợp với nhân dân tự vệ, gia tăng nỗ lực diệt trừ hạ tầng cơ sở CS tại nông thôn, đồng thời ra sức phá vỡ các tổ chức gián điệp của CS tại vùng thị tứ, tiêu diệt các toán đặc công, phá và vô hiệu hóa các cán bộ CS đang len lỏi vào hàng ngũ các tổ chức quốc gia.

Ba nỗ lực tấn công vừa kể trên phải được thực hiện đồng loạt, khắp đều và liên tục trong thời gian 2 tháng và trong thế hỗ trợ liên hoàn chặt chẽ¹⁹⁹.

Thực hiện ý đồ của Nguyễn Văn Thiệu, ngay trong tuần đầu tiên của tháng 01-1972, quân đội chính quyền Sài Gòn đã mở 176 cuộc hành quân "lùng sục" cấp tiểu đoàn trở lên trên toàn miền Nam Việt Nam.

Tại địa bàn Quân khu I của chính quyền Sài Gòn (các tỉnh từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi), quân đội chính quyền Sài Gòn tổ chức 15 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên. Trong đó, có các cuộc hành quân lớn:

"Hành quân Quang Trung 81 do Lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến tổ chức ngày 01-01-1972 tại vùng Gio Linh với lực lượng gồm: 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 1 chiến đoàn chiến xa..."

Hành quân Hoàng Diệu 112 do Lữ đoàn 1 tổ chức tại Quảng Nam ngày 11-01-1972, lực lượng gồm: 3 tiểu đoàn bộ

199. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 458: Tư văn số 001/TT/TV/TM ngày 04-01-1972 của Tổng thống VNCH.

binh, 3 tiểu đoàn biệt động quân, 2 chi đoàn thiết kỵ, 50 đại đội địa phương quân và 202 trung đội nghĩa quân...

Hành quân Quyết thắng 612A do Trung đoàn 6 bộ binh tổ chức tại vùng Tây Quảng Ngãi từ ngày 11-01-1972 với sự tham dự của 4 tiểu đoàn bộ binh...

Hành quân Quyết thắng 513A do Trung đoàn 5 bộ binh tổ chức tại Quảng Tín từ ngày 01-01-1972...

Hành quân Toàn thắng 414A do Trung đoàn 4 bộ binh tổ chức tại vùng Nam Quảng Ngãi từ ngày 01-01-1972....

Hành quân Lam Sơn 18/72 do Trung đoàn 1 bộ binh tổ chức tại vùng Tây Nam Phong Điền từ ngày 01-01-1972...

Hành quân hiệp đồng 12 do tiểu khu Quảng Tín tổ chức từ ngày 30-01-1972 với lực lượng gồm 39 đại đội địa phương quân và 222 trung đội nghĩa quân"²⁰⁰.

Tại Quân khu II của quân đội chính quyền Sài Gòn (các tỉnh từ Trung Trung bộ và cao nguyên miền Trung), quân đội chính quyền Sài Gòn mở các cuộc hành quân:

"Hành quân Bắc Bình vương 2/72 do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tổ chức tại vùng 30 cây số Nam Đức Cơ với lực lượng tham dự có 3 tiểu đoàn bộ binh và 3 tiểu đoàn biệt động quân, khai diễn từ ngày 07-01-1972...

Hành quân Jae Ku 1 do Sư đoàn Thủ đô Đại Hàn tổ chức ngày 05-01-1972...

200. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17441: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-01 đến 26-02-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Hành quân Đông bò 3/1 và Đông bò 18 do Sư đoàn 9 Đại Hàn tổ chức vào ngày 3 và 7-01-1972....

Hành quân Bắc Bình vương 53/2 do Bộ Chỉ huy Trung đoàn 53 tổ chức tại vùng Nam Bảo Lộc và Bắc Di Linh với lực lượng gồm 2 tiểu đoàn bộ binh và 1 đại đội thiết kỵ, khai diễn ngày 11-01-1972....

Hành quân Bee Ho 26 do Sư đoàn Thủ đô Đại Hàn tổ chức từ ngày 14-01-1972....

Hành quân Do Kae Be 2-1 do Sư đoàn 9 Đại Hàn tổ chức từ ngày 11-01-1972...

Chiến dịch Ngô Thời Nhiệm do tiểu khu Darlac tổ chức, khai diễn từ ngày 06-01-1972, lực lượng tham gia gồm 32 đại đội địa phương quân và 198 trung đội nghĩa quân....

Hành quân Hae San Jin 11 do Sư đoàn Thủ đô Đại Hàn tổ chức từ ngày 22-01 trong khu vực Bắc và Tây Bắc sông Cầu Phú Yên....

Hành quân Bắc Bình vương 4/1972 do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tổ chức tại Pleiku khai diễn ngày 31-01-1972, với lực lượng tham dự gồm 4 tiểu đoàn bộ binh, 4 tiểu đoàn biệt động quân, 3 đại đội thám sát và 1 chiến đoàn thiết kỵ...

Hành quân Bak Jui 2/1 do Sư đoàn 9 Đại Hàn tổ chức tại vùng Tây Nam Ninh Hòa, lực lượng gồm 1 tiểu đoàn bộ binh, khai diễn từ ngày 24-01-1972 và chấm dứt ngày 01-02-1972....

Hành quân Bắc Bình vương 22/TP.3 do Bộ Chỉ huy Sư đoàn 22 tổ chức trong khu vực Tây Nam Dakto, lực lượng gồm 7 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn biệt động quân, 2 đại đội thám sát, 2 đại đội thiết kỵ và 2 chiến đoàn thiết kỵ, khai diễn ngày 06-02-1972...

Chiến dịch Đông khởi 1/Phước Tuy do tiểu khu Phước Tuy tổ chức với lực lượng gồm 24 đại đội địa phương quân khai diễn ngày 25-01-1972...

Chiến dịch Đông khởi 1/ Long An do tiểu khu Long An tổ chức với lực lượng 57 đại đội địa phương quân và 223 trung đội nghĩa quân khai diễn ngày 25-01-1972..."²⁰¹.

Tại Quân khu 3 của chính quyền Sài Gòn (các tỉnh miền Đông Nam bộ, Sài Gòn và Long An), quân đội chính quyền Sài Gòn thực hiện các cuộc hành quân:

"Hành quân Toàn thắng 1/71/NB/GĐ.7 do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tổ chức ngày 02-01-1972 tại vùng Krek, Bắc Tây Ninh, Bình Dương và Bình Long với lực lượng tham dự gồm 17 tiểu đoàn bộ binh, 13 tiểu đoàn biệt động quân, 3 tiểu đoàn nhảy dù và 3 thiết đoàn kỵ binh..."

Hành quân Toàn thắng Khiêm Hạnh do tiểu khu Tây Ninh tổ chức trong vùng Tây Bắc Khiêm Hạnh với lực lượng tham dự gồm 2 lữ đoàn địa phương quân và 14 trung đội nghĩa quân, khai diễn lúc 8 giờ ngày 07-01-1972 và chấm dứt lúc 18 giờ cùng ngày....

Hành quân Toàn thắng 002/72/B/9 do Trung đoàn 9 bộ binh tổ chức ngày 09-01-1972 tại vùng Tây Bắc Bến Cát với lực lượng 1 đại đội bộ binh, 1 đại đội thám sát và 1 chi đoàn thiết kỵ....

Hành quân Toàn thắng 72A do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tổ

201. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17441: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-01 đến 26-02-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

chức ngày 15-01-1972 với lực lượng gồm 31 tiểu đoàn bộ binh, 12 tiểu đoàn biệt động quân, 3 tiểu đoàn nhảy dù và 5 thiết đoàn kỵ binh trong khu vực Bình Long, Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Long An....

Chiến dịch Đông khởi 1/Tây Ninh do tiểu khu Tây Ninh tổ chức với lực lượng tham gia gồm 36 đại đội địa phương quân, 149 trung đội nghĩa quân và các đơn vị bán quân sự (nhân dân tự vệ, cảnh sát dã chiến, cán bộ cộng đồng phát triển), khai diễn từ ngày 25-01-1972.

Chiến dịch Đông khởi 1/HN do tiểu khu Hậu Nghĩa tổ chức với lực lượng gồm 65 đại đội địa phương quân và 77 trung đội nghĩa quân, khai diễn từ ngày 25-01-1972

Chiến dịch Đông khởi 1/BD do tiểu khu Bình Dương tổ chức với lực lượng gồm 40 đại đội địa phương quân và 117 trung đội nghĩa quân, khai diễn ngày 25-01-1972...

Chiến dịch Đông khởi 1/LK do tiểu khu Long Khánh tổ chức với lực lượng gồm 16 đại đội địa phương quân và 75 trung đội nghĩa quân khai diễn ngày 25-01-1972...

Hành quân Đông khởi/ĐT/2/72 do tiểu khu Định Tường tổ chức, lực lượng tham dự gồm 49 đại đội địa phương quân và 257 trung đội nghĩa quân từ ngày 18-02-1972...²⁰².

Tại Quân khu 4 của quân đội chính quyền Sài Gòn (các tỉnh miền Tây Nam bộ, không bao gồm Long An), quân đội chính quyền Sài Gòn tổ chức:

202. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17441: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ 02-01 đến 26-02-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

“Hành quân Cứu Long ngày 07-01-72 do Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 bộ binh tổ chức tại Định Tường, Kiến Hòa và Vĩnh Bình với lực lượng tham dự gồm 11 tiểu đoàn bộ binh và 2 chiến đoàn thiết kỵ, khai diễn từ ngày 01-01-1972.

Hành quân Cứu Long 44/42CT/42 do Biệt khu 44 tổ chức tại vùng Takeo khai diễn từ ngày 07-01-1972...

Chiến dịch Nguồn sống mới/SĐ.21/BB do Bộ Tư lệnh Sư đoàn 21 bộ binh tổ chức tại An Xuyên từ ngày 07-01-1972...

Hành quân Đông khởi AX/1/72/QK4 do tiểu khu An Xuyên tổ chức với lực lượng gồm 14 tiểu đoàn địa phương quân và 38 trung đội nghĩa quân khai diễn từ ngày 13-01-1972....

Hành quân Cứu Long 7/2/72 do Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 tổ chức tại Định Tường, Kiến Hòa và Vĩnh Bình. Lực lượng tham dự gồm 3 trung đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn địa phương quân và 1 thiết đoàn kỵ binh, khai diễn từ ngày 15-01-1972...

Hành quân Đông khởi KH/QK4/2 do tiểu khu Kiến Hòa tổ chức với lực lượng gồm 80 đại đội địa phương quân và 434 trung đội nghĩa quân khai diễn từ ngày 07-02 và chấm dứt vào ngày 09-02-1972...”²⁰³.

Ngoài ra, yểm trợ cho hoạt động bình định nông thôn, trong hai tháng 01 và 02 năm 1972, liên quân Mỹ - ngụy Sài Gòn còn thực hiện 793 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên, 148.166 phi xuất chiến thuật (trực thăng vận và oanh kích yểm trợ hành

203. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17441: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ ngày 02-01 đến ngày 26-02-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

quân của các loại chiến đấu cơ, ngoại trừ máy bay B.52), 497 phi xuất oanh tạc của B.52 (không kể chiến trường Lào và Campuchia), 47.682 hải xuất (tuần duyên và yểm trợ hành quân) và 62 vụ hải pháo tác xạ hỗ trợ hành quân dọc các vùng ven biển miền Nam Việt Nam²⁰⁴.

Trong khi đó, nhằm bóc gỡ cơ sở cách mạng tại nông thôn và đô thị miền Nam Việt Nam, ngày 10-01-1972, lực lượng "Cảnh sát quốc gia" của chính quyền Sài Gòn thiết lập "*Kế hoạch an ninh đặc biệt (Kế hoạch X.12) kể từ ngày 12-01-1972 đến 29-02-1972*" gồm các nội dung:

"1. Nhiệm vụ:

Ngăn ngừa và vô hiệu hóa các âm mưu xâm nhập, tấn công, phá hoại, khủng bố của CS vào các đô, tỉnh, thị trên toàn quốc.

Giữ gìn an ninh trật tự công cộng; chống các vụ nổi loạn, đấu tranh chính trị và dân sinh bất hợp pháp.

2. Mục tiêu:

Hạ tầng cơ sở CS.

Cán binh CS và vũ khí đạn dược, chất nổ xâm nhập vào các đô, tỉnh, thị và quận.

Các phân tử gây rối thiên Cộng, đấu tranh và hoạt động phi pháp.

Các tổ chức gián điệp và đặc công CS.

204. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17441: Tổng hợp từ Báo cáo tình hình chiến sự hàng tuần (từ ngày 02-01 đến ngày 26-02-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

Các tậ đoàn xã hội.

3. Thi hành:

a. Quan niệm thực hiện:

Nỗ lực sưu tầm tin tức tình báo hầu đạt kế hoạch hoặc phối hợp với lực lượng bạn (QLVNCH và các lực lượng an ninh dân sự khác) để giải trừ nhanh chóng các âm mưu của CS và các tổ chức đấu tranh phi pháp.

Tổng tấn công hạ tầng cơ sở CS. Gia tăng công tác thẩm định và loại trừ hầu hết cán binh CS nằm vùng loại A và B, nhất là tại các đô, tỉnh, thị và quận.

Thiết lập các hệ thống nút chặn kiểm soát an ninh một cách chặt chẽ và hữu hiệu tại đô, tỉnh, thị nhằm ngăn chặn và bắt giữ cán binh, vũ khí, đạn dược, chất nổ xâm nhập của CS.

Sử dụng lực lượng võ trang CSQG (cảnh sát quốc gia - TG) phối hợp với các lực lượng bạn (QLVNCH, thám sát tình, nghĩa quân và nhân dân tự vệ) để mở các cuộc hành quân ven biên các đô, tỉnh, thị, trong suốt thời gian phát động kế hoạch này.

Gia tăng các cuộc hành quân cảnh sát để lục soát và khám xét bất thân nhằm bài trừ các tậ đoàn xã hội, tụ họp bất hợp pháp, cũng như đề phòng CS trà trộn hoạt động trong dân chúng; đặc biệt tại những địa điểm tình nghi CS có thể ém quân hoặc chôn dấu vũ khí, đạn dược, như các nghĩa địa, nghĩa trang, bệnh xá, phòng ngủ và trường học.

Vô hiệu hóa các cán bộ CS len lỏi vào hàng ngũ các tổ chức quốc gia.

Duyệt xét và chấn chỉnh các kế hoạch an ninh cơ sở. Công cuộc bố phòng cơ sở CSQG phải hỗ trợ chặt chẽ với các kế

hoạch phòng thủ của đơn vị bạn. Ngoài ra, phải dự trù kế hoạch phản công với nhiều giả thuyết để có thể đối phó hữu hiệu khi có biến sự.

b. Phân nhiệm:

Trọng tâm công tác của các ngành thuộc lực lượng CSQG từ trung ương đến địa phương được phân định như sau:

- Cảnh sát đặc biệt:

Gia tăng công tác sưu tầm tin tức tình báo, cung từ tù, hàng binh và hồi chánh viên, liên quan đến chủ trương quân sự và chính trị của CS trong chiến dịch Xuân 1972.

Nỗ lực xâm nhập vào các tổ chức CS để phát hiện:

- Các trạm tiếp liệu cận đô, tỉnh, thị và quận;
- Các trạm giao liên của CS;
- Ý đồ và mục tiêu điều nghiên của CS.

Thực hiện công tác đánh phá đơn phương hoặc phối hợp với Ủy ban Phụng Hoàng để phá vỡ các đơn vị, cơ sở CS nằm vùng.

Sử dụng tối đa các hồi chánh viên, tù, hàng binh VC tại các nút chặn (bất thần và mật) ra vào đô, tỉnh, thị để nhận diện các cán binh CS xâm nhập (công tác Đại phong).

Theo dõi và vô hiệu hóa bọn nguy hòa, phản chiến, gây rối hoặc tiếp tay cho VC, cũng như các phần tử và tổ chức đấu tranh chính trị, dân sinh bất hợp pháp.

Ra sức phá vỡ các tổ chức gián điệp CS đã được chấm định hoặc nuôi dưỡng từ lâu mà nay xét thấy không cần thiết, để tìm hiểu chủ đích sưu tầm tin tức của các tổ chức này ngõ hầu phát hiện ý đồ của CS trong chiến dịch Xuân 1972.

- Cảnh sát võ trang:

Nâng cao thành quả hành quân trong khuôn khổ chiến dịch Phụng Hoàng.

Mở các cuộc đột kích, phục kích, tuần tiễu trong khu vực trách nhiệm sẽ tiêu diệt CS và bảo đảm an ninh địa phương.

Phối hợp với lực lượng bạn (QLVNCH, thám sát tỉnh, nghĩa quân và nhân dân tự vệ) trong các cuộc hành quân ven biên đô, tỉnh, thị và quận trong suốt thời gian phát động kế hoạch này.

- Cảnh sát tư pháp:

Gia tăng công tác kiểm soát tại các ngã thủy và bộ ra vào đô, tỉnh, thị và quận để kịp thời phát giác sự xâm nhập người, vũ khí, đạn dược, chất nổ của Cộng quân (Quân Giải phóng - BT).

Liên tục mở các cuộc hành quân cảnh sát kiểm soát tờ khai gia đình; tảo thanh sông bạc, du đảng, đào binh, động mại dâm và lùng bắt các cuộc tụ họp bất hợp pháp.

Phối hợp với các ngành cảnh sát khác để gìn giữ an ninh trật tự công cộng.

c. Huấn thị phối hợp:

- Bộ Chỉ huy CSQG các cấp:

Thiết lập kế hoạch an ninh đặc biệt áp dụng trong lãnh thổ liên hệ dựa theo Kế hoạch X.12 của trung ương.

Kế hoạch an ninh đặc biệt của Bộ Chỉ huy CSQG địa phương bao gồm các trọng tâm:

+ Xâm nhập các tổ chức hạ tầng cơ sở CS, để sưu tầm tin tức tình báo hầu hoạch định kế hoạch vô hiệu hóa các mục tiêu hoạt động của VC.

+ *Hướng dẫn và thúc đẩy các cơ quan CSQG trực thuộc thi hành kế hoạch vô hiệu hóa hạ tầng cơ sở CS đã được chấm định.*

+ *Thiết lập một hệ thống kiểm soát an ninh trên các ngã thủy và bộ ra vào đô, tỉnh, thị, quận (di động và bí mật) để ngăn chặn sự xâm nhập người và vũ khí cùng chất nổ của VC.*

+ *Hoạch định kế hoạch hành quân cảnh sát để kiểm soát các khu phố, bài trừ các tệ đoan xã hội.*

+ *Ban hành các chỉ thị phòng thủ cơ sở CSQG để đề phòng các cuộc tấn công phá hoại của CS.*

+ *Hoạch định một kế hoạch hành quân ven đô, tỉnh, thị, quận phối hợp với các lực lượng bạn để bảo đảm an ninh.*

- *Đối với chánh quyền địa phương:*

Mọi tin tức và kết quả thu thập được, phải khẩn thông báo cho chánh quyền địa phương tùy nghi phối hợp lực lượng để đối phó và trình ngay về Bộ Tư lệnh CSQG (khôi điều hành đặc biệt) bằng phương tiện nhanh nhất (hữu tuyến, vô tuyến hoặc tùy phái đặc biệt).

- *Khôi điều hành Bộ Tư lệnh CSQG trách nhiệm:*

Phối hợp với Bộ Chỉ huy CSQG đô thành, sử dụng các lực lượng tổng trừ bị CSQG, mở các cuộc hành quân ven biên đô thành Sài Gòn và Gia Định trong suốt thời gian của kế hoạch này.

Các kế hoạch thiết lập xong phải được gởi trình Bộ Tư lệnh CSQG (khôi điều hành) trước 18 giờ ngày 12-01-1972 và phải được nhân viên các cấp học tập, thao duyệt thông suốt chỉ thị và đường lối hành động trước khi thi hành.

d. Giai đoạn thi hành:

Kế hoạch gồm 3 giai đoạn thi hành như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị (kể từ ngày ban hành kế hoạch này đến ngày 12-01-1972):

Các Bộ Chỉ huy CSQG khu và đô thành thiết lập kế hoạch áp dụng hướng dẫn các Bộ Chỉ huy CSQG tỉnh, thị, quận soạn thảo kế hoạch hành động.

Các Bộ Chỉ huy CSQG tỉnh, thị, quận duyệt xét:

- + Các đầu mối xâm nhập tổ chức hạ tầng cơ sở CS hầu nghiên cứu phát triển;*
- + Các mục tiêu chuẩn bị vô hiệu hóa;*
- + Hệ thống kiểm soát an ninh để phối trí lại cho hữu hiệu;*
- + Nghiên cứu các khu vực cần thực hiện các cuộc hành quân cảnh sát.*

Bộ Chỉ huy CSQG khu và đô thành phải tập trung các kế hoạch an ninh đặc biệt của các Bộ Chỉ huy CSQG tỉnh, thị, quận trực thuộc để chuyển trình về Bộ Tư lệnh CSQG (khôi điều hành) nội nhật ngày 12-01-1972 bằng sĩ quan đặc phái mang tay.

- Giai đoạn phát động (kể từ ngày 12-01-1972 đến 29-02-1972)

Các Bộ Chỉ huy CSQG địa phương nỗ lực thi hành kế hoạch đã hoạch định để nâng cao thành quả công tác.

- Giai đoạn tổng kết:

Tổng kết thành quả kế hoạch được các Bộ Chỉ huy CSQG khu, đô thành trình về Bộ Tư lệnh CSQG (trung tâm điều hành tin tức) nội nhật ngày 04-03-1972 bằng sĩ quan đặc phái mang tay.

Cuộc duyệt xét toàn bộ thành quả kế hoạch X.12 sẽ được Bộ Tư lệnh CSQG tổ chức vào đầu tháng 3-1972"²⁰⁵.

Thực hiện kế hoạch trên, chính quyền Sài Gòn huy động bộ máy tình báo, mật vụ, cảnh sát thực hiện lùng sục và bắt bớ bất kỳ người nào bị tình nghi chống đối, hoặc hoạt động cho CS ở miền Nam Việt Nam. Như ở Trị Thiên Huế, ngày 30-4-1972, chính quyền Sài Gòn mở chiến dịch "Bình minh" do Bộ Chỉ huy Cảnh sát quốc gia Thừa Thiên của chính quyền Sài Gòn thực hiện trên phạm vi "10 quận nông thôn và 3 quận thuộc thị xã Huế". Kết quả sau hơn 1 tháng mở chiến dịch, tính đến ngày 03-5-1972, chính quyền Sài Gòn đã bắt bớ, giam cầm 751 người tình nghi hoạt động cho CS, gồm đủ thành phần: giáo sư, bác sĩ, nhân sĩ, thương gia, tu sĩ,²⁰⁶.... Đến ngày 08-5-1972, số người bị bắt giữ lên đến 1.026 người²⁰⁷. Những người này sau đó bị chính quyền Sài Gòn "giải giao 829 cán nhân thuộc các thành phần trên đến Trung tâm Cải huấn Côn Sơn, gọi 20 cán nhân khác tại Bộ Chỉ huy Cảnh sát

205. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17590: Kế hoạch an ninh đặc biệt ám danh "Kế hoạch X.12" ngày 10-01-1972 của Bộ Tư lệnh CSQG VNCH.

206. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Phiếu trình số 024391/BTL/CSQG/ĐB/E1 ngày 6-5-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

207. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Phiếu trình số 025186/BTL/CSQG/ĐB/E1/U ngày 13-5-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

quốc gia Khu I và chỉ giam giữ 177 can nhân còn lại tại trại giam của Bộ Chỉ huy Cảnh sát quốc gia sở tại (Thừa Thiên - TG)²⁰⁸.

Ngày 29-5-1972, phản đối hành động bắt bớ giam cầm “vô tội vạ” của chính quyền Sài Gòn, các đoàn thể chính trị, tôn giáo tại Thừa Thiên đòi chính quyền Thiệu phải triệu tập phiên giải trình với sự tham dự của tất cả các đoàn thể, đảng phái chính trị trong chính quyền Sài Gòn như: “Đại Việt cách mạng”, “Việt Nam quốc dân đảng”, “Nhân xã”, “Phong trào Quốc gia cấp tiến”, “Lực lượng Nhân dân kiến quốc”, “Lực lượng Công nông”, “Lực lượng Tự do dân chủ”,²⁰⁹... Song đáp lại, Nguyễn Văn Thiệu bút phê:

“DỨT KHOÁT

CỨ LÀM

ĐỪNG LO NGẠI GÌ CÁ CHO BÂY GIỜ KỂ CÁ SAU NÀY”²¹⁰

Với việc huy động tối đa bộ máy chiến tranh vào “lùng sục”, khủng bố cách mạng và quần chúng yêu nước, đồng thời, sự “trầm lắng” của chiến trường miền Nam Việt Nam ba tháng đầu năm 1972, khiến chính quyền Sài Gòn tin tưởng rằng chiến

208. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Phiếu trình số 025186/BTL/CSQG/ĐB/E1/U ngày 13-5-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

209. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Phiếu trình số 27824/BTL/CSQG/VPAN/M ngày 29-5-1972 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia VNCH.

210. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Công văn số 346/PTT/UBPHTBQG/K.QN ngày 05-6-1972 của Ủy ban Phối hợp Tình báo quốc gia VNCH.

dịch Xuân 1972 của Quân Giải phóng "đã thất bại về căn bản" và chỉ còn ở mức độ thấp với những trận đánh nhỏ nhằm hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị.

Vì vậy, việc Quân Giải phóng mở cuộc tiến công đồng loạt bằng lực lượng tổng lực, gồm chủ lực quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích, kết hợp giữa các chiến dịch, trận đánh theo phương thức chiến tranh quy ước với chiến tranh du kích giải phóng nông thôn, vào cuối tháng 3 năm 1972 - thời điểm giới chức Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tỏ ra tự mãn nhất vào kết quả của chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh", cũng như tin tưởng mù quáng vào sức mạnh của đội quân đông đảo và vũ khí tối tân của Hoa Kỳ, đã giáng mạnh đòn chí tử vào ý chí và tinh thần chiến đấu của chính quyền Sài Gòn quân ngụy Sài Gòn.

Ngày 02-4-1972, ngay trong các cuộc tiến công đầu tiên của Quân Giải phóng ở Quảng Trị, hàng ngàn sĩ quan, binh sĩ Trung đoàn 56, Sư đoàn 3 quân đội chính quyền Sài Gòn ra hàng, càng khiến tình hình thêm bi đát.

Ngày 03-4-1972, sau khi triệu tập "Hội đồng An ninh quốc gia" để nghe tường trình tình hình quân sự, Nguyễn Văn Thiệu cùng một số tổng trưởng, tướng lĩnh Sài Gòn đích thân đi thị sát chiến trường Trị - Thiên. Tại đây, Thiệu ra lệnh cho quân đội tử thủ và yêu cầu không quân Mỹ - ngụy "rải thảm" chiến trường Trị - Thiên và Bắc Tây Nguyên bằng chiến đấu cơ và B.52. Chỉ trong tuần đầu của tháng 4-1972, không quân Mỹ - ngụy Sài Gòn đã thực hiện tới 14.685 phi xuất, chưa kể 264 phi xuất

oanh tạc của pháo đài bay B.52, với 50% phi vụ tập trung tại chiến trường Quảng Trị²¹¹.

Ngày 05-4-1972, trên hệ thống truyền thông, Nguyễn Văn Thiệu thông báo tình hình chiến sự và cố trấn an binh sĩ, công chức. Ngày 08-4-1972, Thiệu triệu tập Hội đồng An ninh quốc gia lần thứ hai để tìm kiếm giải pháp đối phó. Ngày 19-4-1972, nhằm vỗ vè, trấn an binh sĩ và công chức chính quyền Sài Gòn, Nguyễn Thị Mai - vợ Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện hàng loạt “công du” chiến trường, từ miền Đông Nam bộ cho đến vĩ tuyến 17. Nhưng những nỗ lực của các nhân vật cao cấp chính quyền Sài Gòn không thể cứu vãn được sự suy sụp mau chóng của quân đội chính quyền Sài Gòn. Trong chưa đầy 1 tháng cuối tháng 4-1972, Quân Giải phóng nhanh chóng làm chủ được các mục tiêu trọng điểm của chiến dịch Xuân - Hè 1972 và tạo thế uy hiếp tại hầu hết các địa phương miền Nam Việt Nam, đồng thời, giải phóng được một vùng nông thôn rộng lớn.

Diễn biến trước sự sụp đổ ngày càng gia tăng và lan rộng, ngày 25-4-1972, Nguyễn Văn Thiệu gửi Công điện (mật, hỏa tốc) tới các tư lệnh quân khu, ra lệnh “thăm sát” các cuộc mít tinh mừng thắng lợi của quần chúng nhân dân miền Nam. Chỉ thị yêu cầu Thủ tướng chính phủ, Tư lệnh các quân khu phải:

“Chỉ thị mật các tiểu khu trưởng bằng mọi cách và

211. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17442: Tình hình chiến sự hàng tuần (từ ngày 02-4 đến ngày 08-4-1972) của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH.

bằng phương tiện phi pháo phá vỡ các cuộc biểu dương như vậy mỗi khi phát hiện được bằng tình báo hoặc bằng phi cơ quan sát.

Nếu các tiểu khu trưởng không đủ phương tiện thì quý vị tư lệnh quân khu phải vận dụng phương tiện cấp quân khu để thực hiện công tác trên.

Biện pháp này chỉ được phổ biến trực tiếp xuống đến cấp tiểu khu trưởng và tuyệt đối không sử dụng hình thức văn thư"²¹².

Ngày 29-4-1972, sau khi binh sĩ quân đội chính quyền Sài Gòn tháo chạy tán loạn khỏi các căn cứ quân sự ở các địa bàn Quân khu I, Quân khu II của chúng, nhất là tại Dăktô - Tân Cảnh, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố tình trạng "Tổ quốc lâm nguy", triệu tập khẩn cấp hội đồng nội các, đồng thời ban hành hàng loạt tư vấn, công điện mật - hỏa tốc, ra lệnh cho các cấp hành chính, quân sự cố thủ.

Đối với cấp hành chính, Nguyễn Văn Thiệu ban hành Tư vấn số 028-TT/TV/M, yêu cầu Thủ tướng chính phủ Sài Gòn phải áp dụng các biện pháp:

"Toàn thể công chức các cấp, các ngành tại tất cả đô, tỉnh, thị, quận, bộ và cơ quan trung ương, với hai tánh cách vừa là công chức mà cũng vừa là nhân dân tự vệ, phải được tổ chức, phân nhiệm và thứ nhất là có chỉ huy một cách quy củ và có kỷ luật nghiêm minh..."

212. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 395: Công điện số 024-TT/CD/M ngày 25-4-1972 của Tổng thống VNCH.

Kể từ ngày 01-5-1972 trở đi, một số biện pháp căn bản dựa trên hai nhiệm vụ trao cho công chức vừa kể trên phải được áp dụng như sau:

a. Tại các đô, tỉnh, thị, quận đang xảy ra chiến cuộc hay trực tiếp bị đe dọa, sử dụng 100% công chức vào nhiệm vụ hành chánh thông thường, vừa vào nhiệm vụ trên, 24/24 tiếng, như là chiến sĩ. Nhưng tùy theo tình hình, nhiệm vụ hành chánh thông thường phải được xem là thứ yếu.

b. Tại tất cả đô, tỉnh, thị, quận còn lại, phải áp dụng thực sự một phần và sẵn sàng cho toàn thể...

Trong nhiệm vụ phòng thủ, có nghĩa là chiến đấu thực sự chống đặc công, tấn công, phải tổ chức luân phiên và liên tục cho cả ngày lẫn đêm, ngoài giờ làm việc và trong những ngày nghỉ. Quân số áp dụng, tùy nơi và tùy tình hình như đã nói, là từ 30% đến 100%...

Tôi xin đặc biệt lưu ý Thủ tướng là cũng kể từ ngày 01-5-1972 cho đến khi có lệnh mới, toàn thể công chức không được tự do rời khỏi đô, tỉnh, thị, quận để đi chơi hoặc về quê thăm nhà, ngoài giờ làm việc và những ngày nghỉ.

Áp dụng cho công chức biện pháp tương tự như binh sĩ cắm trại tại trại hay tại gia và muốn ra khỏi khu đóng quân phải có giấy phép hay sự vụ lệnh của quân trấn hay quân vụ...

Tôi cũng đặc biệt lưu ý Thủ tướng là có một số công chức tại các tỉnh đang có chiến trận hay đang bị đe dọa, không vô sở làm việc hay bỏ đô, tỉnh, quận lỵ chạy trước.

Chánh phủ phải áp dụng kỷ luật nghiêm khắc để làm gương.

Và cần nói rõ cho toàn thể biết hành động như vậy là can tội

đào nhiệm trong thời kỳ chiến tranh. Hậu quả là: bị tự động sa thải vĩnh viễn; bị truy tố theo quân pháp”²¹³.

Đối với lực lượng quân sự, Thiệu gửi công điện (mang tay - dành riêng - TG) cho Thủ tướng chính phủ, Tổng tham mưu trưởng QLVNCH, tư lệnh các quân khu quân đội chính quyền Sài Gòn, chỉ thị:

“Từ đây đến ngày thứ năm 04-5-1972 sắp tới, sẽ có những phiên họp mật với phía CS trước khi có phiên họp công khai tiếp theo vào ngày 04-5-1972.

Cố gắng của CS mà chúng ta thấy đã thể hiện 2 ngày qua tại Trị Thiên và Kontum là bằng mọi cách chiếm cho được các tỉnh này và đồng thời ở lại Bình Long...

Và nếu CS vẫn giữ lại được Bình Long mà còn chiếm thêm được Trị - Thiên và Kontum trước ngày 02-5-1972, cùng với những vùng khác ví dụ như Bắc Bình Định hay một vài khu ở Quân khu 4, thì có thể CS sẽ xin “ngừng bắn tại chỗ” và “giữ luôn” nhưng nơi đã chiếm được, dù chưa phải để kết thúc chiến tranh hẳn, thì cũng để nghỉ ngơi bồi dưỡng bước sang giai đoạn khác, đồng thời lấy đó làm chiến thắng hoạt động có lợi về chính trị trong và ngoài nước, làm lung đoạn hàng ngũ quốc gia, gây hoang mang trong binh sĩ, đào ngũ, không chiến đấu nữa,...

Chưa kể là từ các nơi đã chiếm đóng, CS vẫn tiếp tục loang ra, còn phía chúng ta thì cũng khó phản công chiếm lại được,...

213. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 395: Tư văn số 028-TT/TV/M ngày 29-4-1972 của Tổng thống VNCH.

trong tình trạng chính trị như vậy, đối với dư luận quốc nội và quốc ngoại, chưa kể vấn đề phương diện yểm trợ của đồng minh.

Cho nên vấn đề:

- Lấy lại Bình Long trước ngày 02-5-1972;*
- Bằng mọi giá đèo để CS chiếm Trị - Thiên và Kontum;*
- Ngăn chặn không cho CS chiếm thêm những vùng có dân cư khác.*

Là vấn đề tối quan trọng từ đây đến ngày 04-5-1972...

Vậy tôi khẩn thiết yêu cầu quý vị cố gắng tối đa đừng cho CS thực hiện các mục tiêu trên"²¹⁴.

Công điện ngày 29-4-1972 của Nguyễn Văn Thiệu²¹⁵

214, 215. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 395: Bản viết tay Công điện mang tay số 027-TT/CĐTM ngày 29-4-1972 của Nguyễn Văn Thiệu.



Hoa Đức
Võ Mĩ

NGUYỄN VĂN THIỆU
Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa

Cấp Điện máy bay

Số : 027-TT/CD/TM

Sau này :

- Thủ-Đi CĐ, Lưu
- Đại-Đi TRAV/QLVNCH
- } Đi TL/ĐĐ1/QK1
- } Đi TL/ĐĐ2/QK2
- } Đi TL/ĐĐ3/QK3
- } Đi TL/ĐĐ4/QK4 -

- Từ đây đến 7/5 này năm 04 tháng 5 năm 1972
sắp tới, sẽ có một phía họ mất với phía
cố gắng được khi có phía họ cố khai đi theo
tới 7/5 4/5/72 -

- Công-đo của CS mà chúng ta thấy đã thể hiện
2/7/72 tại Tru-Thia và Kontum là bằng
một cách chính cho trước các việc này, và
điều kiện ở lại Bình-lạp, để có hàng hóa
trên tư vấn mà cả cho có lợi với ta
trong các cuộc hội đàm đó -

- 2 -



NGUYỄN VĂN THIỆU
Tổng - Thống Việt - Nam Cộng - Hòa

- Và nếu CS vẫn giữ lại được Bình Long
 mà còn chiếm được Thủ Đức và
 Thủ Đức ~~đó~~ 2/5/72, cùng với một
 vùng khác ở địa phía Bắc Bình Định hay
 tại khu vực ở Kỳ, khi có thể CS sẽ
 đi "bắt tay chôn" và "giữ lửa"
 một nơi để chiếm được, dù chưa phải
 đi kết thúc chiến tranh, thì cũng đi
 giải quyết bớt đi một số phần của
 khác, từ thời kỳ đó là chiến tranh
 có lẽ về chiến tranh và ngoài ra, là
 họ đã hay gần 10 triệu, gần hoặc mang
 họ đi, dân quân, ở địa đầu miền v...
 - Chưa kể là từ các nơi chiếm được
 chủ và lấy lực lượng ra, còn phải chú ý
 thì cũng phải phải chiếm lại được
 các nơi đã mất, đồng thời hay chiến tranh
 và với lực lượng nước ngoài và quốc gia, chưa
 kể về lực lượng 3

Và Công điện số 0969/PTT/VP/K, chỉ thị:

“Vi thời gian tính và tầm quan trọng trên phương diện chiến lược lẫn chính trị của các mục tiêu quan yếu mà CS đang bằng mọi giá cố chiếm cho bằng được như Kontum, Quảng Trị, Hoàì Nhơn hiện tại cũng như một số mục tiêu khác trong tương lai, tôi nhận thấy quý vị nên dám chấp nhận vài liều lĩnh có tính toán bằng cách bốc ra để sử dụng đoàn kỳ một số tiểu đoàn hay liên đội địa phương quân từ các tỉnh tương đối chưa bị đe dọa trầm trọng hoặc chưa phải là mục tiêu cấp bách của CS.

Tôi thông cảm vấn đề khó khăn quân số của quý vị nhưng quân số tổng trừ bị cũng không được dồi dào cho tất cả các chiến trường cùng trong một lúc. Vấn đề hiện nay của cấp trên là dung lượng các lực lượng đó thể theo tầm quan trọng của mục tiêu và thời gian tính của nó. Nhưng vấn đề quan trọng cũng vẫn là tại các quân khu.

Quý vị phải khéo léo sử dụng đoàn kỳ tất cả địa phương quân có thể sử dụng được và cân nhắc mục tiêu chính với mục tiêu phụ và thời gian tính của nó”²¹⁶.

Tuy nhiên, cuộc tiến công đồng loạt của Quân Giải phóng đã buộc quân đội Sài Gòn phải căng ra để cố thủ, làm cho lực lượng trừ bị không thể đáp ứng được yêu cầu của chiến trường, quân số cơ động bị thiếu hụt trầm trọng. Vì vậy, ngày 02-5-1972, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập phiên họp nội các khẩn cấp

216. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 395: Công điện số 0969/PTT/VP/K ngày 29-4-1972 của Văn phòng Phủ Tổng thống VNCH.

có sự tham dự của Trần Thiện Khiêm - Thủ tướng chính quyền Sài Gòn, phân loại các tỉnh của miền Nam ra làm 3 loại: "1. Tỉnh chiến trường (Quảng Trị, Thừa Thiên, Kontum, Bình Long, Bình Định); 2. Tỉnh bị đe dọa trực tiếp (Pleiku, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Sài Gòn); 3. Tỉnh chưa bị đe dọa nhưng trong tình trạng bất ổn (các tỉnh còn lại)"²¹⁷, vừa để lập kế hoạch đối phó phù hợp, vừa nhằm rút bớt lực lượng địa phương quân và nghĩa quân ở các tỉnh loại 3, đôn lên thành chủ lực quân.

Cùng ngày, khi chính quyền Thiệu còn đang họp bàn kế sách, Quân Giải phóng đã tiến vào làm chủ tỉnh Quảng Trị. Tại mặt trận miền Đông Nam bộ và Bắc Tây Nguyên, Quân Giải phóng uy hiếp mạnh An Lộc và Kontum. Hoang mang trước sự thất thủ mau chóng của quân đội chính quyền Sài Gòn, hàng loạt sĩ quan, cố vấn Mỹ và quân đội chính quyền Sài Gòn bỏ vị trí, lên trực thăng chạy về hậu cứ. Ngày 03-5-1972, nhằm ngăn chặn thảm trạng trên, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh:

"Tôi được biết trong thời gian vừa qua có một số sĩ quan VN (chính quyền Sài Gòn - TG), tham mưu cũng như đơn vị, tự động bỏ vị trí tiền tuyến đi về hậu phương theo các trực thăng đến di tản cố vấn Mỹ hay thương binh..."

Tệ trạng tinh thần cũng như hành động đào nhiệm này cần được chấm dứt. Dù cùng trong một tình trạng cực kỳ nguy hiểm như vậy, hành động của sĩ quan Hoa Kỳ là của riêng họ,

217. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Tóm lược phiên họp tại Phủ Tổng thống ngày 02-5-1972.

chứ không thể nói là sĩ quan VN cũng phải làm theo nếu không có lệnh cấp trên.

Vậy tôi trân trọng yêu cầu Đại tướng (Tổng tham mưu trưởng QLVNCH - TG) chỉ thị cho tư lệnh chiến trường phải nghiêm khắc cảnh cáo cấp dưới và cương quyết chấm dứt tình trạng tổn thương đến danh dự quân đội, quốc gia, còn khuyến khích hỗn loạn tập thể trong hàng ngũ quân đội, nói trên.

Các trường hợp đó nếu còn xảy ra thì phải bắt giam ngay các đương sự và đưa ra tòa án mật trận xét xử gấp và công bố làm gương.

Trong trường hợp các đương sự đó dùng vũ lực để uy hiếp cấp trên hay uy hiếp trực thăng... thì phải áp dụng vũ lực với họ"²¹⁸.

Nhưng sức ép của Thiệu vẫn không thể ngăn chặn được sự rệu rã của hàng ngàn binh sĩ, sĩ quan ở chiến trường và sự hoảng loạn của bộ máy công quyền, cũng như công chức và gia đình họ tại các đô thị. Để văn hồi an ninh, ngày 10-5-1972, nội các chính quyền Sài Gòn họp dưới sự chủ tọa của Nguyễn Văn Thiệu, ra thông cáo áp dụng 9 biện pháp khẩn cấp:

"Thứ nhất: Ban bố tình trạng thiết quân luật trên toàn lãnh thổ VNCH.

Thứ hai: Giờ giới nghiêm bắt buộc áp dụng đồng nhất trên toàn quốc là từ 22 giờ đến 05 giờ.

Tuy nhiên, tùy tình hình riêng tại mỗi địa phương các chức

218. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 395: Tư văn số 029-TT/TV ngày 03-5-1972 của Tổng thống VNCH.

trách hữu quyền (tổng trấn, đô, tỉnh, thị trưởng, quân trấn trưởng) còn có thể nói rộng thêm giờ giới nghiêm này.

Thứ ba: triệt để áp dụng những biện pháp an ninh dự liệu bởi Luật số 10/68 ngày 05-11-1968 liệt kê sau:

- Xét các tư gia bất luận ngày đêm;
- Chỉ định cư trú cho những phần tử xét ra nguy hiểm cho nền an ninh quốc gia;
- Cấm mọi cuộc đình công bãi thị;
- Cấm mọi cuộc biểu tình hoặc tụ họp có phương hại cho an ninh trật tự công cộng;
- Cấm tàng trữ lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu truyền đơn xét có hại đến an ninh quốc gia;
- Cấm tàng trữ và sử dụng vũ khí;
- Kiểm soát, hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh.

Mọi vi phạm đến trật tự an ninh quốc gia đều thuộc quyền Tòa án Quân sự mặt trận xét xử theo thủ tục khẩn cấp.

Thứ tư: Sẽ cho trưng dụng thể nhân và tài sản để thỏa mãn nhu cầu cấp bách dân sự cũng như quân sự của quốc gia.

Việc trưng dụng sẽ thi hành đúng theo các điều khoản của Sắc luật số 20/64 ngày 15-8-1964.

Để việc trưng dụng được thi hành kịp thời, Thủ tướng chánh phủ đã ủy quyền cho các tổng, bộ trưởng và đô, thị, tỉnh trưởng về mặt dân sự và tổng trưởng quốc phòng cũng đã ủy quyền cho các tư lệnh quân khu và tiểu khu trưởng về mặt quân sự.

Thứ năm: Về lãnh vực kinh tế tài chánh, liên bộ kinh tế tài chánh đã được chỉ thị:

a. Phối hợp với các cơ quan thẩm quyền địa phương để đảm bảo việc phân phối, điều hòa thị trường nhu yếu phẩm.

Những biện pháp chế tài dự liệu tại Dự số 55 ngày 02-10-1956 và các Sắc luật số 04/65 ngày 19-7-1965, Sắc luật số 04/66 ngày 15-02-1966 sẽ được áp dụng tối đa với những vi phạm về kinh tế, đặc biệt là:

- Phao tin đồn thất thiệt, gây xáo trộn thị trường;
- Đầu cơ tích trữ;
- Tăng giá bán, từ chối bán theo giá hợp lệ.

b. Huy động tài lực, vật lực ở hậu phương để yểm trợ tiền tuyến qua các biện pháp:

- Tận thu các sắc thuế hiện hành;
- Khuyến khích tiết kiệm bằng cách phát động một phong trào thi đua mua công khố phiếu trong khuôn khổ chiến dịch "Tất cả cho chiến thắng".

- Thiết lập thêm phụ thu trên một số sản phẩm, dịch vụ, như: vé hát bóng, hóa đơn các cao lầu, tửu quán, khách sạn,...

Thứ sáu: Về lãnh vực quốc phòng, các biện pháp sau đây sẽ được thi hành:

- Hạn chế tối đa các tiêu chuẩn áp dụng cho các trường hợp hoãn dịch đã được dự liệu trong Luật Tổng động viên để tăng cường tiềm năng nhân lực cho quân đội;

- Thuần hối các quân nhân biệt phái ngoại ngạch, trừ những trường hợp tối cần thiết cho sự điều hành công vụ của các phủ, bộ và cơ quan dân sự;

- Đôn quân từ lực lượng nhân dân tự vệ sang QLVNCH theo thứ tự ưu tiên:

a. Công dân 39 tuổi đến 43 tuổi để phục vụ trong các đơn vị không tác chiến tại hậu phương;

b. Thanh niên 17 tuổi.

Thứ bảy: ... để thỏa mãn nhu cầu cán bộ của QLVNCH sẽ tạm đóng cửa các trường đại học công và tư và các trường cao đẳng chuyên môn.

Thứ tám: Việc xuất ngoại sẽ được hạn chế đến mức tối đa:

- Đình chỉ xuất ngoại đối với nam công dân từ 17 tuổi đến 43 tuổi;

- Bãi bỏ xuất ngoại du lịch;

- Tiết giảm các cuộc xuất ngoại của quân nhân, công chức dưới mọi hình thức (công cán, tu nghiệp, du hành quan sát,...).

Thứ chín: Các vũ trường, phòng trà có ca nhạc, night club, snack-bar, nhà tắm hơi, lớp dạy khiêu vũ, trường đua ngựa đều bị đóng cửa.

Tuyệt đối cấm khiêu vũ tại tư gia cũng như việc tổ chức giải trí có ca vũ nhạc"²¹⁹.

Cùng ngày, Nguyễn Văn Thiệu "ban bố tình trạng thiết quân luật trên toàn lãnh thổ VNCH kể từ 00 giờ ngày 11 tháng 5 năm 1972"²²⁰.

219. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Thông cáo ngày 11-5-1972 của Phủ Thủ tướng VNCH.

220. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Sắc lệnh số 271-TT/SL ngày 10-5-1972 của Tổng thống VNCH.

Ngày 19-5-1972, Nguyễn Văn Thiệu ban hành Sắc lệnh số 278-TT/SL, ra lệnh cho giới chức dân sự và quân sự chính quyền Sài Gòn, thực thi các biện pháp thời chiến, với 7 nội dung chính:

“Điều 1 - Trong tình trạng chiến tranh và sau khi tình trạng thiết quân luật được ban bố, quyền hành của nhà chức trách dân sự trong việc duy trì trật tự và an ninh công cộng được giao cho nhà chức trách quân sự.

Tuy nhiên, nhà chức trách dân sự tiếp tục hành xử những quyền hành nào mà nhà chức trách quân sự không đảm nhận.

Điều 2 - Tư lệnh Quân khu, Tổng trấn Đô thành và tỉnh Gia Định, Tiểu khu trưởng tại các tỉnh khác và Đặc khu trưởng tại các thị xã là những giới chức quân sự được ủy nhiệm, với năng quyền chuyển ủy, thi hành các biện pháp bảo vệ trật tự và an ninh công cộng, mỗi người trong phạm vi thẩm quyền quản hạt của mình.

Điều 3 - Để thi hành nhiệm vụ ở Điều 2, Tư lệnh Quân khu, Tiểu khu trưởng và Đặc khu trưởng có những quyền hạn được ghi rõ trong Điều 2 Sắc lệnh số 471-TT/SL ngày 21-5-1970, y như Tổng trấn Đô thành và tỉnh Gia Định:

- Ấn định giờ giới nghiêm tại địa phương;
- Điều động các lực lượng quân sự và bán quân sự đồn trú tại địa phương;
- Kiểm soát sự phân phối thực phẩm;
- Xét các tư gia bất luận ngày đêm;
- Chỉ định cư trú cho những phân tử xét ra nguy hiểm cho nền an ninh quốc gia;

- Cấm mọi cuộc đình công, bãi thị;
- Cấm mọi cuộc biểu tình hoặc tụ họp có phương hại cho an ninh, trật tự công cộng;
- Cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu truyền đơn xét có hại đến an ninh quốc gia;
- Cấm tàng trữ và sử dụng vũ khí;
- Kiểm soát, hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh.

Điều 4 - Về việc chỉ định cư trú, Tổng trấn Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định, tiểu khu trưởng tại các tỉnh khác và đặc khu trưởng tại các thị xã, nếu xét cần, có thể chỉ định một nơi ngoài địa hạt thẩm quyền của mình.

Nếu trong lãnh vực quân khu, sẽ trình lên Tư lệnh quân khu quyết định.

Điều 5 - Tư lệnh quân khu, Tổng trấn, Tiểu khu trưởng và Đặc khu trưởng có quyền ra lệnh niêm phong những nơi bị xét bắt gặp tàng trữ vũ khí bất hợp pháp hoặc chứa chấp những phân tử có hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự công cộng, trong khi chờ đợi phán quyết của cơ quan tài phán hữu thẩm quyền.

Điều 6 - Chiếu Điều 2 kép Dự số 1 Ủy ban Lãnh đạo quốc gia ngày 24-6-1965 sửa đổi và bổ túc bởi Luật số 10/68 ngày 05-11-1968, Tòa án Quân sự Mặt trận có thẩm quyền xét xử theo thủ tục khẩn cấp mọi trọng tội hay khinh tội, do thường dân hay quân nhân phạm, phương hại đến:

1. An ninh quốc gia;
2. Trật tự công cộng, như những hành vi có hại đến công cuộc quốc phòng, hay đến nỗ lực chiến tranh.

Điều 7 - Sau khi tình trạng thiết quân luật chấm dứt, Tòa án Quân sự Mặt trận vẫn tiếp tục xét xử những tội phạm đã được thụ lý”²²¹.

Về mặt quân sự, đầu tháng 6-1972, Thiệu phát động chiến dịch “18 ngày thi đua tổng phản công diệt địch mừng ngày quân lực 19-6 (1972)”²²². Song quân đội chính quyền Sài Gòn vẫn tỏ ra “ì ạch”, khiến ngày 06-6-1972 tại Oasinhton, Tướng Hâygo (Haig)* - Phụ tá quân sự của cố vấn Henri Kítxinhiơ (Henry Kissinger), phải phàn nàn với Tòa đại sứ Sài Gòn tại Hoa Kỳ:

“Chúng tôi cũng rất lo ngại vì vài sự kiện đã xảy ra trên chiến trường VN: như cuộc hành quân của Sư đoàn 21 đến nay đã 2 tháng qua mà vẫn chưa giải tỏa được An Lộc mặc dù chỉ còn một đoạn đường ngắn. Thật ra ở xa như chúng ta cũng khó mà thấu hiểu những gì đã xảy ra tại chỗ, nhưng với một lực

221. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Sắc lệnh số 278-TT/SL ngày 19-5-1972 của Tổng thống VNCH.

222. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 466: Bản tin Thông tấn xã VNCH ngày 20-9-1972.

* **Alêxanđơ Hâygo (Alexander Meigs Haig, Jr.:** 1924-2010) là một tướng 4 sao của Quân đội Hoa Kỳ đã làm Ngoại trưởng dưới thời tổng thống Rônân Rigan (Ronald Reagan) và Trưởng tham mưu Nhà Trắng dưới thời các tổng thống Mỹ: Risót Níchxon (Richard Nixon) và Giêrôn Pho (Gerald Ford). Năm 1973, Hâygo làm Phó tổng tham mưu trưởng Quân đội Hoa Kỳ. Từ năm 1974-1979, Hâygo làm Tư lệnh tối cao Đồng minh châu Âu (SACEUR), và làm tư lệnh mặc nhiên của các lực lượng Mỹ và NATO ở châu Âu. Hâygo là một cựu binh trong Chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh Việt Nam (BT).

lượng tương đối hùng hậu mà không thể tiến thêm vài cây số lại dẫm chân một nơi để gánh nhiều thiệt hại thì thật khó giải thích với dư luận cũng như Quốc hội tại đây. Chúng tôi nghĩ rằng giới lãnh đạo VNCH nên làm mọi cách để thanh toán, giải tỏa An Lộc trong thời gian ngắn nhất để có thể di chuyển lực lượng dù ra Quân khu I và hành quân tái chiếm vùng Quảng Trị và phần đất ở Bình Định, càng sớm càng tốt... Sau hết để tránh những vụ tương tự như Quảng Trị (Sư đoàn 3) hay Tân Cảnh (Sư đoàn 22),... tôi tin chắc Tổng thống Thiệu sẽ thừa kinh nghiệm và sáng suốt để chọn người chỉ huy có khả năng điều khiển đơn vị trong tình trạng khó khăn hiện hữu"²²³.

Ngày 20-6-1972, nhằm cổ động binh sĩ Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu phát động chiến dịch "*thừa thắng xông lên... từ 0 giờ ngày 20-6 đến 24 giờ ngày 20-9-1972*"²²⁴ không khác gì một giải đấu thể thao bằng việc định ra các giải nhất, nhì, ba kèm theo giải thưởng là chuyến du ngoạn ngoại quốc và tiền mặt. Cụ thể:

"Cấp sư đoàn:

- *Giải nhất: tuyên dương, thăng thưởng cho cá nhân có thành tích và cử phái đoàn du ngoạn ngoại quốc;*
- *Giải nhì: tuyên dương, thăng thưởng cho cá nhân có thành tích và cử phái đoàn du ngoạn Sài Gòn - Đà Lạt;*

223. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 402: Phiếu trình số 015/PQL ngày 06-6-1972 của Tòa Đại sứ VNCH tại Oasinhton (Washington) Hoa Kỳ.

224. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 467: Thể thức thi đua và các hình thức thưởng trong chiến dịch "*thừa thắng xông lên*".

- Giải ba: tuyên dương, thăng thưởng cho cá nhân có thành tích và cử phái đoàn du ngoạn Sài Gòn - Đà Lạt.

Cấp quân chủng:

Không quân:

- Giải nhất: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích.

Hải quân:

- Giải nhất: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích.

Cấp tiểu khu:

- Giải nhất: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích;

- Giải nhì: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn nội địa các cá nhân có thành tích;

- Giải ba: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn nội địa các cá nhân có thành tích.

Cấp lữ đoàn kỵ binh: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích.

Cấp liên đoàn biệt động quân: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích.

Cấp tiểu đoàn biệt động quân (biên phòng): tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc các cá nhân có thành tích.

Các đơn vị biệt lập: tuyên dương, thăng thưởng và cho du ngoạn ngoại quốc và trong nước các cá nhân có thành tích.

Giải thưởng tiền mặt:

- Cấp sư đoàn: giải nhất 2.000.000; giải nhì 1.000.000; giải ba: 500.000²²⁵;

- Cấp quân chủng: Không quân 1.000.000; Hải quân 500.000;

- Cấp tiểu khu: giải nhất: 1.000.000; giải nhì: 500.000; giải ba: 200.000;

- Cấp lữ đoàn kỵ binh: giải nhất 300.000;

- Binh chủng biệt động quân: giải nhất cấp liên đoàn: 500.000; giải nhất cấp tiểu đoàn: 300.000;

- Các đơn vị biệt lập: 200.000.

Giải thưởng tiền mặt cho cá nhân không giới hạn số lượng và tính theo số vũ khí của Quân Giải phóng bị phá hủy:

1. Chiến xa các loại: tiêu diệt (mỗi xe) 70.000; tịch thu (mỗi xe) 150.000;

2. Đại pháo 130 ly: tiêu diệt (mỗi khẩu) 100.000; tịch thu 200.000;

3. Đại bác từ 75 ly trở lên: tiêu diệt (mỗi khẩu) 25.000; tịch thu 50.000;

4. Đại bác phòng không (từ 20 ly trở lên), đại bác 57, súng cối từ 106 đến 120 ly; tịch thu (mỗi khẩu): 30.000;

5. Đại liên - thượng liên - các loại súng cối 81, 82, 60, 61 ly: tịch thu (mỗi khẩu): 10.000;

6. Dạn hỏa tiễn: tịch thu (mỗi trái): 3.000²²⁶.

225. Tiền Sài Gòn.

226. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 467: Thể thức thi đua và các hình thức thưởng trong chiến dịch "thừa thắng xông lên".

Ngày 16-9-1972, sau khi tái chiếm lại thị xã Quảng Trị, chính quyền Sài Gòn tuyên bố kết thúc chiến dịch trước 4 ngày và tiến hành tổng kết để ban thưởng. Kết quả, tháng 01-1973, chính quyền Sài Gòn phải chi tới 42.909.000 đồng tiền mặt mà chưa tính kinh phí tổ chức các chuyến “du ngoạn” cho các phái đoàn và cá nhân có thành tích. Điều này đã thể hiện phần nào bản chất “đánh thuê” của quân đội chính quyền Sài Gòn.

Trong khi đó, chính sách phong tỏa, kìm kẹp mọi mặt đời sống xã hội miền Nam của chính quyền Sài Gòn do Nguyễn Văn Thiệu đề ra trong tháng 5-1972, làm bùng phát phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân và vấp phải sự phản đối của các phe phái đối lập. Trong đó, việc Thiệu vượt qua Quốc hội và luật pháp của chính quyền Sài Gòn để tuyên bố tình trạng chiến tranh, ban hành các sắc lệnh kiểm soát quyền tự do dân chủ của dân chúng miền Nam bị dư luận và các phe phái đối lập chỉ trích mạnh mẽ. Để hợp pháp hóa, ngày 28-6-1972, Nguyễn Văn Thiệu ban hành Luật số 005/72:

“Tổng thống VNCH ban hành Luật số 005/72 ngày 28-6-1972 ấn định việc ủy quyền cho Tổng thống VNCH quyết định và ban hành bằng Sắc luật các biện pháp cần thiết để đối phó với tình hình đất nước nguyên văn như sau:

Điều duy nhất - Để đối phó với tình thế, nay ủy quyền cho Tổng thống VNCH quyết định và ban hành bằng Sắc luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực: An ninh - quốc phòng - kinh tế - tài chánh trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày ban hành luật này.

*Luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào Công báo VNCH*²²⁷.

Sau khi ban hành luật tự cho mình quyền điều khiển chính quyền không cần tới hiến pháp và pháp luật, Nguyễn Văn Thiệu thiết lập chế độ độc tài, bằng việc ban hành hàng loạt các sắc luật, ngăn cấm các quyền tự do sinh hoạt, tự do ngôn luận, tự do thương mại ở miền Nam Việt Nam. Trong đó có thể kể đến các sắc luật:

Sắc luật số 004-TT/SLU ngày 15-7-1972 về an ninh, trật tự công cộng:

"Chương I

Vi phạm an ninh và trật tự công cộng

Điều 1 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, kẻ nào bị bắt gặp lưu thông hay di chuyển trong giờ giới nghiêm mà không có giấy phép hợp lệ hay không có lý do chánh đáng, như sinh đẻ, ngã bệnh bất ngờ cần phải có sự săn sóc ngay của bác sĩ,... sẽ bị phạt tù từ sáu ngày đến hai tháng, và phạt vạ từ một ngàn đồng (1.000\$) đến mười ngàn đồng (10.000\$), hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Điều 2 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, kẻ nào bị giam giữ hay chỉ định cư trú, bằng quyết định của nhà chức trách hữu thẩm quyền, lại

227. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Luật số 005/72 ngày 28-6-1972 của Tổng thống VNCH.

tẩu thoát hay toan tẩu thoát khỏi nơi giam giữ hay cư trú chỉ định, sẽ bị phạt cấm cố.

Điều 3 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, các cuộc đình công dưới mọi hình thức, các cuộc giải công, dù đã qua thủ tục hòa giải hay trọng tài, và mặc dầu chỉ có mục đích để hỗ trợ cho sự giải quyết một vụ phân tranh về nghề nghiệp, cũng đều bị cấm chỉ.

Điều 4 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, công nhân đình công sẽ bị phạt tù từ sáu ngày đến sáu tháng, và bị phạt vạ từ năm ngàn đồng (5.000\$) đến một trăm ngàn đồng (100.000\$), hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Nếu đình công trong một sở hữu ích công cộng nói ở Điều 379 Bộ luật Lao động, hình phạt sẽ tăng gấp đôi.

Nếu đình công để đoạt một mục đích khác hơn là để giải quyết một vụ phân tranh về nghề nghiệp và ngoài ra có thể hay cố ý làm cho công chúng chịu khốn quẫn lâu ngày và vì đó mà bắt buộc chính phủ phải theo hay không theo một chánh hướng nhất định, công nhân vi phạm sẽ bị phạt tù từ sáu tháng đến hai năm, và bị phạt vạ từ năm ngàn đồng (5.000\$) đến năm trăm ngàn đồng (500.000\$), hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Riêng người xúi dục hay hướng dẫn đình công sẽ bị xử phạt cấm cố.

Ngoài những hình phạt trên đây, công nhân còn có thể mất quyền đòi tiền cấp khoản về thời hại bãi ước và tiền bồi thường về sự hủy bãi kế ước quá lạm.

Điều 5 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh

hay tình trạng thiết quân luật, chủ nhân giải công sẽ bị phạt tù từ sáu ngày đến sáu tháng và bị phạt vạ từ năm ngàn đồng (5.000\$) đến một trăm ngàn đồng (100.000\$), hay một trong hai hình phạt ấy.

Nếu giải công trong một sở hữu ích công cộng nói ở Điều 379 Bộ luật Lao động, hình phạt sẽ tăng gấp đôi.

Nếu giải công để đoạt mục đích khác hơn là để giải quyết một vụ phân tranh về nghề nghiệp, và ngoài ra có thể hay cố ý làm cho công chúng chịu khốn quẫn lâu ngày và vì đó mà bắt buộc chính phủ phải theo hay không theo một chánh hướng nhất định, chủ nhân vi phạm sẽ bị phạt tù từ sáu tháng đến hai năm và bị phạt vạ từ năm ngàn đồng (5.000\$) đến năm trăm ngàn đồng (500.000\$), hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Riêng người xúi giục giải công dưới mọi hình thức sẽ bị xử phạt cầm cố.

Ngoài những hình phạt trên đây, chủ nhân còn có thể bị bãi truất do Nghị định của Tổng trưởng Lao động, trong một thời gian tối đa năm (05) năm, quyền ứng cử làm Hội viên phòng Thương mại, tư cách làm Hội viên Ủy ban Tư vấn Lao động, Bồi thẩm Tòa án Lao động và Hội viên Hội đồng trọng tài cùng là quyền dự vào các cuộc đấu thầu để làm công tác hay cung cấp cho quốc gia trong một công sở nào.

Điều 6 - Giải công nói ở Điều 3 và Điều 5 trên đây là sự đóng cửa toàn thể hay một phần xí nghiệp, do chủ nhân đơn phương quyết định để gây áp lực buộc công nhân từ bỏ các yêu sách của họ hoặc phải chấp nhận những điều kiện của chủ nhân đưa ra.

Không kể là giải công sự đóng cửa một phân hay toàn thể xí nghiệp vì những nguyên do kinh tế, tài chánh hay kỹ thuật chánh đáng.

Điều 7 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hoặc thiết quân luật, nếu có xảy ra một vụ cộng đồng phân tranh giữa chủ nhân và công nhân, thì phải áp dụng thủ tục hòa giải và trọng tài chiếu theo các Điều 280 và kế tiếp của Bộ luật Lao động. Những bản án trọng tài giải quyết các vụ cộng đồng phân tranh tuyên sau ngày ban hành sắc luật này và cho tới khi chấm dứt tình trạng chiến tranh hoặc thiết quân luật, sẽ có hiệu lực chấp hành và được thi hành sau mười lăm (15) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Điều 8 - Kẻ nào phá phiên chợ hay toan phá phiên chợ, ngăn cản hay toan ngăn cản không cho nhóm chợ với mục đích phá hoại hay phá rối cuộc trị an sẽ bị xử phạt cầm cố.

Điều 9 - Trong suốt thời gian có tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật, kẻ nào tổ chức hoặc xúi dục mọi cuộc biểu tình hay tụ họp có phương hại cho an ninh trật tự sẽ bị xử phạt cầm cố; kẻ nào tham dự sẽ bị phạt tù từ một tháng đến sáu tháng.

Điều 10 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật, kẻ nào phổ biến, tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, bản tin, truyền đơn, tranh ảnh xét có hại đến an ninh quốc gia, sẽ phạt cầm cố.

Dụng cụ ấn loát, phương tiện chuyên chở sẽ bị tịch thu.

Điều 11 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật, kẻ nào bị bắt gặp tàng trữ hoặc sử dụng chiến cụ, vũ khí, đạn dược, chất nổ mà không có giấy phép hợp lệ sẽ bị xử phạt cầm cố.

Điều 12 - Đối với những người bị bắt vì bị coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh công cộng, chiếu theo Điều 19 Sắc luật số 004/65 ngày 19-7-1965 sửa đổi bởi Sắc luật số 004/66 ngày 15-02-1966, nếu nhà chức trách tìm thấy những tài vật được dùng vào những hoạt động nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh công cộng, thì những tài vật ấy có thể bị tịch thu bằng nghị định của thủ tướng.

Thủ tướng có thể ủy quyền cho Tổng trưởng Nội vụ duyệt ký nghị định tịch thu này.

Chương II

Quyền tự vệ và truy nã của nhân viên công lực

Điều 13 - Nhân viên công lực thừa hành công vụ có quyền sử dụng vũ khí, khi bị hành hung.

Trong trường hợp cần phải giữ vững vị trí, đồn bót hay cần phải bảo vệ những người được giao phó gìn giữ, nhân viên công lực cũng có quyền sử dụng vũ khí nếu cần để vô hiệu hóa sự kháng cự hoặc tấn công.

Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hoặc thiết quân luật, khi bắt gặp những kẻ đang mang trong người vũ khí, chất nổ, chất dẫn hỏa, hoặc đang có những hành động cướp của, đốt cháy, phá hoại hay những hành động nào gây nguy hại đến sinh mạng hoặc tài sản của người khác, hoặc làm thiệt hại công ốc, công xưởng, công sở, tàu bè, xe cộ, quân cụ, quân dụng, quân trang,... của nhà nước, nhân viên công lực có quyền sử dụng vũ khí nếu kẻ phạm pháp chống cự. Nhân viên công lực cũng có quyền hành động như vậy, nếu kẻ phạm pháp bỏ chạy, không chịu ngừng lại khi nhân viên công lực đã hô to hai lần "đứng lại, không tôi bắn".

Nhân viên công lực cũng có quyền nổ súng bắn theo những xe cộ, tàu bè mặc dù có lệnh nhiều lần liên tiếp bảo ngừng lại, bằng còi hiệu, bằng dấu hiệu hoặc bằng lời hô to như trên mà vẫn tiếp tục bỏ chạy.

Trong những trường hợp trên đây, nếu vì sự sử dụng vũ khí của nhân viên công lực mà kẻ phạm pháp, kẻ kháng cự hay kẻ bất tuân lệnh gọi bị thương hay thiệt mạng, hành động của nhân viên công lực được xem như sự kiện biện giải theo Điều 327 và 328 Bộ Hình luật Canh cải hay Điều 78 và 79 Bộ Hoàng việt Hình luật.

Chương III

Thẩm quyền và thủ tục

Điều 14 - Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay thiết quân luật, những tội phạm dự liệu và trừng trị trong Chương I sắc luật này, ngoại trừ tội phạm nói ở Điều 1, được xem như vi phạm đến trật tự an ninh quốc gia và thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Mặt trận xét xử theo thủ tục khẩn cấp.

Điều 15 - Khi xét xử, chiếu theo các điều khoản của sắc luật này, cũng như chiếu theo Sắc luật số 4/65 ngày 19-7-1965 sửa đổi do Sắc luật số 4/66 ngày 15-02-1966 và Sắc luật số 29/67 ngày 31-7-1967, Tòa án Quân sự Mặt trận có thể áp dụng đối với bị can các Điều 462 và 463 Bộ Hình luật Canh cải, 414, 415 và 416 Bộ Hoàng việt Hình luật.

Điều 16 - Những điều khoản của các luật lệ hiện hành trái với sắc luật này đều được hủy bỏ.

Sắc luật này sẽ đăng vào Công báo VNCH và được công bố theo thủ tục khẩn cấp"²²⁸.

Sắc luật số 005-TT/SLU ngày 25-7-1972 về việc ban bố tình trạng thiết quân luật:

"Điều 1 - Tình trạng thiết quân luật chỉ được ban bố trong trường hợp quốc gia lâm nguy do ngoại xâm hay nổi loạn.

Điều 2 - Trong tình trạng thiết quân luật, quyền hành của nhà chức trách dân sự để bảo vệ trật tự công cộng và an ninh quốc gia được chuyển sang cho nhà chức trách quân sự.

Tuy nhiên, ngay trong hai lãnh vực này, nhà chức trách dân sự vẫn tiếp tục hành xử những quyền nào mà nhà chức trách quân sự không đảm nhận.

Điều 3 - Trong suốt thời gian thiết quân luật, nhà chức trách nói ở Điều 2 có quyền:

- *Kiểm soát sự phân phối thực phẩm;*
- *Xét các tư gia bất luận ngày đêm;*
- *Chỉ định cư trú hoặc giam giữ đối với những phân tử xét ra nguy hiểm cho an ninh quốc gia hay trật tự công cộng;*
- *Cấm mọi cuộc đình công, giải công, bãi thị, bãi khóa;*
- *Cấm mọi cuộc biểu tình hoặc tụ họp có phương hại cho an ninh quốc gia hay trật tự công cộng;*
- *Cấm phổ biến, tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, bản tin, truyền đơn, tranh ảnh xét có hại đến an ninh quốc gia;*

228. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Sắc luật số 004-TT/SLU ngày 15-7-1972 của Tổng thống VNCH.

- Thu hồi giấy phép mang và sử dụng vũ khí tùy thân;
- Kiểm soát, hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh.

Điều 4 - Trong suốt thời gian thiết quân luật, Tòa án Quân sự Mặt trận thành lập bởi Sắc luật số 11/62 ngày 21-5-1962 và sửa đổi bởi các văn kiện kế tiếp có thẩm quyền xét xử, theo thủ tục trực tố quy định nơi Điều 26 đoạn 2 Bộ Quân luật, các tội phạm sau đây:

1. Các quân nhân đào ngũ và tòng phạm;
2. Các quân nhân hay quân nhân đồng hóa phạm pháp quấy rối và thường dân đồng phạm hay tòng phạm về mọi trọng tội và khinh tội dự liệu trong Bộ Quân luật, Bộ Hình luật và các luật lệ hiện hành khác;
3. Các vi phạm đến trật tự an ninh quốc gia dự liệu tại Điều 2 kép Luật số 10/68 ngày 05-11-1968 liên quan đến tình trạng chiến tranh;
4. Các tội phạm dự liệu trong các luật và sắc luật sau đây:
 - a. Sắc luật số 4/65 ngày 19-7-1965 được sửa đổi do Sắc luật số 4/66 ngày 15-2-1966: Điều 14, 15, 16, 17, 18 và 19;
 - b. Sắc luật số 4/65 ngày 19-7-1965 được sửa đổi do Sắc luật số 4/66 ngày 15-2-1966 và Sắc luật số 29/67 ngày 31-7-1967: Điều 2, 3, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 22 và 23;
 - c. Điều 265, 266 và 267 Bộ Hình luật Canh cải, Điều 142, 143 và 144 Bộ Hoàng việt Hình luật;
 - d. Điều 1, 2, 3 Luật số 10/59 ngày 06-5-1959 với điều kiện miễn giảm nói ở Điều 5 luật này;
 - e. Điều 24 và 25 Luật ngày 29-7-1881; Điều 27, 28, 29 với

những hình phạt tương quan dự liệu nơi các Điều 45, 46, 47, 48 và 49 Luật số 19/69 ngày 30-12-1969.

5. Các tội phạm được các dụ, đạo luật, sắc luật khác đặt thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Quân sự Mặt trận trong thời gian thiết quân luật.

Điều 5 - Đối với những hành vi phạm pháp kể ở những khoản 4b, 4c, 4d và 4e Điều 4 trên đây, Tòa án thường tụng hoặc Tòa án Quân sự thường trực vẫn thụ lý như thường lệ, nếu giới chức quân sự không dành quyền truy tố trước Tòa án Quân sự Mặt trận.

Điều 6 - Sau khi tình trạng thiết quân luật chấm dứt, Tòa án Quân sự Mặt trận vẫn tiếp tục xét xử những vụ phạm pháp dự liệu trong luật này, miễn là khởi tố lệnh đã ký trước ngày chấm dứt tình trạng thiết quân luật.

Điều 7 - Mọi điều khoản trái với sắc luật này đều được bãi bỏ.

Sắc luật này được công bố theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào Công báo VNCH²²⁹.

Sắc luật số 020-TT/SLU ngày 25-11-1972 quy định thủ tục an trí, cưỡng bức cư trú, biết trú và tịch thu tài sản:

"Điều 1 - Cho đến ngày trật tự an ninh được hoàn toàn tái lập, những người bị coi như nguy hiểm cho quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự công cộng, có thể do nghị định của thủ tướng bị đưa đi an trí tại một trại giam, hoặc bị cưỡng bách cư trú tại

229. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Sắc luật số 005-TT/SLU ngày 25-7-1972 của Tổng thống VNCH.

một địa phương nhất định, hoặc bị biệt trú khỏi những khu vực bị cấm, trong thời hạn tối đa là hai (2) năm. Thời hạn ấy có thể gia hạn mỗi kỳ tối đa là hai (2) năm nếu có lý do mới.

Các tài sản đã dùng vào những hoạt động nguy hiểm nói trên có thể bị tịch thu do nghị định của thủ tướng”²³⁰.

Với việc quy định như trên, chính quyền Sài Gòn tự do giam giữ bất cứ ai thuộc thành phần chống đối hay tình nghi hoạt động cho CS. Và mặc dù sắc luật trên có quy định “những người do nhà chức trách dân sự hoặc quân sự giam giữ trong các tình trạng đặc biệt và vì các lý do nêu trên, phải được đưa ra Ủy ban An ninh cứu xét theo thủ tục dự liệu bởi sắc luật này và các văn kiện áp dụng”²³¹. Nhưng với việc không ấn định thời hạn phải đưa ra xét xử sau khi bị bắt và có quyền gia hạn thời gian tạm giam, Chính quyền Sài Gòn đã giam giữ hàng trăm ngàn người vô tội trên toàn miền Nam Việt Nam không cần xét xử với thời hạn không hạn chế.

Tờ trình của Nguyễn Lưu Viễn - Phó Thủ tướng Chính quyền Sài Gòn ngày 30-6-1972, về buổi làm việc với phái đoàn dân biểu đối với số người bị giam giữ trong các chiến dịch “lùng sục” ở Trị Thiên - Huế và Đà Nẵng đã phản ánh phần nào chính sách đàn áp, khủng bố của chính quyền Sài Gòn.

“Tại Thừa Thiên:

Cách nay 1 tháng, trong lúc chiến dịch Bình Minh được

230, 231. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17584: Sắc luật số 020-TT/SLU ngày 25-11-1972 của Tổng thống VNCH.

thực hành, ngày 30-4-1972, 1.318 thường dân, 5 sinh viên và 2 tu sĩ Phật giáo đã bị bắt. Trường hợp của mỗi hạng người bị bắt này được phái đoàn dân biểu trình bày chi tiết như sau:

a. Trường hợp số 1318 thường dân: trong số này, 862 người bị đưa ra Côn Đảo, còn 456 người thì bị giam giữ tại sân vận động Huế và tất cả, cho đến cách đây 1 tháng, đều chưa được đưa ra Ủy ban An ninh xét xử đúng theo luật định. Việc bắt bớ không bằng chứng và lưu đày hay giam giữ quá lâu mà không lập hồ sơ đưa ra xét xử như trên, theo phái đoàn, có thể sẽ gọi trong trí óc dân chúng mỗi nghi ngờ càng ngày càng rõ thêm là có mưu toan tham nhũng của chính quyền địa phương.

Do đó, phái đoàn trình 3 nguyện vọng như sau:

1. Cho trở về đất liền các người đã bị đưa ra Côn Đảo và công bố danh sách đầy đủ các người này;

2. Cho phép các vị dân cử cùng các thân thuộc của những người còn bị giam giữ được đến thăm viếng và tiếp tế thêm thực phẩm cho các người này, nếu cần;

3. Ngăn chặn sự bắt bớ bừa bãi, vô bằng có, để tránh hậu quả, có thể có, trong việc tham nhũng.

b. Trường hợp 5 sinh viên:

Danh sách 5 sinh viên này là:

1. Lê Văn Thuyền - Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế;

2. Trần Đình Cước - sinh viên Luật khoa;

3. Nguyễn Hoàn Thọ - sinh viên Khoa học;

4. Nguyễn Duy Hiền - sinh viên Luật khoa;

5. Bửu Chí - sinh viên Luật khoa.

Theo phái đoàn dân biểu, cách nay 4 ngày, tin tức báo chí có

cho biết 2 sinh viên số 4 và số 5 đã bị cảnh sát hay nhân viên an ninh quân đội đánh chết.

Tìm hỏi tin tức xác thực tại Thừa Thiên, thì nơi đây chỉ bảo hãy hỏi trung ương. Đến hỏi Bộ Nội vụ tại trung ương, thì bộ này chỉ bảo hãy về hỏi ở địa phương.

Như vậy, phái đoàn cho biết đã tự đặt câu hỏi: “Vậy cơ quan nào có nhiệm vụ quản đốc các trại giam”.

Tại Đà Nẵng:

Cách đây khoảng nửa tháng, lô 400 người mà thành phần gồm đa số là đồng bào Phật giáo hoặc những người trước kia đã có tham gia vào các cuộc tranh đấu trong những dịp bầu cử vào hạ viên hay bầu cử tổng thống và phó tổng thống, đã bị bức bách rời cư tập thể.

Nhưng trong việc này, phái đoàn tỏ ý ngạc nhiên khi được biết số người nói trên thay vì được chỉ định nơi cư trú đúng theo tinh thần Sắc lệnh số 278-TT/SL ngày 18-5-1972 lại bị lừa giao cho ty cảnh sát không khác nào những can nhân bị bắt và bị giam giữ²³².

Nhìn chung, bằng những sắc luật quy định chung chung, không có định nghĩa rõ ràng về đối tượng, hành vi phạm pháp, cũng như thời gian xét xử hay giới hạn quyền lực của bộ máy công quyền; bằng việc áp dụng lại những quy định của chế độ thực dân Pháp (Luật ngày 29-7-1881, Bộ hình luật canh cải, Bộ

232. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17594: Tờ trình số 129/VP/Ph.Th.T/TT ngày 30-6-1972 của Văn phòng Phó Thủ tướng VNCH.

Hoàng Việt Hùng luật) và của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm (Luật số 10/59 ngày 06-5-1959) trước đó, chính quyền Thiệu đã tước đoạt mọi quyền tự do, dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam - cái mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn rêu rao.

Qua những sự kiện trên có thể khẳng định:

Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng đã gây hoang mang trong toàn bộ bộ máy chiến tranh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn từ quân sự đến dân sự, từ trung ương đến địa phương. Đồng thời, cuộc tiến công cũng làm đảo lộn sinh hoạt chính trị - kinh tế - xã hội của chính quyền Sài Gòn.

Mặc dù đã áp dụng nhiều sách lược trong tất cả các lĩnh vực, từ an ninh quốc phòng, an ninh trật tự đến chính trị - kinh tế và ngăn cấm tối đa sự tự do dân chủ ở miền Nam Việt Nam, song chính quyền Thiệu vẫn không thể cứu vãn được thế thua.

3. Chiến cuộc Xuân - Hè năm 1972 với chính trường Hoa Kỳ

Áp dụng "học thuyết Níchxon" tại Việt Nam, chính quyền Hoa Kỳ hy vọng đạt được hai mục tiêu là có thể rút khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam nhưng vẫn duy trì được ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại khu vực này; đồng thời, có thể hàn gắn sự chia rẽ sâu sắc trong lòng Hoa Kỳ từ sau thất bại của chiến lược chiến tranh cục bộ.

Trong ba năm triển khai chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, bằng sách lược rút dần quân viễn chinh Hoa Kỳ về nước, tạo "áo tượng" về một nền hòa bình đang và sẽ được hình thành ở miền Nam Việt Nam, mà sự "láng dậu" của chiến

trường những năm 1969-1971 như một minh chứng, Chính quyền Níchxon phân nào “hạ nhiệt” cơn sốt “chiến tranh Việt Nam” ở Hoa Kỳ.

Vào cuối năm 1970, một bộ phận không nhỏ dân chúng Hoa Kỳ vẫn tin tưởng chính quyền Níchxon có thể kết thúc chiến tranh mà vẫn giữ được vị thế và vai trò của Hoa Kỳ tại khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, tháng 12-1970, “sau cuộc tranh luận sôi nổi lâu hai tiếng đồng hồ trong khuôn khổ chương trình “the Advocates - những người ủng hộ” với đề tài “Should the United States agree to a coalition government in Sài Gòn? - Hoa Kỳ có nên chấp thuận một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn không?”, cuộc thăm dò khán thính giả truyền hình Hoa Kỳ đã cho kết quả: “phản ứng không rõ rệt trong giới khán thính giả (dư luận - TG) Hoa Kỳ. Số chênh lệch giữa những người chống đối và tán thành giải pháp liên hiệp rất ít: chỉ có 15 người (2.358 tán thành và 2.373 chống đối)”²³³. Điều này đồng nghĩa với trên 50% số người được hỏi lạc quan vào chính sách của Tổng thống Níchxon và sự phát triển của chế độ Thiệu có thể bảo đảm cho việc duy trì một chế độ do Hoa Kỳ và phục vụ cho lợi ích của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam.

Nhưng sau thất bại của quân đội viễn chinh Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại Campuchia và Hạ Lào, dư luận Hoa Kỳ dần thay đổi chiều hướng. Tháng 4-1971 “cuộc thăm dò dư luận của công ty Louis Harris lần đầu tiên cho thấy tỷ lệ những người được

233. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Phiếu trình số 520/BNG/MC/M ngày 08-6-1971 của Bộ Ngoại giao VNCH.

thăm dò ủng hộ giải pháp liên hiệp lớn hơn tỷ lệ số người chống đối (42%/39%). Cuộc thăm dò dư luận cũng còn cho thấy đại đa số dân chúng Hoa Kỳ càng ngày càng phản đối chiến tranh hơn và muốn rút khỏi Việt Nam bất luận hậu quả sẽ ra sao (even if the government of Vietnam collapses (ngay cả khi chính quyền Sài Gòn sụp đổ))²³⁴ với tỷ lệ 60% số người được hỏi. Trong chiều hướng tỷ lệ số người ủng hộ chính quyền Níchxon ngày càng đi xuống, tháng 6-1971, hệ thống truyền hình "Public Broadcasting Service" Hoa Kỳ mở ra cuộc tranh luận mới với đề tài "Quốc hội Hoa Kỳ có nên buộc Tổng thống Níchxon triệt thoái toàn thể quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam không?"²³⁵.

Bước vào năm 1972 - năm mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn rất chủ quan tin tưởng vào sự thành công của giai đoạn thứ nhất chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" với kết quả về mặt quân sự như đánh giá của Menvin Ledơ (Melvin Laird) trong cuộc họp báo ngày 23-02-1972: "Họ (Quân Giải phóng - TG) không thể mở trận đánh lớn trên toàn quốc với các lực lượng hiện có

234, 235. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Phiếu trình số 520/BNG/MC/M ngày 08-6-1971 của Bộ Ngoại giao VNCH.

* "Public Broad casting Service" Hoa Kỳ (viết tắt là PBS) có nghĩa là "Dịch vụ truyền thông công cộng", là mạng truyền thông công cộng không vì mục đích lợi nhuận có khoảng 349 đài truyền hình làm thành viên ở Hoa Kỳ và một số đài truyền hình cấp ở Canada. PBC chỉ cung cấp các chương trình TV. PBS được thành lập năm 1969, là tổ chức tư nhân, phi lợi nhuận, nhưng được chính phủ liên bang Hoa Kỳ cấp vốn, trụ sở PBC đặt tại Cristan (Viêcgina - Hoa Kỳ) (BT).

của họ và những đồ tiếp tế tiếp vận của họ... mức độ hoạt động (của Quân Giải phóng - TG) thấp hơn hồi năm 1968 rất nhiều. Còn thấp hơn cả hồi năm 1969. Thấp hơn cả năm 1971 nữa"²³⁶. Và chương trình "bình định nông thôn", theo báo cáo của chính quyền Sài Gòn đã kiểm soát được tới 99% lãnh thổ vào cuối năm 1971.

Với sự nhận định rất chủ quan, ngạo mạn và tin tưởng vào kết quả như vậy, đầu năm 1972, trong khi vẫn tiếp tục hỗ trợ các cuộc hành quân "lùng sục" của chính quyền Sài Gòn trên toàn cõi Đông Dương, Hoa Kỳ tiếp tục thể hiện chính sách đàm phán trên thế mạnh tại Pari. Tại bàn hội nghị Pari, phái đoàn Hoa Kỳ tỏ ra cứng rắn trong các yêu sách và quay trở lại gây sức ép đối với vị thế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Trong đàm phán, phái đoàn Hoa Kỳ luôn đưa ra luận điệu cố hữu rằng ở Việt Nam có hai quốc gia riêng biệt là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính quyền Sài Gòn. Từ đó, đề ra yêu sách phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải thương lượng với chính quyền Sài Gòn về những vấn đề liên quan đến tương lai chính trị miền Nam Việt Nam; và yêu sách phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phải chứng minh vị thế hợp pháp, bằng việc xác định rõ "nơi đóng đô" vùng lãnh thổ kiểm soát.

236. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3609: Bản tin hàng ngày (ngày thứ năm 24-02-1972) của Sở Thông tin hỗn hợp Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Trong khi tại Hoa Kỳ, nhằm che đậy chính sách tăng cường, mở rộng chiến tranh, chính quyền Níchxon tiếp tục “lừa dối” dư luận Hoa Kỳ bằng viễn tượng “nền hòa bình ở Việt Nam” đang đến gần. Ngày 25-01-1972, Níchxon đơn phương công bố nội dung các cuộc đàm phán bí mật với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và tuyên truyền mạnh mẽ “thiện chí” hòa bình của Tổng thống Níchxon bằng việc liên tục đưa ra cái gọi là “các sáng kiến hòa bình”. Ngày 27-01-1972, Níchxon đề ra “giải pháp 8 điểm” coi đó là “sáng kiến mới”, giải pháp toàn bộ để đi đến chấm dứt ngay chiến tranh Việt Nam.

Nhưng thực chất cái gọi là “sáng kiến mới” của Níchxon vẫn chỉ là những luận điệu cố hữu. Phía Mỹ tiếp tục đòi hỏi điều kiện cho việc triệt thoái toàn bộ quân đội Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam; tiếp tục không ấn định thời gian cho việc rút quân viễn chinh về nước; tiếp tục yêu sách về một cuộc “bầu cử” dưới sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn và do chính quyền Sài Gòn tổ chức.

Tuy nhiên, chính sách “hai mặt” của Níchxon đã không thể che đậy được sự thật trước nhân dân Hoa Kỳ. Mặc dù vẫn coi *“vấn đề Việt Nam là vấn đề sôi động có thể tạo nên yếu tố quyết định cho kết quả cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ vào tháng 11 tới đây”*²³⁷, nhưng dư luận Hoa Kỳ đã không còn tin tưởng vào chính sách của Níchxon. Theo kết quả cuộc thăm dò dư luận của Viện

237. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Phiếu trình số 1501 ngày 13-4-1972 của Bộ Ngoại giao VNCH.

Thống kê thăm dò Harris Hoa Kỳ vào tháng 2-1972 có tới 46% (so với ngược lại là 26%) người dân Hoa Kỳ đánh giá Tổng thống Níchxon đã bội hứa và đến 70% tin rằng Hoa Kỳ không thể chấm dứt can thiệp ở Việt Nam vào cuối năm 1972. Kết quả thăm dò cụ thể như sau:

“46% người được phỏng vấn cho rằng Tổng thống Níchxon đã không giữ lời hứa nguyên thủy năm 1968 của ông về chấm dứt sự can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam nếu Chính phủ Hoa Kỳ không đạt được một thỏa hiệp để mang lại hòa bình tại Việt Nam...”

46% cho rằng phải coi như là Tổng thống Níchxon bội hứa, nếu không có một thỏa hiệp ngưng bắn tại Việt Nam.

56% muốn Hoa Kỳ công bố đích xác ngày chấm dứt tất cả mọi sự can dự của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

70% không tin rằng đến ngày bầu cử Chính phủ Níchxon có thể chấm dứt hẳn được mọi sự can dự của Hoa Kỳ tại Việt Nam”²³⁸.

Đồng thời, kết quả thăm dò cũng cho thấy, mối bận tâm lớn nhất của người dân Hoa Kỳ là làm cách nào để chấm dứt càng nhanh càng tốt sự dính líu của Hoa Kỳ ở Việt Nam, mà dần tỏ ra “thờ ơ” với các vấn đề nội bộ của Việt Nam. Vì vậy, khi được hỏi về các giải pháp chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương và Việt Nam, đại đa số người dân Hoa Kỳ (80-91%) đồng ý với vấn đề trao trả tù binh, rút quân

238. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Phiếu trình số 1501 ngày 13-4-1972 của Bộ Ngoại giao VNCH.

viễn chinh về nước, tiến hành ngừng bắn trên toàn cõi Đông Dương. Trong khi đó, tỷ lệ nghịch với mức độ tăng dân tính chất "nội bộ" của các vấn đề thuộc nhân dân Việt Nam giải quyết, là sự giảm sút mức độ quan tâm của người dân Hoa Kỳ: 24% người Mỹ được hỏi không có ý kiến gì về "giải pháp tổ chức cuộc bầu cử có quốc tế giám sát" và 35% số người "không quan tâm tới vấn đề chính thể ở miền Nam Việt Nam" trong giải pháp ngừng bắn. Đặc biệt, 45% số người được hỏi phản đối (cùng 21% số người không ý kiến) việc Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ cho Việt Nam sau khi cuộc chiến kết thúc²³⁹, cho thấy dư luận Hoa Kỳ không muốn thấy bất cứ sự dính líu nào của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Bảng kết quả thăm dò dư luận Hoa Kỳ
về các giải pháp chấm dứt chiến tranh Việt Nam
của Viện Thống kê thăm dò Harris vào tháng 2-1972²⁴⁰

Vấn đề	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)
Trao đổi tất cả tù binh chiến tranh	91	3	6
Ngừng bắn trên toàn cõi Đông Dương	85	5	10

239, 240. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Phiếu trình số 1501 ngày 13-4-1972 của Bộ Ngoại giao VNCH.

Vấn đề	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)
Triệt thoái tất cả quân đội Hoa Kỳ 6 tháng sau khi đạt được thỏa hiệp	80	10	10
Tổ chức những cuộc bầu cử mới tại Nam Việt Nam dưới sự giám sát quốc tế	64	12	24
Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu từ chức 01 tháng trước ngày bầu cử	50	16	34
Hoa Kỳ cung cấp viện trợ kinh tế cho toàn cõi Việt Nam sau khi chiến tranh chấm dứt	34	45	21

Trong thời điểm lòng tin của nhân dân Hoa Kỳ ngày càng bị xói mòn, cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam (mở màn từ ngày 30-3-1972) làm bùng nổ dư luận, làm tái phát “cuộc chiến” trong lòng Hoa Kỳ từ sau sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968.

Cuộc chiến mở đầu bằng cuộc công kích của các ứng cử viên tổng thống thuộc đảng Dân chủ Hoa Kỳ. “Ngày 02-4-1972, Thượng nghị sĩ Dân chủ George Mc.Govern* tuyên bố rằng

* **Giáo sư Mác Gávon (George Stanley Mc Govern: 1922-2012):** Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ Hoa Kỳ (bang Nam Đacôta) từ năm 1963-1981, là chính khách chống chiến tranh nổi tiếng của Mỹ, đã từng là ứng cử viên Tổng thống của Đảng Dân chủ Mỹ vào năm 1972 nhưng bị thất bại trước Ríót Níchxon (BT).

các cuộc gia tăng tấn công mới đây của Bắc Việt tại Đông Dương sẽ góp phần vào việc thuyết phục Hoa Kỳ chấm dứt ngay mọi sự liên hệ với vùng này. Ông Mc. Govern cho rằng hiện Hoa Kỳ có hai giải pháp phải lựa chọn là leo thang chiến tranh như thời Tổng thống Johnson hoặc ngưng ủng hộ Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và chấm dứt can dự vào Đông Dương. Thượng nghị sĩ Mc. Govern còn nhấn mạnh rằng hành động leo thang chiến cuộc của Bắc Việt chứng tỏ họ không chấp nhận chương trình "Việt Nam hóa" của Hoa Kỳ".²⁴¹

Ngày 04-4-1972, tại Oasinhton, trong khi Tổng thống Níchxon triệu tập các cố vấn đặc biệt để bàn các biện pháp đối phó với cuộc tấn công Xuân - Hè của Quân Giải phóng, hai ứng cử viên tổng thống của đảng Dân chủ, Thượng nghị sĩ Étmon Măxki (Edmund Muskie) và Thượng nghị sĩ Gioócgiơ Măc Gávon (George Mc. Govern) tuyên bố: "*Hoa Kỳ sẽ sai lầm nghiêm trọng nếu có hành động trả đũa việc VC tấn công*"²⁴².

Cuộc công kích nhanh chóng chuyển thành "cuộc chiến" tại Quốc hội Hoa Kỳ. Ngày 05-4-1972, các thượng nghị sĩ

241. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 03-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

242. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 04-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Hoa Kỳ “Humphrey”, Jackson** và Thống đốc Wallace*** đều tỏ ý tán thành việc Hoa Kỳ dùng không lực để bảo vệ lực lượng Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam và trợ giúp VNCH”²⁴³. Phát biểu trên, ngay lập tức gặp sự phản đối mạnh mẽ từ phía các thượng nghị sĩ đảng Dân chủ:

*“Thượng nghị sĩ Mc.Govern và Thị trưởng John Lindsay**** tỏ ý chống đối việc gia tăng oanh tạc và kêu gọi Hoa Kỳ triệt thoái tức khắc khỏi Việt Nam.*

Thượng nghị sĩ Muskie cho rằng Hoa Kỳ không nên gia tăng các hành động quân sự và phải trở lại bàn hội nghị ở Ba Lê (Pari - BT).

* **Hubót Hămphơri (Hubert Horatio Humphrey, Jr.:** 1911-1978): Phó Tổng thống Mỹ (thời Tổng thống L. Giônxon): 1965-1968, Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ (Đảng Dân chủ, tiểu bang Mênixôta) từ 1971-1978 (BT).

** **Henri Giắcxon (Henry Martin "Scoop" Jackson:** 1912-1983) là một Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ thuộc Đảng Dân chủ (tiểu bang Oasinhton) từ năm 1941 cho đến khi ông qua đời (BT).

*** **Gioocgiơ Oalatxo (George Corley Wallace Jr:** 1919-1998): Thống đốc bang Alabama Hoa Kỳ (Đảng Dân chủ) các nhiệm kỳ: 1963-1967, 1971-1979 và 1983-1987 (BT).

243. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 05-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

**** **Giôn Lindôxây (John Vliet Lindsay:** 1921-2000): là một chính trị gia người Mỹ, luật sư, Thị trưởng thành phố Niu Oóc (New York), ứng cử viên Tổng thống Mỹ, Hạ nghị sĩ Hoa Kỳ từ năm 1959 đến năm 1965 và là thị trưởng của thành phố Niu Oóc (New York) từ năm 1966 đến năm 1973. Ông rời bỏ Đảng Cộng hòa gia nhập Đảng Dân chủ vào năm 1971 (BT).

Thượng nghị sĩ Mike Mansfield (lãnh tụ phe đa số tại Thượng viện) tuyên bố rằng ông chống đối việc gia tăng oanh kích hoặc sử dụng các lực lượng bộ chiến Hoa Kỳ... Thượng nghị sĩ Mansfield kêu gọi Hoa Kỳ hãy triệt thoái toàn thể lực lượng ra khỏi Nam Việt Nam đồng thời cho rằng giải pháp duy nhất vẫn là dàn xếp bằng thương thuyết tại Ba Lê"²⁴⁴.*

Ngày 06-4-1972, Níchxon ra lệnh ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam. Nhưng hành động "trả đũa" không những không ngăn được bước tiến quân của Quân Giải phóng, ngược lại càng làm tăng áp lực chống đối lên chính quyền Níchxon.

Ngày 13-4-1972, "Thượng viện Hoa Kỳ biểu quyết thông qua (với 68 phiếu thuận và 16 phiếu chống) dự luật hạn chế quyền hành về chiến tranh của Tổng thống Hoa Kỳ"²⁴⁵.

Ngày 14-4-1972, trong khi Tướng Alêxandơ Hâygo (Alexander Haig) - Phụ tá Cố vấn Kítxinhgiơ (Kissinger), được phái sang Sài Gòn thị sát, tại Oasinhton, "45 dân biểu và 17

* **Maico Giôdép Manxphin (Michael Joseph Mansfield: 1903-2001):** là một chính trị gia người Mỹ và nhà ngoại giao; là thành viên của Đảng Dân chủ, là một Hạ Nghị sĩ Hoa Kỳ (1943-1953) và Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ (1953-1977) từ tiểu bang Môngtana. Ông là người lãnh đạo phe đa số Thượng viện lâu nhất (từ 1961 đến 1977). Trong suốt nhiệm kỳ của mình, ông luôn mạnh mẽ phản đối chiến tranh Việt Nam (BT).

244. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 05-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

245. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 14-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

thượng nghị sĩ Hoa Kỳ ký tên trong một văn thư chính thức yêu cầu Tổng thống Níchxon tường trình đầy đủ về phạm vi, mục đích và tổn phí của các kế hoạch quân sự hiện nay của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Nhóm dân biểu, nghị sĩ trên cho rằng Hoa Kỳ có vẻ như đang leo thang quan trọng sự liên hệ vào cuộc chiến Việt Nam"²⁴⁶.

Ngày 15-4-1972, "hai thượng nghị sĩ Dân chủ Edmund Muskie và George Mc. Govern lên tiếng kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ đình chỉ các cuộc oanh tạc Bắc Việt, chấm dứt sự tăng cường hải quân tại Việt Nam và tiếp tục cuộc hội đàm tại Ba Lê. Hai thượng nghị sĩ trên cũng chỉ trích chương trình "Việt Nam hóa" của chính phủ Níchxon và coi như kế hoạch này đã thất bại"²⁴⁷.

Ngày 17-4-1972, Uyliam Râugiơ (William Rogers)* - Ngoại trưởng Hoa Kỳ, buộc phải điều trần trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ về tình hình chiến sự tại Việt Nam. Tại đây, ông ta đưa ra 3 lý do để biện minh cho hành động oanh tạc trở lại miền Bắc Việt Nam của Níchxon là "để bảo vệ lực lượng Hoa Kỳ còn lại tại Nam Việt Nam; để bảo đảm cho chương trình rút quân

246. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 14-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

247. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 15-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

* **Uyliam Râugiơ (William Pierce Rogers: 1913 - 2001)** là một chính trị gia người Mỹ, luật sư; đảng viên Đảng Cộng hòa Mỹ; Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ từ 1969 đến 1973 dưới thời Tổng thống Níchxon (BT).

được tiếp tục; giúp VNCH"²⁴⁸. Tuy nhiên, luận điệu của ông ta bị phản bác ngay sau đó bởi các thượng nghị sĩ đảng Dân chủ.

"Thượng nghị sĩ Dân chủ Muskie: chỉ trích cuộc oanh tạc và cho biết sẽ đệ trình Thượng viện một quyết nghị buộc Hoa Kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt, tái họp hội đàm Ba Lê và tiếp tục chương trình rút quân tại Việt Nam;

Thượng nghị sĩ Dân chủ Govern lên án cuộc oanh tạc là làm chiến cuộc lan rộng và gây hậu quả nguy hiểm cho các lực lượng Hoa Kỳ còn lại tại Việt Nam;

Thượng nghị sĩ Dân chủ Humphrey cho rằng cuộc oanh tạc Hải Phòng là hành động leo thang chiến tranh và nhấn mạnh rằng chính sách của Hoa Kỳ phải là chính sách rút lui;

Thượng nghị sĩ Dân chủ Kennedy gọi cuộc oanh tạc là hành động đáp ứng vô ý thức trước sự thất bại của chương trình Việt Nam hóa"²⁴⁹.*

248. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 18-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Étuốt Kennođi (Edward Moore "Ted" Kennedy: 1932 - 2009)** là một Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ của bang Mátxachuxét (Massachusetts) và là đảng viên đảng Dân chủ. Ông được bầu vào thượng viện lần đầu vào tháng 11 năm 1962 và tổng cộng chín lần. Ông làm việc trong thượng viện được 46 năm. Tại thời điểm ông mất, ông là thành viên kỳ cựu thứ nhì của thượng viện và ông cũng là thượng nghị sĩ phục vụ thời gian dài thứ ba trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông là em trai của Tổng thống Hoa Kỳ Giôn Kennođi (John F. Kennedy) và Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Rôbôt Kennođi (Robert F. Kennedy), cả hai người này đều bị ám sát. Ông là người phản đối chiến tranh Việt Nam (BT).

249. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 17-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Ngày 18-4-1972, đến lượt Menvin Leđơ (Melvin Laird) - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ ra điều trần trước Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Hoa Kỳ về các cuộc oanh tạc miền Bắc Việt Nam. Không biện minh như Uyliam Râugiơ (William Rogers), Menvin Leđơ (Melvin Laird) ngoan cố tuyên bố: “Hoa Kỳ sẽ tiếp tục các cuộc oanh tạc trên lãnh thổ Bắc Việt, tại Nam Việt, Ai Lao và Campuchia... xác nhận rằng các cuộc oanh tạc Bắc Việt hiện rất hữu hiệu đồng thời ông cho biết thêm là các lực lượng hải quân Hoa Kỳ đang được gửi thêm sang Việt Nam”²⁵⁰. Sự ngoan cố của Menvin Leđơ (Melvin Laird) được đáp trả bằng việc “Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Hoa Kỳ thông qua (với 9 phiếu thuận, 1 phiếu chống) một dự luật cắt các ngân khoản dành cho lực lượng Hoa Kỳ tại Đông Dương sau ngày 31-12-1972 với điều kiện Bắc Việt phóng thích tất cả tù binh Hoa Kỳ”²⁵¹. Chưa hài lòng với dự luật trên, ngày 19-4-1972, tại Hạ viện Hoa Kỳ, “các dân biểu thuộc đảng Dân chủ đang vận động cho dự luật đòi chấm dứt mọi liên hệ quân sự của Hoa Kỳ tại Đông Dương sau khi tù binh Hoa Kỳ được phóng thích. Dự luật này cũng lên án việc tăng cường oanh tạc của Hoa Kỳ tại Bắc Việt là một sự “leo thang chiến tranh nguy hiểm”²⁵².

250, 251. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 19-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

252. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 20-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Ngày 21-4-1972, Níchxon tiếp tục nhận được tin xấu. “Hai nữ dân biểu Bella* Abzug và Patsy** Mìng thuộc đảng Dân chủ Hoa Kỳ đã đến Ba Lê để tìm hiểu nguyên do đưa đến việc đình chỉ cuộc thương thuyết về vấn đề Việt Nam, cùng thăm dò tin tức về tù binh Hoa Kỳ tại Đông Dương. Tại phi trường Orly, hai nữ dân biểu trên cho biết họ đã có hẹn gặp bà Nguyễn Thị Bình và sau đó sẽ tiếp xúc với đại diện các phái đoàn Hoa Kỳ, VNCH và Bắc Việt”²⁵³. Ngày 22-4-1972, sau khi thảo luận với ông (Xuân Thủy) Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hai nữ dân biểu Hoa Kỳ đã “lên tiếng chỉ trích chính sách của Tổng thống Níchxon, đồng thời cho biết các phái đoàn CS hiện rất mong muốn cuộc hòa đàm được tái tục”²⁵⁴.

Ngày 24-4-1972, Thượng nghị sĩ Hubót Hămphori (Hubert Hamphrey) tuyên bố “toàn bộ lực lượng Hoa Kỳ có thể và nên triệt

* **Benla Ápduc (Bella Savitsky Abzug: 1920 - 1998):** luật sư, đảng viên Đảng Dân chủ Mỹ, Hạ nghị sĩ Hoa Kỳ (1971-1973) của tiểu bang Niu Óoc, nhà hoạt động xã hội và một nhà lãnh đạo của phong trào phụ nữ Hoa Kỳ(BT).

** **Pastxi Mìng (Patsy Matsu Takemoto Mìnk: 1927- 2002):** là nhà hoạt động chính trị, người Mỹ gốc Nhật Bản; bà là Hạ nghị sĩ Hoa Kỳ của tiểu bang Haoai, bà là thành viên Đảng Dân chủ Mỹ (BT).

253. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 22-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

254. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 23-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

thoái ra khỏi Việt Nam trong vòng 60 ngày"²⁵⁵. Ông cũng kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ ngừng tất cả mọi viện trợ cho các nước tại Đông Dương sau khi đã triệt thoái khỏi vùng này. Trong khi "12 nghị sĩ và 69 dân biểu phản chiến Hoa Kỳ đã ngỏ ý muốn được hội kiến với Tổng thống Níchxon trước ngày ông Níchxon công du tại Nga để thảo luận về việc chấm dứt vai trò quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam"²⁵⁶.

Trong thời điểm "cuộc chiến" ở Quốc hội Hoa Kỳ chưa thấy có hồi kết, cuối tháng 4-1972, phong trào sinh viên bãi khóa phản đối việc oanh tạc miền Bắc Việt Nam nổ ra và lan rộng tới nhiều trường đại học tại Hoa Kỳ, càng làm cho tình hình trở nên "ảm đạm" đối với chính quyền Níchxon.

"Ngày 21-4-1972, sau Đại học Yale (Connecticut), sinh viên Đại học Colombia (New York) bãi khóa. Viện trưởng Đại học Colombia kêu gọi sinh viên dùng những ngày này để nghĩ đến chiến tranh Việt Nam và ý nghĩa của cuộc chiến này.

Tại Cambridge (Massachusetts), khoảng 2.000 sinh viên Đại học Harvard tuyên bố ủng hộ một cuộc bãi khóa vô hạn định.

Trong khi đó, các tổ chức hòa bình đã đặt những nhóm kêu gọi bãi khóa tại 45 trường trong tiểu bang New England.

255. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 24-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

256. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 25-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

Tại Washington, 3 mục sư Cơ đốc giáo đã cử hành một lễ kéo dài 1 tiếng đồng hồ trong khuôn viên Ngũ Giác Đài (Nhà Trắng - TG) để phản đối chiến tranh Việt Nam.

Mặt khác, một số nhân vật Quốc hội Hoa Kỳ và các lãnh tụ phản chiến đang vận động tổ chức một cuộc biểu tình vào ngày 04-5-1972 để tố cáo việc Hoa Kỳ oanh tạc Hà Nội và Hải Phòng²⁵⁷.

Ngày 23-4-1972, "khoảng 30.000 người đã tham dự cuộc biểu tình tuân hành chống chiến tranh Việt Nam. Họ kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ chấm dứt oanh tạc Bắc Việt và triệt thoái vô điều kiện ra khỏi Việt Nam"²⁵⁸.

Trước đó, ngày 22-4-1972, "Hội Sinh viên quốc gia Hoa Kỳ và "Ủy ban vận động sinh viên"... cũng đã thực hiện một cuộc bãi khóa tại 65 trường Đại học Hoa Kỳ để phản đối chính sách của Tổng thống Níchxon về Việt Nam. Các tổ chức này còn cho biết họ sẽ vận động một cuộc bãi khóa tương tự vào ngày 04-5-1972 để tưởng niệm vụ 4 sinh viên bị bắn chết trong một cuộc biểu tình tại Đại học Kent"²⁵⁹.

Cùng thời điểm, Viện Ganlóp (Gallup) công bố kết quả cuộc thăm dò dư luận mới nhất (tháng 4-1972) về sự "ủng hộ của cử tri Hoa Kỳ đối với các chuẩn ỉng cử viên Tổng thống", "Tổng thống

257. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 22-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

258, 259. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 23-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Níchxon được 46% những người được hỏi ý kiến ủng hộ²⁶⁰, giảm gần 20% so với cuộc thăm dò trước đó. Ngược lại, vào những ngày cuối tháng 4-1972, chân dung đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Níchxon trong cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ thứ 39, đã hiện rõ. Thượng nghị sĩ Mác Gávon đang thẳng tiến đến vị trí trở thành ứng cử viên của đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử vào tháng 11 năm 1972 và ngày càng thu hút được sự chú ý của cử tri Hoa Kỳ với lời tuyên bố chấm dứt chiến tranh Việt Nam trong vòng 90 ngày.

Trước thực trạng sinh mệnh chính trị bị đe dọa trầm trọng, 23 giờ ngày 26-4-1972 (11 giờ ngày 27-4-1972 giờ Sài Gòn), trong bài diễn văn về chính sách đối với Việt Nam, Níchxon buộc phải xuống thang, chỉ thị cho Đại sứ Poócơ* (Porter) trở lại bàn đàm phán Pari về Việt Nam. Nhưng ông ta vẫn ngoan cố, tuyên bố: *“tôi đã ra lệnh cho lực lượng không quân và hải quân tấn công vào những căn cứ quân sự ở Bắc Việt Nam, tiếp tục tấn công cho tới khi nào người Bắc Việt Nam chấm dứt cuộc tấn công của họ vào miền Nam Việt Nam”*²⁶¹.

Tuyên bố của Níchxon một lần nữa làm bùng nổ “cuộc chiến” ở Hoa Kỳ trong những ngày cuối tháng 4-1972. Ngay các

260. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 11-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

* Uyliam Poócơ (William James Porter: 1914-1988) là nhà ngoại giao Hoa Kỳ từ 1971 đến 1973 đứng đầu phái đoàn Hoa Kỳ cho các cuộc đàm phán hòa bình Pari để kết thúc chiến tranh Việt Nam (BT).

261. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, hồ sơ 1469: Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao VNCH về Hội đàm Ba Lê, số 146 ngày 12-4-1972.

thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa - những người vốn bên vực chính sách của Níchxon, cũng không tỏ ra ủng hộ ông ta.

Ngày 28-4-1972, các thượng nghị sĩ Rôbóc Đôlo* (Robert Dole), Giacốp Giavít** (Jacob Javits), Rôbóc Taphơ*** (Robert Taft), Gioócgiơ Âycân**** (George Aiken) và Dân biểu Giêrôn Pho***** (Gerald Ford - lãnh tụ phe Cộng hòa tại Hạ viện) đánh

* **Rôbót Đônlo (Robert Joseph "Bob" Dole: 1923)** là một chính trị gia người Mỹ, Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đại diện cho tiểu bang Kansot từ 1969-1996; năm 1996, ông đã từng là ứng cử viên Tổng thống của Đảng Cộng hòa trong cuộc tranh cử chống lại Tổng thống Hoa Kỳ của Đảng Dân chủ Bin Clinton và đã thất bại (BT).

** **Giacốp Giavít (Jacob Javits: 1904-1986):** Nhà hoạt động chính trị Mỹ, Luật gia, Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ (đại diện tiểu bang Niu Óoc) thuộc Đảng Cộng hòa (1957-1081), (BT).

*** **Rôbót Taphơ (Robert Taft - thường được gọi là Robert Taft Jr: 1917 - 1993)** là một thành viên của gia đình có truyền thống hoạt động chính trị ở Hoa Kỳ. Taphơ là một Hạ Nghị sĩ của đảng Cộng hòa từ Ôhaiô giữa năm 1963 và 1965, cũng như giữa năm 1967 và 1971. Ông cũng phục vụ như là một Thượng nghị sĩ Mỹ từ năm 1971 và 1976 (BT).

**** **Goócgiơ Âycân (George David Aiken: 1892 - 1984):** là chính trị gia; một thành viên của Đảng Cộng hòa, ông là Thống đốc tiểu bang Vécmon từ 1937-1941. Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ trong 34 năm, từ 1941 đến 1975 (BT).

***** **Giêrôn Pho (Gerald Rudolph Ford, Jr.: 1913-2006):** ông đã từng là Hạ nghị sĩ Hoa Kỳ đại diện tiểu bang Michigân (đảng viên Đảng Cộng hòa) từ 1949 đến 1973, sau là Tổng thống thứ 38 của Hoa Kỳ (1974-1977) và là Phó tổng thống thứ 40 (1973-1974). Ông là người đầu tiên được chỉ định vào chức vụ Phó Tổng thống theo Hiến pháp Hoa Kỳ (thay thế ông Ácniui bị mất chức). Ông trở thành Tổng thống vào ngày 09 tháng 8 năm 1974 sau khi Rísót Níchxon từ chức vì vụ Oatoghết (Watergate). Khi trở thành tổng thống, ông là người đầu tiên (và cho đến nay, là người duy nhất) trong lịch sử trở thành Tổng thống Hoa Kỳ mà không phải thông qua một cuộc bầu cử vào chức Phó Tổng thống hay Tổng thống (BT).

giá “bài diễn văn chứng tỏ Tổng thống Níchxon rất “can đảm” và “khôn ngoan”²⁶².

Về phía đảng Dân chủ, Thượng nghị sĩ Uyliam Phunbrai* (William Fulbright) - Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ nhận định “*đường như sự dính líu của Hoa Kỳ vào Việt Nam trở nên vô tận và không biết lúc nào mới chấm dứt*”. Còn Thượng nghị sĩ Mắc Gaven mô tả bài diễn văn là “*một thủ đoạn chính trị nhằm cứu vãn thanh danh của Tổng thống Níchxon*”²⁶³.

Cùng ngày, sinh viên các trường đại học Penxivania (Philadenphia), Indiana (Blútminhton), Còlumbia (Niu Oóc) xuống đường biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh Đông Dương.

Đầu tháng 5-1972, chính quyền Níchxon tiếp tục bị nhận thêm một đòn chính trị nặng nề. Ngày 08-5-1972, sau chuyến thị sát chiến trường vào tháng 01-1972, phái đoàn điều tra Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Hoa Kỳ đệ trình bản báo cáo về tình hình Đông Dương. Trong báo cáo, phái đoàn khẳng định Quân Giải phóng sẽ tiếp tục duy trì lực lượng tại Lào và Campuchia, đẩy chính quyền Sài Gòn vào thế bị bao vây

262, 263. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17525: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 28-4-1972 Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Uyliam Phunbrai (James William Fulbright: 1905 - 1995):** ông là chính khách Hoa Kỳ, thuộc Đảng Dân chủ, là Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đại diện cho tiểu bang Ackansót (Arkansas) 1945-1975; nhiều năm là Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ (1959-1974), (BT).

thường xuyên. Phái đoàn nhận định *"Ai Lao và Campuchia đang trên đà sụp đổ"*²⁶⁴. Bản báo cáo cũng tiết lộ, Hoa Kỳ đã viện trợ khoảng 100 triệu đô la mỗi năm để duy trì lực lượng Thái Lan tham chiến tại Lào - vi phạm đạo luật của Quốc hội Hoa Kỳ, cấm tài trợ cho các lực lượng nước ngoài tham chiến tại Lào và Campuchia.

Đối phó với sự kiện trên, Tổng thống Níchxon buộc phải triệu hồi Ngoại trưởng Uyliam Rângiơ, đang công du châu Âu, để tham dự phiên họp khẩn cấp Hội đồng An ninh quốc gia vào ngày 08-5-1972, nhằm xét duyệt tình hình Đông Dương. Ngay sau phiên họp, tối 08-5-1972, trên hệ thống truyền hình, Níchxon đọc bài diễn văn tường trình tình hình ở Việt Nam. Trong bài diễn văn, bất chấp đánh giá của phái đoàn điều tra Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ, Níchxon tiếp tục lún sâu hơn vào chính sách tăng cường và mở rộng chiến tranh. Ông ta tuyên bố: *"Hoa Kỳ sẽ tiếp tục hậu thuẫn VNCH; Hoa Kỳ không đe dọa nền độc lập của Bắc Việt; Hoa Kỳ nhìn nhận Nga Xô (Liên bang Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Xô viết - TG) có những quyền lợi cần bảo vệ nhưng Nga phải chú ý đến "quyền bảo vệ quyền lợi" của Hoa Kỳ"*²⁶⁵. Đối với Đông Dương, Níchxon quyết định:

264. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 08-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

265. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 09-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

“Phong tỏa bằng mìn tất cả các hải cảng Bắc Việt, ngăn chặn tiếp liệu và cắt đứt hệ thống giao thông, liên lạc tại Bắc Việt;

Tiếp tục các cuộc oanh kích bằng không quân và hải lực;

Thông báo cho tất cả tàu bè ngoại quốc hiện cập bến Bắc Việt phải rời các hải cảng tại miền Bắc trong thời hạn 3 ngày trước khi mìn phong tỏa được gắn ngòi nổ”²⁶⁶.

Cùng với quyết định trên, nhằm lừa bịp dư luận Hoa Kỳ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, Níchxon đặt ra 2 điều kiện để chấm dứt chiến tranh phá hoại và phong tỏa miền Bắc Việt Nam: *“Tất cả tù binh Hoa Kỳ được phóng thích; Phải có một cuộc ngừng bắn có kiểm soát quốc tế... Sau khi 2 điều kiện trên được thực hiện, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hành động quân sự tại Đông Dương và rút hết quân trong vòng 4 tháng”²⁶⁷.*

Hai điều kiện mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa luôn khẳng định với các phái đoàn Hoa Kỳ tới thăm miền Bắc Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Đặc biệt là đối với vấn đề tù binh Hoa Kỳ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định, ngay khi chính phủ Hoa Kỳ chấm dứt can dự và rút quân đội khỏi miền Nam Việt Nam, sẽ trao trả tù binh bắt đầu vào ngày 20-01-1973 và sau 3 tháng toàn bộ tù binh Hoa Kỳ sẽ được trở về nước.

266, 267. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 09-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Cũng như lần trước, quyết định phong tỏa miền Bắc Việt Nam của Tổng thống Níchxon bị dư luận chỉ trích mạnh mẽ. Ngày 10-5-1972, tại Hoa Kỳ và các nước phương Tây, dư luận báo chí đánh giá quyết định của Níchxon là sự “điên rồ” không thể biện minh được, là “tấn thảm kịch lớn của Hoa Kỳ”.

Tờ "St. Louis-dispatch" (Hoa Kỳ): “bằng cách lựa chọn mở rộng chiến tranh để thực hiện hoà bình, Tổng thống Nixon đã đọc một bài diễn văn cho ta nhớ lại những điên rồ của quá khứ... Biện pháp phong tỏa là một hành vi chiến tranh và dù ông Níchxon nói gì đi nữa, ông không thể biện minh hành vi đó”.

Tờ "Philadenphia Evening Bulletin" (Hoa Kỳ): “Ông Níchxon đã chơi một ván cờ lớn và chỉ có thành công mới biện minh được cho hành vi đó”.

Tờ "Chicago Daily News" (Hoa Kỳ): “... Hành động của Tổng thống Níchxon nêu lên viễn tưởng của một cuộc can dự toàn cầu. Dù ông đã đưa ra lý do biện minh, người ta vẫn tự hỏi liệu trò chơi có đáng không?”.

Tại Anh tờ "Daily Mirror" gọi “sự phong tỏa là hành động kết cuộc trong tấn thảm kịch lớn của Hoa Kỳ. Ông Níchxon lựa chọn sự thách thức tính toán này hơn là việc đầu hàng tức khắc. Tuy nhiên, khi sự chiến bại là một điều chắc chắn, đâu hàng đâu nhất thiết là một sự nhục nhã? Chắc chắn nó sẽ vinh dự hơn là việc gây thêm nhiều đau thương một cách vô ích cho những người dân chưa hề biết là chiến tranh nhằm mục tiêu gì”.

Tại Ôxtrâyliya, tờ "Sydney Morning Heral" cho rằng

quyết định của ông Níchxon là “một hành động tuyệt vọng trong cơn khủng hoảng”²⁶⁸.

Nhân sự kiện này, ngày 15-5-1972, nhà báo Gioócgio Uốcdanh (Georges Hourdin), qua bài viết “Phá vỡ một số huyền thoại trong cuộc chiến tranh Đông Dương” trên nhật báo “Le Monde”, đã vạch trần bản chất cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Hoa Kỳ. Ông viết:

“Huyền thoại đầu tiên về cuộc chiến Đông Dương cần phải đả phá là việc quy lỗi cho Bắc Việt đã gây ra cuộc chiến này. Nhiều người Pháp vẫn còn nghĩ rằng cuộc tuyển cử năm 1956 do Hiệp định Genève 1954 trù liệu đã không diễn ra vì du kích quân CS đã xâm nhập Nam Việt Nam hồi năm 1955. Sự thật không phải như thế. Các tác phẩm nghiên cứu của ông Devillers và Lacouture đã viết lại một cách xác thực những gì xảy ra trong khoảng thời gian rôi ren này tại Viễn Đông. Qua những tài liệu trên, người ta có thể kết luận rằng:

- Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm đã không chịu tổ chức các cuộc tuyển cử như Hiệp định Genève 1954 quy định.

- Hoa Kỳ nhất quyết không muốn chế độ CS được thành lập tại Nam Việt Nam.

- Với những phương pháp tàn bạo và độc tài, Tổng thống Diệm đã thúc đẩy những người không cùng quan điểm với ông chạy ra bưng biên hoặc phải lưu vong. Dưới áp lực ngày càng gia tăng, “Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam” đã ra đời hồi tháng 12-1960.

268. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, vv.5341: Những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý (ghi nhận từ ngày 06-5-1972 đến ngày 12-5-1972).

- Cùng lúc đó, ngay trong những tháng đầu năm 1961, dường như các cơ quan mật vụ Hoa Kỳ cũng tìm cách gây rối loạn tại Bắc Việt.

Có một huyền thoại, theo đó, CS Việt Nam được coi như những người sát hại Đạo Thiên Chúa, còn Hoa Kỳ như những thập tự quân. Quan điểm trên đây hoàn toàn sai lạc... Các cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ đã tàn phá nhà thờ, trong Nam cũng như ngoài Bắc. Chính sự tàn phá này đã khiến cho người nghèo, người giàu, người lương giáo kết hợp lại với nhau khăng khít hơn. Rất có thể "chính phủ liên hiệp" sau này tại miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng sự tự do tín ngưỡng của dân chúng.

Ngoài ra, còn một huyền thoại nữa có lẽ quan trọng hơn huyền thoại trên. Nhiều người cho rằng một quốc gia dân chủ và hùng mạnh như Hoa Kỳ bắt buộc phải chiến thắng bằng quân sự trong các cuộc tranh chấp. Sự vinh quang lịch sử không xuất phát từ quân sự và trách nhiệm của Hoa Kỳ, với tư cách người lãnh đạo thế giới Tây phương, không gắn liền với sự biểu dương lực lượng. Tổng thống Nixon lập luận rằng nếu ông bỏ rơi Việt Nam, sẽ có máu đổ khắp nơi. Người ta có thể nhắc để ông thấy rằng hành động của ông hiện nay đã không ngăn được máu đổ tại Viễn Đông.

Nếu ngày nào đó Tổng thống Nixon tìm được con đường chân chính đưa tới hoà bình, hoà giải Đông và Tây phương, ảnh hưởng của ông sẽ gia tăng. Lúc đó, điều quan yếu là phải áp dụng lại các thoả ước Genève.

Ngoài ra còn một huyền thoại cuối cùng cần phải phá vỡ: huyền thoại này cho rằng cuộc tranh chấp chỉ nằm trong giới

hạn nước Việt Nam thôi. Điều đó không đúng vì còn có trường hợp của Campuchia, Lào và Thái Lan"²⁶⁹.

Tại Hoa Kỳ, giữa tháng 5-1972, "các cuộc biểu tình nhằm phản đối chính sách mới của Tổng thống Nixon về Việt Nam vẫn tiếp tục xảy ra tại các thành phố lớn ở Hoa Kỳ như Washington, New York, Chicago"²⁷⁰. Ngày 10-6-1972, "các tổ chức phản chiến Hoa Kỳ đã sử dụng ca nô, thuyền nhỏ phong tỏa hải cảng Viddletow (tiểu bang New Jersey) và hải cảng Bangor (tiểu bang Washington) để ngăn chặn không cho các tàu chở chiến cụ sang Việt Nam"²⁷¹.

Trong thời điểm dư luận đang nóng bỏng, Viện "Lui Harít" (Louis Harris) và Viện Ganlóp (Gallup) công bố một loạt kết quả thăm dò dư luận, càng khiến áp lực đè nặng lên chính quyền Níchxon. Ngày 15-5-1972, Viện "Louis Harris" công bố kết quả thăm dò dư luận Hoa Kỳ với 51% người được hỏi ủng hộ vấn đề ngừng bắn tại Nam Việt Nam; 44% tán thành vấn đề thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh cùng điều kiện Quân đội miền Bắc Việt Nam ở lại miền Nam Việt Nam²⁷². Ngày 13-6-1972,

269. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, vv.5343: Những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý (ghi nhận từ ngày 20-5-1972 đến 26-5-1972).

270. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

271. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17527: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 07-6-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

272. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 15-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Viện "Louis Harris" công bố kết quả cuộc thăm dò dư luận về một số vấn đề liên quan đến giải quyết chiến tranh Việt Nam: "79% tán thành việc triệt thoái toàn thể lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Nam Việt Nam với điều kiện không phương hại đến tù binh Hoa Kỳ; 75% ủng hộ việc kết thúc chiến tranh Việt Nam bằng cách thành lập một chính phủ trung lập"²⁷³. Ngày 25-6-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả thăm dò dư luận Hoa Kỳ từ ngày 16-6 đến ngày 19-6-1972 đối với chính sách của Tổng thống Níchxon với kết quả: 32% người được hỏi chống đối và 8% không có ý kiến²⁷⁴.

Trên nghị trường, ngày 10-5-1972, Thượng nghị sĩ Kennơđi (Kennedy) cho rằng hành động phong tỏa miền Bắc Việt Nam là "hành vi vô nghĩa và nói lên sự thất vọng về quân sự"²⁷⁵. Ngày 11-5-1972, 23 nghị sĩ Quốc hội Hoa Kỳ đệ đơn tại Tòa án Liên bang "yêu cầu cơ quan này tìm cách ngăn chặn chính phủ thực hiện việc oanh tạc và phong tỏa hải phận Bắc Việt"²⁷⁶. Ngày 12-5-1970, Thượng nghị sĩ Manxphin (Mansfield) nhận định về tác động

273. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17527: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 13-6-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

274. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17527: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 27-6-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

275. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 10-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

276. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 13-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

của việc phong tỏa miền Bắc đến quan hệ Hoa Kỳ và Liên bang Xô viết. Ông cho rằng: *“quyết định phong tỏa Bắc Việt có thể phương hại đến cuộc “hội đàm về giới hạn vũ khí chiến lược” Nga - Mỹ và làm tăng gia khả năng một cuộc đụng độ giữa các đại cường”*²⁷⁷. Ngày 23-5-1972, Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ biểu quyết thông qua dự luật chuẩn chi ngoại viện trong tài khóa năm 1973 là 1 tỷ 700 triệu đô la, cắt giảm 550 triệu đô la so với đề nghị của Chính quyền Níchxon và thông qua tu chính án của Thượng nghị sĩ Manxphin (Mansfield) *“đòi triệt thoái vô điều kiện tất cả lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam trước ngày 31-8-1972 và cắt tất cả ngân khoản dùng vào những hoạt động tác chiến của Hoa Kỳ tại Đông Dương ngay khi Bắc Việt phóng thích hết tù binh Hoa Kỳ và chấp nhận ngừng bắn”*²⁷⁸. Tại Thượng viện Hoa Kỳ, *“dự luật nhằm cắt tất cả ngân khoản dành cho cuộc chiến ở Đông Dương dự định được đưa ra biểu quyết vào ngày 15-5-1972”*²⁷⁹. Ngày 19-5-1972, Dân biểu Đôn Êtuốt* (Don Edwards) thực hiện

277. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

278. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 25-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

279. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 14-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Đôn Êtuốt (William Donlon Edwards:** sinh 1915): là một chính trị gia của Đảng Dân chủ Hoa Kỳ, trước đây là Hạ Nghị sĩ Hoa Kỳ đại diện cho tiểu bang Caliphóocnia (California) (BT).

cuộc thăm dò ý kiến tại Thượng viện và Hạ viện Hoa Kỳ đối với quyết định phong tỏa miền Bắc Việt Nam của Níchxon. Kết quả, "tại Hạ viện, 35.433 (78%) các bức thư và điện tín gửi tại Hạ viện chống đối so với 7.365 (22%) tán thành; tại Thượng viện, 33.821 (82%) các bức thư và điện tín chống đối. 7.365 (18%) tán thành"²⁸⁰.

Trên trường quốc tế, quyết định của Tổng thống Níchxon càng khiến Hoa Kỳ bị cô lập. Ngày 10-5-1972, Ngoại trưởng Pháp Suman (Schumann) "phản nài về các quyết định của Hoa Kỳ và nhấn mạnh rằng một chính phủ trung lập tại Sài Gòn sẽ giúp đưa đến cơ hội dàn xếp vấn đề Việt Nam qua đường lối thương thuyết". Ngoại trưởng Nhật Bản Phucudã (Fukuda) "tiếc đối với các quyết định của Tổng thống Nixon"²⁸¹.

Ngày 12-5-1972, Tổng thư ký Liên hiệp quốc Cuốc Vanhem* Kurt Waldheim gửi giác thư cho Chủ tịch và 15 thành viên Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc "bày tỏ mối lo âu của thế giới trước mức độ bành trướng của chiến cuộc tại Việt Nam... kêu gọi một cuộc ngừng bắn tại Việt Nam và tái tục hòa đàm Ba Lê"²⁸².

280. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 21-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

281. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 10-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

* **Cuốc Vanhem (Kurt Waldheim: 1918 - 2007)** là nhà ngoại giao Áo. Ông là Tổng Thư ký thứ tư của Liên hợp quốc từ năm 1972 đến cuối năm 1981 và là Tổng thống Áo từ năm 1986 đến 1992 (BT).

282. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 13-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

Về phía Liên Xô và Trung Quốc, đúng như nhận định của Thượng nghị sĩ Manxphiun (Mansfield), quyết định của Tổng thống Níchxon tạo ra nguy cơ đổ vỡ mối quan hệ mới được thiết lập.

Ngày 09-5-1972, chính phủ Liên bang Xô viết tuyên bố *“đình hoãn phiên họp với Hoa Kỳ về vấn đề thương thuyền giữa hai nước ngày 10-5-1972”*²⁸³. Ngày 10-5-1972, Thông tấn xã Liên bang Xô viết (TASS) tố cáo quyết định của Níchxon là hành động *“xâm lăng trắng trợn và vi phạm công pháp quốc tế”*²⁸⁴. Ngày 11-5-1972, Đài phát thanh Mátxcova phát đi bài bình luận, kêu gọi thiết lập một *“hệ thống an ninh chung tại châu Á”*. Trong đó khẳng định *“hệ thống an ninh chung tại Á châu chỉ có thể thành hình khi Hoa Kỳ ngưng xâm lăng Đông Dương, quân đội ngoại quốc triệt thoái khỏi vùng này và đạt được một giải pháp hòa bình tại những khu vực khác ở Á châu”*²⁸⁵. Qua ngày 12-5-1972, Chính phủ Liên bang Xô viết chính thức lên tiếng cảnh cáo *“việc Hoa Kỳ phong tỏa các hải cảng Bắc Việt sẽ mang lại nhiều hậu quả quan trọng đối với nền hòa bình và an ninh quốc tế... Chính phủ Nga Xô không thể*

283. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 11-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

284. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 10-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

285. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

chấp nhận hành động trên của Hoa Kỳ vì việc này cản trở sự tự do lưu thông và an ninh của các tàu Nga và các nước khác. Chính phủ Nga sẽ quyết định những phản ứng thích hợp và Hoa Kỳ sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hậu quả của các hành động phạm pháp này"²⁸⁶. Ngày 14-5-1972, đài phát thanh Mátxcova thông báo "hàng hóa vẫn được tiếp tục chất lên tàu tại các bến ở Nga để chuyên chở qua Bắc Việt... hiện có 8 thương thuyền Nga đang trên đường đến các hải cảng Bắc Việt... Thông tấn xã Tass (Thông tấn xã của Liên bang Xô viết - TG) cũng cho biết các thuyền trưởng của những tàu Nga còn kẹt lại ở Hải Phòng đã điện về Mạc Tư Khoa (Mátxcova - TG) những bản báo cáo theo đó họ đã cam kết rằng việc phong tỏa bằng mìn và các cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ sẽ không thể ngăn cản "bước tiến" của họ trong việc trợ giúp cho Bắc Việt"²⁸⁷.

Tại Trung Quốc, ngày 09-5-1972, giới lãnh đạo cao cấp cho rằng "không thể có tiến bộ trên nhiều "lĩnh vực khác" trong mối bang giao Hoa Kỳ - Trung Cộng cho đến khi vấn đề Việt Nam được giải quyết.... Việc Hoa Kỳ tái oanh tạc Bắc Việt đã làm lu mờ ý nghĩa chuyến Hoa du vừa qua của Tổng thống Níchxon"²⁸⁸. Ngày 10-5-1972,

286. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

287. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 14-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

288. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 09-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung Quốc lên tiếng tố cáo và cho rằng *"hành động này khiêu khích nghiêm trọng đối với Bắc Kinh"*²⁸⁹. Ngày 11-5-1972, Tân Hoa xã và Nhân dân nhật báo - cơ quan ngôn luận của chính phủ Trung Quốc, phát đi tuyên bố *"lên án gắt gao những quyết định ngày 9-5-1972 của Tổng thống Nixon. Bản tuyên bố cho rằng biện pháp trên của Hoa Kỳ là một hành động leo thang trầm trọng... tuyên bố khẳng định rằng nhân dân và lãnh thổ Trung Cộng (Chính phủ Trung Quốc - TG) là hậu thuẫn và hậu phương đáng tin cậy của nhân dân Việt Nam... tái xác định rằng Trung Cộng sẽ ủng hộ và chi viện nhân dân Việt Nam và nhân dân Đông Dương tới cùng"*²⁹⁰. Tại Liên hiệp quốc, cùng ngày, Đại diện thường trực của Trung Quốc tại Hội đồng Bảo an, Hoàng Hoa, đệ trình thư lên Tổng thư ký Liên hiệp quốc Cuốc Vanhem (Kurt Waldheim) và Đại diện Hoa Kỳ kiêm Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc trong tháng 5-1972, Gioócgio Buso (George Bush)*, khẳng định *"những biện pháp mới đây*

289. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 10-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

290. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

* **Goócgio Buso (George Herbert Walker Bush:** sinh năm 1924) là một chính trị gia người Mỹ, ông là Tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ (1989-1993); đảng viên Đảng Cộng hòa, ông trước đó là Phó Tổng thống Hoa Kỳ thời Tổng thống Rônan Rigân (1981-1989), Hạ Nghị sĩ Hoa Kỳ, Đại sứ Hoa Kỳ tại Trung Quốc và Giám đốc Tình báo Trung ương Mỹ. Ông là cha đẻ của cựu Tổng thống thứ 43 của Hoa Kỳ Goócgio Oancơ Buso (George Walker Bush) và cựu Thống đốc tiểu bang Phlôriđa Giép Buso (Jeb Bush) (BT).

của Hoa Kỳ chống lại Bắc Việt không thể chấp nhận được và cần bị lên án"²⁹¹.

Trong khi đó, tại miền Nam Việt Nam, sau 2 tháng huy động lực lượng với sự yểm trợ tối đa của hải quân và không quân, liên quân Hoa Kỳ - Sài Gòn vẫn không thể giải tỏa áp lực và tái chiếm lại được các vùng thuộc quyền làm chủ của Quân Giải phóng, nhất là tại chiến trường Quảng Trị và An Lộc. Ngày 07-6-1972, Mervin Leđơ (Melvin Laird) - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ yêu cầu phải "*cần thêm từ 3 đến 5 tỷ Mỹ kim để trợ giúp QLVNCH*"²⁹² mới có thể làm xoay chuyển tình thế.

Tình hình trên đã tác động mạnh đến cuộc chạy đua vào Nhà Trắng, theo chiều hướng ngày càng bất lợi cho đương kim Tổng thống Níchxon. Tại đảng Dân chủ, Thượng nghị sĩ Mắc Gavon tiếp tục giữ được vị trí dẫn đầu. Ngày 06-6-1972, Thượng nghị sĩ Mắc Gavon tiếp tục dẫn đầu trong cuộc bầu cử sơ bộ tại các tiểu bang Caliphóocnia (California), Niu Mêhicô (New Mexico), Niu Gioxi (New Jersey) và Nam Đacôta (South Dakota). Đến ngày 27-6-1972, Thượng nghị sĩ Mắc Gavon tuyên bố đã hội đủ số phiếu cần thiết để được đảng Dân chủ chỉ định ra tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ.

Ngày 03-7-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri Hoa Kỳ sau chuyến công du Liên bang Xô viết "thành

291. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17526: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 12-5-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

292. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17527: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 07-6-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

công” của Níchxon. Theo kết quả công bố, Níchxon vẫn chiếm được tỷ lệ cử tri ủng hộ cao hơn Thượng nghị sĩ Mắc Gavon 16%²⁹³.

Tuy nhiên, tháng 7-1972, nỗ lực tranh cử của đảng Dân chủ và cá nhân Thượng nghị sĩ Mắc Gavon với những tuyên bố “hứa hẹn” chấm dứt hoàn toàn sự can thiệp của Hoa Kỳ tại Việt Nam đã làm cho cán cân ủng hộ của cử tri Hoa Kỳ thay đổi.

Ngày 11-7-1972, tại Phlôrida (Florid), Ủy ban soạn thảo chính sách đảng Dân chủ ra tuyên cáo ủng hộ việc “*triệt thoái toàn thể và tức khắc*” lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam mà không đặt điều kiện tiên quyết buộc Bắc Việt phải phóng thích tù binh... Trước đó, Thượng nghị sĩ Mc. Govern tuyên bố rằng nếu đắc cử Tổng thống, ông sẽ cho rút hết lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam và ngưng oanh tạc Bắc Việt trong vòng 90 ngày”²⁹⁴. Ngày 12-7-1972, Thượng nghị sĩ Mắc Gavon được đại hội toàn quốc đảng Dân chủ chỉ định làm ứng cử viên ra tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ. Thượng nghị sĩ Mắc Gavon chọn Thượng nghị sĩ Thômat Ingânton* (Thomas Eagleton) cùng trong liên danh ứng cử Phó tổng thống. Ngay ngày hôm sau, 13-7-1972, ông công bố tuyên ngôn 5 điểm về vấn đề Việt Nam:

293. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 03-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

294. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 13-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

* **Thômat Ingânton (Francis Thomas Eagleton: 1929 - 2007)** là Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ từ tiểu bang Mítxuri (Missouri) từ 1968-1987. Ứng cử viên Phó tổng thống của Đảng Dân chủ liên danh với Ứng cử viên Tổng thống Goócgiơ Mắc Gavon trong năm 1972 (BT).

- “1. Ngưng oanh tạc tức khắc và vô điều kiện tại Đông Dương;
2. Triệt thoái vô điều kiện tất cả lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Đông Dương trong vòng 90 ngày;
3. Đình chỉ tất cả viện trợ quân sự dành cho chính phủ VNCH hiện hữu;
4. Tăng cường nỗ lực về mặt ngoại giao để cho các tù binh Hoa Kỳ được phóng thích;
5. Đóng cửa các căn cứ Hoa Kỳ tại Thái Lan và di chuyển hải quân Hoa Kỳ ra khỏi hải phận tiếp giáp Đông Nam Á ngay sau khi Bắc Việt phóng thích hết tù binh Hoa Kỳ”²⁹⁵.

Ngược lại, trong cùng thời điểm, đảng Cộng hòa của Tổng thống Níchxon đang phải đối mặt với hàng loạt khó khăn, nhất là sự chống đối của các nhóm phản chiến. Ngày 18-7-1972, Mắc Grêgo (Mc.Gregor) - Giám đốc chương trình vận động tranh cử của Níchxon cảnh báo, “các nhóm phản chiến tại Hoa Kỳ có thể sẽ tìm cách làm tê liệt đại hội đảng toàn quốc đảng Cộng hòa (khai diễn tại Miami Beach, Florida vào ngày 21-8-1972)”²⁹⁶. Cùng ngày, tại Đitoroi (Detroit), các lãnh tụ nghiệp đoàn công nhân xe hơi Hoa Kỳ vừa thông qua quyết nghị ủng hộ ứng cử viên Mắc Gavon.

Ngày 22-7-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả cuộc thăm

295. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 14-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

296. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 18-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

dò dư luận toàn quốc đối với 2 ứng cử viên tổng thống Hoa Kỳ sau những diễn tiến mới của cuộc chiến tranh Việt Nam, cho thấy sự ủng hộ của cử tri Hoa Kỳ đối với Níchxơn đã giảm sút rõ rệt. Tỷ lệ ủng hộ Níchxơn từ trên 50% đã giảm xuống còn 46%. Trong khi, tỷ lệ ủng hộ giành cho Thượng nghị sĩ Mắc Gavon tăng lên 32%²⁹⁷.

Tuy nhiên, kết quả thăm dò trên còn ẩn chứa một sự mất tin tưởng sâu sắc của người dân Hoa Kỳ đối với chính quyền. Hơn 20% số người được hỏi, đã không lựa chọn ứng cử viên nào, cho thấy các cử tri Hoa Kỳ đã không còn lòng tin đối với những “lời hứa” của các ứng cử viên. Họ trông đợi vào những cam kết của Tổng thống Níchxơn - những cam kết nếu được thực hiện sẽ đưa tù binh và binh lính Hoa Kỳ trở về vào dịp lễ Noen năm 1972, hơn là những “hứa hẹn” mà họ đã từng bị bội hứa. Sự kiện ngày 19-7-1972, Hội đồng Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Hoa Kỳ (tổ chức đại diện cho 15 triệu lao động Hoa Kỳ) quyết định không ủng hộ bất cứ ứng cử viên tổng thống nào mà tập trung nỗ lực vận động cho đảng Dân chủ trong các cuộc bầu cử thượng nghị sĩ và dân biểu Hoa Kỳ vào tháng 11-1972, là một minh chứng rõ nét²⁹⁸.

297. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 22-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

298. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 20-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Trước thực trạng trên, từ tháng 7-1972, chính quyền Níchxon có sự điều chỉnh về sách lược đối với cuộc chiến tranh Việt Nam, cùng cuộc vận động tranh cử tổng thống. Tại chiến trường miền Nam Việt Nam, quân Mỹ - ngụy đẩy mạnh các cuộc hành quân giải tỏa Quảng Trị, An Lộc và Kontum. Tại Pari, phái đoàn Hoa Kỳ được lệnh xúc tiến các hoạt động nhằm có thể nối lại và thúc đẩy nhanh tiến trình đàm phán về Việt Nam. Tại Hoa Kỳ, không đưa ra những phát biểu liên quan đến sự thay đổi chính sách về chiến tranh Việt Nam như trước, chính quyền Níchxon thu hút sự chú ý của dư luận bằng những tuyên bố "mập mờ", tạo hy vọng cho người dân Hoa Kỳ về khả năng chấm dứt chiến tranh thông qua thương lượng đang được hiện thực hóa - điều mong mỏi lớn nhất của nhân dân Hoa Kỳ lúc này.

Ngày 08-7-1972, tại Xan CLêmantê (San Clemente - tiểu bang Califoócnia), Heri Kítxinhgiơ: *"tiết lộ rằng trong những tuần lễ vừa qua đã có những hoạt động ngoại giao tích cực để phá vỡ sự bế tắc của cuộc hòa đàm Ba Lê về Việt Nam... Hoa Kỳ sẽ tham dự cuộc hội đàm sắp tới (ngày 13-7-1972) và sẵn sàng thảo luận "một cách có hệ thống" những trở ngại đã ngăn chặn một giải pháp về vấn đề Việt Nam"*²⁹⁹. Ngày 12-7-1972, Sáclo Brây (Charles Bray) - phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố *"Hoa Kỳ "sẵn sàng cơ giã" trong các cuộc hòa đàm ở Ba Lê (tái nhóm vào ngày 13-7-1972)"*³⁰⁰.

299. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 08-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

300. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 13-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

Đối với cuộc tranh cử, Mắc Grêgo (Mc. Gregor) - Chủ tịch Ủy ban vận động tranh cử đảng Cộng hòa thông báo đường lối tranh cử của đảng “*đặt trọng tâm cuộc vận động ở cấp địa phương thay vì dùng vô tuyến truyền hình và phương tiện thông tin khác*”³⁰¹.

Với sự điều chỉnh khôn ngoan, sau 2 tháng với những tiến triển trên bàn đàm phán tại Pari, Níchxon đã dần lấy lại được ưu thế, mà không cần phải lo lắng về hàng loạt sự kiện bất lợi xảy ra ở trong nước.

Những ngày cuối tháng 7-1972, chính quyền Níchxon liên tục phải đối mặt với các vấn đề nóng bỏng trên nghị trường và phong trào phản chiến, đặc biệt là cuộc chiến pháp lý về hành động ném bom hủy hoại các đê điều ở miền Bắc Việt Nam.

Đêm 24-7-1972, Thượng viện Hoa Kỳ thông qua “*với 50 phiếu thuận, 45 phiếu chống bản tu chính án Cooper-Brooke... đòi rút hết các lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Đông Dương và cắt mọi ngân khoản dành cho hải, lục và không quân Hoa Kỳ trong vòng 4 tháng sau khi Bắc Việt phóng thích tất cả tù binh Hoa Kỳ. Điểm đặc biệt là tu chính án trên không buộc Bắc Việt phải chấp nhận điều kiện ngừng bắn có quốc tế giám sát, nhưng đã tán thành chính sách chấm dứt chiến tranh Việt Nam vào “một thời gian không ấn định trong tương lai*”³⁰². Đồng thời, Thượng viện Hoa Kỳ cũng đã bác bỏ “*với 48 phiếu*

301. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 22-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

302. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 26-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

thuận, 42 phiếu chống một dự luật quân viện 1 tỷ 800 triệu Mỹ kim cho tài khóa 1972-1973"³⁰³.

Tiếp đó, ngày 25-7-1972, Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Hoa Kỳ thông qua "với 18 phiếu thuận, 17 phiếu chống một tu chính án buộc Chính phủ Hoa Kỳ rút hết lực lượng ra khỏi Đông Dương trước ngày 01-10-1972"³⁰⁴. Chỉ với điều kiện "Bắc Việt phải phóng thích tất cả tù binh Hoa Kỳ và chấp nhận một sự ngừng bắn hạn chế với Hoa Kỳ để đảm bảo sự an toàn cho cuộc triệt thoái lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Đông Dương"³⁰⁵ khác với trước đó là một cuộc ngừng bắn hoàn toàn trên toàn cõi Đông Dương.

Ngày 27-7-1972, tại Oasington, ông Giêri Gioócđon (Jerry Gordon) - phát ngôn viên của "Liên hiệp Quốc gia hành động cho hòa bình", thông báo, tháng 8-1972, tổ chức này sẽ phát động những cuộc biểu tình tại 13 thành phố của Hoa Kỳ để phản đối việc Chính quyền Níchxon oanh tạc các đề điều của Bắc Việt.³⁰⁶

Ngày 29-7-1972, tại tiểu bang Nam Đacôta (South Dakota), Thượng nghị sĩ Mắc Gavon (Mc. Govern) lên tiếng chỉ trích Tổng thống Níchxon "đã lừa gạt dân chúng Hoa Kỳ khi tuyên bố có

303. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 26-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

304, 305. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 27-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

306. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 28-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

triển vọng đạt được một giải pháp cho chiến cuộc Việt Nam qua đường lối thương thuyết. Thượng nghị sĩ Mc. Govern nhấn mạnh rằng chiến tranh Việt Nam đã có thể kết thúc và các tù binh Hoa Kỳ được phóng thích nếu Tổng thống Nixon ngưng ủng hộ Tổng thống VNCH hiện hữu³⁰⁷.

Đầu tháng 8-1972, thực hiện sách lược vạch ra, Níchxon tuyên bố, “*cơ hội thương thuyết để dàn xếp chiến tranh Việt Nam hiện đang tốt đẹp hơn bao giờ hết*”³⁰⁸. Ngày 02-8-1972, thông tin về việc Cố vấn Heri Kítxinhgiơ (Henry Kissinger) trình lên Tổng thống Níchxon kết quả cuộc mật trình lần thứ 15 với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được loan báo trước dư luận.

Trong khi, nội bộ Hoa Kỳ vẫn tiếp tục “sôi sục” quanh chủ đề cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ngày 02-8-1972, Thượng viện Hoa Kỳ thông qua tu chính án của Thượng nghị sĩ E. Brúckơ* (E. Brooke), nội dung “*kêu gọi triệt thoái tất cả lực lượng Hoa Kỳ khỏi Việt Nam trong vòng 4 tháng với điều kiện tù binh Hoa Kỳ được phóng thích trong thời gian này*”³⁰⁹.

307. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17528: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 29-7-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

308. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17529: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 03-8-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Ê. Brúckơ (Edward William Brooke III)**: sinh năm 1919) là một chính trị gia Mỹ và Thượng Nghị sĩ Hoa Kỳ của đảng Cộng hòa (tiểu bang Mátxachuxít): 1966-1978 (BT).

309. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17529: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 03-8-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Ngày 05-8-1972, ông Giôn Linxây (John Lindsay) - Thị trưởng thành phố Niu Óoc cho biết những cuộc biểu tình đòi đình chỉ oanh tạc Bắc Việt sẽ được tổ chức tại Niu Óoc và Oashinhnton trong ngày. Lãnh tụ thuộc tổ chức Liên hiệp các nhóm phản chiến Hoa Kỳ cũng cho biết sẽ có những cuộc biểu tình bạo động vào dịp Đại hội Đảng Cộng hòa tại Miami từ ngày 21-8 đến 24-8-1972 để phản đối Hoa Kỳ oanh tạc các đề điều tại Bắc Việt³¹⁰.

Ngày 06-8-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri Hoa Kỳ về sự tín nhiệm đối với hai đảng Cộng hòa và Dân chủ, với 53% ủng hộ đảng Dân chủ. Một cuộc thăm dò khác đối với mỗi quan tâm của dư luận Hoa Kỳ đến các vấn đề đối nội và đối ngoại cũng cho kết quả: 25% quan tâm đến vấn đề chiến tranh Việt Nam, 23% đến vấn đề gia tăng mức sinh hoạt tại Hoa Kỳ, 10% cho vấn đề lạm phát và 9% cho vấn đề ma túy³¹¹.

Ngày 14-8-1972, bài trả lời phỏng vấn báo chí của cựu Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ Ramxi Clác* (Ramsey Clark) sau hai tuần tới thăm miền Bắc Việt Nam, dội thêm gáo nước lạnh vào chính quyền Níchxon. Trả lời phỏng vấn, ông Ramxi Clác

310. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17529: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 06-8-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

311. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17529: Tổng hợp tin tức ngày thứ ba 08-8-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Ramxi Clác (William Ramsey Clark:** sinh năm 1927) là một luật sư người Mỹ, cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ dưới thời Tổng thống Hoa Kỳ Lĩnđơn Giônxon (Lyndon B. Johnson) (BT).

(Ramsey Clark) đã “đả kích việc Hoa Kỳ ném bom đê điều tại Bắc Việt và kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ chấm dứt ngay việc ném bom, vì gây tàn phá rộng lớn các hệ thống đê điều, nhà thương, trường học, khu thường dân ở Bắc Việt. Ông có đưa ra một số tranh ảnh và phim để chứng minh lời ông nói.... Ngoài ra, ông còn đề cập khá nhiều đến vấn đề tù binh Hoa Kỳ, xác nhận là được đối xử nhân đạo. Ông cho biết là nếu McGovern được trúng cử, Bắc Việt sẽ bắt đầu thả ngay tù binh Hoa Kỳ vào ngày 20-01-1973 và thả hết trong vòng ba tháng sau đó. Clark cũng phổ biến một bức thư của Nguyễn Duy Trinh trong đó nêu ra hai điều kiện để Bắc Việt trao trả tù binh: Hoa Kỳ chấm dứt chiến tranh và ngưng ủng hộ Chính phủ VNCH”³¹².

Ngày 14-8-1972, 25 trong số 117 nghiệp đoàn thuộc Tổng công đoàn Lao động Hoa Kỳ (AFL-CIO) thông báo thành lập Ủy ban quốc gia Lao động để vận động ủng hộ sự tranh cử của Thượng nghị sĩ Mác Gavon. Ủy ban cũng cho biết sẽ đóng góp khoảng 120.000 đô la vào cuộc vận động trên³¹³.

Ngày 04-9-1972, kết quả một cuộc thăm dò dư luận Hoa Kỳ liên quan đến hình thức chính phủ tại Nam Việt Nam sau khi ngừng chiến cho thấy có 40% dân chúng Hoa Kỳ đồng ý “thành lập một chính phủ liên hiệp tại Nam Việt Nam sau khi Hoa Kỳ triệt thoái; 21% không quan tâm đến hình thức chính phủ tại Nam Việt Nam;

312. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1167: Tờ trình số 4022/BNG/MC/1 ngày 08-9-1972 của Bộ Ngoại giao VNCH.

313. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17529: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 16-8-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

9% không ý kiến"³¹⁴. Ngày 17-9-1972, sau cuộc mật đàm thứ 17 (ngày 15-9-1972), với phát biểu "*Hoa Kỳ vẫn mong muốn có sự dàn xếp qua đường lối thương thuyết và cũng không đòi hỏi một chính phủ nào tại Nam Việt Nam trong tương lai phải thân Hoa Kỳ*"³¹⁵, Kítxinhgiơ "đáp ứng" đúng nguyện vọng của nhân dân Hoa Kỳ.

Ngày 30-9-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri Hoa Kỳ đối với hai ứng cử viên tổng thống, theo đó, 61% cử tri Hoa Kỳ ủng hộ Níchxon và 33% ủng hộ Thượng nghị sĩ Mắc Gavon³¹⁶.

Trong tháng 10-1972, thông tin về cuộc mật đàm giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được chính quyền Níchxon thông báo liên tục đến người dân. Ngày 08-10-1972, tại Pari Kítxinhgiơ và Phụ tá Tướng Alécxanđơ Hâyơ có cuộc họp mật thứ 19 (kéo dài 6 ngày) với Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cùng ngày, tại Oasinhton, Menvin Leđơ - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ cho biết các cuộc họp mật giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "*rất nghiêm trọng, tế nhị và quan trọng*"³¹⁷.

314. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17530: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 04-9-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

315. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17530: Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 17-9-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

316. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày 02-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

317. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ hai 09-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

Đối phó với sách lược tranh cử của Níchxon, ngày 10-10-1972, trên hệ thống thông tin Hoa Kỳ, Thượng nghị sĩ Mắc Gavon công bố kế hoạch 7 điểm nhằm chấm dứt sự can dự của Hoa Kỳ tại Đông Dương. Nội dung chính gồm:

“1. Ngưng oanh tạc trên toàn cõi Đông Dương, chấm dứt tất cả viện trợ quân sự và triệt thoái tất cả lực lượng Hoa Kỳ khỏi Việt Nam, Ai Lao và Campuchia.

2. Chỉ thị cho các thương thuyết gia Hoa Kỳ tại Ba Lê thông báo cho đại diện Bắc Việt biết về các biện pháp của ông Mc. Govern nhằm chấm dứt tất cả những hành vi thù địch của Hoa Kỳ. Thông báo cho tất cả các phe liên hệ biết rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp vào nội chính Việt Nam để nhân dân Việt Nam có thể tự tìm lấy một giải pháp.

3. Gởi Phó Tổng thống Shriver (người cùng liên danh với Mắc Gavon trong cuộc tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ - TG) sang Hà Nội để dàn xếp việc phóng thích nhanh chóng các tù binh Hoa Kỳ.

4. Đóng cửa các căn cứ quân sự Hoa Kỳ tại Thái Lan và di chuyển các tàu chiến Hoa Kỳ ra khỏi bờ biển Đông Dương ngay sau khi tất cả tù binh Hoa Kỳ được trả tự do và nhận đủ tin tức về những người bị mất tích.

5. Đại xá cho những người đào ngũ vì lý do chống đối chiến tranh.

6. Thực hiện chương trình phục hồi và tìm việc làm cho các cựu chiến binh Hoa Kỳ hồi hương từ chiến trường Đông Dương.

7. Hoa Kỳ sẽ hợp tác với các quốc gia khác để tái thiết những đống vỡ do chiến tranh gây ra”³¹⁸.

318. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 12-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Tuy nhiên, thật không may vào một thời điểm, dân chúng Hoa Kỳ không còn tin tưởng vào “những lời hứa”, nên kế hoạch 7 điểm của Thượng nghị sĩ Mắc Gavon không những không đem lại mà ngược lại càng lấy thêm của ông nhiều lá phiếu của cử tri Hoa Kỳ.

Ngày 14-10-1972, kết quả công bố cuộc thăm dò của Viện "Gallup" cho thấy, 58% cử tri Hoa Kỳ cho rằng Tổng thống Níchxon có khả năng đối phó với tình hình Việt Nam hơn Thượng nghị sĩ Mắc Gavon³¹⁹. Đa số cử tri Hoa Kỳ cũng đánh giá Níchxon giải quyết các vấn đề nội bộ của Hoa Kỳ tốt hơn Thượng nghị sĩ Mắc Gavon.

Ngày 18-10-1972, Viện "Gallup" công bố kết quả cuộc thăm dò cử tri Hoa Kỳ trong tháng 10-1972, với 60% cử tri ủng hộ Níchxon và 34% ủng hộ Thượng nghị sĩ Mắc Gavon.

Ngày 27-10-1972, trong cuộc họp báo tại Oasinhton, Heri Kítxinhgiơ tuyên bố: *“Hoa Kỳ và Bắc Việt đã thỏa thuận được một phương thức chấm dứt chiến tranh Việt Nam và ông cho hay nền hòa bình “gần thành tựu”... ông mô tả bản “thỏa hiệp hòa bình 9 điểm” của Bắc Việt như là một giải pháp “dung hòa thỏa đáng” mà theo ông không bên nào có cơ hội để thực hiện những mưu định riêng tư”*³²⁰.

Ngày 28-10-1972, *“Tổng thống Nixon ca ngợi bản dự thảo thỏa hiệp giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt như một “sự khai thông đáng kể”*. Ông

319. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 14-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

320. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 27-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

cho biết một vài dị biệt giữa đôi bên sẽ được giải quyết và nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ sẽ thành công trong việc tìm kiếm nền hòa bình danh dự tại Việt Nam”³²¹.

Cùng ngày, kết quả tốt đẹp của tiến trình đàm phán về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo dư luận yêu chuộng hòa bình thế giới.

“Thượng nghị sĩ Mike Mansfield - lãnh tụ phe đa số tại Thượng viện cho rằng những tin tức về vấn đề trên là một sự kiện “rất khích lệ”.

Thủ tướng Kossyguine (Kôxughin Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô - BT) cho rằng thỏa hiệp về hòa bình Việt Nam sẽ đáp ứng được quyền lợi của nhân dân Việt Nam, nhân dân Hoa Kỳ và phục vụ cho nền hòa bình thế giới....*

*Thủ tướng Chu Ân Lai** lên tiếng ủng hộ bản dự thảo hiệp định 9 điểm của Bắc Việt và cho đó là một giải pháp công bằng, xác đáng.*

321. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 28-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

* **Kôxughin A. N. (Aleksej Nikolaevich Kosygin: 1904 - 1980)**, nhà hoạt động nổi tiếng Nhà nước Liên Xô, gia nhập Đảng Cộng sản từ năm 1927. Những năm 39 - 40 thế kỷ XX, ông là Ủy viên trưởng (Bộ trưởng) Công nghiệp dệt Liên Xô. Từ năm 1940 đến năm 1960, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng Dân ủy, từ năm 1960, Phó Chủ tịch thứ nhất và từ năm 1964 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, từ năm 1939, ông là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (1948 - 1952), Ủy viên Bộ Chính trị (1960 - 1980). Đại biểu Xô viết tối cao Liên Xô từ năm 1946 (BT).

** **Chu Ân Lai (Chou En-lai: 1898 -1976)**, là một nhà lãnh đạo nổi tiếng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, từng giữ chức Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ năm 1949 cho tới khi ông qua đời tháng 1 năm 1976, và Bộ trưởng Ngoại giao từ năm 1949 tới năm 1958 (BT).

Thủ tướng Tanaka (Nhật Bản - TG) cho rằng những tiến bộ hòa bình tại Việt Nam là điều rất đáng mừng.*

Ông Morizet - Đại sứ Pháp tại Hoa Kỳ, tuyên bố rằng chính dân chúng Việt Nam mới có quyền quyết định tương lai của mình, đồng thời nhấn mạnh rằng, nếu được yêu cầu, Pháp sẽ sẵn sàng viện trợ cho Việt Nam.

*Tướng Praphas Charusathien** - Phó Chủ tịch Hội đồng hành pháp quốc gia Thái Lan, cho biết Thái Lan rất hài lòng được thấy chiến tranh Việt Nam kết thúc.*

*Thủ tướng Pierre Trudeau*** cho biết Già Nã Đại (Canada - TG) mong muốn đảm nhận vai trò giám sát hòa bình trong bất cứ thỏa hiệp nào tại Việt Nam.*

Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kurt Waldheim tỏ ý hy vọng rằng việc giải quyết chiến tranh Việt Nam sẽ làm giảm bớt tình trạng căng thẳng trên thế giới"³²².

* **Tanaka**, biệt danh "Kaku-san" (Kakuei Tanaka: 1918 - 1993) là một nhà hoạt động chính trị Nhật Bản, Thủ tướng Chính phủ Nhật Bản từ tháng 7 năm 1972 đến tháng 12 năm 1974. Ông cũng đã từng là thành viên có ảnh hưởng nhất của Đảng Dân chủ Tự do Nhật Bản (LDP) cho đến giữa những năm 1980, khi ông bị mất quyền sau một loạt các vụ bê bối... (BT).

** **Praphát Charúxathiên (Praphas Charusathien: 1912 - 1997)**: ông là chính trị gia và là nguyên soái của Quân đội Hoàng gia Thái Lan và đã từng Bộ trưởng Nội vụ trong Chính phủ của các nhà lãnh đạo quân sự Thái Lan trước đây là Sarit Thanarat và Thanom Kittikachon (BT).

*** **Pie Trudô (Joseph Philippe Pierre Yves Elliott Trudeau: 1919 -2000)**: Ông là Thủ tướng Chính phủ của Canada từ 20-4-1968 đến 04-6-1979, và một lần nữa từ ngày 03-3-1980 đến ngày 30-6-1984 (BT).

322. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17531: Tổng hợp tin tức ngày thứ bảy 28-10-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

Ngày 06-11-1972, Níchxon tái đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ 2 với "44.970.060 phiếu (62%) so với 28.002.000 phiếu (38%) của Thượng nghị sĩ Mc. Govern". Nhưng trong cuộc bầu cử Thượng viện và Hạ viện, đảng Cộng hòa của ông ta đã thất bại nặng nề với kết quả "tại Hạ viện: Cộng hòa được 192 ghế, Dân chủ 243 ghế; tại Thượng viện: Cộng hòa 43 ghế so với 57 ghế của Dân chủ"³²³. Kết quả trên cho thấy, nhân dân Hoa Kỳ đã mất tin tưởng vào những cam kết của các ứng cử viên tổng thống, mà họ dùng quyền lực của mình thông qua cơ cấu của Quốc hội để giám sát chính quyền đi đúng đường hướng.

Ngày 09-11-1972, trong cuộc phỏng vấn dành cho báo "Washington Star News" tin tức Ngôi sao Oasinhton, Níchxon trở lại tái khẳng định sự can thiệp quân sự tại Việt Nam. Ông ta "nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ sẽ viện trợ hậu chiến về quân sự và kinh tế cho VNCH"³²⁴.

323. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17532: Tổng hợp tin tức ngày thứ năm 01-11-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

324. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17532: Tổng hợp tin tức ngày thứ sáu 10-11-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH.

Phần ba

TẠI SAO 12 NGÀY ĐÊM

1. Sách lược chuẩn bị “ngừng bắn” của Hoa Kỳ

Thực hiện sách lược tranh thủ sự ủng hộ của cử tri Hoa Kỳ, tháng 10-1972, Níchxon chỉ thị Tiến sĩ Kítxinhgiơ thúc đẩy nhanh quá trình đàm phán về Việt Nam. “Thiện chí” đàm phán của chính quyền Níchxon, tiến trình đàm phán về Việt Nam mau chóng mang lại kết quả mà ở đó Hoa Kỳ phải chấp thuận các điều kiện cơ bản do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã đặt ra ngay từ những ngày đầu khai mạc Hội nghị Pari.

Từ ngày 8 đến ngày 11-10-1972, trong phiên họp mật giữa Kítxinhgiơ và Cố vấn Lê Đức Thọ, hai phái đoàn đi vào thảo luận chi tiết các điều khoản của Dự thảo Hiệp định. Đến phiên họp mật ngày 17-10-1972, bản Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được hai bên xét duyệt lại lần cuối. Ngày 20-10-1972, hai bên đi đến thống nhất bản dự thảo, cùng lịch trình ký kết.

Trong khi đó, tại Sài Gòn, việc chỉ được biết thông tin về bản dự thảo và thời gian biểu cho việc ký kết hiệp định chấm dứt chiến tranh với những điều khoản quy định về cuộc tổng

tuyên cử trong thời điểm phần đông dân chúng miền Nam Việt Nam đang hướng lòng theo cách mạng, sẽ đồng nghĩa với việc bị mất “chiếc ghế” tổng thống, thông qua dư luận báo chí, khiến Nguyễn Văn Thiệu “lo sợ” bị Níchxon dùng làm “vật hy sinh” cho cuộc chạy đua vào Nhà Trắng.

Mặc dù từ ngày 19 đến 23-10-1972, Níchxon chỉ thị Tiến sĩ Kítxinhgiơ trực tiếp đến Sài Gòn gặp Thiệu để đưa ra những bảo đảm cho sự tồn tại của ông ta sau khi Hiệp định được ký kết. Đồng thời, tại Oasinhton, Tổng thống Mỹ Níchxon ồ ạt gửi quân trang, quân dụng, vũ khí đạn dược cho chính quyền Sài Gòn³²⁵. Nhưng vẫn không thể làm Nguyễn Văn Thiệu “yên lòng”.

Ngày 23-10-1972, trên hệ thống truyền thông, cùng với luận điệu phản đối kịch liệt bản Dự thảo Hiệp định, đòi trở lại các yêu sách cũ buộc lực lượng miền Bắc phải trở về miền Bắc, thiết lập vùng phi quân sự, không chấp nhận bất cứ một hình thức hiệp thương, hòa giải dân tộc nào, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố *“Bắc Việt Nam là Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam là Nam Việt Nam, mọi người phải chấp nhận thực tế là tồn tại hai nước Việt Nam”*³²⁶ và “kêu gào” tiếp tục chiến tranh.

Tuy nhiên, trước sự phản ứng quá mạnh của Nguyễn Văn Thiệu, chính quyền Níchxon không hề có một hành động nào đáp trả hay biện minh trước dư luận. Ngược lại, tận dụng ngay

325. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1231: Tài liệu mật, chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vẫn hồi hòa bình tại Việt Nam.

326. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1231: Tài liệu mật, chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vẫn hồi hòa bình tại Việt Nam.

sự phản ứng của Thiệu, ngày 23-10-1972, Chính quyền Níchxon lấy lý do chính quyền Sài Gòn chưa chấp nhận Dự thảo nên phải tiếp tục thảo luận những vấn đề mới và “ém nhẹm” luôn việc đã thỏa thuận ấn định thời gian ký kết Hiệp định với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trước dư luận.

Tuyên bố của Níchxon cùng với những phản ứng hiếu chiến của chính quyền Sài Gòn đã góp phần đẩy “quả bóng” dư luận về phía Nguyễn Văn Thiệu. Dư luận báo chí phương Tây tập trung mũi dùi chỉ trích Nguyễn Văn Thiệu là “cản trở” của hòa bình, là kẻ “tham quyền, cố vị” bất chấp nguyện vọng hòa bình của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Ngày 24-10-1972, trên hệ thống truyền hình của chính quyền Sài Gòn, tỏ ra “cay cú”, Nguyễn Văn Thiệu cố gắng thanh minh với những lời lẽ lỗ mãng thiếu văn hóa mà có lẽ không ai có thể nghĩ nó là ngôn từ của một vị “tổng thống”. Ông ta nói:

“Còn cái vấn đề bấy lâu nay, thì thằng CS cũng như thực dân, cũng như nguy hòa... cứ đều nói ông Thiệu là một cái cản trở cho hòa bình ở miền Nam này... rồi nó bôi nhọ tôi, nó nói tôi thối nát, rồi nó thế này thế kia, rồi nó nói hể còn ông Thiệu là không còn hòa bình, ông Thiệu là cản trở hòa bình, ông Thiệu là người khó khăn, cái người ngoan cố, mà ông Thiệu xuống là có hòa bình liền. Như vậy mà nó cũng lừa gạt được một số dư luận thế giới, lừa gạt được một số dư luận bên Huê Kỳ.... Nếu như thật sự tôi cản trở hòa bình, thì tại làm sao tôi cũng nói rằng tôi đưa giải pháp hòa bình... chính là hể có hòa bình rồi là tôi xuống, tôi từ giã cái chính trường và tôi từ bỏ cái địa vị, hy sinh cái cá nhân tôi, hy sinh cái ghế tổng thống của tôi cho hòa bình.... Nếu

như tôi cản trở hòa bình thì đời nào mà tôi muốn có giải pháp hòa bình. Mà giải pháp hòa bình thì đời nào tự tôi, tôi đại, tôi hiến dâng để tôi đi xuống. Nếu như vậy thì tôi phải ngồi 4 năm nữa chớ! Hay là tôi độc tài, tôi ngồi muôn năm”³²⁷.

Như vậy, ý chính của Nguyễn Văn Thiệu trong bài phát biểu vẫn là luận điệu ngoan cố, không có chính phủ liên hiệp, không có hòa hợp, hòa giải dân tộc và chỉ chịu “*hy sinh cái ghế tổng thống*” khi đã “*có hòa bình*”. Mà hòa bình theo tư tưởng của Thiệu là lực lượng miền Bắc phải trở về miền Bắc, lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam phải bị tiêu diệt, để miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng trong quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới. Với những lý lẽ đó, Nguyễn Văn Thiệu đã không thể thuyết phục được dư luận thế giới. Và Thiệu tiếp tục hứng chịu sự chỉ trích mạnh mẽ của báo giới và của cả các phe phái đối lập.

Phải đến ngày 26-10-1972, phản đối việc phá bỏ cam kết của Hoa Kỳ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố nội dung các phiên họp mật giữa Tiến sĩ Kítxinhgiơ và Cố vấn Lê Đức Thọ về việc ấn định thời gian ký kết Hiệp định, không những làm cho dư luận yêu chuộng hòa bình mà cả chính quyền Thiệu cũng hoàn toàn bị “bất ngờ”. Một số nội dung chính bản tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu rõ:

Qua nhiều ngày đàm phán, ngày 17-10-1972, Việt Nam

327. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1154: Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu nói chuyện cùng đồng bào toàn quốc trên hệ thống truyền thanh, truyền hình ngày 24-10-1972.

Dân chủ Cộng hòa và Mỹ đã thỏa thuận về hầu hết các vấn đề trên cơ sở bản Dự thảo Hiệp định của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chỉ còn hai vấn đề chưa thỏa thuận được. Với thiện chí của mình, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm hết sức mình để gạt bỏ những trở ngại cuối cùng, đã thỏa thuận những đề nghị của phía Mỹ về hai vấn đề cuối cùng còn lại trong Hiệp định. Trong thông điệp ngày 20-10-1972, gửi Thủ tướng chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tổng thống Mỹ hoan nghênh thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và xác nhận rằng văn bản Hiệp định có thể xem là đã hoàn thành. Nhưng cũng trong thông điệp đó, Tổng thống Mỹ lại nêu lên một số điểm phức tạp. Với lòng mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã giải thích rõ quan điểm của mình về những điểm đó. Trong thông điệp ngày 22-10-1972, Tổng thống Mỹ đã tỏ ý thỏa mãn về những lời giải thích của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy là đến ngày 22-10-1972, văn bản Hiệp định đã được hoàn thành.

Những vấn đề chủ yếu của Hiệp định đã được thỏa thuận tóm tắt như sau:

1. Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định năm 1954 đã công nhận.

2. Hai mươi bốn giờ sau khi ký kết hiệp định, ngưng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, Mỹ chấm dứt mọi hoạt động quân sự, chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc Việt Nam. Mỹ rút hết khỏi miền Nam Việt Nam trong

sáu mươi ngày quân đội và nhân viên quân sự của Mỹ và các nước ngoài đồng minh của Mỹ và của VNCH. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh bị hao mòn hoặc hư hỏng từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng. Mỹ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam.

3. Trao trả tất cả những người của các bên bị bắt và giam giữ song song với việc rút quân Mỹ.

4. Những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là: nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định trong tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế, Mỹ không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào ở miền Nam Việt Nam và không tìm cách áp đặt một chính phủ thân Mỹ ở Sài Gòn; thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc; bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân; thành lập một cơ cấu chính quyền lấy tên là Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau, để đôn đốc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chính phủ VNCH thi hành các Hiệp định đã ký kết và tổ chức tổng tuyển cử. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các Hội đồng cấp dưới; vấn đề các lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hòa

giải và hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh; trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận, có vấn đề các biện pháp giảm số quân của các lực lượng vũ trang hai bên và phục viên số quân đã giảm; hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một Hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt, và làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng ba tháng sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

5. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình.

6. Thành lập Ban liên hợp quân sự bốn bên, Ban liên hợp quân sự hai bên ở miền Nam Việt Nam.

Thành lập Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát.

Triệu tập một Hội nghị quốc tế về Việt Nam trong vòng ba mươi ngày kể từ khi ký kết hiệp định này.

7. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và Chính phủ VNCH triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào đã được các Hiệp định Gionevo năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Gionevo năm 1962 về Lào công nhận: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia đó. Các chính phủ nói trên tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và Chính phủ VNCH cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác.

Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Lào và Campuchia, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Công việc nội bộ của Campuchia và của Lào do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Những vấn đề liên quan giữa ba nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

8. Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam sẽ tạo điều kiện thiết lập những quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi, giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Mỹ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ở toàn Đông Dương.

9. Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định này.

Hai bên cũng đã thỏa thuận về thời gian biểu cho việc ký kết Hiệp định. Ngày 09-10-1972, theo đề nghị của phía Mỹ, hai bên đã thỏa thuận: ngày 18-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 19-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp định tại Hà Nội; ngày 26-10-1972, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký chính thức Hiệp định tại Pari.

Ngày 11-10-1972, phía Mỹ lại đề nghị thay đổi thời gian biểu như sau: ngày 21-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 22-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp

định tại Hà Nội; ngày 30-10-1972, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký chính thức Hiệp định tại Pari. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thỏa thuận thời gian biểu mới của Mỹ.

Ngày 20-10-1972, phía Mỹ mượn cớ còn một số điểm chưa thỏa thuận, lại đưa ra một thời gian biểu khác: ngày 23-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 24-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp định tại Hà Nội; ngày 31-10-1972, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hai nước ký chính thức Hiệp định tại Pari. Với thiện chí của mình, mặc dầu phía Mỹ đã nhiều lần sửa đổi những điều đã thỏa thuận, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đồng ý với đề nghị của phía Mỹ và nhấn mạnh phía Mỹ không được đưa bất cứ lý do gì để thay đổi thời gian biểu đã thỏa thuận"³²⁸.

Trước sự thật không thể phủ nhận, ngày 26-10-1972, tại Oasinhton, Kítxinhgiơ là quan chức cấp cao đầu tiên của Hoa Kỳ lên tiếng biện minh cho sự phá bỏ cam kết. Ông ta nói:

"Thưa quý vị, chúng ta đã nghe từ cả hai miền Việt Nam và điều rõ ràng là cuộc chiến tranh từng kéo dài trong 10 năm nay đang đi tới chỗ kết thúc, đó là một kinh nghiệm đau thương cho tất cả các phe lâm chiến. Tổng thống (Níchxon - TG) nghĩ là rất hữu ích nếu tôi tới đây nói với quý vị những gì chúng ta đang làm, lập trường của chúng ta ra sao, và để làm sáng tỏ những tin đồn đại và những lời tố cáo.

Trước hết, tôi xin nói về tình hình này làm ba phần: lập trường của chúng ta ra sao; nội dung các cuộc thương thuyết thế nào, và chúng ta sẽ đi tới đâu?

328. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17719: Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 164, Bộ Ngoại giao VNCH.

Chúng ta thấy rằng hòa bình sắp tới. Chúng ta thấy rằng một thỏa hiệp đã lộ dạng, dựa vào đề nghị của Tổng thống ngày 8-5 và phần nào vào đề nghị ngày 25-1 của chúng ta, hợp lý cho cả các phe phái. Điều không thể tránh được là trong một cuộc chiến tranh có nhiều phức tạp như thế thì có những khó khăn bất thường để tiến tới một giải pháp chung cuộc, nhưng chúng ta nghĩ rằng cho tới nay đoạn đường dài nhất đã qua và những chướng ngại vật trên con đường thỏa hiệp ngày nay là những vấn đề tương đối ít quan trọng hơn những gì đã giải quyết rồi.

Trước hết tôi xin nói về những điểm thủ tục, những tranh luận về ngày giờ rõ rệt để ký thỏa hiệp. Như quý vị biết, chúng ta đã thương nghị trong những phiên họp kín với Bắc Việt tới gần bốn năm. Chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận vào ngày 19 tháng Bảy năm nay. Cho tới nay, cuộc thương thuyết luôn luôn bị thất bại vì đòi hỏi của Bắc Việt là giải pháp chính trị phải tới trước khi thảo luận giải pháp quân sự và đòi hỏi kèm theo của Bắc Việt là giải pháp chính trị tạo nên những dàn xếp mà theo ý chúng tôi sẽ quyết định trước kết cuộc chính trị.

Chúng ta đã đưa ra ý kiến, ngay từ những phiên họp kín đầu tiên, là những tiến bộ nhanh chóng chỉ có thể đạt được nếu những vấn đề quân sự và chính trị được tách rời; điều đó có nghĩa là, nếu Bắc Việt và chúng ta thương thảo về những phương pháp chấm dứt chiến cuộc và nếu giải pháp chính trị của cuộc chiến được đề cho các phe phái Việt Nam thảo luận với nhau. Trong mùa hè qua, các phiên họp dài, kín đáo, những trường đó vẫn không thay đổi.

Như đài phát thanh Hà Nội hôm nay đã nói đúng là vào ngày 8-10 lần đầu tiên Bắc Việt đã đưa ra một đề nghị khiến

chúng ta có thể xúc tiến nhanh chóng cuộc thương nghị. Thực vậy, lần đầu tiên họ đã đưa ra một đề nghị có thể thương nghị một cách cụ thể. Đề nghị này đã được tóm tắt đúng theo bản tuyên bố của Hà Nội; điều đó có nghĩa là, Hà Nội đề nghị là Hoa Kỳ và Hà Nội, trước hết, chú trọng vào việc kết liễu chiến cuộc về khía cạnh quân sự; rằng họ đồng ý về một số nguyên tắc rất tổng quát mà trong đó các phe phái tại Nam Việt Nam sẽ có thể quyết định diễn tiến chính trị tại Nam Việt Nam, đó đúng là lập trường mà chúng ta luôn luôn theo đuổi.

Họ đã bỏ yêu cầu một chính phủ liên hiệp mà sẽ nắm trọn các quyền hành hiện hữu. Họ đã bỏ yêu cầu không chấp nhận các nhân vật và cơ cấu của chính quyền hiện hữu.

Họ đã đồng ý lần đầu tiên một công thức cho phép thảo luận cùng một lúc vấn đề Lào và Campuchia. Nói tóm lại, đây là lần đầu tiên chúng ta có một khuôn khổ, chứ không phải trao đổi các đề nghị tổng quát hay đo lường tiến bộ của chúng ta qua phần phụ thuộc của các câu có thay đổi chút ít. Do đó, chúng ta có thể xét một cách cụ thể và rõ rệt là chúng ta đứng ở đâu và những gì mỗi bên đã sẵn sàng đưa ra.

Tôi muốn nhân dịp này vạch rõ ràng từ đó trở đi, các thương thuyết gia Bắc Việt đã tỏ ra có thiện chí và rất nghiêm chỉnh. Và chúng ta cũng thế. Chúng ta không có gì phàn nàn bài tường thuật các biến chuyển như đài Hà Nội đã truyền đi.

Tuy nhiên, người ta đã thấy mầm mống của một sự hiểu lầm. Các thương thuyết gia Bắc Việt đã đưa đề nghị có điều kiện về sự giải quyết vấn đề khó khăn này tới 31-10...

Tôi muốn nhấn mạnh là những ngày đó không phải là ngày mà tôi đưa ra hoặc đề nghị. Tôi xin nhấn mạnh là chỉ thị tôi

nhận được của Tổng thống đúng như những gì đã được Tổng thống phát biểu tại một cuộc họp báo; đó là chúng ta phải đạt bằng được một giải pháp công bình, không lệ thuộc vào bất cứ thời hạn độc đoán nào đã được ấn định do những phương thức riêng của quốc gia chúng ta.

Để tránh một cuộc tranh luận không tương về thời gian, mà vào thời gian đó dường như vẫn còn quá lý thuyết, chúng ta đã đồng ý là chúng ta sẽ hết sức cố gắng để kết thúc cuộc thương nghị vào ngày 31 tháng 10 và sự thực chúng ta đã cố gắng, luôn luôn cố gắng, đặt thời biểu để công việc có thể hoàn tất. Tuy nhiên, điều rõ ràng, ít nhất là đối với chúng ta và tôi thiết nghĩ chúng ta đã vạch rõ trong tài liệu của cuộc họp, là thực sự chúng ta không thể ký kết một thỏa hiệp mà trong đó các chi tiết còn phải được thảo luận chỉ vì theo thiện chí của chúng ta mà tôi đã phát biểu là chúng ta sẽ cố gắng để kết thúc công việc vào một ngày chắc chắn.

Điều luôn luôn rõ ràng là chúng ta chỉ thảo luận những gì đã được thương nghị trước hết tại Hoa Thịnh Đốn rồi tại Sài Gòn. Có rất nhiều điều thảo luận, hoặc giả như Sài Gòn đã có sự phủ quyết về cuộc thương nghị của chúng ta và tôi xin giải thích về lập trường của chúng ta về khía cạnh đó.

Rõ ràng là nhân dân Nam Việt Nam, những người đã phải chịu đựng rất nhiều rồi, và chính phủ Nam Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG), mà chúng ta từng liên minh, sẽ vẫn ở lại trong nước sau khi chúng ta ra đi, có mọi quyền hành tham gia vào việc kiến tạo một nền hòa bình của riêng họ. Họ có quyền muốn mọi người nghe và chú ý một cách hết sức nghiêm chỉnh các ý kiến của họ.

Dĩ nhiên, chúng ta có sự tự do phán xét của riêng chúng ta và chúng ta sẽ đưa ra những quyết định của riêng chúng ta khi chúng ta tin chiến tranh sẽ còn kéo dài tới bao lâu nữa. Nhưng nguồn gốc của một sự hiểu lầm là Hà Nội dường như đã nghĩ rằng chúng ta có thể chỉ cần áp đặt bất cứ giải pháp nào ở Sài Gòn và không cần sự tham gia của họ. Nhưng tôi cũng muốn mình xác rằng những vấn đề còn phải giải quyết có một số nguồn gốc và tôi sẽ trình bày với ít nhiều chi tiết.

Sài Gòn, như ai nấy đã rõ, đã bày tỏ ý kiến của họ với một sự mạnh dạn thông thường một cách cả công khai lẫn kín đáo. Chúng ta đã đồng ý với ít nhiều ý kiến của họ. Chúng ta đã không đồng ý tất cả và chúng ta đã nói rõ chúng ta chấp nhận những ý kiến nào và không tán đồng những ý kiến nào.

Thêm vào đó, trong thời gian các đồng nghiệp của tôi và tôi ở Sài Gòn, chúng tôi đã đi thăm các quốc gia Đông Nam Á khác và dường như tại mấy nơi ấy đã có những ưu tư nào đó và những chỗ không rõ nào đó trong bản dự thảo thỏa hiệp mà chúng ta nghĩ là cần phải tu chỉnh và hoàn thiện. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh là điều còn phải làm là phần nhỏ nhất của điều đã làm xong rồi, và trong khi đang có không thiếu những lời tố cáo và những lời chống lại những tố cáo ấy, chúng ta nên nhớ rằng, sau khi đã đi được xa như vậy, chúng ta sẽ không thất bại và sẽ không thất bại vì những gì còn lại phải hoàn tất.

Tới đây, tôi xin trước hết sơ lược những điều khoản chính của thỏa hiệp như chúng ta biết rõ, và tôi xin nói là, theo ý chúng tôi, vẫn còn phải làm. Tôi nghĩ rằng những gì còn phải làm đó có thể được giải quyết trong một phiên họp thêm nữa với những nhà thương thuyết Bắc Việt, theo tôi nghĩ, kéo dài không

quá ba hoặc bốn ngày, vì vậy chúng ta không cần nói tới một sự chậm trễ trong một thời gian quá lâu.

Tuy nhiên, trước khi đi tới những vấn đề còn lại, tôi nói về những điều có trong bản dự thảo, mà toàn bản văn, đã được đài phát thanh Hà Nội thuật lại rất rõ rệt. Tôi không đề cập tới hai trang cuối với ngôn từ hoa mỹ, tôi chỉ đề cập tới nội dung thỏa hiệp đó.

Điều quy định chính là và hiện là một cuộc ngừng bắn sẽ được tôn trọng tại Nam Việt Nam vào thời gian được thỏa thuận chung. Đó sẽ là một cuộc ngừng bắn tại chỗ; rằng quân đội Hoa Kỳ sẽ triệt thoái trong vòng 60 ngày kể từ khi ký kết bản thỏa hiệp; rằng sẽ có một sự cấm chỉ toàn diện về việc tăng cường quân đội; điều đó có nghĩa là việc xâm nhập vào Nam Việt Nam bất kỳ xuất phát từ đâu, và từ bất cứ quốc gia nào, sẽ bị cấm chỉ. Quân cụ hiện hữu tại Nam Việt Nam có thể được thay thế trên căn bản một đổi một bằng những vũ khí cùng một đặc tính và có đặc tính và tính chất tương tự, dưới sự giám sát quốc tế.

Thỏa hiệp quy định rằng tất cả các quân nhân và dân sự ngoại quốc bị bắt được phóng thích trong cùng thời gian triệt thoái. Điều đó có nghĩa là, sẽ có việc hồi hương tất cả các tù nhân Hoa Kỳ, cả quân sự lẫn dân sự, trong vòng 60 ngày sau khi thỏa hiệp có hiệu lực.

Bắc Việt có trách nhiệm về việc kiểm điểm tù binh và người mất tích trong khi chiến đấu của Hoa Kỳ ở khắp Đông Dương và về việc hồi hương các tù binh Hoa Kỳ ở khắp Đông Dương.

Có một điều khoản riêng về thường dân Nam Việt Nam bị cầm tù tại miền Nam, tương lai của những người này phải được quyết định qua cuộc thương nghị giữa các phe phái Nam Việt

Nam với nhau, vì thế việc phóng thích các người của chúng ta không tùy thuộc vào việc thu xếp vấn đề tù binh Việt Nam tại các trại giam Việt Nam của cả hai phe trong cuộc chiến. Về các điều khoản về chính trị, có sự khẳng định về các nguyên tắc tổng quát đảm bảo quyền tự quyết của nhân dân Nam Việt Nam và rằng nhân dân Nam Việt Nam phải quyết định tương lai chính trị của họ qua cuộc tuyển cử tự do và dân chủ dưới sự giám sát quốc tế.

Như đài phát thanh Hà Nội vạch rõ, giới chức hiện hữu về cả chính sách đối nội và đối ngoại sẽ còn tại chức; hai phe tại Việt Nam sẽ thương thảo với nhau về thời biểu của cuộc tuyển cử, tính chất cuộc tuyển cử, và chức vụ mà cuộc tuyển cử đó bầu lên.

Sẽ thành lập một cơ cấu được gọi là Ủy ban Hòa giải và hòa hợp quốc gia, ủy ban này phụ trách công việc giúp cải thiện việc duy trì cuộc ngừng bắn và kiểm soát cuộc bầu cử mà các phe đã đồng ý.

Hội đồng đó sẽ được thành lập bằng cách đề cử và mọi quyết định phải được đồng thanh chấp thuận. Chúng tôi coi đó là cơ cấu cụ thể hóa ủy ban tuyển cử mà chúng ta đã đề nghị ngày 25 tháng Giêng trong kế hoạch của chúng ta.

Có những điều khoản nói rằng sự sắp xếp quân lực Việt Nam tại miền Nam cũng sẽ được giải quyết bằng cuộc thương thuyết giữa các phe phái Nam Việt Nam.

Có những điều khoản nói rằng sự thống nhất Việt Nam cũng được hoàn tất qua các cuộc thương thuyết giữa các phe phái ấy mà không có áp lực quân sự và không có sự can thiệp của ngoại quốc, không có sự áp bức và không có sự thôn tính.

Có cả một đoạn dài và phức tạp nói về sự giám sát quốc tế

mà chắc sẽ chiếm nhiều thì giờ của các sinh viên tốt nghiệp trong nhiều năm tới và tôi có thể nói là chỉ có đồng nghiệp của tôi là Đại sứ Sullivan am tường đầy đủ mà thôi.

Nhưng tóm lại, thỏa hiệp quy định lập những ủy ban hỗn hợp của những người tham dự, hoặc hai phe hoặc bốn phe, cho những phần nào của thỏa hiệp có thể áp dụng được hoặc cho hai phe hoặc cho bốn phe. Thỏa hiệp quy định lập một ủy hội giám sát quốc tế để giải quyết những bất đồng của các ủy ban gồm đủ các phe phái, ủy hội này còn có quyền mở các cuộc điều tra riêng, và một hội nghị quốc tế sẽ họp trong vòng 30 ngày sau khi ký kết thỏa hiệp để đem lại những bảo đảm và thiết lập mối liên lạc giữa các phe phái một cách tỷ mỉ hơn.

Sau hết một đoạn về Campuchia và Lào quốc, trong đó các phe thuộc thỏa hiệp này đồng ý tôn trọng và nhìn nhận nền độc lập chủ quyền của Campuchia và Lào quốc. Trong đó các phe đồng ý ngưng sử dụng lãnh thổ Campuchia và lãnh thổ của Lào quốc để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác.

Có một sự thỏa thuận rằng các nước ngoài sẽ triệt thoái quân đội của họ ra khỏi Lào quốc và Campuchia, và có một đoạn tổng quát về môi bang giao trong tương lai giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong đó cả hai nước đều phát biểu niềm tin tưởng là thỏa hiệp này sẽ hữu ích cho một giai đoạn hòa giải mới giữa hai nước, và trong đó Hoa Kỳ phát biểu ý kiến rằng Hoa Kỳ trong giai đoạn hậu chiến sẽ đóng góp vào công cuộc tái thiết Đông Dương và rằng cả hai quốc gia sẽ phát triển môi bang giao dựa trên một căn bản tương kính và bất can thiệp vào những vấn đề của nhau, và rằng họ từ bỏ hận thù tiến tới tình trạng bình thường.

Thưa quý vị, với những gì chúng ta đã đạt tới, rõ ràng là hầu hết những vấn đề khó khăn nhất đã được giải quyết. Nếu quý vị nhìn nhận những gì mà phân đông quý vị nghĩ rằng có thể đạt được trong mấy tháng qua so sánh với những gì mà chúng ta hiện đạt tới. Chúng ta phải nói là hai phe đã thảo luận vấn đề này với ý niệm lâu dài, với một thái độ rằng chúng ta muốn có không những một cuộc đình chiến mà còn là một nền hòa bình, và đó là thái độ sẽ chi phối các hành động của chúng ta mặc dù có lúc thế này lúc thế khác không thể tránh được trong một vấn đề phức tạp như vậy.

Như vậy, thì còn điều gì cản trở sự hoàn tất thỏa hiệp? Tại sao chúng ta lại yêu cầu thêm một phiên họp nữa với Bắc Việt để thảo ra một bản văn chót? Lý do chính yếu là, trong cuộc thương thuyết đã bị bế tắc 5 năm nay và mãi tới ngày 8-10 mới thực sự khai thông, nhiều nguyên tắc tổng quát đã được thấu hiểu rõ ràng trước khi có sự khai thông, nhưng càng đi sâu vào chi tiết bản văn thì càng thấy rõ có nhiều sắc thái khác biệt mà sự thực thì sau cùng sẽ phải dựa vào đó.

Rõ ràng, tự nhiên, là khi chúng tôi đề cập đến khả năng trù tượng của một cuộc ngừng bắn, có lẽ không một phe nào đã nói được một cách minh bạch như sau này họ phải nói minh bạch về vấn đề ấn định thời gian và phương cách thực hiện một cuộc ngừng bắn trong một quốc gia không có giới tuyến rõ ràng. Và việc chúng ta chấp thuận lời yêu cầu của Bắc Việt, về một lịch trình gấp rút, cũng có nghĩa rằng bản văn sẽ không thể nào được phù hợp, rằng bản văn tiếng Anh và bản văn tiếng Việt có thể sẽ không soạn xong được cùng một lúc.

Và có nhiều sự lơ mờ trong cách hành văn khiến cần phải có

một phiên họp nữa để sửa lại cho rõ ràng. Tôi xin nêu lên một vài thí dụ và tôi nghĩ quý vị sẽ hiểu rằng, chúng ta đang nói chuyện đây về một vấn đề khác hơn là những gì đã làm chúng ta bận tâm trong nhiều phiên tôi đã họp với quý vị về vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Những phiên họp liên quan đến những lý thuyết trừu tượng về đường lối giải quyết nào có thể thành công.

Chúng ta đang nói đây về sáu hoặc bảy vấn đề rất cụ thể mà với thiện chí như đã từng chứng tỏ, có thể giải quyết được dễ dàng. Thí dụ, hiển nhiên là song song với cuộc ngưng bắn sẽ có một mưu toan là cố gắng lần chót chiếm được càng nhiều đất càng hay, và có lẽ còn kéo dài các cuộc hành quân để đủ thời giờ thiết lập sự kiểm soát chính trị ở một vùng nào đó.

Chúng tôi muốn tránh nguy cơ tổn thất nhân mạng và có lẽ cả nguy cơ tàn sát ở vài nơi, vì vậy chúng tôi muốn thảo luận những biện pháp để thiết lập một ủy hội giám sát quốc tế cùng lúc với sự công bố ngừng chiến.

Ngoại trưởng Hoa Kỳ đã có những cuộc hội đàm sơ khởi với một vài quốc gia được yêu cầu tham gia ủy hội đó để xúc tiến quá trình này.

Thứ hai, vì các điều kiện chính trị ở mỗi quốc gia Đông Dương một khác nên môi trường quan giữa các cuộc hành quân ở các nước đó với cuộc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, hoặc giữa cuộc ngưng chiến ở các nước đó với cuộc chấm dứt chiến tranh Việt Nam có phần phức tạp cho nên chúng tôi muốn thảo luận cụ thể hơn về cách thức rút hết sức ngắn thời gian đó.

Có một vài điểm mơ hồ được nêu ra trong cuộc phỏng vấn mà Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng đã dành cho một tuần báo. Trong cuộc phỏng vấn đó, dường như về một, hai điểm ông

ta đã ngộ nhận nội dung của bản thỏa hiệp; do đó chúng tôi thấy dù sao cũng phải minh xác.

Có những vấn đề về ngôn ngữ. Chẳng hạn như, chúng tôi gọi Hội đồng Hòa giải quốc gia là "Administration structure" (cơ cấu hành chính) để vạch rõ ràng chúng tôi không coi nó như là cơ cấu có thể so sánh được với một chính phủ liên hiệp. Chúng tôi muốn chắc chắn rằng bản văn tiếng Việt cũng có cùng một ý nghĩa như vậy.

Tôi phải nói thêm là danh từ tiếng Anh Administrative structure đã do chính người Việt Nam đưa cho chúng tôi và như vậy thì đó không phải là mưu mẹo của chúng tôi.

Có vài khó khăn về kỹ thuật như trong vài đoạn của văn kiện thì những điều khoản nào của Hiệp định Genève được tham chiếu và có một vấn đề chưa bao giờ giải quyết ổn thỏa là Bắc Việt, như họ đã vạch rõ trong bài phát thanh, đã đề nghị rằng bản thỏa hiệp được Hoa Kỳ và Bắc Việt ký kết, chúng ta đại diện cho Sài Gòn, họ đại diện cho các đồng minh của họ tại Nam Việt Nam.

Chúng tôi luôn luôn duy trì lập trường là chúng ta nên để tùy ý đồng minh của ta muốn có một văn kiện hai nước ký hay muốn tự họ ký một văn kiện thiết lập hòa bình tại nước họ. Nay họ muốn tham dự việc ký kết hòa bình và theo chúng tôi đó không phải là một đề nghị phi lý khi một quốc gia, mà trên lãnh thổ họ một cuộc chiến đã xảy ra và dân chúng họ đã phải ly tán và đã chịu đau khổ quá nhiều, họ đòi hỏi quyền ký hiệp ước hòa bình của họ.

Điều này một lần nữa gây cho chúng ta một khó khăn không thể không khắc phục được, nhưng sự chấp nhận điều đó sẽ cần

tới sự dự thảo những phân nào đó của văn kiện và điều đó một lần nữa là một công việc đòi hỏi nhiều giờ làm việc.

Chúng ta đã kêu gọi Bắc Việt hội họp với chúng ta vào bất cứ ngày nào tùy họ chọn. Chúng ta, như tin tức đã loan, đã giới hạn cuộc oanh tạc, thật vậy, trong khu vực tác chiến để chứng tỏ thiện chí của chúng ta, và để chứng tỏ rằng chúng ta đang theo khuôn khổ thỏa hiệp hiện hữu.

Chúng ta vẫn tin tưởng rằng những vấn đề tôi đã đề cập tới đều có thể giải quyết trong một thời gian rất ngắn. Chúng tôi đã đồng ý và tôi xin lập lại tại đây một cách công khai, giải quyết những vấn đề ấy tại một cuộc họp nữa và sẽ ở lại cuộc họp đó cho tới chừng nào hoàn tất thỏa hiệp đó.

Đó là tình hình của chúng ta đối với Hà Nội. Chúng ta hiểu sự thất vọng của họ về việc không thể đạt được thời khắc biểu tiến tới sự thực hiện điều mà họ đã cố gắng nghiêm chỉnh vì những lý do ngoài tầm quyền của bất cứ phe phái nào. Nhưng họ biết, hay họ phải biết và hẳn là họ biết rồi, rằng hòa bình sẽ ở trong tầm tay trong vòng ít tuần nữa, hay ít hơn, tùy thuộc vào lúc nào cuộc họp này khai diễn, và rằng một khi hòa bình đã đạt được, chúng ta sẽ tiến từ thù hận qua bình thường hóa, và từ bình thường hóa tới hợp tác cùng với một tinh thần nghiêm chỉnh mà chúng ta đã điều hành mối quan hệ kém may mắn trước đây của chúng ta với họ.

Về phân Sài Gòn,... để xúc tiến cuộc thương nghị nhanh chóng, chúng ta đã đưa tới họ với những kết cuộc rõ ràng không thể được giải quyết trọn vẹn trong vòng có bốn ngày tôi đã lưu lại Sài Gòn. Nhưng chúng ta tin tưởng rằng cuộc tham khảo ý kiến giữa tôi và Sài Gòn sẽ đem lại sự thỏa thuận trong phạm vi

thời gian tương tự mà tôi đã nói là cần thiết để hoàn tất bản thỏa hiệp với Hà Nội, và rằng cuộc thương nghị có thể tiếp tục theo thời biểu mà tôi đã trình bày với nhân dân Hoa Kỳ.

Tôi đã luôn luôn nói với quý vị tại đây về cuộc thương nghị liên quan tới hòa bình và chúng ta đã ý thức rất rõ về tình trạng chia rẽ và sự đau khổ mà chiến tranh đã gây ra tại quốc gia này....

Chúng ta sẽ không bị thúc đẩy ký kết vào một thỏa hiệp trừ phi có những điều khoản công bằng trong thỏa hiệp đó. Chúng ta sẽ không tránh né một thỏa hiệp khi những điều khoản của thỏa hiệp công bằng. Và với thái độ đó, và với một vài sự hợp tác của đôi phương, chúng tôi tin là chúng ta có thể vẫn hồi rất sớm hòa bình lẫn tình trạng đoàn kết tại Hoa Kỳ"³²⁹.

Sau bài phát biểu, Kítxinhgiơ tiếp tục trả lời một cách chung chung các câu hỏi của giới báo chí chung quanh vấn đề thời gian ký kết, các phiên họp tiếp theo, sự mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, với bài diễn thuyết mà nội dung chính không có điểm gì mới so với bản công bố của đài phát thanh Hà Nội và chứa đựng nhiều điểm mâu thuẫn, Kítxinhgiơ không thể xoa dịu sự phản đối của dư luận. Ngược lại, nó càng làm nở rộ các bài phân tích, bình luận về sách lược của Hoa Kỳ vào những ngày cuối tháng 10 và đầu tháng 11 năm 1972. Trong đó, không ít bài báo đã vạch trần sách lược chuẩn bị "ngừng chiến" của Níchxon.

Ngày 01-11-1972, đài BBC trong một bài bình luận về Việt

329. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3609: Nguyên văn bản ghi lại cuộc họp báo của Tiến sĩ Kítxinhgiơ tại Oasington ngày 26-10-1972, bản tin đặc biệt của Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Nam đã lý giải rõ sự trì hoãn ký kết của Níchxon. Đài BBC bình luận rằng:

“Trong các bài phát thanh của đài Sài Gòn, đã thấy chỉ trích ít nhiều việc Hoa Kỳ vớ lấy trách nhiệm thu xếp với Bắc Việt các điều khoản ấn định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam. Nhưng ở Sài Gòn, có vẻ như hài lòng về việc Tổng thống Nixon đã không chịu nhận lời Hà Nội đòi phải ký kết vào ngày 31 vừa qua.

Ở Hoa Kỳ, người ta có hy vọng là trong khoảng thời gian chuẩn bị và thương lượng thêm trước khi ký thỏa hiệp, sẽ dành cho VNCH thời giờ để nhận định những di lụy của thỏa hiệp này với một thái độ bình tĩnh hơn. Tất cả nội dung thỏa hiệp chưa được công bố hết thì còn khó mà biết được tất cả những chi tiết các điều đã được thỏa thuận trong các cuộc đàm phán.

Nhưng những điều được nói ra cho tới nay đủ để cho thấy phía Hoa Kỳ đã cố gắng nhiều trong việc tìm cách bảo đảm đầy đủ cho một cuộc ngưng bắn. Không làm gì có chuyện bỏ mặc các sự thu xếp về an ninh của miền Nam Việt Nam mà không có sự che chở phòng trường hợp bị tấn công đột ngột sau khi đã thi hành lệnh ngưng bắn”³³⁰.

Ngày 06-11-1972, tờ "L'Express", thẳng thắn bình luận:

“Hoa Kỳ có lẽ dĩ nhiên cũng có cách để gạt bỏ trở ngại cuối cùng này cho hòa bình. Nhưng họ không muốn biến miền Nam

330. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3576: Bình luận bài diễn văn của Tổng thống VNCH nhân ngày quốc khánh của đài BBC, ngày 01-11-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3576.

Việt Nam thành một Algérie (Angiêri - BT) nữa. Điều Hoa Kỳ ước mong hiện nay là một Triều Tiên thứ hai"³³¹.

Cùng ngày, báo "Time" đã trích lời một số viên chức Hoa Kỳ: "Tổng thống Thiệu là cản trở chính cho một thỏa hiệp, nhưng một vài viên chức Hoa Kỳ cho rằng chính Bạch Cung (Nhà Trắng - BT) cũng muốn tìm hãm cuộc hòa đàm vì những lý do riêng. Thứ nhất là việc trì hoãn này giúp cho Ngũ Giác Đài (Lầu Năm Góc - Trụ sở Bộ Quốc phòng Mỹ - BT) có thì giờ tải khí giới, máy bay sang Sài Gòn, vì sau ngưng bắn việc này sẽ không còn được phép nữa. Lý do thứ hai, quan trọng hơn, là Tổng thống Nixon muốn ký kết sau ngày bầu cử, để ông khỏi bị mang tiếng là lợi dụng thỏa hiệp hòa bình làm lợi cho chính trị"³³².

Trong khi đó, bài phát biểu của Kítxinhgiơ lại càng làm cho Nguyễn Văn Thiệu mất "bình tĩnh". Một mặt, Nguyễn Văn Thiệu liên tục gửi công hàm cho Hoa Kỳ, nói rõ rằng: "những vấn đề cần phải giải quyết trong dự thảo hiệp định là những vấn đề căn bản chứ không phải là những vấn đề chi tiết hay ngôn ngữ như ông Kissinger đã tuyên bố"³³³ và đòi hỏi "Hoa Kỳ cho biết rõ về những gì Hoa Kỳ hứa hẹn với Bắc Việt theo như họ tiết lộ"³³⁴.

331. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3606: Báo L'Express về Việt Nam, phiếu trình số 576 PThT/BC2 của Nha Báo Chí.

332. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3606: Phiếu trình số 596-PThT/BC2 ngày 06-11-1972, của Nha Báo chí.

333, 334. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1231: Tài liệu mật, chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam.

Mặt khác, từ ngày 26-10 đến ngày 07-11-1972, Nguyễn Văn Thiệu cấp tốc cử ba đại sứ đi đến 12 quốc gia ở châu Á rêu rao luận điệu Hoa Kỳ bỏ rơi “đồng minh”, “đi đêm” với “Cộng sản” hy sinh “Việt Nam Cộng hòa”, quyết liệt phản đối việc ký kết Hiệp định về Việt Nam. Tại Sài Gòn, Thiệu cho bộ máy truyền thông và các cơ quan, quan chức cấp cao đã kích chính quyền Níchxon.

Ngày 27-10-1972, “Hạ viện” của chính quyền Sài Gòn lập quyết nghị bác bỏ bản dự thảo hiệp định với 5 nội dung:

“Bác bỏ mọi hình thức liên hiệp với CS.

Bác bỏ công thức ba thành phần dù được thể hiện dưới bất cứ hình thức nào, bất cứ danh xưng nào.

Mọi giải pháp chánh trị cho miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự do quyết định.

Toàn thể quân đội và cán bộ CS Bắc Việt phải triệt thoái khỏi miền Nam, đúng theo các điều khoản Hiệp định Genève năm 1954, để thực hiện một cuộc ngưng bắn nghiêm chỉnh.

Kêu gọi toàn quân và dân miền Nam tiếp tục kiên trì tranh thủ một nền hòa bình trường cửu, trong dân chủ và tự do”³³⁵.

Ngày 31-10-1972, tại “Quốc hội” của chính quyền Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục “kêu gào” “muốn sống yên phải chiến thắng CS. Muốn chiến thắng CS phải đóng vai trò chủ động trên chiến trường”³³⁶.

Song song với kêu gọi chiến tranh, Nguyễn Văn Thiệu cũng không quên biện minh cho việc cự tuyệt ký kết là để đảm bảo sự “tự do” cho miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên sự biện minh

335. Việt Nam Thông tấn xã số 7892, phong Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3659.

336. Thông điệp đọc trước Quốc hội ngày 31-10-1970, hồ sơ 114.

của Thiệu chỉ nhận được thêm sự chỉ trích của báo giới. Ngày 06-11-1972, báo "Time" thẳng thắn vạch trần tham vọng của Nguyễn Văn Thiệu. Bài báo viết:

“Tổng thống Thiệu đang bất chấp cả áp lực của Hoa Kỳ về một sự dàn xếp, và cả lòng ao ước chấm dứt chiến cuộc của người Việt Nam. Phái viên báo Time, Stanley Cloud, từ Sài Gòn cho hay: “nếu người miền Nam cảm thấy bị Hoa Kỳ bỏ rơi, họ có thể quay trở lại chống người đã làm ơn cho họ. Nhưng nếu họ cảm thấy rằng ông Thiệu đứng cản đường hòa bình để thỏa mãn tham vọng cá nhân, họ cũng có thể chống lại ông. Hiện nay, ông Thiệu gần như không làm gì để chuẩn bị dân chúng cho hòa bình, mà ông lại còn hô hào họ đề cao cảnh giác và chuẩn bị chiến tranh, trong trường kỳ”³³⁷.

Trước phản ứng quá mạnh của Nguyễn Văn Thiệu, ngày 29-10-1972, Níchxon gửi thư cho Nguyễn Văn Thiệu nhằm làm giảm bớt sự công kích. Nhưng không có hiệu quả, trong khi dư luận ngày càng tỏ ra phản ứng mạnh trước sự trì hoãn của Níchxon. Hãng UPI cho rằng Việt Nam đã đưa quả bóng sang sân của Hoa Kỳ. Hãng tin Pháp AFP nhận xét: Níchxon đã bị dồn vào chân tường và buộc phải lựa chọn, hoặc ký sớm hiệp định, bỏ rơi Thiệu, hoặc tiếp tục chiến tranh. Còn các nhân vật đối lập trong Quốc hội Hoa Kỳ đòi Níchxon phải có trách nhiệm ký Hiệp định sớm, không thể để Thiệu muốn làm gì thì làm và họ cho rằng Nguyễn Văn Thiệu đang thách thức lòng tự trọng của nhân dân Hoa Kỳ³³⁸.

337. Phiếu trình số 596-PTht/BC2, ngày 06-11-1972, của Nha Báo chí, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3606.

338. George Aiken, Nhật ký Thượng nghị viện, Brattleboro, 1976, tr. 59-60

Vì vậy, để xoa dịu dư luận, tại Oasinhton, các giới chức cao cấp Nhà Trắng liên tục biện minh với luận điệu “Hoa Kỳ sẽ không để cho kỳ hạn do Bắc Việt đòi hỏi và cuộc tranh cử ở Hoa Kỳ thúc đẩy phải chấp nhận một thỏa hiệp hòa bình “không hoàn hảo” ở Việt Nam”. Đồng thời, chính quyền Níchxon liên tục đưa ra những thông tin theo chiều hướng việc ký kết Hiệp định đang đến rất gần, kiểu như “Cố vấn Kissinger có thể sẽ trở sang Ba Lê vào cuối tuần này để tiếp tục thảo luận với Bắc Việt về việc ký kết thỏa hiệp hòa bình Việt Nam”³³⁹. Hoặc, như Phó Tổng thống Mỹ Ácniu (Agnew) tuyên bố ngày 01-11-1972: “Hoa Kỳ sẽ không can thiệp hoặc trở lại Việt Nam nếu nhân dân Nam Việt Nam bầu một chính phủ CS”³⁴⁰.

Ngày 02-11-1972, Níchxon tuyên bố trên truyền hình, bản dự thảo còn có những phần “mập mờ” “cần làm rõ trước khi ký kết bản hiệp định cuối cùng”. Đồng thời, để chứng minh với Thiệu, Hoa Kỳ không “bỏ rơi” chính quyền Sài Gòn và việc ký kết Hiệp định hoàn toàn nằm trong kế hoạch, Níchxon ra lệnh cho máy bay chiến lược B.52 ném bom phía Bắc khu phi quân sự.

Ngày 08-11-1972, sau khi tái đắc cử, Níchxon gửi bức thư đầu tiên trong cương vị Tổng thống thứ 38 của Hoa Kỳ, nhằm răn đe và bảo đảm không “bỏ rơi” chính quyền Thiệu. Trong thư, Níchxon khẳng định: “chúng tôi xem dự thảo hiệp định này là

339. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17532: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 01-11-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

340. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17532: Tổng hợp tin tức ngày thứ tư 02-11-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo VNCH.

một dự thảo hiệp định đúng đắn"³⁴¹ và "dù trong trường hợp nào, chúng tôi cũng quyết định đi tới trên căn bản của dự thảo hiệp định"³⁴². Ông ta cũng cho thấy kế hoạch bảo đảm sự tồn tại của chính quyền Sài Gòn sau khi Hiệp định được ký kết: "Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu - TG) cũng được thông báo đầy đủ về sự tăng viện ô ạt hiện đang diễn tiến để củng cố lực lượng VNCH trước một cuộc ngừng bắn. Tôi đã nhiều lần đưa ra những bảo đảm vững chắc đối với trường hợp hiệp định có thể bị vi phạm. Tôi đã đề nghị gặp Tổng thống sớm ngay sau khi hiệp định được ký kết để tiêu biểu cho sự hỗ trợ không ngừng của chúng tôi"³⁴³. Nguyên văn nội dung bức thư như sau:

"Hôm nay, sau cuộc tái đắc cử của tôi, tôi xin mở lại cuộc đối thoại giữa chúng ta về dự thảo hiệp định để chấm dứt chiến tranh.

Trước hết, tôi phải bày tỏ sự thất vọng sâu xa của tôi về cái mà tôi xem là một sự xa cách dần dần trong mỗi bang giao giữa hai quốc gia chúng ta, một khuynh hướng mà chỉ có hại cho những mục tiêu chung của chúng ta và có lợi cho kẻ thù. Việc Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu - TG) liên tục bóp méo và công kích hiệp định là không đúng (*unfair*) và biểu lộ tinh thần chủ bại (*self defeating*). Những sự công kích này vẫn tiếp tục, mặc dù chúng tôi đã lưu ý nhiều lần, kể cả bức thư của tôi cho Tổng thống vào ngày 29-10. Những sự công kích này đã làm cho tôi ngỡ ngàng và rất lúng túng.

341, 342, 343. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1232: Bản dịch thư Níchxon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 08-11-1972.

Trong những thư trước của tôi cho Tổng thống và trong những lần trình bày của Tiến sĩ Kissinger và Đại sứ Bunker*, chúng tôi đã giải thích nhiều lần tại sao chúng tôi xem dự thảo hiệp định này là một dự thảo hiệp định đúng đắn. Chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng, nó phản ánh những sự nhượng bộ to lớn của phía bên kia, bảo vệ độc lập của miền Nam Việt Nam và dành tương lai chính trị cho chính nhân dân miền Nam Việt Nam giải quyết. Tổng thống cũng được thông báo đầy đủ về sự tăng viện ô ạt hiện đang diễn tiến để củng cố lực lượng VNCH trước một cuộc ngừng bắn. Tôi đã nhiều lần đưa ra những bảo đảm vững chắc đối với trường hợp hiệp định có thể bị vi phạm. Tôi đã đề nghị gặp Tổng thống sớm ngay sau khi hiệp định được ký kết để tiêu biểu cho sự hỗ trợ không ngừng của chúng tôi. Nơi đây, tôi sẽ không kể lại tất cả những lý lẽ giải thích và công việc đã được làm. Những công việc ấy vẫn còn có giá trị. Trong tinh thần của lá thư này, những tố cáo một vài cộng sự viên của Tổng thống đang trở thành càng ngày càng khó hiểu.

Tuy nhiên, dù trong trường hợp nào, chúng tôi cũng quyết định đi tới trên căn bản của dự thảo hiệp định và những sự sửa đổi mà Tướng Haig sẽ thảo luận với Tổng thống và chúng tôi quyết định đạt được từ phía Bắc Việt. Đối với những sự sửa đổi trong hiệp định, tôi xin nói rõ nơi đây những gì chúng tôi làm được và không làm được:

- Đối với những điều khoản chính trị, chúng tôi sẽ làm yếu

* **Enxuốt Bânco (F. Ellsworth Bunker: 1894 - 1984)** là một doanh nhân người Mỹ và nhà ngoại giao và đã từng là đại sứ Hoa Kỳ tại các nước: Áchentina, Italia, Ấn Độ, Nêpan và bên cạnh chính quyền Sài Gòn tại miền Nam Việt Nam (1967-1973) (BT).

bớt việc dịch ra Việt văn danh từ "administrative structure" (cấu trúc hành chính) để cho thấy rõ hơn rằng hội đồng quốc gia này (Hội đồng hòa giải quốc gia và hòa hợp dân tộc - TG) không phải là một cơ cấu chính quyền. Như Tổng thống biết, chúng tôi đã không bao giờ đồng ý việc Bắc Việt dùng danh từ "chính quyền" và chúng tôi sẽ làm hết sức để thay vào đó danh từ "hành chánh". Trong điều 9F chúng tôi sẽ cố để có được một câu để nói rõ rằng thành phần của Hội đồng này sẽ do đôi bên cử đồng nhau. Trong điều 9G, chúng tôi sẽ cố gắng giảm bớt những nhiệm vụ của Hội đồng mà hiện nay đã yếu rồi. Dù trong trường hợp nào, như chúng tôi đã giải thích cho Tổng thống nhiều lần thật rõ là Hội đồng này không có quyền hành chánh phủ.

- Đối với vấn đề lực lượng Bắc Việt tại miền Nam, chúng tôi sẽ giải quyết nó bằng hai cách. Thứ nhất, chúng tôi sẽ cố đạt được một sự triệt thoái đơn phương trên thực tế (de facto) của vài sư đoàn Bắc Việt ở vùng cực Bắc của miền Nam. Thứ hai, chúng tôi sẽ thêm vào đoạn cuối của điều 9H một lời hành văn để quy định rằng những lực lượng phải được giải ngũ trên căn bản một đôi một và họ phải trở về nơi cư ngụ của họ.

- Đối với vùng phi quân sự, chúng tôi sẽ cố đạt được trong chương 5 một lời hành văn để nói lên rằng vùng phi quân sự phải được các bên tôn trọng.

- Ở điều 15D chúng tôi sẽ nhấn mạnh vào việc hủy bỏ việc đề cập không cố ý đến "ba quốc gia Đông Dương" và thế vào đó "những quốc gia Đông Dương".

- Ngoài ra, chúng tôi sẽ cố hết sức để đạt được càng nhiều càng tốt những sự sửa đổi trong lời hành văn mà chính phủ VNCH đã đề nghị mà thực ra có tính chất kỹ thuật.

Chúng tôi sẽ nỗ lực tối đa để ghi những sự sửa đổi này trong hiệp định. Tuy nhiên, tôi không muốn để Tổng thống có ảo tưởng nào là chúng tôi có thể hoặc sẽ đi xa hơn những sự sửa đổi đó với mục đích cải thiện một hiệp định mà chúng tôi đã xem là rất tốt.

Đối với tôi, hình như Tổng thống có hai sự lựa chọn cốt yếu: Tổng thống có thể sử dụng sự ủng hộ của quân chúng mà những hành động vừa qua của Tổng thống đã động viên được để cho rằng đã đạt được chiến thắng quân sự mà thỏa hiệp phản ánh và đoàn kết làm việc với đồng minh mạnh nhất của Tổng thống để đem lại một chiến thắng chính trị mà những điều kiện dẫn đến mục tiêu này thật sự hiện hữu. Tổng thống có thể lấy sáng kiến chánh trị và tâm lý bằng cách đón nhận thỏa hiệp và thi hành những điều khoản của nó một cách tích cực. Trong trường hợp này, tôi xin nhắc lại đề nghị của tôi gặp Tổng thống ngay sau khi ký kết thỏa hiệp, để nhấn mạnh sự hợp tác chặt chẽ và liên tục của chúng ta.

Sự lựa chọn khác đối với Tổng thống là tiếp tục những gì Tổng thống đang làm. Theo tôi, điều này có lợi cho đôi phương và có thể có hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với hai dân tộc chúng ta và là một sự tai hại đối với Tổng thống.

Tôi xin Tổng thống nói với Đại tướng Haig liệu chúng tôi có thể xúc tiến một cách vững chắc trên căn bản này hay không. Chúng tôi đã đến chỗ mà chúng tôi cần phải biết một cách minh bạch liệu Tổng thống có hợp tác với chúng tôi trong nỗ lực mà Tướng Haig sẽ vạch ra những đường hướng chính cho Tổng thống hay là chúng tôi phải nghĩ tới những phương thức hành động khác mà tôi tin rằng có thể sẽ tai hại cho quyền lợi hai quốc gia chúng ta.

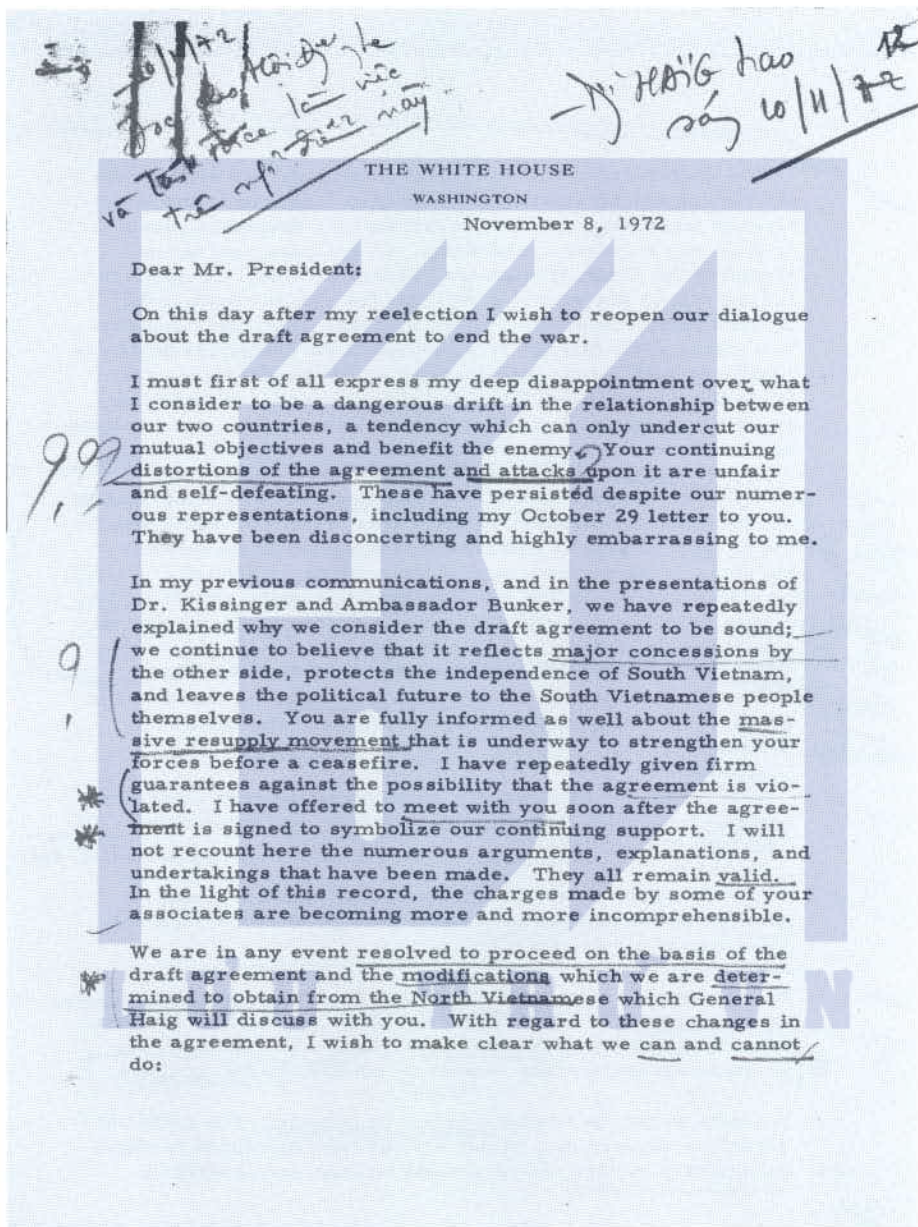
Tôi hy vọng rằng Tổng thống và Chính phủ VNCH sẵn sàng cộng tác với chúng tôi. Còn rất nhiều công việc chuẩn bị cần phải làm và chúng tôi tin rằng những ủy ban đặc nhiệm (task force) hỗn hợp Việt - Mỹ phải bắt đầu làm việc chung với nhau hầu chúng ta đạt được thế tốt nhất để thi hành giải pháp.

Tôi tin chắc Tổng thống đã đạt được một thắng lợi to lớn mà hiệp định này sẽ phê chuẩn. Tôi có ý định xây dựng trên những thành quả đó. Tôi muốn được làm việc với Tổng thống và với Chính phủ VNCH trong nhiệm kỳ thứ hai của tôi để bảo vệ tự do tại miền Nam Việt Nam trong thời bình cũng như chúng ta đã làm việc chung với nhau trong nhiệm kỳ đầu của tôi để bảo vệ nó trong thời chiến.

Trong 4 năm qua, Tổng thống và tôi đã là những đồng minh mật thiết và đồng minh quân sự. Sự liên minh giữa chúng ta đã đưa chúng ta đến chỗ mà hiện nay đôi phương đang phải chấp nhận những điều kiện mà bất cứ quan sát viên khách quan nào cũng nói là không thể nào đạt được 4 năm về trước. Sự liên minh giữa chúng ta và những thành quả của nó đều dựa vào căn bản niềm tin lẫn nhau. Nếu Tổng thống tiếp tục tin tôi, chúng ta sẽ cùng nhau thành công"³⁴⁴.

344. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1232: Bản dịch thư Níchxon gởi Nguyễn Văn Thiệu ngày 08-11-1972.

Thư của Níchxơn gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 08-11-1972³⁴⁵



345. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1232.

-- With respect to the political provisions, we will weaken the Vietnamese translation of the phrase "administrative structure" to make even clearer the fact that the National Council is in no way a governmental body. As you know, we never agreed to the North Vietnamese use of the phrase "chính quyền" and we will do our utmost to see that the phrase "hành chính" is substituted. In Article 9(f) we will also press for a sentence that makes clear that the membership of the Council is appointed equally by both sides. And in Article 9(g) we will attempt to dilute the already weak functions of the Council. In any event, as we have explained to you on numerous occasions, it is obvious that the Council has no governmental authority.

*Cần
sửa
đổi
từ
chính
quyền
thành
hành
chính
ở
địa
phương*

-- With respect to North Vietnamese forces in South Vietnam, we will treat this problem in two ways. First, we will press for the de facto unilateral withdrawal of some North Vietnamese divisions in the northern part of your country. Secondly, we will introduce wording at the end of Article 9(h) which stipulates that troops should be demobilized on a one-to-one basis and that they should return to their homes.

8V. họ là của Na (ở Bắc)

-- With respect to the demilitarized zone, we will press in Chapter V for language that says it will be respected by the parties.

-- In Article 15(d) we will insist on deleting the inadvertent reference to "three Indochinese countries" and substituting "the Indochinese states."

*es ma
vô tình thế này?*

-- In addition, we will do our best to obtain as many as possible of the changes in wording your government suggests which are of a more technical nature.

We will use our maximum efforts to effect these changes in the agreement. I wish to leave you under no illusion, however, that we can or will go beyond these changes in seeking to improve an agreement that we already consider to be excellent.

?

It seems to me you have two essential choices. You could use the public support your recent actions have mobilized to claim the military victory the agreement reflects and to work in

*99
How.*

14

3

Cung hay
có Hải
Hải hay
What?

unity with your strongest ally to bring about a political victory for which the conditions exist. You could take the political and psychological initiative by hailing the settlement and carrying out its provisions in a positive fashion. In this case I repeat my invitation to meet with you shortly after the signature of the agreement, in order to underline our continued close cooperation.

The other alternative would be for you to pursue what appears to be your present course. In my view this would play into the hands of the enemy and would have extremely grave consequences for both our peoples and it would be disaster for yours.

Mr. President, I would like you to tell General Haig if we can confidently proceed on this basis. We are at the point where I need to know unambiguously whether you will join us in the effort General Haig is going to outline or whether we must contemplate alternative courses of action which I believe would be detrimental to the interests of both of our countries.

I hope that you and your government are prepared to cooperate with us. There is a great deal of preparatory work that needs to be done, and we believe joint US-GVN task forces should begin working together so that we will be in the best possible position to implement the settlement.

It is my firm conviction that your people, your armed forces, and you have achieved a major victory which the draft agreement would ratify. It is my intention to build on these accomplishments. I would like to work with you and your government in my second term to defend freedom in South Vietnam in peacetime as we have worked during my first term to defend it in conflict.

In four years you and I have been close personal and military allies. Our alliance has brought us to a position where the

13

4

enemy is agreeing to conditions which any objective observer said were impossible four years ago. Our alliance and its achievements have been based on mutual trust. If you will give me continued trust, together we shall succeed.

Sincerely,



His Excellency
Nguyen Van Thieu
President of the Republic of Vietnam
Saigon

L U U T R U V N

Ngày 10-11-1972, Tướng Hâygo (Haig) sang Sài Gòn, tận tay chuyển thư của Níchxon, cùng với kế hoạch chuẩn bị “ngừng bắn” của Hoa Kỳ. Ngày 15-11-1972, sau khi báo cáo chuyến công du Sài Gòn và nhận chỉ thị từ Níchxon, Tướng Hâygo yêu cầu một phái viên chính quyền Sài Gòn sắp rời khỏi Oasinhton, tới Nhà Trắng để chuyển đạt “ý chỉ”. Tường trình của phái viên chính quyền Sài Gòn sau đó cho thấy, Hoa Kỳ đã hoạch định sách lược cụ thể nhằm tạo ưu thế cho chính quyền Thiệu trước khi Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết.

Tường trình nêu rõ:

“Trước khi rời Washington, Tướng Haig có mời tôi đến tòa Bạch Ốc để nhờ tôi chuyển trình Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu - TG) các điểm sau đây mà Tướng Haig cho là cực kỳ quan trọng liên quan đến tình hình và tương lai Việt Nam:

1. *Sau khi sang Sài Gòn chuyển chót để trình bày các điểm về thỏa ước hòa bình với Tổng thống, Tướng Haig đã cố gắng trình lại Tổng thống Nixon những điểm mà Tổng thống đã bảo Tướng Haig “explorer” (thăm dò - TG) xem ra sao. Sau khi vừa trình bày xong, Tướng Haig cho biết rằng chưa bao giờ ông thấy Tổng thống Nixon giận dữ như thế và cho rằng Tổng thống là một “obstacle” (trở ngại - TG) cho việc tiến đến hòa bình. Và Tổng thống Nixon bảo, theo lời Tướng Haig: “Tôi sẽ không nhượng thêm một điều khoản nào nữa và nếu Tổng thống Thiệu cương quyết giữ lập trường thì chúng tôi sẽ đi đôi (bilateral) với Bắc Việt và điều này chúng tôi sẽ tiến hành ngay trong “week-end” (cuối tuần - TG) này bằng cách gọi ông Kissinger sang Paris gặp Bắc Việt. Chừng ấy Sài Gòn sẽ không còn mong một sự giúp đỡ con con nào về phần Hoa Kỳ”.*

Tướng Haig tiếp: "Hôm nay, theo tôi biết (ngày 15-11-1972) tại Sài Gòn, Đại sứ Bunker được chỉ thị của Tổng thống Nixon trao lại cho Tổng thống một thư riêng cũng nhấn mạnh về điểm yêu cầu của Hoa Kỳ. Xin Tổng thống hợp tác với Hoa Kỳ để giúp họ đi sớm đến thỏa hiệp mà Hoa Kỳ cho rằng sẽ không thiệt thòi cho VNCH. Đây là bức thư thứ ba hoặc thứ tư gì rồi, nhưng vẫn chưa thấy Tổng thống đáp ứng".

Tướng Haig yêu cầu tôi trình Tổng thống điểm này nhiều nhất và cho ông ấy biết phản ứng của Tổng thống lần này ra sao. Tôi hứa sẽ trình sớm và điện thoại riêng cho Tướng Haig đêm hôm qua (17-11-1972).

2. Tôi biết Tổng thống Thiệu e ngại việc có thể bị CS lấn áp, nhưng tôi còn có đủ lực để ngăn chặn CS làm điều này, với đệ nhất hạm đội và không lực Mỹ tại Thái Lan.

3. Về điểm rút quân Bắc Việt, Tổng thống cứ quyết liệt đòi quân Bắc Việt phải rút khỏi miền Nam, điều này có bao giờ có thể họ chấp nhận, nhưng chúng tôi đã có giải pháp bớt quân hoặc giải ngũ quân hai bên trên căn bản 1-1 (một đổi một - TG). Như vậy sẽ không còn quân Bắc Việt và quân lực VNCH vẫn còn quân nhiều hơn để giữ vững lãnh thổ. Giải pháp này cũng đã khó cho họ chấp nhận rồi, làm thế nào đòi họ rút hết được. Nhưng chúng tôi hy vọng họ sẽ chấp nhận. Phía Hoa Kỳ chúng tôi đã thăm dò và có sự đồng ý của Nga Xô (Liên Xô - BT) và Trung Cộng (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - BT) giúp đỡ thuyết phục Bắc Việt nhận giải pháp này để chấm dứt chiến tranh. Tóm lại, giải ngũ hoặc giảm quân trên căn bản 1-1 thực hiện trong vòng 3 tháng có quốc tế kiểm soát, như vậy VNCH không phải lo ngại về sự có mặt của quân Bắc Việt tại miền Nam.

4. Vùng vĩ tuyến cũ (DMZ) sẽ được tái lập và tôn trọng là điều chúng tôi cũng sẽ thảo luận và hy vọng thành công với CSBV ("Cộng sản Bắc Việt" để chỉ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - TG).

5. Về "coalition" (liên hiệp - TG) đâu có vấn đề "coalition" mà đó chỉ là một "Advisory Committee" (Hội đồng cố vấn - TG) không quyền hạn gì và chỉ đưa góp ý kiến về thể thức tuyển cử thôi. Chúng tôi luôn luôn chống đối "coalition" nên không bao giờ để thua CS điều này.

6. Hoa Kỳ đã cố gắng rất nhiều khi thương thuyết đi đến thỏa hiệp với Bắc Việt để giữ vững tư thế lãnh đạo của Tổng thống Thiệu và chúng tôi biết Tổng thống Thiệu sẽ "stay forever" (ở lại mãi mãi - TG).

7. Hoa Kỳ đã đưa trên 1 tỷ Mỹ kim "hardware" để tăng cường quân lực VNCH đủ mạnh trước khi có ngừng bắn và chúng tôi sẽ tiếp tục giúp thêm cả viện trợ quân sự lẫn kinh tế với mức dồi dào để giúp Tổng thống Thiệu giữ vững tư thế lãnh đạo của ông.

8. CSBV biết rõ Hoa Kỳ sẽ rút và quân Đại Hàn cũng sẽ rút hết đến tháng 6-1972.

9. Chúng tôi (Hoa Kỳ - TG) không muốn cho CSBV biết sự rạn nứt giữa Mỹ và VNCH, nên chúng tôi vẫn tuyên bố: việc thăm dò giữa VNCH và Hoa Kỳ rất "satisfied" (hài lòng - TG). Trong lúc đó, sáng nay (15-11-1972) tôi mở báo ra xem thì thấy ở Sài Gòn, ông Nhã, ông Lãm tuyên bố trái ngược, gây "embarras" (khó khăn - TG) cho chúng tôi không ít.

10. Việc VNCH muốn tham dự mật đàm, chúng tôi hoan nghinh (welcome) ý kiến này và sẽ thảo luận với Bắc Việt. Theo tôi biết thì Tổng thống Thiệu cử Đại sứ Lâm tham dự và Đại sứ Lâm sẽ được chúng tôi "briefer" rõ từng điểm mỗi khi xong một buổi mật đàm, để theo dõi và góp thêm ý kiến.

11. Tóm lại chúng tôi (Hoa Kỳ - TG) khẩn khoản yêu cầu Tổng thống Thiệu "collaborer" (hợp tác - TG) với chúng tôi và cần "solidaire" (đoàn kết - TG) với chúng tôi mới mong có giải pháp tốt cho VNCH nếu không "It will be the end" (nó sẽ được kết thúc - TG)"³⁴⁶.

Trước ngày Tướng Haig sang Sài Gòn, sách lược chuẩn bị "ngừng bắn" của Níchxon bị giới báo chí phương Tây phanh phui. Ngày 07-11-1972, trong một bài xã luận, nêu rõ: "trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam, Tổng thống Nixon đã theo đúng kế hoạch do ông Kissinger đề ra từ năm 1969. Theo kế hoạch này, vấn đề Việt Nam sẽ được giải quyết qua hai giai đoạn: giai đoạn 1, Hoa Kỳ điều đình với CS Bắc Việt để giảm xếp khía cạnh quân sự; giai đoạn 2, VNCH và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thương lượng về khía cạnh chính trị. Theo Dân biểu Tuyên, giai đoạn 1 đã được thực hiện và hiện các phe đang bắt đầu sang giai đoạn 2 - bản dự thảo thỏa ước do Bắc Việt công bố ngày 26-10-1972 là "cái khung" mà VNCH không thể nào vượt ra ngoài, chỉ có thể sửa đổi một vài chi tiết thôi. Tuy nhiên, có thể xảy ra trường hợp là VNCH đơn phương hủy bỏ cuộc hòa đàm hiện nay tại Ba Lê, đồng thời đình chỉ việc thi hành Hiến pháp để đẩy mạnh công cuộc chiến đấu chống Cộng, hầu giành thắng lợi quyết định về mặt quân sự"³⁴⁷.

Thông tấn xã AP từ Sài Gòn đưa tin chi tiết "theo các nguồn

346. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1232: Tờ trình tổng thống VNCH ngày 18-11-1972.

347. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 724: Phiếu trình ngày 7-11-1972 của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo VNCH về hoạt động chánh trị ghi nhận được trong ngày thứ ba 07-11-1972.

tin quân sự Mỹ thì các nhân viên không quân sự Mỹ (thường dân) sẽ ở lại VNCH sau khi các cố vấn quân sự về Mỹ. Họ sẽ hoạt động như "một nhóm tư vấn" bên cạnh quân đội VNCH, và huấn luyện về việc sử dụng các vận tải cơ không lồ C-130 đã gửi tới Sài Gòn.

Nguồn tin Ngũ Giác Đài cũng tiết lộ Hoa Kỳ đã gửi gấp những trực thăng và dụng cụ trang bị qua VNCH trước khi có cuộc ngưng bắn. Tin đài VOA đêm thứ bảy cho hay Chính phủ Mỹ mượn đỡ một số phần lực cơ F-5 đã viện trợ cho Đại Hàn, Đài Loan và Ba Tư (Iran - BT), để gửi cho Sài Gòn.

Thông tấn xã Reuter cho biết Mỹ sẽ gửi 24 phi cơ Hercule và một số phi cơ Chinook đến Sài Gòn³⁴⁸.

Vì vậy, tháng 12-1972, âm mưu trì hoãn ký kết hiệp định cho đến khi sách lược chuẩn bị "ngưng bắn" hoàn tất, Chính quyền Níchxon, trong khi liên tục đưa ra các thông tin đổ trách nhiệm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về sự bế tắc của cuộc đàm phán và khẳng định Dự thảo Hiệp định chỉ còn phải thảo luận về các chi tiết mang tính kỹ thuật.

Ngày 16-12-1972, tại Oasinhton, trong một cuộc họp báo, Kítxinhgio thông báo:

"Tổng thống Nixon đã chỉ thị cho ông phải tạm hoãn mật đàm vì lý do "cuộc thương thuyết càng ngày càng có tính chất của một trò chơi đánh đố"... tuyên bố rằng Bắc Việt hiện đang tiếp tục "tháo lui" trước những thỏa thuận đã đạt được trong lần mật đàm thứ 20 (tháng 10-1972) và lần 21 (tháng 11-1972). Có

348. Tài liệu Thế giới trong tuần của Văn phòng Phụ tá đặc biệt chính trị văn hóa Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 18112.

vấn Kissinger tiết lộ rằng hiện có 16 điều thay đổi mới "về ngôn từ", trong đó có 4 điều quan trọng vẫn chưa được giải quyết. Ông nhấn mạnh rằng một trong những vấn đề khó khăn nhất là vấn đề "quốc tế giám sát ngưng bắn" mà theo Bắc Việt đòi hỏi là chỉ cần một lực lượng khoảng 250 người và chỉ được sử dụng các phương tiện di chuyển, thông tin do các bên liên hệ cung cấp. Cố vấn Kissinger cho hay rằng bản thỏa hiệp hòa bình về Việt Nam đã hoàn thành được 99% và hiện chỉ còn "thiếu sót một điểm sau cùng" trong đó Bắc Việt cần làm một quyết định là chấp nhận những thỏa thuận đã đạt được trước đây.

Để kết thúc cuộc họp báo, cố vấn Kissinger nhấn mạnh rằng sự thất bại của cuộc hòa đàm không phải là lỗi nơi Tổng thống VNCH và ông tái xác nhận rằng Hoa Kỳ sẽ không để "bị bắt bí" hay "bị xô đẩy" phải ký kết một thỏa hiệp không thỏa đáng³⁴⁹.

Nhưng bản tin của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo chính quyền Sài Gòn ngày 26-12-1972, lại cho thấy, trong các phiên họp mật với Cố vấn Lê Đức Thọ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Kítxinhgiơ đã yêu sách đòi "thay đổi căn bản" bản dự thảo Hiệp định ngày 20-10-1972. Theo Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo chính quyền Sài Gòn, Hoa Kỳ đòi thay đổi 5 điểm của dự thảo Hiệp định:

"Không để cho guồng máy chính trị của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam hoạt động sau khi có hòa bình.

Không ấn định thời gian thiết lập hội đồng chấp chính sau cuộc ngưng bắn.

349. Tài liệu số 3106/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 17-12-1972, thông Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17533.

Không quy định điều khoản phóng thích các tù binh chính trị tại miền Nam Việt Nam.

Không ấn định ngày bầu cử.

Buộc Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam phải thừa nhận chính phủ Việt Nam cộng hòa hiện hữu là chính phủ của Nam Việt Nam”³⁵⁰

Âm mưu trì hoãn của đàm phán của chính quyền Níchxon đã vấp phải sự phản đối không chỉ của dư luận mà ngay các chính khách trong Đảng Cộng hòa ở Hoa Kỳ cũng tỏ ra lo ngại.

Ngày 17-12-1972, bình luận về bài phát biểu của Kítxinhgio ngày 16-12-1972:

“Thượng nghị sĩ Robert Dole, chủ tịch Ủy ban toàn quốc đảng Cộng hòa đã tỏ ý lo ngại rằng sự bế tắc của cuộc thương thuyết sẽ có thể đưa tới việc Quốc hội Hoa Kỳ tìm cách cắt giảm ngân khoản dành cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Thượng nghị sĩ Jacob Javits (Cộng hòa) và Thomas Eagleton (Dân chủ) tuyên bố họ sẽ vận động Quốc hội Hoa Kỳ cắt ngân khoản dành cho chiến tranh Việt Nam nếu các cuộc hòa đàm bị thất bại.

Thượng nghị sĩ Mc Govern tố cáo Tổng thống Nixon và tiền sĩ Kissinger là đánh lừa dân chúng về triển vọng thành đạt nên hòa bình ở Việt Nam”³⁵¹.

350. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533.

351. Tài liệu số 3113/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 17-12-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17533.

Trong khi chính phủ một số quốc gia thẳng thắn chỉ trích, coi bài phát biểu của Kítxinhgiơ chỉ là sự biện hộ cho sự trì hoãn của Chính phủ Mỹ.

“Tại Mạc Tư Khoa (Mátxcova - BT), Thông tấn xã Tass cho rằng cuộc họp báo của cố vấn Kissinger nhằm biện luận cho sự trì hoãn của Hoa Kỳ trong việc ký kết thỏa hiệp ngưng bắn.

Tại Nam Vang (Phnôm Pênh - BT), phát ngôn viên Chính phủ Campuchia tuyên bố rằng Campuchia không tin tưởng Hoa Kỳ sẽ sớm đạt được một thỏa hiệp hòa bình với Bắc Việt”³⁵².

Về mặt quân sự, tháng 12-1972, tại Oasinhton, chính quyền Níchxon lập câu hàng không ô ạt chuyển vũ khí và phương tiện chiến tranh sang miền Nam Việt Nam. Tại Sài Gòn, lực lượng viễn chinh Mỹ cũng được lệnh chuyển giao toàn bộ căn cứ, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho chính quyền Thiệu. Theo bảng liệt kê doanh trại “đồng minh” chuyển giao của Bộ Quốc phòng chính quyền Sài Gòn, từ tháng 11-1972 cho đến trước khi Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết, Hoa Kỳ đã chuyển giao cho chính quyền Thiệu: 9 doanh trại, 3 nhà máy điện ở Quân khu I; 16 doanh trại ở Quân khu II; 4 doanh trại ở Quân khu III và 27 doanh trại, 2 trụ sở tại Quân khu IV của chính quyền Sài Gòn³⁵³.

352. Tài liệu số 3113/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 17-12-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17533.

353. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 18642: Tài liệu về tình hình tiếp nhận doanh trại đồng minh của Bộ Quốc phòng VNCH.

Bảng chuyển giao căn cứ quân sự của Hoa Kỳ cho chính quyền Sài Gòn (1969-1973)³⁵⁴

Số		Tên đơn vị		Mã		Số căn cứ		Số căn cứ	
Số		Tên đơn vị		Mã		Số căn cứ		Số căn cứ	
01	Trại An-Sơn - Quảng-Trinh	29-07-69	02 2 B	Đông Xuân	48 nhà gỗ + 01 nệm	01 căn	100 KV		
02	Trại Dương-Thôn-Quảng-Trinh	01-09-69	04 2 B	Đông Xuân	76 nhà gỗ (08 nhà không vách)				
03	Trại Tân-Vũ - Tân-Trinh	30-09-69	01 1 B	Đông Xuân	16 nhà gỗ + 02 nệm	01 căn	150 KV		
04	Trại Bạch-Đông - Tân-Trinh	15-10-69	04 1 B	Đông Xuân	15 nhà gỗ + 02 nệm	01 căn	150 KV		
05	Trại Tân-Vũ - Quảng-Trinh	01-11-69	04 1 B	Đông Xuân	05 nhà gỗ + 01 nệm	01 căn	150 KV		
06	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	06-11-69	04 2 B	Đông Xuân	146 nhà gỗ + 02 nệm	01 căn	150 KV		
07	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	10-11-69	04 1 B	Đông Xuân	131 nhà gỗ				
08	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	04-12-69	04 1 B	Đông Xuân	596 nhà gỗ + 02 nệm	01 căn	200 KV		
09	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	22-12-69	04 1 B	Đông Xuân	518 nhà gỗ				
10	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	19-01-70	04 1 B	Đông Xuân	21 nhà gỗ + 01 nệm	01 căn	30 KV		
11	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	16-02-70	04 1 B	Đông Xuân	51 nhà gỗ				
12	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	20-02-70	04 1 B	Đông Xuân	05 nhà gỗ + 01 nệm	01 căn	30 KV		
13	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	27-02-70	04 1 B	Đông Xuân	147 nhà gỗ				
14	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	01-03-70	04 1 B	Đông Xuân	52 nhà gỗ				
15	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	05-03-70	04 1 B	Đông Xuân	133 nhà gỗ				
16	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	06-03-70	04 1 B	Đông Xuân	266 nhà gỗ				
17	Đông-Hà-Vũ - Tân-Trinh	28-03-70	04 1 B	Đông Xuân	41 nhà gỗ				

354. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 18642.

- 18 : Camp Sally - Thủ Đức - Biên Hòa : 30-09-70 : L 3/3 EB : Doanh trại : 43; nhà gỗ+01; máy điện 20KV+02 m; sân 60 KN; 14 P.B
- 19 : FOB Astor - Quảng Ngãi : 11-04-70 : Tr 3/4 B : thao sở : 8; nhà gỗ : 1; các điện
- 20 : LZ Bayonet - Quảng Tín : 14-04-70 : Tr 2/6 B + : Nhà gỗ (CC trường quân khu) + 01 máy điện 10KV : 23 P.B
- 21 : FOB Vạn Cảnh - Quảng Tín : 14-04-70 : Tr 2/2 B : Tr-thợ gỗ : 61 nhà gỗ (tháo gỗ 06 nhà) : 1 phần
- 22 : LZ Max - Quảng Ngãi : 18-04-70 : Tr 2/2 NG (1FD) : Doanh trại : 70 nhà gỗ
- 23 : 9th Sig Co - Quảng Tín : 15-09-70 : Tr 2/6 B : Doanh trại : 193 nhà gỗ+01 máy điện 100 KN
- 24 : 1st Tank Bn - Quảng Ngãi : 22-05-70 : HT/UK/Q.DA : Doanh trại : 04 nhà gỗ+27 nhà gỗ+02 máy điện 100KV+01 máy điện 10KV +03 máy điện 30KV : 02 máy điện 30KV
- 25 : Base Point - Quảng Tín : 21-06-70 : Tr 1/25 BPA : Doanh trại : 11 nhà gỗ+01 máy điện 30KV
- 26 : Tr 7/8/1 - Quảng Tín : 29-06-70 : Đoàn 294 Tr : Doanh trại : 02 nhà gỗ+04 nhà gỗ+02 máy điện 100KV+01 máy điện 10KV : 1 phần
- 27 : BV Nha Trang - Quảng Tín : 01-07-70 : Tr 1/08 : Q.N Bành-Trần : 01 nhà gỗ+08 nhà gỗ+02 máy điện 10KV+03 máy điện 30KV : Hải Đông
- 28 : Camp Cobay - Quảng Tín : 15-07-70 : Tr 1/27 BPA : Doanh trại : 04 nhà gỗ+01 máy điện 10KV
- 29 : Camp Cobay - Quảng Tín : 20-07-70 : Tr 1/27 BPA : Doanh trại : 13 nhà gỗ+01 máy điện 60KV+01 máy điện 30 KN
- 30 : Hill-Van Pass - Quảng Tín : 01-08-70 : Tr 1/25 BPA : Doanh trại : 23 nhà gỗ+01 máy điện 30 KN
- 31 : Sparrow-Eggs - Quảng Tín : 09-08-70 : Tr 1/25 BPA : Doanh trại : 08 nhà gỗ+01 máy điện 30KV (1 máy điện 10KV)
- 32 : Camp Hoover - Quảng Ngãi : 17-07-70 : Tr 8 NV : Doanh trại : 05 nhà gỗ+05 nhà gỗ+146 nhà gỗ+01 máy điện 10KV + 03 máy điện 30KV
- 33 : Base Point - Quảng Tín : 28-08-70 : Tr 1/14 NV : Doanh trại : 03 quân ở nhà; 01 quân ở không có nhà
- 34 : Base Point - Quảng Tín : 02-09-70 : Tr 1/27 BPA : Doanh trại : 36 nhà gỗ+17 nhà gỗ không mái + 37 sân nhà; 1 phần
- 35 : Camp Nam-D - Quảng Tín : 09-09-70 : Tr 1/25 BPA : Doanh trại : 01 máy điện 30KV+01 máy điện 10KV
- 36 : Camp Nam-D - Quảng Tín : 07-09-70 : Tr 3/Tr 2/5 : Doanh trại : 41 nhà gỗ+01 máy điện 60KV+01 máy điện 30KV
- 37 : Camp Liberty - Quảng Tín : 07-09-70 : Tr 1/16 BPA : Doanh trại : 02 nhà gỗ+01 máy điện 30KV
- 38 : Tr 7/Phai Tuyên - Cầu Lộ : 09-09-70 : Tr 1/4 NV : Tháp gỗ : 03 nhà gỗ ; 03 nhà đất ; 03 số truyền tin

39	Artillery Hill OC/Chien dan	Quảng-Trin	10-10-70	Tr 2	6 Đ. 4 Đ.	Đ. Trại	117 nhà gỗ+01 máy điện 100KW
40	9th Reg. Col. OC số công-binh	Quảng-Tram	14-10-70	Đ 8 CSTR (Đ 8 Xe tank)	Đ. Trại	04 nhà sắt+07 nhà gỗ+01 số quân 100KW	
41	12th Reg. Col. OC/Chien dan	Quảng-Trin	20-10-70	Tr 2	6 Đ.	Đ. Trại	365 nhà gỗ+01 máy điện 200KW
42	Camp Khephan Nhà 0	Quảng-Tram	25-11-70	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	02 nhà sắt+1 nhà gỗ+01 máy điện 100KW	
43	Hill 10, Spallion OC/Chien dan	-nt-	02-12-70	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	147 nhà gỗ+1 số quân dự bị	
44	West Hill OC số kỹ-sĩ	Quảng-Trin	17-12-70	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	18 nhà sắt+30 nhà gỗ+04 máy bơm nước+01 số quân dự bị	
45	OC/On-1st OC/Chien dan	Quảng-Trin	12-02-71	Tr 2	08 Đ.	Đ. Trại	120 nhà gỗ+01 máy điện 100KW
46	12th Reg. Col. OC/Chien dan	Quảng-Tram	15-02-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	155 nhà gỗ+01 máy bơm nước+02 máy điện 100KW	
47	12th Reg. Col. OC/Chien dan	Quảng-Tram	16-03-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	463 nhà gỗ+03 máy bơm nước+01 máy điện 100KW	
48	Camp Lamer Nhà 0	-nt-	23-03-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	03 nhà sắt+05 nhà gỗ+01 máy điện 100KW	
49	Camp Bagley OC/Chien dan	Phước-Trien	29-03-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	25 nhà gỗ	
50	Hill 37 H OC/Chien dan	Quảng-Tram	13-04-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	72 nhà gỗ+01 máy điện 100KW	
51	12th Reg. Col. OC/Chien dan	Quảng-Trin	07-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	402 nhà gỗ+03 máy điện 100KW	
52	10th Army Gant OC/Chien dan	Quảng-Tram	10-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	140 nhà gỗ+01 máy điện 100KW	
53	ASP NO. 1 Điền táp te can diro	Phước-Trien	15-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	55 nhà gỗ+05 máy bơm nước	
54	ASP 109 Điền táp te can diro	Phước-Trien	24-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	02 nhà sắt+24 nhà gỗ	
55	Đ 24 OC/Chien dan	Phước-Trien	26-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	275 nhà gỗ+03 máy điện 100KW	
56	Betrou Bao OC số kỹ-sĩ	Phước-Trien	29-05-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	10 nhà gỗ+01 máy bơm nước	
57	Xm 1600 Nhà 0	Phước-Trien	09-06-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	02 nhà sắt+03 nhà gỗ	
58	Camp Lora OC/Chien dan	Phước-Trien	09-06-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	03 nhà sắt+03 nhà gỗ	
59	OC/Phien dan OC/Hai-Quan	-nt-	23-06-71	Đ 6 Đ.	Đ. Trại	05 nhà gỗ	

12-11-71

- 60 : LZ Rhoombé : Ông S. Ngô
CC/Chiến đân : 01-07-71 : TT-D 4. H. B. : Doan tại : 502 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0
- 61 : CC/Books : Ông K. H. M. : 09-07-71 : 120 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0
tại giao lại : CC số 107 : 80 nhà 01+850 nhà 01+1 số quân 10-6.
- 62 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 26-07-71 : CC/Bình-Hà : Doan tại : 05 ph. 8.5.0.
- 63 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 05-08-71 : 120 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0
- 64 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 14-11-71 : 120 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0
- 65 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 05-12-71 : TT/Quang-Nam : Doan tại : 05 ph. 8.5.0.
- 66 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 07-12-71 : TT 10 CTV : Doan tại : 09 nhà 01
- 67 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 19-12-71 : TT 11 P. Bình : TT+thảo số : 02 nhà 01+58 nhà 01+01 máy tính 60K/0-01 1 km
1 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0.1 máy tính 120K/0.1 máy tính 120K/0.1
- 68 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 01-01-72 : Kho 512 D.D. : Doan tại : 21 y. 0.0. (không có nhà)
- 69 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 07-01-72 : Sở Phòng-Vệ : -nt- : 50 nhà 01+01 nhà
- 70 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 17-01-72 : 120 ph. 8.5.0. máy tính 100K/0.1 máy tính 120K/0.1 máy tính 120K/0.1
- 71 : Ông H. H. B. : Ông H. H. B. : 01-02-72 : Phân-Đội 1 TT : Doan tại : (4 nhà 01+82 nhà 01+01 máy tính 100K/0.1 máy

72	: 00/Phố 3-2 00/Trần Văn Thiệu Phan Lê	: 12-02-72	: 1 số nhà ở Số 1 và Số 1 và 2	: 13 nhà ở Số 1 và 2 Số 1 và 2 Số 1 và 2 Số 1 và 2 Số 1 và 2	: 54 nhà ở
73	: Bãi nhà 500*600 . Q.Đ.Đ.	: 21-02-72	: 20 Q.Đ.Đ.	: Bãi nhà	: 05 nhà ở
74	: 16-02-72 Nhà ở	: 25-02-72	: 101 Hoi-linh 30/Phố 101	: Đoàn trại	: 41 nhà ở
75	: Bridge Camp Ogro . Đ.Đ.Đ.	: 15-03-72	: Ph.Đ.Đ. 1 Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 02 nhà ở
76	: Camp Ogro . Quảng-Tr.	: 16-03-72	: 101 Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 02 nhà ở
77	: Camp Ogro . Đ.Đ.Đ.	: 18-03-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 02 nhà ở
78	: VIXING South . Đ.Đ.Đ.	: 20-03-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 27 nhà ở
79	: Camp VIXING 00/Onion đ.Đ.	: 24-03-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 03 nhà ở
80	: Camp Haeckins . Quảng-Tr.	: 25-03-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 23 nhà ở
81	: Procequn Hill Bao . Đ.Đ.Đ.	: 31-03-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 02 nhà ở
82	: Camp Villa Rosa . Đ.Đ.Đ.	: 01-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 01 nhà ở
83	: Camp Legend Pow.Đ.Đ.	: 05-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 100 nhà ở
84	: Camp Barter . Đ.Đ.Đ.	: 08-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 11 nhà ở
85	: Song Han Perry Lodge . Đ.Đ.Đ.	: 10-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 01 nhà ở
86	: Camp galkoor . Quảng-Tr.	: 11-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 04 nhà ở
87	: Trion-gua Ramp . Đ.Đ.Đ.	: 15-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 02 nhà ở
88	: 108 Chou-lai . Quảng-Tr.	: 25-04-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 01 nhà ở
89	: Proceedun Hill . Đ.Đ.Đ.	: 02-05-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 01 nhà ở
90	: Kool-thap Km Hiep-Vien	: 20-05-72	: Đ.Đ.Đ.	: Đ.Đ.Đ.	: 05 nhà ở

- 110 : Páibh-sha 7 mp . Q.Yan : 30-09-72 : 000Y / 0-0-00 : Béc-11 : 24 nhà gỗ
Bãi 01
- 111 : 99th Swco. Hoop. Đa-Nhông : 02-10-72 : 9X.V. ĐUV-Đân : Đệch-vi-ên : 08 nhà sít+02 nhà vòm+45 nhà gỗ+4 máy bơm nước+
(Yên Bái Lào) 05 máy bơm dầu
- 112 : Camp 787. Quảng-Tham : 13-11-72 : 80 Đàng-Đac : D-vinh trãi : 04 nhà sít+19 nhà gỗ+06 nhà gỗ
- 113 : Motor Repair Shop : 05-12-72 : 70 812 YPTTCQ : -nt- : 04 nhà sít+01 nhà gỗ+01 máy bơm+01 máy DHCX
nhà 0
03 số báo trãi
- 114 : 37th Sig BN : 05-12-72 : 70 810 KPTTDD : -nt- : 60 nhà gỗ+(06 05 trailers)+04 máy DHCX
03 số báo trãi
- 115 : Đa-Nhông Pow Plant : 17-12-72 : 70 8 08KT : Nhà máy điện : 01 nhà sít+06 nhà gỗ+06 máy điện 1081KT+08 máy DHCX
West
- 116 : Pow Plant 8802 : -nt- : 0K/VTM / P: 8802 : -nt- : 01 nhà sít+05 máy điện 2500KT+02 máy DHCX
Power Plant 8802 : -nt- : -nt- : -nt- : 01 nhà sít+01 nhà gỗ+07 máy điện 1081KT+01 máy DHCX
Nhà máy điện
- 117 : Gen. Overhaul 780 : 18-12-72 : 70 41 YTCB : Doanh trãi : 01 nhà sít+03 máy bơm nước+09 máy DHCX
03 số báo trãi
- 118 : Camp Form : 10-01-73 : 80H 1 7V : -nt- : 15 nhà sít+43 nhà gỗ+22 trailers+09 nhà gỗ+1 (nhà Q.V.T.C.T.)
Nhà 0
- 119 : Depot Sig Area. Q.Nam : 11-01-73 : 70 110 Q.Thm : -nt- : 27 nhà sít+01 nhà gỗ+05 máy DHCX+01 máy
Ym tiếp-vấn
- 120 : China Beach 788 . -nt- : 13-01-73 : 30 / 780 / 801 : -nt- : 14 nhà gỗ+13 nhà gỗ+15 máy DHCX+02 máy bơm nước
Nhà 0
- 121 : Central Work Shop. -nt- : 16-01-73 : 70 41 YTCB : -nt- : 14 nhà sít+05 nhà vòm+24 nhà gỗ+15 trailers+01 nhà
Khu tiếp-vấn máy DHCX

69

BẢNG LIỆT KÊ ĐƠN VỊ QUÂN QUẢN LÝ

STT	TÊN ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	THỜI ĐIỂM	QUY MÔ	CHỨC VỤ
01	TÊN ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	14-06-68	ĐƠN VỊ	MỤC LƯU
02	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	14-10-68	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
03	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	09-02-69	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
04	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	09-07-69	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
05	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	09-08-69	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
06	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	03-12-69	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
07	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	02-05-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
08	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	02-05-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
09	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	02-02-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
10	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	04-04-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
11	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	14-04-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
12	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	02-05-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
13	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	06-06-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
14	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	20-08-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
15	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	09-07-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
16	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	30-10-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
17	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	24-07-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
18	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	03-08-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
19	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	31-08-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
20	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	17-10-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
21	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	15-11-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ
22	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	28-11-70	ĐƠN VỊ	TRƯỞNG KHU QUẢN LÝ

19	: 06/Phu-Thi 03/Quận Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	: 24-01-71	: 1E/Áo - Sơn	: 01 nhà gỗ
20	: 10/5 Bào Trĩ 04/Bào Trĩ + 3 04/Bào Trĩ + 3	: 15-10-70	: 10/22 Trĩ - Trĩ: Đèo Trĩ (Đ) 22 Bào	: 02 nhà gỗ 05 nhà gỗ + 27 nhà gỗ
21	: 10/5 Bào Trĩ 3/Đèo Trĩ + Đèo Trĩ	: 02-01-71	: Kho 521 Đ.Đ	: 05 nhà gỗ
22	: Bào Trĩ Kho 1000 Trĩ	: 11-01-71	: HGH 2 Trĩ	: 04 nhà gỗ
23	: Camp Williams Củ 03 Ông Sinh	: 18-01-71	: 10/52 Đ.Đ	: 01 nhà gỗ
24	: Camp Kadijati 03/Kiên Sơn	: 22-01-71	: 10/011	: 16 nhà gỗ + 1090 nhà gỗ
25	: 10/5 Bào Trĩ 03/Áo Sơn	: 12-03-71	: -	: 37 nhà gỗ + 556 nhà gỗ
26	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 26-02-71	: 10/824 YTR/02	: 01 nhà gỗ + 01 quặng hạt nhỏ
27	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 04-07-71	: 10/2 2 Bào Trĩ	: 08 nhà gỗ + 01 máy cày 45CV
28	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 20-03-71	: 10/22 Bào Trĩ	: 02 nhà gỗ
29	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 26-07-71	: 10/Đèo Trĩ	: 16 nhà gỗ
30	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 05-04-71	: 10/2 14 K.B	: 153 nhà gỗ + 01 máy cày + 01 máy cày 10CV
31	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 29-04-71	: 10/Trĩ Sơn	: 04 nhà gỗ
32	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 15-05-71	: 10/Đèo Trĩ	: 17 nhà gỗ + 50 nhà gỗ
33	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 02-06-71	: 10/203 YTR	: 03 nhà gỗ
34	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 14-06-71	: 10/Đèo Trĩ	: 15 nhà gỗ
35	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 16-06-71	: 10/321 Đ.Đ	: 03 nhà gỗ + 01 nhà gỗ + 10 nhà gỗ
36	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 26-06-71	: 10/120 Q.H	: 44 nhà gỗ
37	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 30-06-71	: 10/Đèo Trĩ	: 03 nhà gỗ
38	: 10/5 Bào Trĩ 03/Bào Trĩ	: 06-07-71	: 10/Đèo Trĩ	: 02 nhà gỗ

10

- 39 : C/Ấp... 24-07-71 : 4. Tr. Q. : số. Bình... : 02 nhà số 472 nhà số
Phù-tri... 27-07-71 : 2. Tr. Q. : số. Bình... : 02 nhà số 472 nhà số
- 40 : 240... 17-07-71 : TK/Bình... : 16 nhà số
- 41 : L. D. V. : 27-07-71 : Tr. B. 41 B : 26 nhà số
- 42 : C. V. : 12-08-71 : TK/Bình... : 26 nhà số
- 43 : C. V. : 14-08-71 : B. 22 B : 96 nhà số
- 44 : L. B. : 19-08-71 : Tr. B. 40 B + Tr. B. 41 B : 53 nhà số
- 45 : C. V. : 23-08-71 : B. 69 P. Bình : 76 nhà số
- 46 : V. B. : 16-09-71 : C. V. B. B. : 01 nhà số
- 47 : C. V. : 20-09-71 : B. 22 B : 01 nhà số
- 48 : C. V. : 30-09-71 : TK/Bình... : 23 nhà số
- 49 : C. V. : 15-10-71 : C. K. B. : 03 nhà số
- 50 : C. V. : 15-10-71 : B. 3/42 B : 01 nhà số
- 51 : C. V. : 20-10-71 : Tr. B. 19 K. Bình : 40 nhà số
- 52 : C. V. : 14-04-72 : B. 223 P. Bình : 68 nhà số
- 53 : C. V. : 10-10-72 : B. 103 B. B. : 05 nhà số
- 54 : C. V. : 29-10-71 : Tr. B. 3 K. Bình : 44 nhà số
- 55 : C. V. : 03-11-71 : C. K. B. : 11 nhà số
- 56 : C. V. : 24-11-71 : TK/Bình... : 60 nhà số
- 57 : C. V. : 25-11-71 : B. 215 G. B. : 17 nhà số
- 58 : C. V. : 30-11-71 : Tr. B. 22 B. : 27 nhà số

..... 4

- 58 : **Phân đội 1** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 59 : **Phân đội 2** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 60 : **Phân đội 3** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 61 : **Phân đội 4** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 62 : **Phân đội 5** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 63 : **Phân đội 6** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 64 : **Phân đội 7** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 65 : **Phân đội 8** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 66 : **Phân đội 9** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 67 : **Phân đội 10** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 68 : **Phân đội 11** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 69 : **Phân đội 12** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 70 : **Phân đội 13** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 71 : **Phân đội 14** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 72 : **Phân đội 15** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 73 : **Phân đội 16** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 74 : **Phân đội 17** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)
- 75 : **Phân đội 18** : 01-01-72 : 01 2 F 12 : Doanh trại : 14 nhà, điện 5A, 10Kw/6 km (đông thành nhà)

..... 5

Đợt II : 10-11-72 : Q1-Nhân : 14-04-72 : TTE/1 : N.Y : Doanh trại : 02 nhà gỗ : 04 nhà gỗ, 06 nhà gỗ, 06 máy 500KW+04 máy điện 200KW+04 máy nước

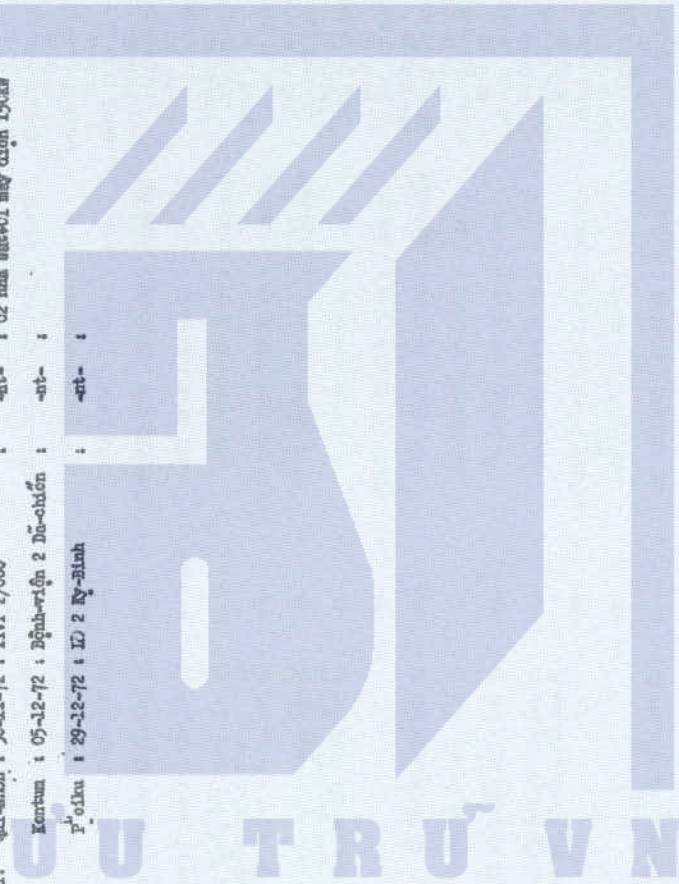
76	Maocưi Sĩs.	Q1-Nhân	14-04-72	TTE/1	N.Y	Doanh trại	02 nhà gỗ	04 nhà gỗ, 06 nhà gỗ, 06 máy 500KW+04 máy điện 200KW+04 máy nước
77	CS số CV Toan Q/An.DI.KB. CS số CV	Kontum	17-04-72	TK/Dakto			01 nhà gỗ	
78	Toan Q/TK CS số CV		17-04-72	TK/Kontum			03 nhà gỗ	Hệ thống trị chiến cuộc
79	Toan Q/TK CS số CV		17-04-72	TK/Kontum			02 nhà gỗ	01 máy bơm nước
80	IOS.Q1-Nhân C: số T.Tin	Q1-Nhân	27-04-72	TTTT/2/660			02 nhà gỗ	02 nhà gỗ, 06 nhà gỗ, 02 trailer, 01 nhà gỗ, 05 máy 500KW+02 máy bơm nước
81	HLK Phat C: số K. nghệ	Đợt II	12-06-72				Tháo dỡ	05 nhà gỗ, 01 nhà gỗ, 01 máy 500KW+02 máy bơm nước
82	KUCV Q.đ.đ C: số CV	Bình-Dinh	27-04-72	LD 20 CBĐ			toan điện	06 nhà gỗ, 01 nhà gỗ, 01 máy 500KW
83	Bằng-Ho, Veray Pt. Đ: 7 T. LC nước	Kontum	01-05-72	Bệnh-viện 2 DG			Đoanh trại	06 nhà gỗ, 01 nhà gỗ (
84	Toan Q/TTTT/HQ. C: số CV	Flolku	10-05-72	Khu QSTV/Flolku			Đoanh trại	06 nhà gỗ, 01 nhà gỗ, 01 máy bơm nước 500KW
85	Q1-Nhân Nhà ở		21-11-72	(Nhãn chính thức)				
86	Alst C1s Cuy. C: số T.Tin		23-05-72	TK/Hình-Dinh				
87	Class I Yard Khu Tiểu-Vũ		30-05-72	TK/Hình-Dinh				
88	Phat Ho Q.đ. Khu K. nghệ		12-06-72	TTTT 2/660				
89	KUCV Q.đ.đ C: số CV		30-05-72	TK/Hình-Dinh				
90	Phat-Ho Dist.Tn C: số CV		07-06-72	TK/Phu-Bon				
91	Phat-Ho Dist.Tn C: số CV		08-06-72	TK/Phu-Bon				
92	Phat-Ho Dist.Tn C: số CV		08-06-72	TK/Phu-Bon				
93	Hon-Xi-Dac Dist.Tn C: số CV		15-06-72	TK/Hon-Xi-Dac				
94	Bon-Ho Dist.Tn C: số CV		15-06-72	TK/Bon-Ho				
95	Phu-An Dist.Tn C: số CV		15-06-72	TK/Phu-An				

..... 6

14

..... 7

- 117 : USA, Ford, Bình-Dương : 27-11-72 : LZ/Alab-1st. : B-70B tại : 01 tại G8
00 số CV
- 118 : Spec. Mission, Socodpa, -nt- : 28-11-72 : Phan Th. C. P. G. / Nha. A. P. :
CJ số CV (Nha Ky-Tuần)
- 119 : K. J. O. V. K. O. I. mi-riên : 29-11-72 : B. O. 2 FV : -nt- : 06 nhà gphc-01 nhà g8-02 máy bcn chms-02 trailer
(C) số CV (Phan quàn sân)
- 120 : 4380 Cable Road, Qui-riên : 30-11-72 : F. W. T. / 660 : -nt- : 02 nhà g8-01 máy chms 1500W
C' số T. H. I.
- 121 : M. O. V. K. O. K. Kontum : 05-12-72 : D. G. H. -riên 2 D. -chôn : -nt- :
00 số CV
- 122 : Camp Holloway, P' o' l. u : 29-12-72 : H. 2 N. -sinh : -nt- :
T. H. I. -trung



ĐIỂM ĐIỂM KỖ ĐOÀN QUÂN "ĐANG-TRUNG" CHIẾN SĨ QUÂN "ĐANG-TRUNG" 2 (ĐANG-TRUNG)

- 60 : Tên ĐOÀN : 21A ĐOÀN ; NGUYỄN VĂN THỨC : ĐOÀN TRƯỞNG ; NGUYỄN VĂN THỨC : ĐOÀN TRƯỞNG ; NGUYỄN VĂN THỨC : ĐOÀN TRƯỞNG ; NGUYỄN VĂN THỨC : ĐOÀN TRƯỞNG ; NGUYỄN VĂN THỨC : ĐOÀN TRƯỞNG
- 01 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 11-08-69 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 09 nhà ở
- 02 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 24-10-69 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 09 nhà ở
- 03 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 29-04-71 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 04 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 12-08-71 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 05 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 01-04-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 06 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 12-04-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 07 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 20-07-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 08 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 08-09-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 09 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 15-09-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 10 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 14-10-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 11 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 30-11-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 12 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 23-08-71 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 13 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 08-12-70 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 14 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 08-02-71 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở
- 15 : Ông Nguyễn Văn Hùng, Ủy ban Quân nhân, Ủy ban Quân nhân ; Tên họ : Nguyễn Văn Hùng ; Ngày sinh : 23-02-71 ; Số quân : 3004 ; Đơn vị : Trung đội ; Địa điểm : Bình Định ; Số quân : 135 nhà ở

... 2 ...

: Đính tại : 01 nhà ở, 02 nhà ở, 03 nhà ở

16	: 18/07/46 Vinh-Xương, Thanh-Hà, 24-02-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: -nt-	: 01 nhà ở, 03 nhà ở
17	: 00 số 07 01 số 07 02 số 07	: 24-02-71 : 06/02-12/46	: 03 nhà ở, 01 máy bơm nước 3/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước
18	: 18/07/46 Vinh-Xương, Thanh-Hà, 24-02-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: -nt-	: 09 nhà ở, 01 máy bơm nước 2/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
19	: 00 số 07 01 số 07	: 25-03-71 : 03/07/46 X/Thanh-Hà	: 07 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
20	: 00 số 07 01 số 07	: 03-04-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 08 nhà ở
21	: 00 số 07 01 số 07	: 12-01-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 05 nhà ở, 02 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
22	: 00 số 07 01 số 07	: 26-04-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
23	: 00 số 07 01 số 07	: 13-05-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
24	: 00 số 07 01 số 07	: 22-05-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
25	: 00 số 07 01 số 07	: 27-05-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
26	: 00 số 07 01 số 07	: 07-06-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
27	: 00 số 07 01 số 07	: 14-06-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
28	: 00 số 07 01 số 07	: 28-06-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
29	: 00 số 07 01 số 07	: 29-06-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
30	: 00 số 07 01 số 07	: 08-07-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
31	: 00 số 07 01 số 07	: 12-07-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
32	: 00 số 07 01 số 07	: 22-07-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
33	: 00 số 07 01 số 07	: 18-08-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000
34	: 00 số 07 01 số 07	: 24-08-71 : 01/11/46 X/Thanh-Hà	: 02 nhà ở, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000, 01 máy bơm nước 1/1000

35 : Long-Mien H. & Co. Sino. Goods - 246 Qy số 1711. (1000 tickets to W. CV 15-05-72) Oj số CV	14-09-72 : 1711-2/662	Doanh trại	45 ông	trình kiện	tiền
36 : Hsu-Shih-Lin & Co Oj số CV	16-09-71 : CK/Đinh-Son	-nt-	01 nhà	gặp 01 nhà	có 01 nhà nước nông
37 : Hoa-Tre Ltd. 1000 H. Goods Hill, nhà 3 e-Cent Area Oj số CV	18-09-71 WTL/HY/22M 15-11-71 : 662 KUNWY 21-12-71 : Hoa P. Chinh A. Trang 07-10-71 : QM ANQ/D. -Kinh. Doanh trại	-nt- -nt- -nt- -nt-	03 quầy 34 ông 30 ông 39 ông	trình kiện trình kiện trình kiện trình kiện	tiền
38 : Oonks Oy. 38 Oj số CV	09-11-71 : ED 605 OSF	Doanh trại	11 nhà	gỗ (tự	tiền xây cất)
39 : Tân An Co. 14. Oj số CV	2. K. Minh 10-12-71 : KH0522222/323 TMD P. 2-72/3034 KHO PHU THUAT/1000	-nt-	158 nhà	gỗ 01 nhà	đến 05 nhà
40 : Camp 2000 Kia 1000-72	-nt-	-nt-	03 nhà	gỗ	
41 : Camp 2000 Oj số CV	15-01-72 : T. 61 GURT	-nt-	03 nhà	gỗ	
42 : Adv. An 32 Oj số CV	20-01-72 : TRUONG/PA/218	-nt-	34 nhà	gỗ 05 nhà	nhà nước 01 nhà
43 : UAD-3/2 Kia 0 Oj số CV	08-02-72 : TR/Kinh-Hoa	-nt-	02 nhà	gỗ	
44 : MUY Hui-Look. Oj số CV	23-02-72 : CK/H3-Donc	-nt-			
45 : Camp 2000 Oj/Oj số CV	15-03-72 : E 2 K. 4	Gia đình			
46 : i-har-Rang AB Kia 0 Oj số CV	15-03-72 : ED 2 K. 4	Doanh trại	517 nhà	gỗ 05 nhà	đến 1000 nhà 04 nhà
47 : Bac-Hoi Kia 0 Oj số CV	25-03-72 : IR 2/12 717	-nt-	64 ông	trình kiện	tiền
48 : OC/Can-Rang Kia 0 Oj số CV	25-03-72 : HONGHAI/2000/1	Doanh trại	35 nhà	gỗ 01 nhà	đến 1136 nhà
49 : Van-Binh Dist-71. Oj số CV	28-03-72 : CK/Van-Binh	Doanh trại	02 nhà	gỗ 01 nhà	nước 01 nhà
50 : Thanh-Hoi Dist-71. Oj số CV	20-03-72 : C/Thanh-Hoi	-nt-	03 nhà	gỗ	
51 : An-Thao Dist-71. Oj số CV	20-03-72 : CK/An-Thao	-nt-	02 nhà	gỗ 01 nhà	nước

.....

14

..... 4

52 : Thuận-Bạc Out Port, Tiền nghi bồn Toàn CV/PHU/HC	30-03-72 : CK/Hành-Hải	Đoanh tập : 11 nhà vữa+23 nhà gỗ+01 máy bơm : 03+02 máy bơm dầu
53 : Toàn CV	30-03-72 : TK/Hành-Thuyền	nt- : 03 nhà gỗ
54 : CV/TV	06-04-72 : Ch-Phòng 3 X. Kênh	nt- : 06 nhà gỗ+02 nhà gỗ+03 máy bơm : 03+02 máy bơm dầu 10CV
55 : Hồ-Bình Dist-Tn	20-10-72 : nt-	nt- : 05 nhà gỗ
56 : Hành-Hải Dist-Tn	19-05-72 : CK/Hành-Thuyền	nt- : 07 nhà gỗ+01 lầu máy
57 : Lạc-Thiên Dist-Tn	19-05-72 : CK/Hành-Hải	nt- : 02 nhà gỗ+01 bồn chứa nước+01 máy bơm+01 máy 10CV
58 : TCS. Đập-Sông-Mặt	20-05-72 : CK/Lạc-Thiên	nt- : 03 nhà gỗ+01 bồn chứa nước
59 : Thiên-Hải Dist-Tn	25-05-72 : TTTT-1/662	nt- : 02 nhà gỗ+02 nhà gỗ+04 máy bơm : 01 máy bơm nước+01 máy bơm dầu
60 : Sông-Mêo Dist-Tn	Mành-Thuyền 3-06-72 : CK/Hành-Hải	nt- : 05 nhà gỗ+01 gác+01 bồn nước
61 : Hành-Thiên Dist-Tn	3-06-72 : Tr.Đ. 44 TB (CK/Hải) Hành	nt- : 07 nhà gỗ+04 nhà gỗ+3 bồn nước+01 gác+01 máy nước
62 : Thủy-Thạc Dist-Tn	3-06-72 : CK/Hành-Thuyền	nt- : 08 nhà gỗ+ 1 lầu máy+01 bồn nước
63 : Hành-Hải Dist-Tn	nt- : CK/Thy-Thông	nt- : 04 nhà gỗ+ 01 bồn chứa nước
64 : Hành-Thiên Dist-Tn	3-06-72 : CK/Hành-Hải	nt- : 04 nhà gỗ
65 : TCS. Cầu-Ranh	Khánh-Hải : 14-07-72 : CK/Hành-Thuyền	nt- : 30 nhà gỗ
66 : Hành-Thiên Dist-Tn	Cần-Ranh : 14-07-72 : Tr. 662/HTTT	nt- : 12 nhà gỗ
67 : ĐB-Lập Dist-Tn	Quảng-Lập : 26-07-72 : CK/Kiến-Gỗ	nt- : 10 nhà gỗ
68 : Hành-Hải Coastal Cp	nt- : 26-07-72 : CK/Vũ-Lập	nt- : 10 nhà gỗ
69 : MCV-Tm 33	Khánh-Hải : 25-08-72 : Duyên Toàn 25	nt- : 05 nhà gỗ
CV ĐV	Đoanh : 3-08-72 : CV/HTT	nt- : 11 nhà gỗ
	Đợt II : Kéo phà CV	

..... 5



L U U T R U

p0 : Ninh-hiệp H.C.: 03a Ninh-hiệp : 09-09-72 : QN/Ninh-hiệp : Dora : 03a : 01 nhà c8
 03 số CV
 71 : Thanh-giáo koka Ninh-Phước : 12-09-72 : K.Đ. Yên 01 T. Bông : -it- : 26 ông trình kiến trúc (hình kết cấu và hư hỏng)
 Nhà 0
 72 : 108 Thanh-hang -it- : 04-10-72 : T. 662 KINH, : -it- : 17 nhà r5*04 máy điện 100KW*03 máy DSEX 7, 5Tôn
 03 số truyền tin
 73 : 100 log Đại-Hoa-kok KĐ-thôn : 11-10-72 : TTTT/W/NV/An-nh- : -it- : 01 nhà máy cơ sở
 03 số K-0208 Hòa

.... 2

- 15 : **00/Phong-lâm** : **Phong-khinh** : 07-07-70 : **Đ. 25 TB**
Ch-cv : **Đt II** : 25-07-70 : **Đ. 18 TB** : **Đoan trgđ** : 699 nhà gỗ* 01 nhà sắt*02 nhà gạch
Châm dâm : **Đt III** : 12-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **thng đđ 1** : 09 máy điện 1CCKH*04 máy điện 6CKH*02 máy điện 3CKH*
Đt IV : 08-08-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **phan trgđ** : 01 máy điện 2CCKH*03 máy điện
- 16 : **00/Phong-lâm** : **Phong-lâm** : 2-08-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 125 nhà gỗ*04 tôn vữa
- 17 : **00/Phong-lâm** : **Đt-** : 10-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 42 nhà gỗ*
- 18 : **00/Phong-lâm** : **Đt-** : 12-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 721 nhà gỗ
Đt- : 12-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **thng đđ 1 p**
- 19 : **Đt-** : 18-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 95 nhà gỗ
Đt- : 18-09-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 95 nhà gỗ
- 20 : **Đt-** : 05-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 19 nhà gỗ*01 nhà sắt*01 máy bơm nước (sao này đtgc thng đđ)
Đt- : 05-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 19 nhà gỗ*01 nhà sắt*01 máy bơm nước (sao này đtgc thng đđ)
- 21 : **Đt-** : 12-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 01 máy bơm nước
Đt- : 12-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 01 máy bơm nước
- 22 : **Đt-** : 20-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 09 nhà gỗ*03 nhà sắt*03 máy bơm nước
Đt- : 20-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 09 nhà gỗ*03 nhà sắt*03 máy bơm nước
- 23 : **Đt-** : 24-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 02 nhà sắt*03 nhà gỗ
Đt- : 24-11-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 02 nhà sắt*03 nhà gỗ
- 24 : **Đt-** : 04-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 04 nhà sắt*24 nhà gỗ*01 máy điện 6CKH
Đt- : 04-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 04 nhà sắt*24 nhà gỗ*01 máy điện 6CKH
- 25 : **Đt-** : 12-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 57 nhà gỗ
Đt- : 12-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 57 nhà gỗ
- 26 : **Đt-** : 15-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 147 nhà sắt*2897 nhà gỗ*05 máy điện 5CCKH*01 máy điện 6CKH
Đt- : 15-12-70 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 147 nhà sắt*2897 nhà gỗ*05 máy điện 5CCKH*01 máy điện 6CKH
- 27 : **Đt-** : 13-01-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 40 nhà gỗ*01 nhà sắt*01 máy bơm nước
Đt- : 13-01-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 40 nhà gỗ*01 nhà sắt*01 máy bơm nước
- 28 : **Đt-** : 25-01-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 42 nhà gỗ*02 máy điện 6CKH
Đt- : 25-01-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 42 nhà gỗ*02 máy điện 6CKH
- 29 : **Đt-** : 05-02-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 01 nhà sắt*06 nhà gỗ*01 máy điện 6CKH
Đt- : 05-02-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 01 nhà sắt*06 nhà gỗ*01 máy điện 6CKH
- 30 : **Đt-** : 09-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 06 nhà sắt*10 nhà gỗ*01 máy điện 1CCKH*01 máy bơm nước 1CCKH*
Đt- : 09-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 06 nhà sắt*10 nhà gỗ*01 máy điện 1CCKH*01 máy bơm nước 1CCKH*
- 31 : **Đt-** : 10-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 03 máy điện 3CCKH*04 máy điện 100CKH*06 máy điện 3CKH*01 máy bơm nước 3CKH*
Đt- : 10-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 03 máy điện 3CCKH*04 máy điện 100CKH*06 máy điện 3CKH*01 máy bơm nước 3CKH*
- 32 : **Đt-** : 24-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 02 máy bơm nước 2CCKH*02 máy điện 6CKH*02 máy bơm nước 2CCKH*02 máy điện 6CKH*
Đt- : 24-03-71 : **Đ.Đ. 3 TV** : **Đoan trgđ** : 02 máy bơm nước 2CCKH*02 máy điện 6CKH*02 máy bơm nước 2CCKH*02 máy điện 6CKH*

.... 3

33	00/Đà Nẵng 00/Chiến đấu	Thảo-Lương	11-03-71	TK/Đã-Đo	Đoanh trại : 100 nhà gỗ theo số 1:	100 nhà gỗ mây điện 30KV*27 lần vấp
34	Trại Baskoy 00/Chiến đấu	Lưu-Vinh	12-3-71	TR.Đ. 52 ĐĐ	Đoanh trại :	C1 nhà gỗ*12, nhà gỗ*10, mây điện 60KV*01 mây điện 60KV*01
35	00/Đoanh trại 00/Chiến đấu	Đinh-Dương	12-01-71	TR.Đ. 72 ĐĐ có quan đơn vị	-nt- Đoanh trại :	54 nhà gỗ*56 nhà gỗ*01, nhà gỗ*01 mây điện 60KV*01 C1 nhà điện 10KV*01 mây điện 10KV*01, mây điện 25KV*01 01 mây điện 60KV*02 mây điện 25KV*01 (Thảo 00*13 nhà gỗ)
36	Camp Pines 00/Chiến đấu	Đinh-Hoa	26-01-71	LT 3 ĐĐ	Đoanh trại :	54 nhà gỗ*04 nhà gỗ
37	Trại C8-Vân 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	29-05-71	BCH 3 TV	Thảo ĐĐ :	01 nhà gỗ
38	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	01-06-71	TR 307 Tiếp-Đón	Đoanh trại :	06 nhà gỗ*01 mây điện 30KV
39	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	01-06-71	CK/Lưu-Điền	Đoanh trại :	01 nhà gỗ*01 nhà gỗ
40	Trại C7 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	30-06-71	CK/Điền-Điền	-nt- :	01 nhà gỗ
41	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	01-07-71	TR 307 Tiếp-Đón	Đoanh trại :	13 nhà gỗ*01 mây điện 30KV
42	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	01-07-71	TR/Lưu-Điền (HC)	Đoanh trại :	01 nhà gỗ*02 nhà gỗ*02 nhà gỗ
43	Trại C7 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	20-09-71	CK/Điền-Điền	-nt- Đoanh trại :	*03 nhà gỗ C1 nhà gỗ*02 nhà gỗ
44	Trại C7 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	10-09-71	Kho 533 ĐĐ	-nt- :	05 nhà gỗ*03 nhà gỗ
45	Camp Pines 00/Chiến đấu	Đinh-Hoa	15-09-71	HTL/ĐĐ.Đ	Thảo ĐĐ :	
46	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	10-09-71	CS Đ	Thảo ĐĐ :	C1 nhà gỗ*03 nhà gỗ
47	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	21-09-71	CK/Điền-Điền	Đoanh trại :	03 nhà gỗ*04 nhà gỗ*02 nhà gỗ*01 mây điện 30KV
48	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	12-10-71	TK/Lưu-Điền	-nt- :	01 nhà gỗ
49	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	10-10-71	BCH 3 TV (Điền-Điền-Điền) ĐĐ	Điền ĐĐ :	56 nhà gỗ*023 nhà gỗ
50	Đoanh trại 00/ĐĐ	Đinh-Hoa	07-11-71	CS Đ ĐĐ	Điền ĐĐ :	C1 nhà gỗ*03 nhà gỗ

.....

- 51 : Kèo 2
Kèo đơn : Kèo 2
Kèo 4 : Kèo 4
Kèo 6 : Kèo 6
Kèo 8 : Kèo 8
Kèo 10 : Kèo 10
Kèo 12 : Kèo 12
Kèo 14 : Kèo 14
Kèo 16 : Kèo 16
Kèo 18 : Kèo 18
Kèo 20 : Kèo 20
Kèo 22 : Kèo 22
Kèo 24 : Kèo 24
Kèo 26 : Kèo 26
Kèo 28 : Kèo 28
Kèo 30 : Kèo 30
Kèo 32 : Kèo 32
Kèo 34 : Kèo 34
Kèo 36 : Kèo 36
Kèo 38 : Kèo 38
Kèo 40 : Kèo 40
Kèo 42 : Kèo 42
Kèo 44 : Kèo 44
Kèo 46 : Kèo 46
Kèo 48 : Kèo 48
Kèo 50 : Kèo 50
Kèo 52 : Kèo 52
Kèo 54 : Kèo 54
Kèo 56 : Kèo 56
Kèo 58 : Kèo 58
Kèo 60 : Kèo 60
Kèo 62 : Kèo 62
Kèo 64 : Kèo 64
Kèo 66 : Kèo 66
Kèo 68 : Kèo 68
Kèo 70 : Kèo 70
Kèo 72 : Kèo 72
Kèo 74 : Kèo 74
Kèo 76 : Kèo 76
Kèo 78 : Kèo 78
Kèo 80 : Kèo 80
Kèo 82 : Kèo 82
Kèo 84 : Kèo 84
Kèo 86 : Kèo 86
Kèo 88 : Kèo 88
Kèo 90 : Kèo 90
Kèo 92 : Kèo 92
Kèo 94 : Kèo 94
Kèo 96 : Kèo 96
Kèo 98 : Kèo 98
Kèo 100 : Kèo 100

HÀNG LƯU KẾ DƯ ANH TRƯỞNG "HỒNG MINH" QUẬN GIANG GIANG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

19

SỐ TÀI	TÊN DOANH NGHIỆP	QUẢN LÝ	SỐ QUẢN LÝ	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI
TÀI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI	TRẠNG THÁI
01	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
02	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
03	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
04	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
05	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
06	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
07	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
08	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
09	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
10	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
11	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
12	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
13	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
14	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
15	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
16	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
17	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh
18	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh	Chi nhánh

..... 2

- 19 : Trại Xuân Bay : 14-11-70 : TK/Kiến-Thong : 20 nhà ở; 14 nhà ở; 02 máy điện 30KW+01 máy bơm nước/1,5 m³/h
- 20 : Trại Xuân Lạc : 14-11-70 : TK/Kiến-Thong : 4 doanh trại : 20 nhà ở; 14 nhà ở; 02 máy điện 30KW+01 máy bơm nước/1,5 m³/h
- 21 : Trại Xuân Lạc : 14-12-70 : TK/Kiến-Thong : 13 nhà ở; 02 nhà ở; 05 máy điện 30KW+01 máy bơm nước/1,5 m³/h
- 22 : Trại Xuân Lạc : 25-02-71 : ĐCH/ĐCH/ĐCH : 14 nhà ở; 09 nhà ở; 04 máy điện 50/60KW+02 máy bơm nước/0,1 máy điện 0,5 KW
- 23 : Trại Xuân Lạc : 31-07-71 : TK/TK : 12 nhà ở; 03 máy điện 100KW
- 24 : Trại Xuân Lạc : 21-09-71 : TK/TK : 10 nhà ở; 03 máy điện 100KW+01 máy bơm nước/0,1 m³/h
- 25 : Trại Xuân Lạc : 27-09-71 : ĐCH/ĐCH : 10 nhà ở; 03 máy điện 100KW+01 máy bơm nước/0,1 m³/h
- 26 : Trại Xuân Lạc : 29-09-71 : ĐCH/ĐCH : 33 nhà ở
- 27 : Trại Xuân Lạc : 30-10-71 : ĐCH/ĐCH : 30 doanh trại
- 28 : Trại Xuân Lạc : 05-11-71 : ĐCH/ĐCH : 65 nhà ở
- 29 : Trại Xuân Lạc : 10-11-71 : ĐCH/ĐCH : 57 nhà ở; 03 máy điện 100KW+01 máy bơm nước/0,1 m³/h
- 30 : Trại Xuân Lạc : 10-11-71 : ĐCH/ĐCH : 02 nhà ở; 01 máy điện 100KW+02 máy bơm nước/0,1 m³/h
- 31 : Trại Xuân Lạc : 11-11-71 : ĐCH/ĐCH : 02 nhà ở (vườn ếch)
- 32 : Trại Xuân Lạc : 17-11-71 : ĐCH/ĐCH : 01 nhà ở; 02 máy điện 100KW
- 33 : Trại Xuân Lạc : 30-11-71 : ĐCH/ĐCH : 02 nhà ở; 04 máy điện 100KW+01 máy bơm nước/0,1 m³/h
- 34 : Trại Xuân Lạc : 07-12-71 : ĐCH/ĐCH : 01 máy điện 100KW
- 35 : Trại Xuân Lạc : 10-12-71 : ĐCH/ĐCH : 03 nhà ở; 01 máy điện 100KW
- 36 : Trại Xuân Lạc : 20-12-71 : ĐCH/ĐCH : 40 nhà ở; 05 máy điện 100KW
- 37 : Trại Xuân Lạc : 29-12-71 : ĐCH/ĐCH : 56 nhà ở; 05 máy điện 100KW

..... 3

.... 4

- 57 : MLOY 2hp 60 Sa-téc : 29-04-72 : TX/Sa-téc : Doanh tấp : 02 nhà số 41, nhà số 42, nhà số 43 và số quân được
- 58 : TOAN CV/CK/long-vinh Do-kyon : 26-05-72 : CK/long-vinh : -nt- : 02 nhà số
- 59 : TOAN CV/CK/muc-long Do-kyon : 26-05-72 : CK/muc-long : -nt- : 02 nhà số
- 60 : Doanh tấp Phuc-hiep Do-kyon : 06-06-72 : CK/Phuc-hiep : -nt- : 05 nhà số
- 61 : 108 Long-kyon An-giang : 13-06-72 : An-VI/long-kyon : -nt- : 02 nhà số và 17 nhà số
- 62 : 108 Ph-kyon Do-kyon : 20-07-72 : P. 670 KHTD : -nt- : 03 nhà số và 1 số quân được
- 63 : MLOY 2hp 03 Kien-phong : 05-08-72 : TX/Kien-phong (1phan) : -nt- : 00 nhà số và 1 số quân được
- 64 : 108 Oan-pho Hoang-dinh : 26-09-72 : Ai VI/Oan-pho : -nt- : 04 nhà số
- 65 : TOAN CV/CK/ky-kyon Do-kyon : 29-09-73 : Chi-tuon 9 CHY : -nt- : 03 nhà số
- 66 : Tuon 77 Kien-phong : 23-11-72 : TXH/Chan-Linh : -nt- : 07 nhà số
- 67 : TOAN CV/CK/Hai-Yen An-kyon : 27-11-72 : CK/Hai-Yen : -nt- : 01 nhà số
- 68 : TOAN CV/TXH/SI 21 JB Do-kyon : 27-11-72 : TXH/SI 21 JB : -nt- : 02 nhà số
- 69 : TOAN CV/SI 21 JB (phan 2) Do-kyon : 27-11-72 : TX/Do-kyon : -nt- : 25 nhà số và 10 nhà số (tiếp theo số 61)
- 70 : Kien-phong-dist-tu An-kyon : 27-11-72 : CK/Kien-phong : -nt- : 01 nhà số
- 71 : TOAN CV/Ph-kyon Do-kyon : 27-11-72 : TX/Ph-kyon : -nt- : 01 nhà số và 02 nhà số
- 72 : TOAN 72 Vinh-Linh : 27-11-72 : CK/Chan-Linh : -nt- : (nhà cũn CK nay HK 01 số quân)
- 73 : Chan-phong Dist-tu Do-kyon : 20-11-72 : Tuon-Chan-phong/73 : TX số : 01 nhà số
- 74 : Kien-dinh Dist-tu K.01 ANY : 29-11-72 : Kien-dinh/K.01 : -nt- : 01 nhà số
- 75 : Tu 61 Chi-Linh Chan-toc : 29-11-72 : TXH/Chi-Linh : Doanh tấp : 02 nhà số và 02 nhà số
- 76 : TOAN CV/MCH/12 TX/Ph-kyon Do-kyon : 29-11-72 : MCH/12 TX/Ph-kyon : -nt- : 01 nhà số

.... 5

77 : Toàn 55 04 số CV	Kiến-Giang	29-11-72	TK/Kiến-Giang	Đoàn 5	Q1 nhà C
70 : Ông Lạc Dist-Đn 01 số CV	Vĩnh-Anh	01-12-72	CK/Ông Lạc	Đoàn 5	Q1 nhà C
79 : Ông Kế Dist-Đn 01 số CV	-nt-	01-12-72	CK/Ông Kế	Đoàn 5	Q1 nhà C
80 : Ông Lạc Dist-Đn 73 01 số CV	Ông Kiên 01-12-72	CK/Vĩnh-Anh	-nt-	Đoàn 5	Q2 nhà C
81 : Kiên-Anh Dist-Đn 01 số CV	-nt-	01-12-72	CK/Kiến-Anh	Đoàn 5	Q2 nhà C
82 : Kiên-Lạc Dist-Đn 01 số CV	-nt-	01-12-72	CK/Kiến-Lạc	Đoàn 5	Q2 nhà C
83 : Kiên-Hưng Dist-Đn 01 số CV	-nt-	01-12-72	CK/Kiến-Hưng	Đoàn 5	Q2 nhà C
84 : Kiên-Anh Dist-Đn 01 số CV	Vĩnh-Anh	01-12-72	CK/Vĩnh-Anh	Đoàn 5	Q2 nhà C
85 : Trần-Đn Dist-Đn 01 số CV	Vĩnh-Lạc	01-12-72	CK/Trần-Đn	Đoàn 5	Q1 nhà C
86 : Toàn 73 01 số CV	Ông Kiên	01-12-73	TK/Ông Kiên	Đoàn 5	Q5 nhà C
87 : Toàn CV/TK/Sa-Đo 01 số CV	Sa-Đo	03-12-72	TK/Sa-Đo	Đoàn 5	Q3 nhà C
88 : Toàn CV/Hồng-S 01 số CV	Ông Kiên	07-12-72	TK/Ông Kiên	Đoàn 5	Q1 nhà C
89 : Toàn CV/TK 01 số CV	Ông Kiên	07-12-72	TK/Ông Kiên	Đoàn 5	Q1 nhà C
90 : Ông Kế Dist IV 01 số CV	-nt-	07-12-72	TK/Ông Kế	Đoàn 5	Q9 nhà C
91 : Ông Kế Dist IV 01 số CV	-nt-	01-12-72	TK/Ông Kế	Đoàn 5	Q6 nhà C
92 : Toàn CV/TK 01 số CV	Kiến-Hưng	07-02-73	TK/Kiến-Hưng	Đoàn 5	Q1 nhà C
93 : Toàn CV/TK 01 số CV	Kiến-Hưng	21-02-73	TK/Kiến-Hưng	Đoàn 5	Q1 nhà C
94 : Toàn CV/TK 01 số CV	Kiến-Hưng	21-02-73	TK/Kiến-Hưng	Đoàn 5	Q1 nhà C

Được sự bảo đảm của Níchxon, ngày 12-12-1972, trong bài phát biểu trước lưỡng viện Quốc hội chính quyền Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu tỏ rõ sự thay đổi thái độ:

"Tôi nghĩ rằng trường hợp của VNCH không phải là duy nhất. VNCH chỉ là một trường hợp đi sau rất nhiều trường hợp khác, từ Âu sang Á mà Hoa Kỳ, dù muốn dù không, phải nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo Thế giới tự do mà Hoa Kỳ cũng sẽ lãnh trách nhiệm của người lãnh đạo thế giới tự do mãi mãi. Nếu không, thì cả thế giới tự do sẽ phải mất vào tay CS.

Cho nên ngày nay VNCH chỉ cần yêu cầu nhân dân Hoa Kỳ tiếp tục lãnh trách nhiệm lãnh đạo thế giới tự do, tiếp tục thực thi nghiêm chỉnh chính sách giúp đỡ các nước nhỏ bé để họ tự đem xương máu... lấy hết gánh nặng cho nhân dân Hoa Kỳ.

Thưa quý vị,

Hôm nay, Quốc hội, chính phủ VNCH chúng ta cần minh định một lần nữa, là:

(VNCH) không hiếu chiến.

Chánh phủ VNCH không phải là một chánh phủ muốn kéo dài chiến tranh hay chủ trương thúc đẩy nhân dân mình trên con đường đó.

Chánh phủ VNCH không phải thiếu thiện chí thương thuyết nghiêm chỉnh, mà chỉ vì phía CS không chịu thương thuyết với VNCH mà chỉ chủ trương níu áo Huê Kỳ (Hoa Kỳ - BT) để thương thuyết rồi buộc Huê Kỳ gây áp lực với VNCH.

Chánh phủ VNCH cũng không gây trở ngại trong việc trao đổi tù binh toàn bộ hay một phần, trái lại đã... đưa nhiều đề nghị cụ thể khác về vấn đề thả tù binh Huê Kỳ.

Chánh phủ VNCH cũng không ngăn ngại thực hiện một

cuộc ngưng bắn toàn bộ và lâu dài để thương thuyết khi mà cuộc ngưng bắn đó có đủ bảo đảm.

Chánh phủ VNCH không phải là cản trở của hòa bình như nhiều người cố tình nói như vậy....

Cho nên hôm nay, trước thời gian cấp bách không còn đầy 2 tuần nữa thì đến Giáng sinh, và cũng vì thiện chí vẫn hồi hòa bình cho nhân dân 2 miền Nam Bắc, với mục đích tạo hòa khí thuận lợi cho cuộc tiếp xúc thương thuyết giữa các bên Việt Nam để tiến đến một giải pháp hòa bình.

Chánh phủ VNCH có ý kiến như sau:

Có thể có một cuộc hưu chiến trong một thời gian đáng kể, bắt đầu từ trước ngày Giáng sinh cho đến sau ngày đầu năm Dương lịch 73, trong đó tất cả các bên đồng ý đình chỉ mọi hành động tấn công quân sự.

Trong thời gian này, có hai việc cụ thể và bổ ích, thực hiện được dễ dàng: đó là:

Một, trao đổi tù binh để họ về kịp trước Giáng sinh

Hai, các bên Việt Nam, có nghĩa là giữa Bắc Việt, VNCH và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tiếp xúc nhau để thảo luận mọi vấn đề liên hệ giữa nhau, đặt để căn bản xúc tiến một cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh, có tiến bộ, để tiến đến một giải pháp chấm dứt chiến tranh vẫn hồi hòa bình, từ quân sự cho đến chính trị, cả giữa hai miền lẫn cho nội bộ miền Nam.

Các cuộc tiếp xúc này sẽ được thực hiện dưới bất cứ hình thức công khai hay mật, và bất cứ ở đâu, trong đó bất cứ vấn đề gì cũng có thể được thảo luận.

Nếu ý kiến vừa nêu trên của VNCH được tất cả các bên

hưởng ứng, thì kể từ phiên họp khoáng đại sắp tới tại bàn hội đàm Ba Lê, có thể đưa ra thảo luận để cụ thể hóa.

Chánh phủ VNCH nghĩ rằng, hằng năm trước đây, cứ đến mùa Giáng sinh, vấn đề hưu chiến vì ý nghĩa thiêng liêng hòa bình và tình thương nhân loại đã có thực hiện, thì đặc biệt trong khung cảnh tiến gần hòa bình hơn lúc nào hết của mùa Giáng sinh năm nay, VNCH hy vọng sẽ có một tiến bộ nào dù khiêm nhường đến đâu, đạt được trong mùa Giáng sinh 72 này.

Chánh phủ VNCH còn thấy rằng nếu cuộc hưu chiến đó được diễn tiến nghiêm chỉnh... thì thời kỳ hưu chiến đó có thể được kéo dài từng thời hạn do sự thỏa thuận của các bên hầu các cuộc tiếp xúc trở thành hòa đàm nghiêm chỉnh thực sự và đạt được tiến bộ hữu ích.

Để khuyến khích hòa bình chóng vãn hồi trên phần đất này của thế giới, chính phủ VNCH cũng xin hoan nghênh Liên hiệp quốc cùng bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới đến Việt Nam quan sát sự tôn trọng và ghi nhận thiện chí của các bên trong công cuộc hưu chiến và tiếp xúc thương thảo hòa bình này³⁵⁵.

Bình luận về sự thay đổi thái độ của Nguyễn Văn Thiệu, cả báo chí trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát và phương Tây đều cùng quan điểm cho rằng, dù chính quyền Thiệu không tuyên bố chấp nhận, nhưng đã ngầm "cho phép" Hoa Kỳ tiến tới việc ký kết dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh.

Ngày 14-12-1972, báo "Đại Dân tộc" tại Sài Gòn dẫn bài bình luận của hãng tin AFP đánh giá phát biểu của Nguyễn Văn Thiệu như sau:

355. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3576: Thông điệp của Tổng thống VNCH đọc trước lưỡng viện quốc hội ngày 12-12-1972.

“Một trong những phản ứng thu thập được bên cạnh các Nghị sĩ và dân biểu sau bài diễn văn dài của Tổng thống Thiệu sáng thứ ba là Tổng thống Thiệu đã chấp nhận một cách kín đáo, cuộc ngưng bắn, khi ông đề nghị một cuộc “hưu chiến nhân ngày Noel”. Tổng thống Thiệu muốn “phụt đèn xanh” cho người Mỹ. Đại đa số dân biểu thân hành pháp cho rằng đề nghị của Tổng thống Thiệu đã thay đổi sâu rộng, sự diễn tiến hiện nay của các cuộc hòa nghị khi đặt các cuộc hòa đàm trên một khía cạnh Việt Nam, với những cuộc thảo luận trực tiếp giữa Bắc Việt và Nam Việt, trong một cuộc ngưng chiến. Luật sư Trần Văn Tuyên, cầm đầu nhóm đôi lập ở Hạ viện cho biết bài diễn văn của Tổng thống Thiệu ngày 12-12 có ý nghĩa là ông đang chuẩn bị chấp nhận thỏa ước sắp ký kết. Luật sư Tuyên cho rằng đề nghị hưu chiến của ông Thiệu cùng với đề nghị Liên hiệp quốc giám sát cuộc hưu chiến ấy chỉ là một hình thức khác của kế hoạch ngưng bắn đang thương thuyết giữa Tiến sĩ Kissinger và Lê Đức Thọ. Ông nghĩ rằng mọi việc đang tiến đến một kết thúc ở Ba Lê”³⁵⁶.

Trong cùng bài viết, Báo "Đại Dân tộc" cũng trích lời phân tích của Dân biểu Nghị viện chính quyền Sài Gòn là Phan Thiệp:

“Điểm mới mẻ nhất trong Thông điệp đọc trước Luống viện Quốc hội ngày 12-12-1972 của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu là: đề nghị hưu chiến từ trước Giáng Sinh đến Tết dương lịch. Cuộc hưu chiến này có thể gia hạn nhiều lần; Trao trả tất cả tù

356. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3592: Báo Đại Dân tộc ngày 14-12-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975).

binh CS hiện bị VNCH giam giữ để đổi lấy tù binh Hoa Kỳ. Mục đích được nêu ra nhằm: bày tỏ thêm thiện chí của VNCH trong nỗ lực kết thúc chiến tranh, chứng minh cho dư luận thế giới thấy rằng Tổng thống Thiệu không phải là trở ngại lớn lao và duy nhất còn lại trên con đường kiến tạo hòa bình hiện nay; tạo điều kiện cho tù binh Hoa Kỳ (không thấy nói đến tù binh VNCH) được trở về sum họp với gia đình trong lễ Giáng Sinh để thỏa mãn ước vọng thiết tha của nhân dân Hoa Kỳ nay đã trở thành một đòi hỏi thúc bách đối với Tổng thống Nixon. Đề nghị hưu chiến có thể dài hạn và điều kiện trao đổi tù binh khá dễ dãi của Tổng thống Thiệu được đưa ra ngay trong thời gian mật đàm Ba Lê có nhiều triệu chứng có ý nghĩa”³⁵⁷.

Phân tích sự thay đổi thái độ của Thiệu, giới báo chí cũng đánh giá đây là kết quả của một sự “trao đổi”, trong đó Hoa Kỳ buộc phải cam kết tiếp tục can thiệp vào Việt Nam, kể cả sau khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh được ký kết. Báo chí gọi sự trao đổi này “tháo xích xiềng cho Mỹ nhưng buộc một sợi dây”, là “ông Thiệu cũng không quên đặt trách nhiệm cho Mỹ là họ vẫn là nước lãnh đạo Thế giới Tự do, có nghĩa là nếu cuộc thảo luận về tương lai chính trị tại VN tan vỡ thì bốn phận Mỹ vẫn phải tích cực giúp đỡ VN chống lại các cuộc tấn công của CS. Việc này ông cũng minh định rằng chỉ nhờ tới sức mạnh không lực của Mỹ mà thôi, vì Quân đội VNCH đã đủ sức đảm nhận các vai trò chiến đấu khác”³⁵⁸.

357. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3592: Báo Đại Dân tộc ngày 14-12-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975).

358. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 3592: Báo Sóng Thần ngày 14-12-1972.

Qua các sự kiện trên cho thấy, buộc phải chấp nhận bản Dự thảo và lịch trình ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam vào ngày 20-10-1972, nhưng chưa từ bỏ âm mưu thiết lập chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Níchxon vạch sách lược chuẩn bị “ngừng bắn” để bảo đảm vị thế tại miền Nam Việt Nam và khu vực Đông Nam Á bằng việc tạo ưu thế cho chính quyền Thiệu trước khi thực hiện ngừng bắn.

Tuy nhiên, trong điều kiện, tình hình chính trị trong nước có nhiều biến động, đặc biệt là sự bùng nổ phong trào phản chiến và việc Quốc hội Hoa Kỳ liên tục đưa ra các dự luật nhằm cắt giảm sự dính líu quân sự của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam và Đông Dương, khiến chính quyền Níchxon không thể viện trợ quân sự và ồ ạt đưa vũ khí, phương tiện chiến tranh vào Việt Nam như trước. Vì vậy, chính quyền Níchxon buộc phải phá bỏ cam kết ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo thời gian đã ấn định. Đồng thời, lợi dụng sự phản ứng của Nguyễn Văn Thiệu để trì hoãn, kéo dài thời gian ký, nhằm có đủ thời giờ chuyển giao căn cứ quân sự, phương tiện chiến tranh ở Sài Gòn, cũng như đưa thêm vũ khí vào miền Nam Việt Nam và thực hiện những biện pháp cuối cùng nhằm hủy hoại nguồn nhân vật lực của cách mạng miền Nam Việt Nam.

2. Chiến dịch Linebacker II

Ngày 18-12-1972, thực hiện sách lược đề ra, Níchxon ra lệnh cho máy bay B.52 ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam, âm mưu hủy diệt nguồn nhân vật lực chi viện cho chiến trường miền Nam.

Sáng ngày 18-12-1972 (giờ Washington), tại Nhà Trắng, Rônan Díchlơ (Ronald Ziegler) - phát ngôn viên Nhà Trắng,

chính thức thông báo lệnh của Tổng thống Mỹ Níchxơn "tái oanh tạc các mục tiêu quân sự trên toàn lãnh thổ Bắc Việt và nhấn mạnh rằng hành động này sẽ được tiếp diễn cho tới khi đạt được một thỏa hiệp chấm dứt chiến cuộc Việt Nam"³⁵⁹. Mục đích của cuộc tấn công cũng được Díchlơ (Ziegler) nói rõ rằng: "Tổng thống Nixon sẽ cho tiến hành các biện pháp không và hải quân cần thiết để đối phó với sự tăng cường quân sự của đối phương và ngăn chặn những cuộc tấn công mới của CS tại Nam Việt Nam" và "Hoa Kỳ sẵn sàng tái tục các cuộc thương thuyết một cách nghiêm chỉnh và sẽ "hoạt động với cả miền Nam Việt Nam" để kết thúc chiến tranh"³⁶⁰.

Để thực hiện cuộc ném bom, Mỹ đã huy động³⁶¹:

Gần 50% số máy bay ném bom chiến lược B.52 của toàn bộ không lực nước Mỹ (197 trên tổng số 400 chiếc). Thực tế xuất kích 741 lần/chiếc

Gần 1/3 số máy bay chiến thuật của toàn lực lượng quân sự nước Mỹ (1.077 trên tổng số 3.041 chiếc). Thực tế xuất kích 3.920 lần/chiếc.

Một phần tư (1/4) số tàu sân bay (6 trên tổng số 24 chiếc), cùng nhiều tàu chỉ huy - dẫn đường, tàu khu trục, tàu tên lửa, tàu radar, tàu bảo vệ, tàu cấp cứu,...

Các Tập đoàn không quân số 7 và số 8 (Seventh air force và Eighth air force): trong đó có các liên đội không quân chiến lược B.52 (Strategic Wing) số 43 và 72 đóng tại căn cứ không quân Andécxen (Andersen) trên đảo Guam gồm 143

359, 360. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3125/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 19-12-1972.

361. Linebacker: Karl J. Eschmann. The Untold Story of the Air Raids Over North Vietnam.

chiếc B.52G, B.52D và liên đội không quân chiến lược số 307 gồm 54 máy bay B.52D đóng tại căn cứ Utopao (Thái Lan); 6 liên đội không quân chiến thuật (Tactical Fighter Wing) gồm 455 máy bay đóng căn cứ tại các căn cứ không quân Ubon, Côrát (Ubon, Korat) và Táclý (Takhli) trên đất Thái Lan, 2 liên đội 124 máy bay đóng tại miền Nam Việt Nam (Đà Nẵng).

Cuộc ném bom không chỉ gây công phần trong dư luận yêu chuộng hòa bình thế giới mà thực sự đã tạo ra "cuộc chiến mới" tại Hoa Kỳ kể từ sau sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968.

Ngày 19-12-1972, một ngày sau cuộc ném bom, quyết định của Tổng thống Níchxon đối mặt với sự chỉ trích nặng nề từ phía các nghị sĩ đối lập trong Quốc hội Hoa Kỳ. Thượng nghị sĩ Mắc Gavon (Mc. Govern) "*chỉ trích việc Hoa Kỳ tái oanh tạc Bắc Việt và tố cáo Tổng thống Nixon đã làm tan vỡ hy vọng dàn xếp hòa bình Việt Nam*"³⁶². Thượng nghị sĩ Xtuiốt Xaiminhton* (Stuart Symington) tuyên bố rằng: "*dân chúng Hoa Kỳ đang bị chính phủ Nixon hướng dẫn sai lạc về diễn tiến của cuộc hòa đàm*" và yêu cầu Cố vấn Kítxinhgiơ (Kissinger) ra điều trần trước Quốc hội để giải thích nguyên do của sự bế tắc hòa đàm³⁶³. Tại Thượng viện, quyết định của Tổng thống Níchxon cũng vấp phải sự tri chích mạnh mẽ của Thượng nghị sĩ Maico Menxphin (Mike Mansfield) - lãnh tụ khối đa số tại Thượng viện³⁶⁴.

362, 363, 364. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3136/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tình báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 20-12-1972.

* **Uylian Xtuiốt Xaiminhton (William Stuart Symington: 1901 -1988)** là một doanh nhân và nhà hoạt động chính trị Hoa Kỳ. Ông là người đầu tiên làm Bộ trưởng Không quân từ 1947 đến 1950 và là một Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ thuộc Đảng Dân chủ Hoa Kỳ đại diện tiểu bang Mítxuri từ 1953 đến 1976 (BT).

Trước sự công phẫn của dư luận, tất cả các thông tin về cuộc ném bom hủy diệt miền Bắc từ phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam bị “dấu nhem”. Không có bất cứ tài liệu quân sự, bản tin của Thông tấn xã chính quyền Sài Gòn hay bản tin đặc biệt của Sở Thông tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn ghi lại, hay đưa tin về sự kiện này. Ngay cả bản tổng hợp tin tức của Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo chính quyền Sài Gòn - cơ quan tổng hợp tin tức cho Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, cũng chỉ đưa ra những tin tức chung chung với việc trích dẫn lại thông tin của các cơ quan truyền thông Việt Nam dân chủ cộng hòa, hay các hãng thông tấn nước ngoài.

Như ngày 21-12-1972, Phủ Đặc ủy Trung ương Tỉnh báo chính quyền Sài Gòn tổng hợp tin tức về cuộc ném bom của Hoa Kỳ như sau:

“Ngày 20-12-1972, các khu vực ngoại thành Hà Nội và Hải Phòng tiếp tục bị phi cơ Hoa Kỳ oanh tạc mạnh. Đây là ngày thứ ba của đợt tái oanh tạc quy mô của phi cơ Hoa Kỳ trên toàn lãnh thổ miền Bắc kể từ ngày 18-12-1972. Theo Thông tấn xã Bắc Việt, đài phát thanh Hà Nội đã bị hư hại trong cuộc oanh tạc này. Trong khi đó, Thông tấn xã của Ba Lan cho biết một tàu hàng của nước này đã bị trúng đạn và nhiều thủy thủ thiệt mạng trong khi đang cập bến Hải Phòng. Về phía Hoa Kỳ, có 4 phi cơ (trong đó có 2 chiếc B.52) đã bị bắn hạ trong ngày này”³⁶⁵.

“Ngay sau khi phi cơ Hoa Kỳ tái oanh tạc trên toàn lãnh thổ miền Bắc ngày 19-12-1972, Bộ Ngoại giao Bắc Việt đã ra bản

365. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3147/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về bản Tổng hợp tin tức ngày 21-12-1972.

tuyên bố tố cáo rằng hành động này là “âm mưu kéo dài chiến tranh nhằm tạo điều kiện thương thuyết trên thế mạnh”. Cuối cùng, bản tuyên bố còn cho rằng Bắc Việt coi các hoạt động leo thang quân sự của Hoa Kỳ là hành động chiến tranh “cực kỳ nghiêm trọng”.

Chiều 19-12-1972, Vụ Thông tin Báo chí thuộc Bộ Ngoại giao Bắc Việt đã tổ chức một cuộc họp báo để tố cáo việc phi cơ Hoa Kỳ tăng cường các cuộc oanh tạc trên lãnh thổ Bắc Việt (từ đêm 18-12-1972). Tại cuộc họp báo Trần Việt Trung (Vụ phó Vụ Thông tin Báo chí) tuyên bố rằng các hành động kể trên của Hoa Kỳ chứng tỏ Hoa Kỳ vẫn theo đuổi “âm mưu” giành thắng lợi về quân sự và ép buộc Bắc Việt chấp nhận các điều kiện thương thuyết của Hoa Kỳ. Trong dịp này, Trần Việt Trung cũng trình diện trước báo chí một số phi công Hoa Kỳ bị bắt trong cuộc oanh tạc Bắc Việt ngày 19-12-1972”³⁶⁶.

Trong khi tại Hoa Kỳ, những ngày kế tiếp của cuộc ném bom, Tổng thống Níchxon tiếp tục đối diện với cuộc chiến ngày càng trở nên gay gắt trên chính trường Hoa Kỳ. Ngày 20-12-1972, các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Kennodi (Kennedy) và Măxki (Muskie) lên tiếng kêu gọi “Quốc hội Hoa Kỳ hãy dành lấy quyền lập pháp để kết thúc chiến tranh Việt Nam”³⁶⁷. Tiếp đó, ngày 22-12-1972, các thượng nghị sĩ đảng Dân chủ Alân

366. Tài liệu số 3136/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày 20-12-1972, phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 17533.

367. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3147/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 21-12-1972.

Cranxton* (Alan Cranston) và Kennodi (Kennedy) thông báo trước dư luận việc sẽ đệ trình Quốc hội Dự thảo Luật cắt bỏ chi phí chiến tranh tại Việt Nam của Chính phủ Hoa Kỳ³⁶⁸.

Cố gắng xoa dịu tình hình, liên tiếp trong hai ngày (ngày 22 và 23-12-1972), Phát ngôn viên Nhà Trắng Rônan Díchlo (Ronald Ziegler) lên tiếng xác định lập trường giải quyết cuộc chiến tranh bằng giải pháp thương lượng của Tổng thống Níchxon và cố cho thấy cuộc Hội đàm ở Pari vẫn đang được tiếp diễn. Ngày 22-12-1972, Rônan Díchlo (Ronald Ziegler) *“tái xác định rằng Hoa Kỳ vẫn mong muốn chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng đường lối thương thuyết và sẵn sàng đạt một giải pháp từng được thỏa thuận trước đây tại Ba Lê”*³⁶⁹. Ngày 23-12-1972, ông ta tiếp tục nhấn mạnh: *“Tổng thống Nixon nhất quyết chấm dứt chiến tranh Việt Nam và trong giai đoạn sắp tới, hòa bình sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào Bắc Việt... Nếu Hà Nội hành động thích đáng, chiến cuộc sẽ chấm dứt nhanh chóng”*³⁷⁰.

Nhưng tuyên bố của Rônan Díchlo (Ronald Ziegler) trở nên “lố bịch” với những diễn tiến trên bàn đàm phán tại Pari. Ngày 21-12-1972, theo lịch trình, phiên họp thứ 171 Hội nghị Paris về

* **Alan Cranxton (Alan MacGregor Cranston: 1914 - 2000)** là một nhà báo Mỹ và Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ thuộc Đảng Dân chủ đại diện tiểu bang Caliphóocnia từ 1969 đến 1993 (BT).

368, 370. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3170/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 23-12-1972.

369. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3153/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 22-12-1972.

Việt Nam - phiên họp đầu tiên sau quyết định ném bom của Níchxon, khai mạc. Mở đầu phiên họp, ông Nguyễn Minh Vỹ - Đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi mạnh mẽ lên án hành động của Hoa Kỳ và khẳng định quyết tâm chiến thắng của quân dân Việt Nam, tuyên bố ngưng phiên họp. Sau tuyên bố, hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam rời khỏi phòng họp mà không đợi hoàn tất lời dịch phát biểu sang Pháp văn. Hội nghị Pari về Việt Nam bị đình hoãn vô thời hạn.

Ngày 23-12-1972, Níchxon tiếp tục đón nhận tin xấu từ Pari. Tại phiên họp mật giữa các chuyên viên kỹ thuật của hai phái đoàn, đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi đưa kháng thư tố cáo các cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ ở miền Bắc Việt Nam, đã rời bỏ phòng họp trước khi phái đoàn Hoa Kỳ kịp trình bày quan điểm.

Thái độ kiên quyết không khoan nhượng về mặt ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như dập tắt những hy vọng cuối cùng công luận Mỹ về một giải pháp chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng thương lượng, khiến cuộc chiến ở trong lòng nước Mỹ càng thêm gay gắt.

Những ngày tiếp theo, tại Oasinhton, Níchxon liên tục đề nghị nối lại đàm phán, trong lúc không quân Mỹ tiếp tục “trải thảm” miền Bắc Việt Nam. Nhưng, Hà Nội vẫn im lặng, trả lời bằng con số máy bay B.52 bị hạ ngày càng nhiều.

Ngày 25-12-1972, tại Oasinhton, cuộc thăm dò lấy ý kiến của 73 thượng nghị sĩ về việc chiến dịch của Chính phủ Hoa Kỳ ném bom miền Bắc Việt Nam đã cho kết quả không mấy khả quan

đối với Tổng thống Níchxon. Theo kết quả được công bố, trong 73 thượng nghị sĩ Hoa Kỳ chỉ có 19 người tán thành cuộc ném bom, trong khi có tới 45 thượng nghị sĩ chống đối và 9 thượng nghị sĩ không đưa ra ý kiến. Kết quả cuộc thăm do cũng cho thấy khoảng 45 thượng nghị sĩ Hoa Kỳ ủng hộ việc đệ trình Quốc hội Hoa Kỳ dự luật nhằm chấm dứt chiến tranh Việt Nam³⁷¹.

Cùng ngày, các lãnh tụ tôn giáo ở Hoa Kỳ cũng vừa ký tên vào giặc thư tố cáo Tổng thống Níchxon trốn tránh việc ký kết thỏa hiệp hòa bình về Việt Nam bằng cách ra lệnh tái oanh tạc toàn diện miền Bắc Việt Nam³⁷².

Tiếp đó, ngày 26-12-1972, Viện "Lui Harít" (Louis Harris) công bố kết quả cuộc điều tra dư luận trong toàn nước Mỹ liên quan đến vấn đề Việt Nam. Theo đó, đa số dân chúng Hoa Kỳ ủng hộ những điều khoản chính yếu trong bản thỏa hiệp về Việt Nam được công bố tháng 10 năm 1972, với kết quả cụ thể như sau:

"Tỷ lệ 2/1 ủng hộ đề nghị ngưng bắn tại chỗ, trao đổi tù binh, triệt thoái binh sĩ Hoa Kỳ trong vòng 60 ngày. Đồng thời tán thành việc chấm dứt oanh tạc và phong tỏa các hải cảng Bắc Việt. Tổ chức một cuộc Tổng tuyển cử dưới sự giám sát quốc tế.

*50% phản đối sự tiếp tục hiện diện của quân Bắc Việt tại Nam Việt Nam. Nhưng tán thành để lực lượng Bắc Việt ở lại khu vực họ chiếm đóng cho đến khi có tuyển cử tại Nam Việt Nam"*³⁷³.

371, 372. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3175/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 24-12-1972.

373. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3184/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 26-12-1972.

Cùng ngày, Các Anbóc (Carl Albert) - Chủ tịch Hạ viện Hoa Kỳ tuyên bố: *"Quốc hội cần phải có một phúc trình đầy đủ về vấn đề tái oanh tạc quy mô Bắc Việt, trước khi quyết định thông qua việc kết thúc chiến tranh Việt Nam"* và yêu cầu Quốc hội Hoa Kỳ phải giải thích về lý do thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và về việc Tổng thống chính quyền Sài Gòn có ngăn trở thỏa hiệp hòa bình không³⁷⁴.

Ngày 29-12-1972, Thượng nghị sĩ Uyliam Phunborai (William Fulbright) - Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ, lên tiếng yêu cầu Cố vấn Kítxinhgiơ (Kissinger) và Ngoại trưởng Uyliam Rângiơ (William Rogers) ra điều trần về cuộc oanh tạc miền Bắc Việt Nam. Cùng thời điểm, hai Thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa, Clípphót Kâyđơ (Clifford Case) và Uyliam Sắcbi (William Saxbe) phát biểu trước dự luận, ngoài việc lên án cuộc ném bom miền Bắc Việt Nam, đã bày tỏ quan điểm mong muốn Quốc hội Hoa Kỳ (họp vào ngày 03-01-1973) sẽ cắt đứt các ngân khoản dành cho chiến tranh Việt Nam. Còn tại Hạ viện Hoa Kỳ, hai Hạ Nghị sĩ của đảng Dân chủ đã yêu cầu Đảng này tổ chức một cuộc vận động nhân dân Hoa Kỳ nhằm chống đối việc oanh tạc miền Bắc Việt Nam³⁷⁵.

7 giờ sáng, ngày 30-12-1972, sau 12 ngày đêm ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam đặc biệt là ở Hà Nội và các vùng phụ

374. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3202/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 28-12-1972.

375. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3230/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày Chủ nhật 30-12-1972.

cận, phải trả một cái giá quá đắt với 34 máy bay B.52 bị bắn hạ (riêng toàn vùng trời Hà Nội và lân cận 23 máy bay B.52 đã bị bắn hạ), đồng thời phải đương đầu với cuộc chiến gay gắt tại chính trường Hoa Kỳ, nhưng không đạt được kết quả như mong muốn, Tổng thống Níchxon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ bắc vĩ tuyến 20, để tiếp tục nối lại các cuộc đàm phán tại Pari.

Cũng như đối với quyết định tương tự của người tiền nhiệm (Tổng thống Giônxon) cuối năm 1968, quyết định ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam của Tổng thống Níchxon vào cuối năm 1972 là quyết định duy nhất của ông ta liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam giành được sự đồng tình của đông đảo dư luận ở Hoa Kỳ và trên thế giới. Nhất là Chính phủ Thụy Điển - nơi từng lên án "cuộc ném bom là một tội ác chống lại loài người trên quy mô đạo đức", đã nhiệt liệt hoan nghênh quyết định của Tổng thống Níchxon³⁷⁶. Ngay các nước phương Tây vốn ủng hộ chính sách của Hoa Kỳ cũng tỏ ra hoan nghênh quyết định của Tổng thống Níchxon. Ngày 30-12-1972, tại Luân Đôn, Thủ tướng Anh Étúôt Hiedơ (Edward Heath) đã lên tiếng hoan nghênh quyết định của Hoa Kỳ, đồng thời kêu gọi tất cả mọi người phải cầu nguyện cho cuộc hội đàm thành công. Tại Pari, Ngoại trưởng Pháp Môrit Suman (Maurice Schumann) tuyên bố "*lại có hi vọng và cho rằng nỗ lực của Pháp không phải là vô ích*"³⁷⁷.

376, 377. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phong Phủ Thủ tướng VNCH (1954-1975), hồ sơ 17533: Tài liệu số 3234/PTUTB/R/M của Phủ Đặc ủy trung ương Tỉnh báo về Bản Tổng hợp tin tức ngày chủ nhật 31-12-1972.

Ngày 02-01-1973, tiến trình đàm phán về Việt Nam được nối lại bằng phiên họp bí mật mang tính kỹ thuật giữa Đại sứ Hoa Kỳ Xulivan (W. Sullivan) và đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ông Nguyễn Cơ Thạch. Ngày 04-01-1973, phiên họp thứ 172 Hội nghị Pari về Việt Nam được khai mạc trở lại tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Đại lộ Colebo (Kleber), Pari. Nhưng vẫn ở trong tình trạng bế tắc. Phái đoàn Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn vẫn ngoan cố với lập trường, phủ nhận vị thế của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; đòi duy trì chế độ Thiệu,....

Ngày 07-01-1973, Cố vấn Lê Đức Thọ đến Pari chuẩn bị cho cuộc gặp riêng với Kítxinhgiơ. Tại đây ông Lê Đức Thọ đã mạnh mẽ lên án Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam, làm cản trở mật đàm bằng các yêu sách đòi thay đổi căn bản nội dung bản Dự thảo Hiệp định. Đồng thời cũng hé lộ rằng cuộc đàm phán sẽ nhanh chóng mang lại kết quả. Trong khi, tại Oasinhton, Tổng thống Níchxon nhiều lần triệu tập Tiến sĩ Kítxinhgiơ để ra chỉ thị cho cuộc mật đàm. Khi đến Pari, Kítxinhgiơ tuyên bố: *“sẽ cố gắng hết sức để mật đàm tiến triển và đem lại kết quả”*³⁷⁸.

Ngày 08-01-1973, cuộc mật đàm thứ 23 giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra và kéo dài đến ngày 14-01-1973. Gần cuối mật đàm, hai phái đoàn cùng chụp ảnh lưu niệm và các sự kiện ngoại giao quốc tế trong thời gian cuộc đàm phán diễn ra cũng cho thấy tiến trình đàm phán hòa bình

378. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1230: Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn VNCH ngày 09-01-1973, phiên họp thứ 172.

về Việt Nam đã đi đến kết quả. Ngày 09-01-1973, Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kurt Waldheim, tuyên bố trong một cuộc họp báo: *"Liên hiệp quốc đã được mời tham dự một cuộc hội nghị về Việt Nam có thể diễn ra trong tương lai và lúc đó Liên hiệp quốc sẽ dự liệu đóng góp vào việc tái thiết Đông Dương"*³⁷⁹. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Lêônít Brejnev (Leonide Brejnev) tuyên bố *"vấn đề Việt Nam dần dần đi đến chỗ kết liễu"*³⁸⁰. Còn theo tin AFP từ Óttaoa (Ottawa) cho biết, Bộ Ngoại giao Canada đang nghiên cứu một hình thức mới của Ủy hội Quốc tế Đình chiến tại Việt Nam. Đặc biệt, ngày 15-01-1973, tại Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu gửi Công điện (hỏa tốc) số 001-TT/CĐ tới các Tư lệnh các quân đoàn, quân khu quân đội Sài Gòn ra chỉ thị yêu cầu phải có biện pháp đối phó với tình hình khi Hiệp định được ký kết³⁸¹. Với diễn tiến mau lẹ của phiên mật đàm, các phiên họp tiếp theo của Hội nghị Pari về Việt Nam chỉ còn mang tính hình thức. Ngày 11-01-1973, tham gia đàm phán tại phiên họp thứ 173 chỉ bao gồm bốn phó trưởng đoàn đại diện cho các bên. Nội dung cuộc họp cũng không có gì thay đổi so với phiên họp trước.

Ngày 15-01-1973, bắt đầu cuộc mật đàm kỹ thuật kéo dài một tuần giữa đại diện Hoa Kỳ Xulivan (Sullivan) với đại diện

379, 380. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1230: Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn VNCH ngày 09-01-1973, phiên họp thứ 172.

381. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1230: Công điện (hỏa tốc) 001-TT/CĐ ngày 15-01-1973 của Nguyễn Văn Thiệu.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ông Nguyễn Cơ Thạch, để hoàn thiện cho bản Dự thảo Hiệp định. Trong khi đó, Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy cùng họp với Phó trưởng đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi thông báo về tiến trình ký kết Hiệp định.

Ở Oasinhton, ngày 16-01-1973, Tổng thống Níchxon ra lệnh ngừng oanh tạc toàn bộ miền Bắc Việt Nam. Trong khi, Kítxinhgio gặp Ngoại trưởng Hoa Kỳ Râugio, chuẩn bị cho việc ký kết. Còn Đại tướng Hâygo được cử đi Đông Nam Á để trao đổi với chính quyền Sài Gòn và các chính quyền thân Hoa Kỳ tại khu vực này, thông báo sự tiến triển của tiến trình đàm phán. Tại Đông Nam Á, sau khi gặp Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 16-01-1973, Tướng Hâygo đã gặp lần lượt Lon Non - Thủ tướng chính quyền tay sai Hoa Kỳ ở Campuchia; Phuma (Phouma) - Thủ tướng chính quyền tay sai Hoa Kỳ ở Lào, Tổng thống Pắc Chung Hy của Đại Hàn và Thủ tướng Kíticachon (Kittikachorn) của Thái Lan.

Trong không khí “nhộn nhịp” đó, ngày 18-01-1973, phiên họp thứ 174 - phiên họp cuối cùng của Hội nghị Pari về Việt Nam, được khai mạc với sự tham dự của các phó trưởng đoàn. Phiên họp đã diễn ra với lời lẽ hòa dịu và các bên cùng thống nhất đi đến ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Đến đây, Hội nghị Pari về Việt Nam, sau gần 5 năm hội họp đã kết thúc với kết quả các bên thống nhất đi đến ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 20-01-1973, Nguyễn Văn Thiệu cử Vĩnh Lộc - trung tướng quân đội chính quyền Sài Gòn, cầm đầu phái đoàn quân

sự Sài Gòn đi Pari. Ngày 21-01-1973, Trần Văn Lắm - Bộ trưởng Ngoại giao Chính quyền Sài Gòn "hấp tấp" bay tới Pari³⁸², chuẩn bị ký kết Hiệp định. Ngày 23-01-1973, tại cuộc mật đàm thứ 24 - cuộc mật đàm cuối cùng của tiến trình đàm phán về Việt Nam giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Tiến sĩ Henri Kítxinhgiơ (Henry Kissinger), kéo dài gần 3 năm từ tháng 2-1970, hai bên đã hoàn thành và cùng ký tắt vào bản văn Hiệp định.

11 giờ (giờ Pari), ngày 27-01-1973, tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Đại lộ Còlêbơ (Kleber), Pari, đại diện bốn bên, gồm: Bộ trưởng Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ông Nguyễn Duy Trinh; Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam bà Nguyễn Thị Bình; Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Uyliam Râugiơ (William P. Rogers) và Trần Văn Lắm - Tổng trưởng Ngoại giao chính quyền Sài Gòn, cùng ký kết vào Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Như vậy, hành động ném bom tàn bạo miền Bắc Việt Nam những ngày cuối năm 1972 là kế hoạch đã được định sẵn trong sách lược của Hoa Kỳ trước khi ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam.

Thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" buộc Hoa Kỳ phải chấp nhận rút ra khỏi chiến tranh Việt Nam với các điều kiện do cách mạng đặt ra. Nhưng chưa từ bỏ chính sách thực dân mới, Hoa Kỳ tiếp tục tạo những cơ sở cho sự tồn

382. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phòng Phủ Tổng thống đệ nhị cộng hòa (1967-1975), hồ sơ 1230: Tài liệu của VNCH về Hội đàm Ba Lê.

tại vị thế của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam thông qua việc bảo đảm sự tồn tại của chế độ Nguyễn Văn Thiệu.

Do đó, trong những ngày cuối năm 1972, lấy cớ Nguyễn Văn Thiệu không chấp nhận dự thảo Hiệp định, Hoa Kỳ đơn phương phá bỏ cam kết với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm có đủ thời gian để thực hiện các biện pháp bảo đảm cho sự tồn tại của chế độ Thiệu sau khi Hiệp định được ký kết. Sự bảo đảm đó được thực hiện bằng các biện pháp: viện trợ ồ ạt, cũng như chuyển giao phương tiện chiến tranh ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ cho chính quyền Sài Gòn; thực hiện việc cô lập, cắt đứt nguồn chi viện, nguồn lực của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Mà hành động ném bom miền Bắc Việt Nam những ngày cuối năm 1972 với mục tiêu hủy diệt hậu phương lớn của chiến trường miền Nam, là hành động nằm trong sách lược đó của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau 12 ngày đêm “hủy diệt” miền Bắc Việt Nam, phải trả một cái giá quá đắt, nhưng không đạt được kết quả đề ra, Níchxon buộc phải chấm dứt cuộc ném bom - như chính nguyên tắc căn bản của học thuyết Níchxon là Hoa Kỳ chỉ cam kết với cái giá có thể chấp nhận được.

L U U T R U V N

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

PHẠM VIỆT

Biên tập nội dung: TRẦN QUỐC THẮNG
NGUYỄN TÙNG LÂM

Sửa bản thảo: ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH
ThS. PHẠM THỊ ĐẤT
ThS. NGUYỄN ANH THƯ

Trình bày bìa: THÚY LIỄU

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: PHƯƠNG ANH - THU THỦY

Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

L U U T R U V N

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Công ty TNHH một thành viên
in Báo Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 61-2013/CXB/132-30/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 2631-QĐ/NXBCTQG, ngày 23-01-2013.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2013.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, FAX: 080.49222, E-mail: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước
Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ - Hà Kim Phương
LỊCH SỬ PHÚ QUỐC QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ (Sách tham khảo)

Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ - Nguyễn Thị Thiêm
SƯU TẬP SỐ BỘ HÁN NÔM NAM BỘ (1819 - 1918)
TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II (Sách tham khảo)

Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ - Bùi Thượng Hải
Cù Thị Dung - Hà Kim Phương - Nguyễn Thị Việt
CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG
MIỀN NAM VIỆT NAM NĂM 1968 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ
CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ - Hà Kim Phương
Phạm Ngọc Hưng - Bùi Thượng Hải - Nguyễn Thị Việt - Trần Thị Vui
VỀ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 QUA TÀI LIỆU
CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN (Sách tham khảo)

Nguyễn Xuân Hoài - Phạm Thị Huệ - Hà Kim Phương
Trần Thị Vui - Lê Vị
HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM NĂM 1973 QUA TÀI LIỆU
CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN. 2 TẬP



8935211123304